



LƯU VĂN LỢI - NGUYỄN ANH VŨ (Đồng chủ biên)

TIẾP XÚC BÍ MẬT  
**VIỆT NAM-  
HÒA KỲ**  
TRƯỚC HỘI NGHỊ PARI



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

Chịu trách nhiệm xuất bản:  
**Q. GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP**  
**PHẠM CHÍ THÀNH**

Chịu trách nhiệm nội dung:  
**PHÓ GIÁM ĐỐC - PHÓ TỔNG BIÊN TẬP**  
**TS. ĐỖ QUANG DŨNG**

Biên tập nội dung:                      ThS. CÙ THỊ THÚY LAN  
    ThS. NGUYỄN THỊ HẢI BÌNH  
    ThS. NGUYỄN KIỀU LOAN  
    NGUYỄN THU HƯỜNG  
    BÙI BỘI THU

Trình bày bìa:                              LÊ HÀ LAN  
Chế bản vi tính:                           BÙI THỊ TÁM  
Đọc sách mẫu:                            KIỀU LOAN  
    VIỆT HÀ

---

Số đăng ký kế hoạch xuất bản: 1360-2020/CXBIPH/13-301/CTQG.

Số quyết định xuất bản: 5007-QĐ/NXBCTQG, ngày 09/06/2020.

Nộp lưu chiểu: tháng 6 năm 2020.

Mã số ISBN: 978-604-57-5666-9.

TIẾP XÚC BÍ MẬT

# VIỆT NAM - HÒA KỲ

TRƯỚC HỘI NGHỊ PARI

**Biên mục trên xuất bản phẩm  
của Thư viện Quốc gia Việt Nam**

Lưu Văn Lợi, Nguyễn Anh Vũ

Tiếp xúc bí mật Việt Nam - Hoa Kỳ trước Hội nghị  
Pari/Lưu Văn Lợi, Nguyễn Anh Vũ. - H.: Chính trị Quốc gia,  
2018. - 412tr. ; 24cm

1. Lịch sử 2. Kháng chiến chống Mỹ 3. Quan hệ  
ngoại giao 4. Việt Nam 5. Mỹ

959.7043 - dc23

CTF0319p-CIP

**LƯU VĂN LỢI - NGUYỄN ANH VŨ (Đồng chủ biên)**

# **TIẾP XÚC BÍ MẬT VIỆT NAM - HÒA KỲ**

## **TRƯỚC HỘI NGHỊ PARI**

*(Sách tham khảo)*

**NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT  
Hà Nội - 2018**



## LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Ngày 27-01-1973 tại Pari, “Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam”, gọi tắt là Hiệp định Pari về Việt Nam, đã được ký kết. Hiệp định đã buộc Hoa Kỳ phải thừa nhận độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, rút hết quân đội Hoa Kỳ và quân chư hầu ra khỏi miền Nam Việt Nam.

Văn kiện pháp lý quốc tế này là kết quả của cuộc đấu tranh ngoại giao cam go nhất, lâu dài nhất trong lịch sử của nền ngoại giao cách mạng Việt Nam. Việc Hoa Kỳ phải ký Hiệp định Pari là một thắng lợi cực kỳ to lớn, tạo ra cục diện có lợi cho cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước của nhân dân Việt Nam.

Nhân dịp kỷ niệm 45 năm ngày Hiệp định Pari được ký kết, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật xuất bản cuốn sách ***Tiếp xúc bí mật Việt Nam - Hoa Kỳ trước Hội nghị Pari*** do các tác giả Lưu Văn Lợi (Nguyên trợ lý Bộ trưởng Bộ Ngoại giao) và Nguyễn Anh Vũ (Nguyên Đại sứ nước ta tại Italia) biên soạn. Tác phẩm giới thiệu những cuộc vận động ngoại giao của Tổng thống Hoa Kỳ L.B. Giônxon, nêu lên những sự kiện chính liên quan tới những cái được gọi là “sáng kiến hòa bình” của Giônxon trong

những năm 1964-1967, trước Hội nghị Pari. Cả hai tác giả đều là những cán bộ ngoại giao lâu năm, đã từng tham gia theo dõi, nghiên cứu các chủ trương và hoạt động đối ngoại của Hoa Kỳ đối với Việt Nam trong thời gian nhân dân ta tiến hành cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ, cứu nước. Đồng chí Lưu Văn Lợi còn là một chuyên viên trong đoàn đàm phán của các đồng chí Lê Đức Thọ và Xuân Thủy với đoàn của Hoa Kỳ do Henri Kítxinhgiơ dẫn đầu tại Pari.

Bạn đọc sẽ tìm thấy trong cuốn sách nhiều tư liệu phong phú và quý giá, lần đầu tiên được công bố về các cuộc tiếp xúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Thủ tướng Phạm Văn Đồng cùng nhiều cán bộ ngoại giao nước ta với các chính khách và nhà ngoại giao nhiều nước khác nhau. Với cách hành văn giản dị mà sinh động, lời cuốn, các tác giả đã dựng lại lịch sử một cách trung thực về một giai đoạn có tính chất bước ngoặt trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ, cứu nước trên mặt trận ngoại giao.

Các sự kiện được nêu lên trong cuốn sách có thể giúp người đọc nhìn lại một cách bao quát các hoạt động ngoại giao của Nhà Trắng trong kế hoạch chiến tranh của Giôn-xơn, từ đó càng hiểu hơn lập trường của Việt Nam là trước sau như một, nhất quán và ngời sáng.

Cuốn sách sẽ là nguồn tư liệu tham khảo có giá trị đối với những ai quan tâm đến lịch sử đấu tranh ngoại giao của dân tộc, đối với những nhà nghiên cứu lịch sử chiến tranh, và đặc biệt bổ ích cho các cán bộ hoạt động đối ngoại.

Xin giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

*Tháng 01 năm 2018*

**NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT**



## LỜI NÓI ĐẦU

Cuộc chiến tranh mà Mỹ tiến hành ở Việt Nam tiếp theo cuộc chiến tranh chống nổi dậy đã thất bại được gọi là chiến tranh hạn chế. Về phạm vi chiến trường, nó là hạn chế thật. Nhưng về quy mô, nó không thể là hạn chế được. Nó là một cuộc chiến tranh tổng lực dù vũ khí nguyên tử không được dùng đến.

2.700.000 người Mỹ đã phục vụ ở Việt Nam. 300 tỷ USD chi phí trực tiếp cho chiến tranh. Các viện khoa học kỹ thuật của Hoa Kỳ đã được huy động nghiên cứu những vũ khí mới cho chiến trường Việt Nam và Lào, từ bom bi, “cây nhiệt đới” cho đến hệ thống điện tử, chiến tranh sinh thái. Các nhà khoa học xã hội đề cập các vấn đề như sự tác động của các yếu tố chiến lược, chiến thuật trong các cuộc hành quân chống nổi dậy, vấn đề làm biến dạng một xã hội, việc tìm kiếm hòa bình, cách kết thúc chiến tranh. Người ta cho rằng chuyến đi Hà Nội của ông Ôbrác và Máccôvích năm 1967 là sự thử nghiệm học thuyết về khoa học các cuộc xung đột của Giáo sư Sêlinh trong quá trình thương lượng với Việt Nam.

Ngay trước khi quyết định lao vào chiến tranh ở Việt Nam, Tổng thống L.B. Giônxon đã ý thức được rằng, song song với cuộc chiến tranh thuần túy quân sự cần phải có cuộc chiến tranh về ngoại giao và mỗi bước leo thang chiến tranh phải đi cùng với những hoạt động ngoại giao thích hợp theo một kế hoạch nhịp nhàng. Đây là một mảng rất quan trọng trong lịch sử chiến tranh Việt Nam, nhưng rất tiếc là cho đến nay vẫn chưa được đề cập nhiều. Người ta mới chỉ biết tới một số hồi ký của một vài nhân vật Mỹ, về Hội nghị Pari, về các cuộc vận động hòa bình của Giônxon, về cuộc gặp của một số người với Chủ tịch Hồ Chí Minh, Thủ tướng Phạm Văn Đồng.

Với cuốn sách này, chúng tôi không có ý định viết lịch sử ngoại giao của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam và Hoa Kỳ trong cuộc chiến tranh Việt Nam, cũng không có tham vọng viết toàn bộ quá trình thương lượng giữa Hà Nội và Oasinhtơn. Chúng tôi chỉ nêu lên những sự kiện chính liên quan tới những cái được gọi là “sáng kiến hòa bình” của Giônxon trong thời gian 1964-1967, trước Hội nghị Pari, và nêu dưới dạng kể chuyện. Khi kể lại những sự kiện đó, chúng tôi cố gắng tìm những nguồn chính thức và chắc chắn. Dù không đầy đủ, các sự kiện được nêu lên trong sách có thể giúp người đọc nhìn lại một cách bao quát các hoạt động ngoại giao

của Nhà Trắng trong kế hoạch chiến tranh của Giôn-xơn, từ đó càng hiểu hơn lập trường của Việt Nam là trước sau như một, nhất quán và ngời sáng. Xoay quanh các vấn đề của một giải pháp về Việt Nam (lập trường của mỗi bên, điều kiện để đi tới nói chuyện, việc rút quân Mỹ, việc thống nhất nước Việt Nam, ...), các câu chuyện có thể khiến người đọc cảm thấy lặp đi lặp lại nhưng đây là sự thật, là lập trường của mỗi bên, do những con người khác nhau trình bày cho những người đối thoại khác nhau, trong những thời điểm khác nhau. Mỗi cuộc nói chuyện của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Thủ tướng Phạm Văn Đồng, của các đồng chí khác với nhà ngoại giao, nhà báo của Mỹ và các nước khác, với các nhân sĩ quốc tế, với những người trung gian hay người có thiện chí hòa bình, đặt trong bối cảnh cụ thể, đều có sức hấp dẫn riêng qua sự phân tích sáng suốt, lý lẽ đanh thép nhưng có tình có lý. Đối với mỗi người chúng ta, đó không phải chỉ là niềm tự hào về đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước Việt Nam mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xây dựng và phát triển, đó còn là sự kế tục truyền thống ngoại giao vẻ vang của tổ tiên ta.

Cuốn sách này ra đời là do nhận được những lời khuyến khích của đồng chí Cố vấn Phạm Văn Đồng - một nhà ngoại giao lỗi lạc của nước ta, sự giúp đỡ tận tình của lãnh đạo và chuyên viên Bộ Ngoại giao cả về nội dung và tư liệu, các công trình nghiên cứu về

chiến tranh Việt Nam trong nước và ngoài nước, sự cố vũ của các bạn bè, sự nhiệt tình của Viện Quan hệ Quốc tế\*. Chúng tôi xin bày tỏ ở đây lòng biết ơn sâu sắc và lời cảm ơn chân thành.

Xuân Canh Ngọ năm 1990  
Các tác giả

---

\* Nay là Học viện Ngoại giao - *BT*.

## DI SẢN CỦA BỐN ĐỜI TỔNG THỐNG

---

Tổng thống L.B. Giônxon đã quyết định tiến hành cuộc chiến tranh hạn chế ở miền Nam Việt Nam và cuộc chiến tranh bằng không quân ở miền Bắc Việt Nam. Đương nhiên ông phải chịu trách nhiệm về quyết định đó. Nhưng chịu trách nhiệm đưa Hoa Kỳ vào cuộc chiến tranh Việt Nam đâu phải chỉ có riêng ông; mà còn phải kể các vị tiền nhiệm của ông, những người từng bước đã tăng cường sự dính líu của Hoa Kỳ ở Việt Nam.

Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, dù đã có mặt ở Philíppin từ năm 1898, Hoa Kỳ nói chung vẫn chấp nhận sự thống trị của Pháp ở Đông Dương. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, chủ nghĩa quân phiệt Nhật sụp đổ, chủ nghĩa thực dân Pháp thất bại, phong trào giải phóng dân tộc ở Đông Dương giành được những thắng lợi đầu tiên và cơ bản. Hoa Kỳ, kẻ chiến thắng chủ yếu trong cuộc chiến tranh Thái Bình Dương, ngày càng chú ý đến tình hình Đông Dương. Với chủ trương “ngăn chặn chủ nghĩa cộng sản”, bao vây Liên Xô và nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, sự chú ý đó ngày càng

tăng, đã đưa Hoa Kỳ đến cuộc chiến tranh Triều Tiên kéo dài ba năm và sau đó dính líu ngày càng sâu vào Lào và Việt Nam.

Tổng thống Hoa Kỳ Phrăngclin Rudoven đã nhiều lần phê phán Pháp thực hiện một chính sách thực dân làm cho cuộc sống của nhân dân các nước Đông Dương ngày càng tồi tệ hơn trước khi Pháp đến.

Trước triển vọng chiến thắng ba nước “Trục”, tại Hội nghị Ianta tháng 02-1945, Rudoven đưa ra đề nghị thiết lập sự ủy trị ở Đông Dương dưới hình thức một hội đồng quản trị gồm đại biểu Pháp, đại biểu người Đông Dương, đại biểu Philíppin, đại biểu Trung Quốc, đại biểu Liên Xô. Nhưng đề nghị đó bị Anh phản đối, và sau Hội nghị Ianta gần hai tháng, Rudoven chết.

Lên thay Rudoven trong bối cảnh phong trào cách mạng sôi sục của những năm 1944-1945 ở Đông Á, Truman chủ yếu lo giúp đỡ chế độ Tưởng Giới Thạch, chống lại những thắng lợi trong cuộc đấu tranh của nhân dân Trung Quốc do Đảng Cộng sản Trung Quốc lãnh đạo. Ông ta đã đồng ý để quân Tưởng Giới Thạch giải pháp quân Nhật ở Bắc Đông Dương từ vĩ tuyến 16 trở lên (quân Anh làm nhiệm vụ đó từ vĩ tuyến 16 trở xuống) với ý đồ giúp họ lật đổ chính quyền nhân dân do Việt Minh dựng lên để đưa những phần tử thân Tưởng vào làm “những con ngựa thành Tơroa”. Nhưng do cuộc chiến tranh ở Trung Quốc ngày càng phát triển và sự kiểm soát của Việt Minh lan ra toàn Việt Nam, chính quyền Truman phải lùi một bước, chịu để thực dân Pháp trở lại Đông Dương. Giữa năm 1950, phái đoàn

cố vấn viện trợ quân sự Hoa Kỳ (MAAG) được đưa sang Việt Nam. Trong tài khóa năm 1954, viện trợ của Hoa Kỳ cho các cố gắng chiến tranh của Pháp ở Đông Dương tăng lên 1 tỷ USD. Phái đoàn MAAG đã có 342 sĩ quan và binh lính Mỹ.

Sau khi Hiệp định đình chiến ở Triều Tiên được ký ngày 26-7-1953, Tổng thống Aixenhao lần đầu tiên chính thức trình bày thuyết dominô, dự đoán Miến Điện (Mianma), Ấn Độ, Indônêxia sẽ bị uy hiếp nếu cộng sản thắng ở Đông Dương. Cuộc chiến tranh Triều Tiên đã cho biết thế nào là một cuộc chiến tranh trên lục địa châu Á đối với Hoa Kỳ, dù Hoa Kỳ là một cường quốc hàng đầu, chính quyền Aixenhao sợ một cuộc chiến tranh thứ hai với Trung Quốc, nhưng vẫn chủ trương răn đe và ngăn chặn Trung Quốc ở phía Đông Nam Á.

Chính sách của Oasinhton là đe dọa Trung Quốc, động viên và tìm cách giúp đỡ Pháp tiếp tục chiến tranh. Ngày 12-01-1954, J.F. Đalét tuyên bố học thuyết “trả đũa ồ ạt”, hàm ý răn đe Trung Quốc. Tướng Pôn Êly, Tổng Tham mưu trưởng quân đội Pháp, được phái đi nắm tình hình Điện Biên Phủ sau khi Quân đội nhân dân Việt Nam đã đánh chiếm hai cứ điểm kiên cố ở ngoại vi phía bắc của khu trung tâm Điện Biên Phủ ngày 13 và 14-3-1954. Sau đó, P. Êly sang Oasinhton yêu cầu Hoa Kỳ viện trợ bổ sung để tăng cường lực lượng không quân Pháp. Tổng thống Aixenhao phê chuẩn kế hoạch của đô đốc Rátpho, Chủ tịch Tham mưu trưởng liên quân Hoa Kỳ, đề nghị Hoa Kỳ can thiệp vào cuộc chiến tranh Đông Dương, giúp Pháp cứu vãn tập đoàn cứ điểm

Điện Biên Phủ. Theo kế hoạch của Rátpho, 200 máy bay của không quân Hoa Kỳ sẽ cất cánh từ các hàng không mẫu hạm đậu dọc bờ biển Việt Nam để tấn công các căn cứ của Quân đội nhân dân Việt Nam, nhằm ngăn chặn việc bao vây Điện Biên Phủ. Các máy bay hạng nặng đóng trên đất Philíppin sẽ phối hợp. Tán thành chủ trương không để Đông Dương rơi vào tay cộng sản, Tổng thống Aixenhao quyết định nếu không có cách nào khác để ngăn chặn điều đó, Hoa Kỳ sẽ can thiệp vào cuộc chiến tranh Đông Dương, nhưng chỉ can thiệp nếu có được hai điều kiện sau đây:

1. Được sự ủng hộ của các nước đồng minh, trước hết là nước Anh.

2. Pháp phải trao hoàn toàn độc lập cho các nước Đông Dương.

Aixenhao còn tuyên bố nếu Quốc hội không tuyên chiến thì sẽ không can thiệp.

Đầu tháng 4-1954, khi tướng Nava báo cáo Điện Biên Phủ có thể mất nếu không có cuộc oanh tạc của không quân Hoa Kỳ, Chính phủ Pháp chính thức yêu cầu Hoa Kỳ hành động, nhưng Oasinhton đã quyết định không hành động. Đalét muốn thuyết phục Pháp tiếp tục chiến đấu với một liên minh chống Cộng do Hoa Kỳ cầm đầu, nghĩa là ông ta muốn quốc tế hóa cuộc chiến tranh Đông Dương. Ý ông ta là lôi kéo Anh, Pháp, Ôxtrâylia, Niu Dilân, Thái Lan, Philíppin, Campuchia, Lào phối hợp với Hoa Kỳ và Chính phủ Bảo Đại trong một hành động thống nhất để giữ Đông Dương không rơi vào tay cộng sản. Anh sợ rằng một hành động như vậy sẽ



làm hỏng thời cơ đem lại hòa bình ở Hội nghị Giơnevơ (từ tháng 02-1954, bốn nước lớn - Hoa Kỳ, Anh, Pháp và Liên Xô - họp tại Béclin đã thỏa thuận sẽ có một hội nghị quốc tế về Đông Dương). Mặc dù Anh kiên quyết phản đối, nhưng một số quan chức Hoa Kỳ vẫn muốn can thiệp bằng không quân và hải quân Hoa Kỳ vào chiến tranh Đông Dương với điều kiện mới là các cố vấn Hoa Kỳ ở Việt Nam phải được giữ trách nhiệm to lớn trong việc huấn luyện các lực lượng của chính phủ thân Pháp và được “chia sẻ trách nhiệm trong việc vạch kế hoạch quân sự với người Pháp”. Tuy không muốn kéo dài chiến tranh, nhưng Pháp cũng không muốn chia sẻ trách nhiệm với Hoa Kỳ.

Chiều ngày 07-5-1954, Pháp đại bại ở Điện Biên Phủ.

Ngày 08 tháng 5, Hội nghị Giơnevơ về Đông Dương khai mạc.

Từ ngày 24 tháng 5 đến 29 tháng 6, Aixenhao và Đalét đã có cuộc họp quan trọng với Sôcsin và Iđơn tại Oasinhton. Họ đã thỏa thuận về một kế hoạch giải quyết chiến tranh Đông Dương: ngừng bắn ở Đông Dương, lực lượng Việt Nam rút khỏi Lào và Campuchia; ít nhất phải giữ nửa Nam nước Việt Nam, không loại trừ khả năng thống nhất Việt Nam bằng biện pháp hòa bình; có một Ủy ban quốc tế để giám sát việc thi hành hiệp nghị. Pháp được thông báo về kết quả đó và cũng đồng ý. Về kế hoạch sau khi hiệp nghị được ký kết, Hoa Kỳ tạo áp lực để Chính phủ Bảo Đại chấp nhận Ngô Đình Diệm làm thủ tướng (cũng trong tháng 6 này), mà Ngô Đình Diệm thì ai cũng rõ là con bài mà Hoa Kỳ đã dự trữ từ lâu.

Mặt khác, từ tháng 7, Đalét tích cực vận động thành lập khối liên minh phòng thủ Đông Nam Á.

Vào những giờ đầu của ngày 21 tháng 7, các hiệp nghị đình chỉ chiến sự riêng về mỗi nước Việt Nam, Lào, Campuchia được ký kết. Về Việt Nam, hiệp nghị quy định nước Việt Nam tạm thời chia làm hai miền lấy vĩ tuyến 17 làm giới tuyến quân sự tạm thời, giữa hai miền có một khu phi quân sự ở hai bên vĩ tuyến 17. Miền Bắc Việt Nam do Việt Nam Dân chủ Cộng hòa quản lý, miền Nam Việt Nam do Quốc gia Việt Nam quản lý. Trong vòng 300 ngày, các lực lượng kháng chiến sẽ rút về miền Bắc Việt Nam, các lực lượng đặt dưới sự chỉ huy của Pháp sẽ rời Bắc Việt Nam để vào miền Nam. Dân thường được phép đi lại giữa hai miền Việt Nam trong 300 ngày đầu của hiệp nghị đình chỉ chiến sự. Không bên nào được phép tăng cường lực lượng quân sự trong khu vực mình quản lý hoặc cho phép nước ngoài thiết lập căn cứ quân sự trên lãnh thổ mình. Một Ủy ban quốc tế gồm đại diện của Ấn Độ, Ba Lan, Canada (do Ấn Độ làm chủ tịch) sẽ giám sát và kiểm soát việc thực hiện hiệp nghị đình chiến. Ở Campuchia không có chia cắt, lực lượng kháng chiến Khmer không có khu vực riêng. Ở Lào, lực lượng kháng chiến rút về hai tỉnh Phôngxalỳ và Sầm Nưa trong khi chờ đợi tổ chức tổng tuyển cử trong phạm vi cả nước. Quân tình nguyện Việt Nam rút khỏi Campuchia và Lào. Ở mỗi nước đó cũng có một Ủy ban quốc tế giám sát và kiểm soát riêng với thành phần như ở Việt Nam.

Cùng ngày 21, Hội nghị Giơnevơ thông qua bản Tuyên bố cuối cùng công nhận các quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam, Lào và Campuchia: độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ. Về Việt Nam, bản tuyên bố khẳng định việc chia cắt chỉ là tạm thời và hai miền Bắc, Nam sẽ được thống nhất sau khi có một chính phủ được bầu ra bằng tổng tuyển cử tự do tổ chức dưới sự giám sát của Ủy ban quốc tế. Việc chuẩn bị tổng tuyển cử sẽ do nhà đương cục có thẩm quyền của hai miền tiến hành một năm sau hiệp nghị đình chỉ chiến sự. Cuộc bầu cử chính thức sẽ được tổ chức vào tháng 7-1956.

Hoa Kỳ ra một tuyên bố riêng, chấp nhận 12 trong số 13 điều tuyên bố cuối cùng, tức là cũng chấp nhận các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam, nhân dân Lào và nhân dân Campuchia, chấp nhận nước Việt Nam sẽ được thống nhất bằng tổng tuyển cử tự do năm 1956. Điều cuối cùng của tuyên bố mà Hoa Kỳ có ý kiến khác là cách xử lý khi có vi phạm Hiệp định ngừng bắn.

Chính trong lúc đại diện Hoa Kỳ tuyên bố tại Hội nghị Giơnevơ rằng Hoa Kỳ sẽ không xâm phạm đến việc thi hành Hiệp định Giơnevơ vừa được ký kết, bằng vũ lực hay đe dọa dùng vũ lực, Tổng thống Aixenhao đã trắng trợn tuyên bố ra rằng: “Bản thân Hoa Kỳ đã không phải là một bên đương sự trong các quyết định tại hội nghị và không bị các quyết định đó ràng buộc”<sup>1</sup>.

---

1. Thượng nghị sĩ M. Gơravơ: *Tài liệu Lầu Năm góc*, Nxb. Bicon, Bóttxơn, 1971, t.1, tr. 605.

Mặt khác, ngày 08-9-1954, chưa đầy hai tháng sau khi các Hiệp định Giơnevơ được ký kết, Hoa Kỳ đã cùng Anh, Pháp, Ôxtrâylia, Niu Dilân, Philipppin, Thái Lan, Pakixtan ký Hiệp ước Manila về việc thành lập khối SEATO. Trong đó các nước ký kết cam kết “hành động để đối phó với nguy cơ chung, phù hợp với các tiến trình hợp hiến” trong trường hợp một trong số các nước này bị xâm lược vũ trang. Hiệp ước quy định một khu vực bảo hộ của nó, bao gồm toàn bộ lãnh thổ của các nước châu Á tham gia Hiệp ước và khu vực chung thuộc tây nam Thái Bình Dương. Nghị định thư của Hiệp ước mở rộng sự bảo hộ tới Campuchia, Lào và miền Nam Việt Nam. Sau này Vương quốc Campuchia và Vương quốc Lào đều bác bỏ sự bảo hộ đó.

Ngày 01-10-1954, Tổng thống Aixenhao gửi cho Ngô Đình Diệm một công hàm (được công bố ngày 23-10-1954) cam kết sự ủng hộ hoàn toàn và sự viện trợ của Hoa Kỳ đối với miền Nam Việt Nam.

Đây là cơ sở pháp lý và chính trị minh chứng cho sự dính líu của Hoa Kỳ đối với miền Nam Việt Nam. Ý nghĩa cơ bản không che giấu của nó là Hoa Kỳ ủng hộ hoàn toàn một chính phủ chống Cộng ở miền Nam Việt Nam. Tác dụng trước mắt của nó là cảnh cáo các lực lượng thân Pháp, các giáo phái rằng Ngô Đình Diệm đã được Oasinhton chọn làm công cụ trong chính sách của Hoa Kỳ.

Về phía mình, Ngô Đình Diệm đã công khai đáp lại cam kết của Hoa Kỳ bằng lời tuyên bố nổi tiếng: “Biên giới của Hoa Kỳ kéo dài đến vĩ tuyến 17”.

Tướng Loton Côlin được Aixenhao cử làm đại sứ đặc biệt với những quyền hạn rất rộng để phối hợp các hoạt động của các tổ chức Hoa Kỳ ở miền Nam (phái đoàn viện trợ quân sự MAAG, phái đoàn viện trợ kinh tế USOM, phái đoàn hành chính Misigân), thực hiện kế hoạch loại trừ ảnh hưởng của Pháp, kể cả hoàng đế Bảo Đại, giành lấy trách nhiệm về mặt quân sự ở miền Nam Việt Nam. Trong khuôn khổ nhiệm vụ đó, ngày 13-12-1954, Côlin đã ký với tướng Pôn Êly, cao ủy Pháp ở miền Nam Việt Nam, một hiệp ước quy định Mỹ thay thế Pháp về mặt quân sự ở miền Nam Việt Nam. Quân đội Sài Gòn được giảm từ 270.000 người xuống 90.000 người (để giảm những lực lượng thân Pháp) trước khi xây dựng những đơn vị mới mà Hoa Kỳ kiểm soát được. Pháp phải giảm đội quân viễn chinh của họ ở miền Nam từ 150.000 người xuống 30.000 người. Tháng 4-1956, Pháp tuyên bố rút khỏi Đông Dương, mặc dù về pháp lý họ vẫn còn trách nhiệm đối với Hiệp nghị Giơnevơ.

Ngô Đình Diệm không chịu đáp ứng các đề nghị của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa về việc tổ chức cuộc tổng tuyển cử theo quy định của Hiệp nghị Giơnevơ năm 1954 để thống nhất nước Việt Nam, thậm chí khước từ cả việc lập lại quan hệ bình thường giữa hai miền về kinh tế, văn hóa. Diệm tổ chức tuyển cử riêng rẽ, dựng lên ở miền Nam Việt Nam một quốc gia riêng biệt gọi là Việt Nam Cộng hòa.

Với chính sách từ bỏ Đông Dương của Pháp và sự thất bại của các lực lượng thân Pháp ở miền Nam

Việt Nam, Tổng thống Aixenhao có nhiều lý do để tuyên bố trong cuộc vận động bầu cử năm 1956 rằng: “thế giới tự do đã có “một chỗ đứng vững chắc” ở Đông Dương và các nước không cộng sản tại đây đang được đặt dưới sự lãnh đạo mạnh mẽ hơn”<sup>1</sup>.

Sự thật là, với sự ủng hộ mạnh mẽ dành cho Ngô Đình Diệm, Aixenhao đang đưa miền Nam Việt Nam vào cuộc khủng hoảng ngày càng trầm trọng.

Ngay sau khi Hiệp nghị Giơnevơ có hiệu lực và mặc dù chưa kiểm soát được hoàn toàn miền Nam Việt Nam, chính quyền Ngô Đình Diệm đã thẳng tay đàn áp các cuộc biểu tình hoan nghênh đình chiến và thống nhất đất nước, bắt bớ và giam cầm những người yêu nước, yêu hòa bình. Sau khi đã củng cố chính quyền, nhất là sau khi khước từ tổng tuyển cử tự do trong phạm vi cả nước và biến miền Nam thành một quốc gia riêng biệt, chống Cộng, thì họ ráo riết thi hành chính sách trả thù những người kháng chiến cũ - một chính sách được nâng lên thành quốc sách.

Chính sách tàn bạo đó làm dấy lên phong trào đấu tranh ngày càng mạnh của đồng bào miền Nam. Ngày 20-12-1960, những người yêu nước ở miền Nam thuộc nhiều xu hướng chính trị, tôn giáo khác nhau đã thành lập Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam với cương lĩnh hòa bình, độc lập, dân chủ, trung lập. Nhiều vùng nông thôn rộng lớn được giải phóng. Các tầng lớp

---

1. Pitơ A. Pulơ: *Nước Mỹ và Đông Dương từ Rudoven đến Níchxơn*, Nxb. Thông tin lý luận, Hà Nội, 1986, tr. 71.

nhân dân ở thành thị ngày càng bất bình. Thế của chính quyền Ngô Đình Diệm ngày càng lung lay.

Khi Aixenhao rời Nhà Trắng năm 1960, ông đã để lại cho Tổng thống Kennơđi một gánh nặng, một bài toán nan giải ở miền Nam Việt Nam. Nói đúng ra, Aixenhao đã để lại hai gánh nặng: vấn đề miền Nam Việt Nam và vấn đề Lào.

Đối với Kennơđi cũng như đối với người tiền nhiệm của ông, vấn đề Lào là vấn đề an ninh của Thái Lan theo thuyết dominô. Từ khi lực lượng cánh hữu làm đảo chính lật đổ thủ tướng trung lập Xuvana Phuma, tình hình Vương quốc Lào càng chia rẽ. Quân trung lập của tướng Koong Le phối hợp với quân Pathét Lào đánh bại quân của tướng Phumi Nôxavăn, uy hiếp Luông Phabăng, Viêng Chăn. Lầu Năm góc muốn Hoa Kỳ can thiệp mạnh hơn nữa vào Lào, nhưng Tổng thống Kennơđi tán thành tham dự một hội nghị quốc tế nhằm bảo đảm nền trung lập của Lào. Hội nghị Giơnevơ về Lào khai mạc ngày 16-5-1961 phải kéo dài vì ba hoàng thân Lào không thỏa thuận được với nhau về việc thành lập Chính phủ liên hiệp ba phái. Việc quân Pathét Lào đánh chiếm Nậm Thà được coi như một Điện Biên Phủ của nước Lào, buộc Hoa Kỳ phải gây sức ép với phái hữu để giải quyết cho xong việc thành lập Chính phủ liên hiệp, mặc dù Hoa Kỳ đưa 5.000 quân chiến đấu vào Thái Lan và đưa hạm đội 7 vào vịnh Thái Lan. Cuộc khủng hoảng ở Lào chỉ là giải quyết tạm thời vì sau khi ngoại trưởng trung lập Kinim Phôn-xê-na bị lực lượng thân Hoa Kỳ ám sát, nước Lào lại rơi vào một cuộc xung đột mới.

Trong khi đó, Kennơđi đứng trước một miền Nam Việt Nam đang rung chuyển cả về quân sự và chính trị. Ông đề ra chủ trương đưa một lực lượng đặc biệt “chống nổi dậy” và 100 cố vấn quân sự sang miền Nam Việt Nam để ngăn chặn cộng sản thống trị miền Nam Việt Nam. Mặc dù được CIA báo cáo rằng từ 80 đến 90% số Việt Cộng ở miền Nam được tuyển chọn ở địa phương và hầu hết vũ khí của họ là do họ tự kiếm lấy, Kennơđi cuối cùng vẫn lựa chọn kiểu “chiến tranh đặc biệt” với công thức: vũ khí và chỉ huy Hoa Kỳ cộng với quân đội Sài Gòn. Kế hoạch Xtalây Taylo mà ông phê chuẩn bao gồm ba giai đoạn:

1. Bình định miền Nam Việt Nam trong 18 tháng, xây dựng các cơ sở ở miền Bắc Việt Nam.

2. Tăng cường quân sự, khôi phục kinh tế ở miền Nam Việt Nam và tăng cường các hành động phá hoại ở miền Bắc Việt Nam.

3. Phát triển kinh tế miền Nam Việt Nam và tấn công miền Bắc Việt Nam.

Về quân sự, Oasinhton lập một bộ chỉ huy tác chiến ở Sài Gòn, giao cho tướng Pôn D. Hakin phụ trách. Từ quân số 948 người tháng 11-1961, số cố vấn quân sự tăng lên 2.600 người vào tháng 01-1962 và 11.300 người vào tháng 12-1962. Trong năm tài chính bắt đầu từ tháng 7-1961, viện trợ tăng lên 287 triệu USD so với 209 triệu USD năm trước. Năm 1963 viện trợ là 376 triệu USD. Về chính trị, các cố vấn Mỹ giúp Ngô Đình Diệm xây dựng hệ thống áp chiến lược mà mục đích quân sự là cắt nguồn tiếp tế và nguồn tuyển quân của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam



Việt Nam, và mục đích chính trị là kiểm soát chặt chẽ người dân. Chính quyền Ngô Đình Diệm dự định đưa 2/3 số dân nông thôn vào ấp chiến lược và thực tế đã đưa được 33% số đó vào tháng 10-1962. Mỗi “ấp chiến lược” thật ra là một trại tập trung với hệ thống đồn bốt và lớp lớp dây thép gai xung quanh. Chính sách “ấp chiến lược” đã gieo rắc căm giận vào lòng những người dân chỉ mong muốn làm ăn yên ổn và càng thúc đẩy họ nghe theo tiếng gọi của Mặt trận Dân tộc giải phóng. Đến năm 1963, “chiến tranh đặc biệt” thất bại. Chính quyền Sài Gòn vẫn không kiểm soát được nông thôn miền Nam.

Trong khi đó, ở Sài Gòn và các đô thị lớn khác, nhiều nhóm chính trị đấu tranh đòi dân chủ, hòa bình và trung lập. Những phát súng mà quân đội Diệm nổ vào các Phật tử không vũ trang biểu tình hòa bình ở Huế ngày 08-5-1963 đã làm cho sự chống đối của cộng đồng Phật tử ở miền Nam bùng nổ với sức mạnh không gì ngăn cản nổi. Yêu sách của họ không có gì quá đáng, vì nếu những người Thiên chúa giáo được trưng cờ tôn giáo trong buổi lễ của họ thì những Phật tử cũng được phép trưng cờ Phật giáo như thế. Phong trào phản đối Diệm - Nhu phân biệt tôn giáo, giết hại Phật tử bùng phát như một vết thuốc súng từ Huế đến Sài Gòn và các tỉnh khác, nhanh chóng được các tầng lớp nhân dân rộng rãi ủng hộ, trước hết là sinh viên. Thượng tọa Thích Quảng Đức tự thiêu ngày 10-6-1963. Ông đã châm lửa không phải chỉ vào thể xác mình mà vào cả một thùng thuốc súng, làm rung chuyển xã hội miền Nam Việt Nam và kích động phong trào phản chiến ở ngay tại Hoa Kỳ.

Nói cho đúng, Kennơđi không tán thành việc đàn áp Phật tử của Ngô Đình Diệm, nhất là vào tháng 8, khi các đơn vị quân sự của Diệm đã tấn công vào các chùa lớn ở miền Nam và bắt giam hàng trăm nhà sư, kể cả những người lãnh đạo phong trào phản đối. Ở nhiều nơi, Phật tử đã cầm súng chống lại quân đội. Ngô Đình Diệm không chịu hòa giải với Phật tử. Đại sứ Cabot Lott, một nhà ngoại giao sành sỏi, đã từng là ứng cử viên phó tổng thống của Đảng Cộng hòa năm 1960, được cử sang thay đại sứ Nautinh với những quyền hạn rộng rãi để đối phó với cuộc khủng hoảng. Ông ta cũng không thuyết phục được Diệm thay đổi chính sách và cuối cùng đã ủng hộ cuộc đảo chính của Dương Văn Minh, đưa đến cái chết của anh em Diệm - Nhu ngày 02-11-1963.

Ngay từ ngày 12-12-1961, Tổng thống Kennơđi đã tuyên bố với các nhà báo rằng: “Chúng ta không thấy đoạn cuối của đường hầm nhưng tôi phải nói rằng tôi không nghĩ là nó đen tối hơn so với năm trước, mà có phần sáng sủa hơn”<sup>1</sup>.

Nhưng việc ủng hộ nhóm đảo chính Dương Văn Minh và việc lật đổ tập đoàn Diệm - Nhu (mà lúc đầu Kennơđi đã hết sức giúp đỡ) đã không mang lại sự thay đổi nào trong tình hình miền Nam Việt Nam như ông mong muốn. Ngược lại, nó chỉ làm cho tình hình trở nên trầm trọng, bế tắc hơn. Chưa tìm được giải pháp cho cuộc khủng

---

1. Pitơ A. Pulơ: *Nước Mỹ và Đông Dương từ Rudoven đến Níchxon*, Sđd, tr. 116.

hoảng toàn diện ở miền Nam Việt Nam sau cái chết của Diệm - Nhu, Kennơđi chỉ biết tiếp tục các cố gắng quân sự cho đến khi hai mươi ngày sau cái chết đó, ông bị ám sát tại Đalat.

Thất bại trong chính sách ủng hộ Ngô Đình Diệm và “chiến tranh đặc biệt”, Kennơđi đã để lại cho Phó Tổng thống L.B. Giônxon (người thay thế ông nắm quyền tối cao của Hoa Kỳ) một miền Nam Việt Nam đen tối hơn cuối năm 1961, với những thất bại mới trên chiến trường, những rắc rối mới trong tình hình chính trị ở Sài Gòn. Nhà Trắng, Bộ Ngoại giao, Lầu Năm góc tranh cãi ráo riết về một sự lựa chọn, về kế hoạch sắp tới ở miền Nam Việt Nam, hoặc đúng hơn là ở Việt Nam và Lào. Nhưng tất cả đều bối rối, dù họ là “diều hâu” hay “bồ câu”.

Nhận xét tình hình đó, hãng UPI ngày 07-3-1964 viết: “Vấn đề không còn phải là xem xét có phải là ta đang thua cuộc chiến tranh hay không, mà là xem xét Hoa Kỳ và Nam Việt Nam đang thua cuộc chiến tranh với tốc độ nào và liệu còn có một hy vọng mỏng manh nào để cứu vãn tình huống không”<sup>1</sup>.

Dương nhiên, tổng thống mới của Hoa Kỳ, với những trách nhiệm cao cả của mình, không thể dễ dàng đồng tình ngay với nhận xét đó. Ông còn phải đánh giá lại

---

1. Vụ Thông tin báo chí, Bộ Ngoại giao nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa: *Hai mươi năm can thiệp và xâm lược của Mỹ ở Việt Nam* (tiếng Pháp), Hà Nội, 1965, tr. 23.

tình hình miền Nam Việt Nam và tình hình Đông Dương nói chung, xét duyệt tất cả phương án của các cố vấn quân sự và dân sự, cân nhắc tác động đối nội và đối ngoại của mỗi sự lựa chọn có thể có, thăm dò Quốc hội và tranh thủ sự đồng tình của Quốc hội, thăm dò đồng minh, Trung Quốc và cả đối thủ trực tiếp của mình là Bắc Việt Nam.

## **HAI CHUYẾN CÔNG CÁN CỦA ĐẠI SỨ J.B. XIBONƠ TẠI HÀ NỘI**

**N**gày 18-6-1964, Đại sứ J.B. Xibonơ đã tới Hà Nội sau biết bao nôn nóng và sau chặng đường chân ngắn tại Phnôm Pênh và Viêng Chăn.

Chiếc ô tô màu trắng của Ủy ban quốc tế giám sát và kiểm soát việc thi hành Hiệp nghị Giơnevơ về Việt Nam đưa ông rời sân bay Gia Lâm. Phong cảnh ở đây khác với phong cảnh Canada, thậm chí khác cả với phong cảnh Sài Gòn mà ông cũng mới biết lần đầu trong đời. Tuy mới đến Hà Nội lần đầu tiên nhưng ông không để ý lắm đến phong cảnh vì đang nghĩ đến nhiệm vụ phải hoàn thành.

Cũng cần nhắc lại rằng, sau nhiều giờ thảo luận sôi nổi, thậm chí cả những cuộc thảo luận hàn lâm về hai từ “giám sát” và “kiểm soát”, các thành viên của Hội nghị Giơnevơ về Đông Dương đã thỏa thuận thành lập một Ủy ban quốc tế có nhiệm vụ giám sát và kiểm soát việc thi hành Hiệp nghị Giơnevơ tại mỗi nước Đông Dương. Theo sự dàn xếp được nhất trí chấp nhận, Ủy ban gồm một đại diện cho các nước xã hội chủ nghĩa - Ba Lan,

quốc gia đại diện cho các nước phương Tây - Canada, và một chủ tịch là Ấn Độ - một nước lớn đi theo con đường hòa bình, trung lập, đại diện cho các nước đang phát triển.

Ông Xibonơ đến Việt Nam lần này với tư cách đại diện cho Canada trong Ủy ban quốc tế về Việt Nam. Từ khi Hiệp nghị Giơnevơ về Việt Nam có hiệu lực và từ tháng 8-1954, Ủy ban quốc tế bắt đầu công việc của mình, Canada xứng đáng là đại diện cho phương Tây. Đại diện của họ ủng hộ lập trường của chính quyền Ngô Đình Diệm. Ở miền Nam Việt Nam, họ làm ngơ trước việc nhà cầm quyền vi phạm các quyền tự do dân chủ, đàn áp những người trước đây đã tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp và trước việc đưa trái phép vào miền Nam Việt Nam những cố vấn quân sự và vũ khí, vật tư chiến tranh của Hoa Kỳ. Ở miền Bắc Việt Nam, họ ủng hộ việc cưỡng bức những người công giáo di cư vào miền Nam, cố lòng sự xem có vũ khí, đạn dược của các nước xã hội chủ nghĩa được đưa trái phép vào hay không. Trong các cuộc họp của Ủy ban quốc tế, họ đóng vai “người biện hộ cho Sa Tăng” luôn luôn chống lại mọi quan điểm và lý lẽ của đồng sự Ba Lan, do đó gây nhiều khó khăn cho Chủ tịch Ấn Độ.

Vốn là một tham tán của sứ quán Canada tại Mátxcova, lần này Xibonơ được giao trọng trách là trưởng đoàn đại biểu Canada trong Ủy ban quốc tế. Ông có thể hài lòng với sự bổ nhiệm đó ở một địa bàn chiến lược nhằm ngăn chặn nguy cơ cộng sản từ vĩ tuyến 17. Nhưng suốt từ khi rời Sài Gòn cho đến lúc này, khi

chân đã đặt trên mảnh đất Hà Nội, thủ đô nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa mà ông chỉ mới biết tên sau Điện Biên Phủ, ông bận tâm đến một nhiệm vụ khác mà ông có những lý lẽ riêng và chung để cho là quan trọng hơn nhiều so với nhiệm vụ đại sứ trong Ủy ban quốc tế.

Khi ông mới được chọn vào cương vị này, ngày 01-5-1964 tại Óttaoa, Ngoại trưởng Mỹ D. Raxơ và W. Xulivan\* đã cùng Thủ tướng L. Piaxơn và Ngoại trưởng P. Martin của Canada bàn về nhiệm vụ đặc biệt của ông. Người ta yêu cầu ông “lưu lại Hà Nội nhiều thời gian hơn các tiền nhiệm của ông. Ông cần tìm cách gặp được Cụ Hồ và đồng nghiệp của Cụ để báo cho họ biết một cách đầy đủ quyết tâm của Hoa Kỳ đi đến cùng trong vấn đề này”. Ông biết rõ Hoa Kỳ “chắc chắn sẽ chọn con đường mở rộng các hoạt động quân sự”. “Trừ phi Hà Nội chấm dứt chiến tranh nếu không Hoa Kỳ sẽ dùng không quân và hải quân đánh miền Bắc Việt Nam cho đến khi Hà Nội chấm dứt chiến tranh<sup>1</sup>.”

Ngày 28-5-1964, tại Niu Oóc, Tổng thống Hoa Kỳ L.B. Giônxon đã gặp Thủ tướng Canada Piaxơn. Nội dung cuộc trao đổi, báo chí khi đó không nói đến, nhưng chính

---

\* W. Xulivan lúc đó là Chủ tịch Liên ban công tác về Việt Nam thuộc Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ - sau này là đại sứ Hoa Kỳ ở Lào và phụ tá của Kítxinhgiơ.

1. Xem *Ngoại giao bí mật trong chiến tranh Việt Nam*, Tập văn kiện về thương lượng của Tài liệu Lầu Năm góc do G.C. Hiarinh xuất bản, Phòng báo chí trường Đại học Téchđát, Ôxtin, 1983, tr. 16, 23 (sau đây gọi tắt là *Ngoại giao bí mật trong chiến tranh Việt Nam*).

Tổng thống Giônxon sau này đã nhắc lại trong cuốn hồi ký *Cuộc đời Tổng thống của tôi*. Trong điện văn số 2133 gửi ngay sau đó cho Đại sứ Hoa Kỳ ở Sài Gòn, Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ đã viết rõ ràng: “Tổng thống đã nói với ông Piaxon rằng, ông muốn Hà Nội biết rằng tổng thống, trong khi là người của hòa bình, không có ý định cho phép người Bắc Việt Nam tiếp quản Đông Nam Á. Tổng thống cần một người đối thoại tin cậy và có trách nhiệm để chuyển cho Hà Nội một thông điệp về thái độ của Hoa Kỳ. Trong khi vạch ra những nét đại cương về lập trường của Hoa Kỳ, đã có thảo luận về “củ cà rốt và cây gậy”... Sau khi biểu thị thiện chí mong muốn đóng góp vào cố gắng đó, ông Piaxon đã bày tỏ nỗi lo ngại về tính chất của “cây gậy”... Ông nói rằng, ông hết sức dè dặt về việc sử dụng vũ khí nguyên tử, nhưng cho rằng việc tiến công trừng phạt bằng bom vào các mục tiêu có phân loại một cách rõ ràng sẽ là một việc khác... Ông nói rằng, cá nhân ông muốn biết về phương sách của chúng ta để đi tới các biện pháp đó nếu thông điệp chuyển qua đường Canada thất bại, không làm giảm sự xâm lược của Bắc Việt Nam, và Canada muốn chuyển thông điệp trong bối cảnh đó”<sup>1</sup>.

Cũng trong thời gian diễn ra cuộc họp cấp cao Hoa Kỳ - Canada, tại Ottawoa, W. Xulivan và Bộ trưởng Ngoại giao Pôn Martin làm việc với ông Xibonơ. Ông được trao cho một đề cương những điều cần nói với

---

1. M. Máclia: *Cuộc chiến tranh 10.000 ngày*, Nxb. Thém Metuen, Luân Đôn, 1982, tr. 131.



Thủ tướng Việt Nam Dân chủ Cộng hòa Phạm Văn Đồng và được biết thêm rằng “người Mỹ không chỉ muốn Canada chuyển một thông điệp mà còn muốn có một sự đánh giá về mặt tình báo khả năng chiến tranh của Bắc Việt Nam”<sup>1</sup>.

Ông Xibonơ vui lòng nhận các điều kiện làm việc và khẩn trương thu xếp công việc để tới Việt Nam. Ông càng nhận thức rõ sứ mệnh của mình khi chính Tổng thống Giônxon đã nói chuyện với ông trước khi ông lên đường để tỏ lòng tin cậy và nhấn mạnh hai nhiệm vụ, đó là chuyển thông điệp và nắm tình hình miền Bắc Việt Nam.

Đến Sài Gòn, ông nắm thêm tình hình qua tiếp xúc với các đồng sự Ấn Độ, Ba Lan, với Đại sứ Hoa Kỳ và ông phấn khởi khi được Hà Nội trả lời là Thủ tướng Phạm Văn Đồng đồng ý tiếp ông. Ông đã được hai ngoại trưởng Đin Raxơ và Matin dặn dò. Ông lại được Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ trang bị cho một bản 13 điều chi tiết hóa các nhiệm vụ mà ông được giao, trong đó đặc biệt có Điều 4:

“Ông Xibonơ thông qua các lý lẽ, cách biện luận và quan sát thái độ của người Bắc Việt Nam để hình thành một sự đánh giá về trạng thái tinh thần của Bắc Việt. Ông cần rất nhạy bén về:

- a) Sự khác biệt liên quan đến sự chia rẽ về chiến tranh.
- b) Thất vọng hoặc mối mệt mỏi về chiến tranh.

---

1. M. Máclia: *Cuộc chiến tranh 10.000 ngày*, Sđd, tr. 132.

c) Dấu hiệu về việc Bắc Việt Nam muốn nói chuyện với phương Tây.

d) Dấu hiệu về phe phái trong đảng và Chính phủ.

e) Dấu hiệu về mâu thuẫn giữa phái quân sự và phái chính trị”.

Người ta còn yêu cầu ông khai thác bản chất và ưu thế ảnh hưởng của Trung Quốc ở miền Bắc Việt Nam, đánh giá thực chất và ảnh hưởng của người Xôviết. Điều 12 còn nói: Ông có thể xem lại mối tương quan về sức mạnh quân sự của Hoa Kỳ, Bắc Việt Nam và tài nguyên mà Trung Cộng có thể sử dụng ở Đông Nam Á<sup>1</sup>.

Xibonơ cần vạch rõ qua kiểm tra xem có phải Cụ Hồ Chí Minh tự đánh giá mình quá cao mà lao vào cuộc chiến, hay Cụ cảm thấy rằng đồng minh Trung Quốc sẽ ủng hộ mình đến cùng. Chúng ta cần biết có phải quyết tâm hăng say hiện nay của Cụ là do áp lực của những phần tử thân Trung Quốc trong hàng ngũ Việt Nam hay do chính những tham vọng của Cụ thúc ép. Nhà báo Máclia gọi nhiệm vụ của ông Xibonơ là một nhiệm vụ chủ yếu mang tính chất gián điệp<sup>2</sup>.

Ngoài “cây gậy”, Oasinhton còn trao cho ông một “củ cà rốt”:

b) Nếu Hà Nội chấm dứt chiến tranh, Hoa Kỳ sẽ:

---

1. Xem G.C. Hiarinh: *Ngoại giao bí mật trong chiến tranh Việt Nam*, *Sđd*, tr. 22.

2. M. Máclia: *Cuộc chiến tranh 10.000 ngày*, *Sđd*, tr. 137-138.

1. Hành động để nối lại buôn bán giữa Bắc và Nam Việt Nam “trợ giúp cho việc thiếu lương thực của Bắc Việt Nam hiện nay”.

2. Viện trợ thực phẩm cho Bắc Việt Nam hoặc bán cho Bắc Việt Nam để lấy tiền.

3. Bỏ sự kiểm soát của Hoa Kỳ đối với tích sản của Bắc Việt Nam và giảm kiểm soát của Hoa Kỳ trong buôn bán Hoa Kỳ - Bắc Việt Nam.

4. Thừa nhận Bắc Việt Nam về ngoại giao và trao đổi đại diện ngoại giao.

5. Rút quân đội Hoa Kỳ xuống còn 350 cố vấn - số lượng khi ký Hiệp nghị Giơnevơ và được hiệp nghị này cho phép.

6. Sẽ cho phép Hà Nội rút bất kỳ nhân viên Việt Cộng nào muốn rời khỏi Nam Việt Nam... Chính phủ Nam Việt Nam sẽ ân xá cho các phiến quân dừng lại quyền lực của Chính phủ<sup>1</sup>.

Ông vững lòng lên đường ra Hà Nội và khi đang cất bước trên những bậc thềm đá cao của Phủ Chủ tịch, ông càng vững lòng, tuy không khỏi phân vân đôi chút về kết quả chuyến công cán.

Thượng tá Mai Lâm, Phó trưởng phái đoàn liên lạc Bộ Tổng tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam bên cạnh Ủy ban quốc tế, đón ông ở bậc cuối cùng với nụ cười hữu nghị. Hai người rẽ sang bên phải, tới phòng khách phía Tây, nơi Thủ tướng thường tiếp các đại sứ.

---

1. Xem G.C. Hiarinh: *Ngoại giao bí mật trong chiến tranh Việt Nam*, Sdd, tr. 23.

Ông Xibonơ hơi bối rối trước sự giản dị của phòng khách và nhất là trước sự khiêm tốn, niềm nở của một nhà chính trị lớn, một nhà ngoại giao có tiếng luôn luôn biểu lộ một sắc thái phương Đông.

Sau những lời chúc mừng và thăm hỏi xã giao, ông Xibonơ bày tỏ niềm vui mừng được đại diện Canada làm việc trong Ủy ban quốc tế vì hòa bình ở Đông Dương và khu vực. Ông nói về những đóng góp của Canada trong Ủy ban quốc tế và nêu những điều ông mới được biết về những khó khăn mà Ủy ban quốc tế nói chung, đoàn Canada nói riêng, đang gặp phải trong lúc này và nói tiếp:

“Canada luôn luôn quan tâm theo dõi sự phát triển ở vùng này và thấy rằng tình hình ngày càng nghiêm trọng. Canada quan tâm đến hòa bình và mong muốn đóng góp cố gắng của mình theo hướng đó.

Thưa Ngài Thủ tướng, Ngài biết quan hệ giữa Canada và Hoa Kỳ là hữu nghị và rất chặt chẽ. Chúng tôi nghĩ rằng chúng tôi hiểu một cách sâu sắc những suy nghĩ của Hoa Kỳ, rằng Tổng thống Giôn-xơn là con người của hòa bình. Ông ta muốn tránh một sự đụng độ giữa các cường quốc lớn, nhưng cũng quyết tâm không để Đông Nam Á rơi vào sự kiểm soát của cộng sản thông qua các hoạt động lật đổ và chiến tranh du kích”.

Nói đến đây, ông dừng lại - sự dừng lại đầy kịch tính, và xin phép chuyển thông điệp của Chính phủ Hoa Kỳ cho Chính phủ Việt Nam. Ông lại dừng lại nhìn Thủ tướng - cái nhìn của người làm tình báo để dò xét.

Thủ tướng không bày tỏ một dấu hiệu phản đối hay khước từ nào. Ông Xibonơ đọc một bản đánh máy:

“1. Hoa Kỳ biết rõ là Hà Nội nắm quyền kiểm soát đối với Việt Cộng ở miền Nam Việt Nam và đó là nguyên nhân gây ra tình hình nguy hiểm hiện nay trong khu vực này;

2. Hoa Kỳ có lợi ích phải chống lại một thắng lợi của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ở miền Nam Việt Nam;

3. Hoa Kỳ quyết tâm kiềm chế Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trong phạm vi lãnh thổ do Hiệp nghị Giơnevơ quy định;

4. Hoa Kỳ bảo đảm với Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là Hoa Kỳ không tìm cách lật đổ chế độ cộng sản ở Việt Nam Dân chủ Cộng hòa hoặc đặt căn cứ quân sự ở miền Nam Việt Nam;

5. Tham vọng của Hoa Kỳ là có giới hạn nhưng sự kiên nhẫn của Hoa Kỳ đã trở nên hết sức mỏng manh;

6. Nhiều nước cộng sản đã được lợi về mặt kinh tế do có quan hệ chung sống hòa bình với Hoa Kỳ như Nam Tư...”.

Ông Xibonơ nhấn mạnh rằng ông lo sợ một sự leo thang chiến tranh và nghĩ rằng điều đó chẳng có lợi cho ai “nếu miền Bắc Việt Nam bị tàn phá nặng nề”.

Cuối cùng, ông hỏi Hà Nội có thông điệp gì muốn chuyển cho Tổng thống Giônxon.

Từ đầu, Thủ tướng Phạm Văn Đồng chăm chú nghe ông Xibonơ trình bày, không một lần ngắt lời ông, cũng không lúc nào tỏ ra đồng tình hay chấp nhận những lời ông nói.

Khi nghe đại sứ hỏi có thông điệp gì chuyển cho Tổng thống Hoa Kỳ không, thủ tướng liền trả lời:

“Không! Không! Lúc này không!”.

Và nói tiếp:

- Chúng tôi vui mừng được thấy sự có mặt của Canada trong Ủy ban quốc tế. Chính phủ chúng tôi và bản thân tôi có quan hệ và hợp tác với Ủy ban quốc tế cũng như với Canada trong 10 năm qua vì chúng tôi thi hành Hiệp nghị Gionevơ - một hiệp nghị đã công nhận các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam. Nhưng người Mỹ đã can thiệp vào Việt Nam, cản trở sự thống nhất của nước Việt Nam. Họ đã thất bại trong chính sách phiêu lưu của họ, nhưng hiện nay họ đang đẩy mạnh sự can thiệp đầy tội ác, vô cùng nguy hiểm lên một bước mới, gây nên tình hình rất nghiêm trọng ở Đông Nam Á.

Chúng ta phải học tập để cùng tồn tại trong hòa bình, tìm ra một giải pháp cho vấn đề đã làm tổn hại chúng ta, nhưng đó phải là một giải pháp đúng đắn! Phải thi hành nghiêm chỉnh Hiệp nghị Gionevơ! Người Mỹ phải rút đi! Phải để công việc của miền Nam Việt Nam cho người miền Nam Việt Nam giải quyết! Việc này cần có sự tham gia của Mặt trận Dân tộc giải phóng, không có nhóm nào đại diện cho quyền lợi của quần đại quần chúng miền Nam Việt Nam như Mặt trận Dân tộc giải phóng!.

Cần có một giải pháp đúng đắn cho vấn đề thống nhất nước Việt Nam. Chúng tôi muốn thống nhất đất nước một cách hòa bình, không có áp lực bên ngoài.

Chúng tôi muốn có thương lượng quanh bàn hội nghị một cách thành thật, thỏa mãn yêu cầu của nhau với các sự thu xếp thuận lợi cho cả hai bên. Chúng tôi không vội vã. Chúng tôi muốn nói chuyện nhưng chúng tôi sẽ chờ đợi cho đến khi miền Nam Việt Nam sẵn sàng. Tôi thấy đó là điều khó chấp nhận đối với Hoa Kỳ. Tôi thấy rằng Hoa Kỳ sẽ tiếp tục viện trợ cho chính quyền miền Nam Việt Nam. Họ có thể đưa thêm nhiều nhân viên quân sự vào nữa. Tôi rất đau lòng khi thấy chiến tranh sẽ tiếp diễn, mở rộng và tăng cường. Nhân dân Việt Nam sẽ tiếp tục chiến đấu và nhất định sẽ thắng!

Thủ tướng từ từ uống một ngụm nước trà rồi nói tiếp:

“Các ông ở phương Tây, các ông không thể hiểu, hoàn toàn không thể hiểu, sức mạnh của một dân tộc khi họ đã quyết tâm đứng lên kháng chiến vì độc lập và tự do của Tổ quốc. Cuộc chiến đấu của nhân dân miền Nam Việt Nam chúng tôi vượt xa mọi sự tưởng tượng. Họ làm cho cả chúng tôi phải ngạc nhiên.

Ông hãy nhìn lại tình hình miền Nam Việt Nam từ sau khi ám sát Diệm. Phong trào đấu tranh của nhân dân đã phát triển mạnh như một dòng thác lũ. Triển vọng cho Hoa Kỳ là không có lối ra. Tăng cường quân sự cho Nguyễn Khánh sẽ chẳng giúp được gì. Nhân dân miền Nam Việt Nam đã quá rõ bộ mặt của chúng. Cần có một Chính phủ liên hợp dân tộc. Chính phủ liên hợp dân tộc ở Lào là một ví dụ. Chúng tôi không có quân ở Lào nhưng Hoa Kỳ đã can thiệp vào. Hằng ngày, máy bay Hoa Kỳ từ hướng Lào sang xâm phạm vùng trời

chúng tôi. Những đơn vị biệt kích đã thâm nhập lãnh thổ của chúng tôi để tiến hành phá hoại”.

Thủ tướng nhấn mạnh:

“Nếu Hoa Kỳ tăng cường chiến tranh ở miền Nam Việt Nam thì sẽ là một cuộc chiến đấu quyết liệt đến cùng, Hoa Kỳ không bao giờ giành được thắng lợi bất cứ trong tình huống nào.

Thủ tướng nhắc lời của nhà báo người Mỹ Oantơ Lípman: Hoa Kỳ chưa thấy ánh sáng ở cuối đường hầm. Đại sứ Xibonơ hứa sẽ chuyển về Oasinhton những điều nói trên”.

Thủ tướng nói tiếp:

- Ông có thể không tin những điều tôi nói, nhưng tôi bảo đảm với ông những gì tôi nói đều xuất phát từ lòng chân thành và thẳng thắn.

Ông Xibonơ đáp lại:

- Như ngài vừa nói, có phải một điều kiện để lập lại hòa bình là trước hết miền Nam Việt Nam phải trung lập không?

- Không! - Thủ tướng ngắt lời đại sứ. Tôi không nói đến vấn đề trung lập như là bước đầu tiên. Miền Nam Việt Nam trung lập bao nhiêu lâu là do nhân dân miền Nam quyết định. Tôi không dự đoán!

Ông Xibonơ tiếp lời:

- Mặt trận Dân tộc giải phóng là đại diện cho một lực lượng ở miền Nam Việt Nam nhưng không phải là tất cả và cũng không phải là đa số. Tôi hoan nghênh việc Mặt trận được tham gia vào một liên hiệp sẽ xuất hiện, nhưng tôi sợ rằng liên hiệp sẽ sớm mở đường cho



Mặt trận tiếp quản miền Nam Việt Nam, điều mà đã xảy ra ở một vài nơi.

Thủ tướng không đáp lại câu nói này và có ý định chuyển câu chuyện sang hướng khác. Thủ tướng nói:

- Tôi vui mừng vì qua thông điệp của Hoa Kỳ thấy Hoa Kỳ không có ý định đánh chúng tôi.

Ông đại sứ nói ngay:

- Hoa Kỳ không muốn đưa chiến tranh ra miền Bắc Việt Nam, nhưng sẽ buộc phải làm việc đó nếu bị đẩy đi quá xa. Sự kiên nhẫn của Hoa Kỳ không phải là không có giới hạn.

Chậm rãi, Thủ tướng nói:

- Nếu chiến tranh bị đẩy ra miền Bắc Việt Nam, miền Bắc sẽ chiến đấu. Chúng tôi có các bạn bè của mình. Ông biết đấy, chúng tôi là một nước xã hội chủ nghĩa, là một thành viên trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa. Nhân dân chúng tôi sẽ đứng lên tự vệ. Chúng tôi không có hành động gì đẩy Hoa Kỳ đi vào con đường đó, chúng tôi không khiêu khích Hoa Kỳ.

Đại sứ Xibonơ xin cáo từ. Thủ tướng nói thêm:

- Tôi chờ đợi có cuộc nói chuyện thêm nữa với ông đại sứ. Lần sau ông sẽ gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh. Lần này Người đang đi nghỉ. Người có gửi lời chào ông.

Chuyến công cán của Xibonơ tại Hà Nội theo yêu cầu của Oasinhton đã hoàn thành. Sau đó, Xibonơ trở về ngay Sài Gòn. Tại đây ông đã làm báo cáo gửi đồng thời cho Ốttaoa và Oasinhton.

Cuộc nói chuyện với Thủ tướng Phạm Văn Đồng được tường thuật rất đầy đủ.

Khi nói tới Thủ tướng Phạm Văn Đồng, Xibonơ viết: “Trong suốt câu chuyện, ông Phạm Văn Đồng đã cố gắng gây cảm giác thành thật, nhận thức tính nghiêm trọng của những điều chúng ta đã thảo luận, và không hề tỏ ra hung hăng và hiếu chiến”.

Khi nói về ý kiến của những người ông đã gặp ở Hà Nội, ông viết: “Không một người Việt Nam nào tôi đã gặp nói đến Liên Xô và Trung Quốc”.

Xibonơ nói tiếp:

- “Người Pháp cho tôi biết rằng Bắc Việt Nam lo ngại sự chia rẽ hoàn toàn giữa Liên Xô và Trung Quốc sẽ làm cho họ rơi vào sự kiểm soát của Trung Quốc, điều mà họ hết sức chống lại càng lâu được chừng nào càng tốt”.

Về sự chia rẽ trong nội bộ Bắc Việt Nam, Xibonơ nhấn mạnh tính ôn hòa trong lời nói của Thủ tướng Phạm Văn Đồng. Ông nói Cụ Hồ Chí Minh có uy tín vô cùng to lớn và được sùng bái như một vị á thánh, đứng trên mọi phe phái. Các đại diện không cộng sản ở Hà Nội chống lại ý kiến cho rằng có thể có phe nhóm ở Hà Nội. Họ thấy lòng tự hào dân tộc rất cao trong các lời tuyên bố dứt khoát của Thủ tướng Phạm Văn Đồng và trong lời kêu gọi tự lực tự cường của Hà Nội.

Về việc có xuất hiện dấu hiệu mỗi một vì chiến tranh hay không, Xibonơ cho rằng không có bằng chứng nào cho thấy dấu hiệu đó, và rõ ràng mọi người dân Việt Nam đều nhấn mạnh quyết tâm chiến đấu chừng nào còn cần thiết. Cũng không thấy người dân ở miền Bắc Việt Nam buồn hay lo lắng như người dân miền Nam

Việt Nam. Các sĩ quan Canada trong tổ (của Ủy ban quốc tế ở địa phương) cũng không thấy một bằng chứng nào về sự bất bình trong nhân dân<sup>1</sup>.

Chuyến được thông điệp của Nhà Trắng cho lãnh đạo Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, biết được câu trả lời trước mắt của Hà Nội đối với thông điệp của Oasinhton, nắm được tinh thần người dân miền Bắc Việt Nam trước nguy cơ chiến tranh lớn có thể xảy ra, có những tin tức đầu tiên về quan hệ của miền Bắc Việt Nam với Liên Xô, Trung Quốc - đó là những kết quả trong chuyến công cán đầu tiên của Đại sứ Xibonơ tại Hà Nội. Chuyến đi này được Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ đánh giá cao, vì đây là người đầu tiên của Hoa Kỳ sau gần 20 năm được trực tiếp nói chuyện với những nhà lãnh đạo Hà Nội để tìm hiểu tình hình chiến lược theo yêu cầu của Hoa Kỳ.

Trong bản báo cáo gửi Ốttaoa và Oasinhton sau chuyến công cán đầu tiên tại Hà Nội, ông J.B. Xibonơ đã ngỏ ý muốn được tiếp tục nhiệm vụ liên lạc với Hà Nội và sẽ “hoan nghênh bình luận của Bộ Ngoại giao Canada và của Oasinhton về bất kỳ gợi ý nào cho cuộc nói chuyện lần sau”.

Nhưng trong chuyến máy bay riêng của Ủy ban quốc tế ra Hà Nội ngày 10-8-1964, ông suy nghĩ và thấy sự việc quả đã chuyển biến quá nhanh.

Ngày 02-8-1964 tàu khu trục Madốc của hải quân Hoa Kỳ bắn phá hai đảo Hòn Mê, Hòn Ngư của miền Bắc Việt Nam.

---

1. M. Máclia: *Cuộc chiến tranh 10.000 ngày*, Sđd, tr. 147-148.

Ngày 04 tháng 8, hai tàu khu trục Maddox và C. Turner Joy thuộc phân đội đặc nhiệm 72.1 bị tàu phóng ngư lôi của hải quân miền Bắc Việt Nam chặn đánh trong lãnh hải Việt Nam.

Ngày 05 tháng 8, máy bay Mỹ ném bom trả đũa vào các căn cứ hải quân miền Bắc Việt Nam.

Ngày 07 tháng 8, với tuyệt đại đa số phiếu (chỉ có hai phiếu chống), Quốc hội Hoa Kỳ đã thông qua một Nghị quyết về “sự kiện Vịnh Bắc Bộ”, cho phép Tổng thống “thi hành mọi biện pháp cần thiết bao gồm cả việc sử dụng lực lượng vũ trang” để giúp đỡ thành viên hoặc các nước bảo vệ của Tổ chức Hiệp ước Đông Nam Á (SEATO) yêu cầu Hoa Kỳ giúp đỡ bảo vệ tự do.

Theo yêu cầu gấp rút của Hoa Kỳ, Xibonơ lại ra Hà Nội gặp các nhà lãnh đạo Bắc Việt Nam.

Hà Nội đang hồi hã chuẩn bị chiến đấu: trên đường phố bắt đầu có những ụ súng phòng không, những hố cá nhân, những hầm trú ẩn công cộng, nhà ga, bến xe chật ních phụ nữ, trẻ em đi sơ tán. Một không khí khẩn trương nhưng không hốt hoảng. Tác động trực tiếp của tình hình mới đối với Xibonơ là lần này ông không được Thủ tướng Phạm Văn Đồng tiếp ngay như lần trước, mà phải đợi đến ngày 13 tháng 8.

Khi Xibonơ tới Phủ Chủ tịch, Thủ tướng đang đợi ông. Ông xin lỗi về sự chậm trễ do có báo động và đi ngay vào câu chuyện. Ông xin phép được chuyển tới Thủ tướng một thông điệp của Hoa Kỳ theo chỉ thị của Chính phủ Canada. Thủ tướng im lặng, vẫn bình tĩnh, lịch sự.

Ông đại sứ đọc một bản viết:

“1. Bắc Việt Nam nói tàu chiến Mỹ bắn phá đảo Hòn Ngư và đảo Hòn Mê là không đúng. Sự thật tàu Madốc không hề tấn công hai đảo, đó vì lúc sự việc xảy ra cũng như ngày hôm sau, nó ở cách xa đây 100 hải lý về phía nam, gần vĩ tuyến 17. Cuộc tấn công của Bắc Việt Nam ngày 02 tháng 8 Chính phủ Hoa Kỳ có thể chấp nhận được là do tính toán sai.

2. Nhưng lý do của cuộc tấn công của Bắc Việt Nam đêm 04 tháng 8 vào hai tàu khu trục của Hoa Kỳ thì không thể hiểu được. Chỉ có thể coi đó là một cuộc tấn công có tính toán trước. Cuộc công kích xảy ra một cách vô cớ cách bờ biển 60 hải lý. Chỉ có thể coi đó là một mưu toan nhằm chứng minh rằng Hoa Kỳ là con hổ giấy hoặc khiêu khích Hoa Kỳ.

3. Hoa Kỳ đã trả lời bằng cuộc bắn phá các tàu ngư lôi cùng căn cứ và các thiết bị của nó. Đó là cuộc đánh trả hạn chế và thích đáng. Chính sách của Hoa Kỳ là yêu cầu Bắc Việt Nam phải hạn chế tham vọng của mình ở Nam Việt Nam. Hoa Kỳ quyết tâm giúp Nam Việt Nam chống xâm lược và lật đổ. Hoa Kỳ không có ý định thiết lập các căn cứ quân sự ở miền Nam hoặc lật đổ Chính phủ Hà Nội.

4. Hoa Kỳ biết rõ Hà Nội đang lãnh đạo du kích ở miền Nam và phải chịu trách nhiệm về việc đó. Hà Nội cũng kiểm soát ở Pathét Lào và can thiệp vào Lào.

5. Hoa Kỳ duy trì quan hệ bình thường và có nhiều kết quả với một số nước xã hội chủ nghĩa. Các nước đó được lợi về mặt kinh tế do có quan hệ hữu nghị với Hoa Kỳ.

6. Sau những sự kiện xảy ra, Quốc hội Hoa Kỳ đã thông qua quyết định hầu như nhất trí tán thành các biện pháp của Chính phủ Hoa Kỳ. Điều đó chứng tỏ Chính phủ và nhân dân Mỹ kiên quyết chống lại các cố gắng của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa nhằm lật đổ Chính phủ Nam Việt Nam và Chính phủ Lào. Hoa Kỳ cho rằng vai trò của Bắc Việt Nam ở Nam Việt Nam và Lào đã làm cho tình hình trở nên nguy kịch”.

Theo cách ông đọc thì hình như thông điệp đó đến đây là hết. Nhưng sau này, khi các tài liệu của Lầu Năm góc được công bố, người ta mới biết là ông ta, không hiểu vì sao, đã không đọc một đoạn nữa như sau: “Nếu Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tiếp tục đường lối như hiện nay thì họ có thể tiếp tục phải chịu những hậu quả. Việt Nam Dân chủ Cộng hòa cần biết mình phải làm gì nếu muốn hòa bình được lập lại”<sup>1</sup>.

Ông Xibonơ chờ đợi và chợt thấy các cửa kính của phòng khách đều có dán những mảnh giấy cắt để đề phòng bom nổ gần. Thủ tướng không để ông chờ lâu:

“Tôi rất tiếc đã tiếp ông vì những lời ông nói không đáng nghe. Tôi tiếp ông là tiếp một đại sứ trong Ủy ban quốc tế chứ không phải để nghe và trả lời những luận điệu giả dối và bịa đặt. Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa có quan hệ hết sức tốt với Ủy ban quốc tế. Tình hình đang nguy kịch, đáng lẽ phải cộng tác với nhau để làm được điều gì đó. Ủy ban quốc tế và

---

1. “Tài liệu Lầu Năm góc”, Thời báo *Niu Ốc*, 1971, tr. 289.

mỗi thành viên của nó cần giúp sức vào việc thi hành Hiệp nghị Giơnevơ, duy trì hòa bình. Hòa bình đang bị đe dọa. Hoa Kỳ có hành động xâm lược đối với miền Bắc là điều nhất định sẽ xảy ra. Các chính khách Hoa Kỳ đã nhiều lần tuyên bố mở rộng chiến tranh ra miền Bắc để gỡ thế bí ở miền Nam. Đó là nguyên nhân của cuộc tấn công ngày 05 tháng 8. Cuộc bầu cử (ở Hoa Kỳ) là lý do thứ hai, Giônxon phải tỏ ra cao giọng hơn đối thủ của mình. Và lý do nữa: Hoa Kỳ muốn quốc tế hóa chiến tranh”.

Một phút dừng. Thủ tướng nói tiếp:

“Tương lai sẽ ra sao?”.

Rồi nói ngay: “Nguyên nhân dẫn đến cuộc tấn công ngày 05 tháng 8 vẫn còn nguyên, do đó Chính phủ Hoa Kỳ sẽ có những hành động xâm lược mới. Tình hình đã rất nguy hiểm.

Chủ trương của chúng tôi là làm mọi việc để cố duy trì hòa bình nhưng Hoa Kỳ đã không tán thành Hiệp nghị Giơnevơ, can thiệp và xâm lược miền Nam. Đến nay lâm vào thế bí, không có lối thoát, lại muốn mở rộng chiến tranh ra miền Bắc để gỡ thế bí đó. Đó là một tính toán sai lầm. Chúng tôi muốn duy trì hòa bình ở miền Bắc, bây giờ việc đó trở nên khó khăn hơn rất nhiều. Nếu Hoa Kỳ gây chiến tranh, chúng tôi buộc phải tự vệ. Chiến tranh có thể xảy ra. Cuộc chiến đấu của chúng tôi là yêu nước. Cả thế giới ủng hộ chúng tôi...”.

Với giọng nghiêm nghị. Thủ tướng nói tiếp:

“Khác với Triều Tiên là một bán đảo khuất nẻo, nếu chiến tranh lan ra miền Bắc Việt Nam, có thể sẽ

lan ra cả vùng Đông Nam Á. Nếu Hoa Kỳ gây chiến, Hoa Kỳ sẽ thất bại to lớn, không có kết quả nào khác.

Với ông, một đại biểu trong Ủy ban quốc tế, yêu cầu ông tìm cách ngăn ngừa không để xảy ra những sự kiện nghiêm trọng hơn. Tình hình đã quá nghiêm trọng rồi. Ủy ban quốc tế có nhiệm vụ ổn định tình hình để đi đến một giải pháp, giải pháp đó là trở lại Hiệp nghị Giơnevơ. Tổng thống Đờ Gôn cũng cho rằng giải pháp cho vấn đề Việt Nam là Hiệp nghị Giơnevơ. Ủy ban quốc tế có vai trò quan trọng, cần chuẩn bị cho vai trò đó, không phải bằng cách đi theo lập trường của Hoa Kỳ mà theo lập trường của Hiệp nghị Giơnevơ”.

Thấy Thủ tướng dứt lời, Đại sứ Xibonơ nói ngay:

“Tôi xin lỗi phải làm nhiệm vụ theo chỉ thị của Chính phủ tôi. Vai trò trung gian là vai trò nhiều khi bạc bẽo vì phải nói những điều khó lọt tai người nghe, nhưng đã là người lính thì phải làm đúng chỉ thị. Thưa Thủ tướng không nên bắn vào người đưa thư!

Trong những sự kiện đã xảy ra cũng có những chi tiết khó tin nhưng điều quan trọng là tìm ra được cách không để tình hình nguy hiểm tái diễn. Có một điều tôi tin là Hoa Kỳ không muốn đầu độc bầu không khí, không để xảy ra chiến tranh thế giới và cũng không phải là điên rồ”.

Về cuộc công cán thứ hai, Đại sứ Xibonơ nhận xét: “Tôi dè dặt mà nói rằng: Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, trước những tuyên bố công khai (của Hoa Kỳ) và các cuộc vận động bằng các công hàm mà tôi đã chuyển,



đã không bị thuyết phục"... phải từ bỏ quyết tâm trong việc theo đuổi đường lối của họ.

Sau này, khi cục diện chiến tranh đã thay đổi, thuận lợi rõ ràng dành cho Mặt trận Dân tộc giải phóng và Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, ông còn nói:

"Sau chuyển công cán thứ hai sau sự kiện vịnh Bắc Bộ - một sự kiện lạ lùng, Hà Nội tin một cách chính đáng rằng họ không cần phải nhượng bộ. Hà Nội có lý do để tỏ ra không mềm dẻo. Họ hoàn toàn tin chắc rằng nếu họ giữ thái độ cứng rắn càng lâu bao nhiêu thì họ sẽ tạo ra được những khả năng mà họ mong muốn và lịch sử đã chứng minh rằng họ đúng"<sup>1</sup>.

Trong báo cáo gửi Öttaoa và Oasinhton, Đại sứ Xibonơ còn nói:

"Ông Đồng còn nói một cách không thể lầm được rằng ông muốn giữ con đường liên lạc"<sup>2</sup>.

Trong một bị vong lục (bản ghi nhớ) về chuyển công cán thứ hai của ông Xibonơ tại Hà Nội, Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ đã viết: "Đây là thời cơ thứ hai bị bỏ lỡ. Nội dung thương lượng của chuyển công cán đã bị cản trở hoàn toàn do thời điểm sắp xếp nó và do việc tập trung vào các sự kiện mới xảy ra trước đó hơn là vào các vấn đề rộng rãi đã được đề cập một cách xa xôi trong cuộc gặp gỡ tháng 6"<sup>3</sup>.

---

1, 2. M. Máclia: *Cuộc chiến tranh 10.000 ngày*, Sđd, tr. 162.

3. M. Máclia: *Cuộc chiến tranh 10.000 ngày*, Sđd, tr. 162-163. Xem thêm G.C. Hiarinh: *Ngoại giao bí mật trong chiến tranh Việt Nam*, Sđd, tr. 4-44.

Về phần mình, Tổng thống L.B. Giônxon cho rằng, hai chuyến công cán của Đại sứ Xibonơ là những gợi ý hòa bình đầu tiên của mình và ông đã yêu cầu ông Xibonơ thăm dò “cơ hội hòa bình”. Sau chuyến công cán thứ hai, ông viết trong hồi ký *Cuộc đời Tổng thống của tôi*:

“Hà Nội không quan tâm gì đến một giải pháp hòa bình hay một sự thỏa hiệp nào. Họ đã đóng sầm cánh cửa đối với đề nghị hòa bình của Hoa Kỳ. Và sau chuyến công cán tháng 8 của ông Xibonơ, họ càng đóng cánh cửa của một cách gay gắt hơn”<sup>1</sup>.

Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ nói đúng khi cho rằng Oasinhton đã bỏ lỡ một thời cơ thương lượng, nhưng đã nói không đúng khi cho rằng nguyên nhân thất bại của chuyến công cán tháng 8 của Đại sứ Xibonơ là thời điểm, nghĩa là sau sự kiện vịnh Bắc Bộ, vì đó là bằng chứng không thể chối cãi rằng sự kiện đó là nhằm chuẩn bị dư luận cho việc mở rộng và tăng cường chiến tranh.

Nhận xét của Tổng thống Giônxon hoàn toàn không đúng sự thật, vì cái gọi là “sự kiện vịnh Bắc Bộ” đã được xác minh là một sự kiện được dựng lên, một sự dối trá, nhiệm vụ giao cho Đại sứ Xibonơ tại Hà Nội sau sự kiện vịnh Bắc Bộ và cuộc ném bom ngày 05 tháng 8 thực chất chỉ là sự hăm dọa tăng cường chiến tranh, không thể gọi là một gợi ý hòa bình. Chính bom Mỹ đã bịt cánh cửa thương lượng với Hà Nội.

---

1. L.B. Giônxon: *Cuộc đời Tổng thống của tôi* (tiếng Pháp), Nxb. Buysét Saxten, Pari, 1972, tr. 91.

## KẾ HOẠCH CHIẾN TRANH CỦA MỘT ỨNG CỬ VIÊN HÒA BÌNH

---

**T**rên đường từ Đalát trở về Oasinhton, Tổng thống mới L.B. Giônxon, như ông đã viết trong hồi ký, tâm niệm một điều: “Tôi nguyện dành mỗi ngày, mỗi giờ của nhiệm kỳ dang dở của Giôn Kennơđi để đạt những mục tiêu mà ông đã đề ra”.

Ngày 25-11-1963, trước Quốc hội và cũng là trước nhân dân Mỹ, ông đã thề: “Chúng ta sẽ giữ những cam kết của chúng ta từ miền Nam Việt Nam đến Tây Bá Linh<sup>\*1</sup>. Đây là quyết định quan trọng đầu tiên của ông về Việt Nam.

Giônxon lên làm tổng thống trong những điều kiện bi thảm của nước Mỹ, sau buổi lễ tuyên thệ giản dị nhất, ngắn nhất trước vị thẩm phán của Đalát - bà Xara Hiugơ. Sang năm 1964 là năm bầu cử Tổng thống. Với tầm vóc của nó, Hoa Kỳ có hàng loạt vấn đề ở ngay trong nước và khắp nơi trên thế giới, nhưng đối với

---

1. L.B. Giônxon: *Cuộc đời Tổng thống của tôi*, Sđd, tr. 39.

\* Tây Béclin.

Giônxon, vấn đề cấp bách là trúng cử tổng thống mà vẫn tiếp tục can thiệp quân sự vào Việt Nam.

Khi đó, tình hình Nam Việt Nam đang trong một giai đoạn cực kỳ nghiêm trọng: về quân sự, chiến tranh đặc biệt đã thất bại; về chính trị, sau khi Ngô Đình Diệm bị sát hại, chế độ Sài Gòn đang bị các cuộc đảo chính và tranh giành quyền lực làm rung chuyển đến tận gốc, có nguy cơ sụp đổ hoàn toàn. Các nhân vật chính trị, quân sự Hoa Kỳ ở Sài Gòn đều yêu cầu gây sức ép quân sự ngay với miền Bắc Việt Nam, nhằm buộc Bắc Việt Nam chấm dứt viện trợ cho Việt Cộng ở miền Nam Việt Nam. Sau cuộc viếng thăm miền Nam Việt Nam từ ngày 18 đến ngày 20-12-1963, Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ McNamara báo cáo: “Xu hướng hiện nay, trừ trường hợp đảo ngược tình hình trong hai ba tháng tới, tốt nhất sẽ dẫn tới một sự trung lập hóa (miền Nam Việt Nam) và chắc chắn hơn là dẫn tới sự kiểm soát tình hình bởi những người cộng sản”<sup>1</sup>.

Từ tháng 6-1965, Ủy ban Đối ngoại của Thượng nghị viện Hoa Kỳ bắt đầu nghe các cuộc điều trần về Nghị quyết về vịnh Bắc Bộ - một nghị quyết đã được đa số áp đảo của Thượng, Hạ nghị viện biểu quyết. Người đặt vấn đề nghi ngờ tính chân thật của bản nghị quyết đó là Thượng nghị sĩ bang Acansát Uylam Phunbrai, người đã giới thiệu nghị quyết đó với Thượng nghị viện hơn 10 tháng trước. Những nhân vật chủ yếu đã lần lượt ra điều trần trước Ủy ban, kể cả Ngoại trưởng Đin Raxơ

---

1. L.B. Giônxon: *Cuộc đời Tổng thống của tôi*, Sđd, tr. 86.

và Bộ trưởng Quốc phòng Mắc Namara và được hệ thống truyền hình đưa tin rộng rãi. Cuối cùng người ta được biết là các tàu khu trục Hoa Kỳ đã xâm phạm vùng biển của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, không có bằng chứng nào về việc tàu chiến Bắc miền Nam đã bắn vào tàu chiến Hoa Kỳ và Dự thảo nghị quyết về vịnh Bắc Bộ đã được chuẩn bị từ rất lâu trước khi xảy ra sự kiện vịnh Bắc Bộ. Nghị quyết về vịnh Bắc Bộ đã bị vô giá trị.

Nhưng vào thời điểm tháng 8-1964, khi dựng lên việc các tàu khu trục Hoa Kỳ bị tàu chiến Bắc Việt Nam tấn công trong vùng biển quốc tế ở vịnh Bắc Bộ để có cơ đánh trả đũa các căn cứ hải quân Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ở sông Gianh, Cửa Hội, Lạch Trường và Bãi Cháy, Nghị quyết về vịnh Bắc Bộ có ý nghĩa rất lớn đối với bản thân Giônxon. Chính Giônxon đã nói việc ra lệnh ném bom trả đũa sau sự kiện vịnh Bắc Bộ và tranh thủ một nghị quyết ủng hộ chính sách Đông Nam Á của Nhà Trắng là quyết định quan trọng thứ hai của ông trong vấn đề Việt Nam. Giônxon coi sự kiện vịnh Bắc Bộ là sự thách thức đối với Hoa Kỳ cũng như sự thách thức ở Hy Lạp, Thổ Nhĩ Kỳ, Béclin, Đức, Triều Tiên, Libăng và Cuba, nhưng lại hạn chế sự trả đũa bằng một cuộc ném bom. Với tất cả những ai định khuyến khích hay mở rộng sự xâm lược, Giônxon nói: “Người ta không thể đạt tới hòa bình bằng xâm lược, sự trả đũa không có miễn dịch” để tỏ ra là con người không hiếu chiến. Với Nghị quyết về vịnh Bắc Bộ, ông được Quốc hội cho phép sử dụng sức mạnh vũ trang

ở Đông Nam Á. Trước đây Tổng thống Truman khi tiến hành chiến tranh Triều Tiên (năm 1950) đã không yêu cầu Quốc hội ủng hộ nên về sau gặp khó khăn. Rút kinh nghiệm sai lầm của Truman, Tổng thống Giônxon lần này quyết tâm tranh thủ sự ủng hộ của Quốc hội Hoa Kỳ trong chính sách đối ngoại cũng như đối nội. Với Nghị quyết của Quốc hội về vịnh Bắc Bộ, ông ta đã giành được quyền chủ động tăng cường can thiệp vũ trang vào Việt Nam.

Tuy được quyền như thế, nhưng Giônxon luôn luôn tỏ ra biết kiểm chế trong việc lựa chọn mức độ trả đũa miền Bắc Việt Nam.

Trong Đại hội Đảng Dân chủ ở Atlantic City, Giônxon được chỉ định làm ứng cử viên tổng thống liên danh với Heber Hămphrây. Cuộc vận động bầu cử của Giônxon có thể có hai trọng tâm nhằm trúng vào lòng mong mỏi của đại đa số nhân dân Mỹ lúc bấy giờ. Về Việt Nam, Giônxon nói rằng mục tiêu duy nhất của ông là hòa bình ở Việt Nam và tự do của nhân dân ở đó, miền Nam Việt Nam có nguy cơ bị chủ nghĩa cộng sản đánh bại, nên Hoa Kỳ phải giúp đỡ đồng minh và sẽ không để con em mình đi chết thay cho con em châu Á. Về các vấn đề đối nội, Giônxon tỏ ra quan tâm hơn: chương trình xây dựng “xã hội vĩ đại” nhằm động viên cả nước vào cuộc chiến tranh chống nghèo nàn, bảo đảm điều kiện học tập cho trẻ em, thuốc men cho người già, giữ nguồn nước uống và không khí trong lành, xây dựng nhà ở. Những ý định của Giônxon đã đem lại cho ông ta cái tiếng là vị tổng thống của giáo dục và y tế.

Chính Giônxon đã vạch ra sự khác nhau giữa ông ta và Bary Gônato, Thượng nghị sĩ bang Arigiônna, ứng cử viên tổng thống của Đảng Cộng hòa:

“Gônato yêu cầu cử tri ủy nhiệm cho mình thủ tiêu bảo hiểm xã hội, tôi yêu cầu họ ủy quyền cho tôi mở rộng bảo hiểm xã hội theo luật chăm sóc y tế. Gônato kêu gọi trở lại chính sách “Hãy tự giúp mình thì trời sẽ giúp” đối với người nghèo, tôi kêu gọi có một chương trình của chính phủ rộng hơn nữa để xóa bỏ nghèo nàn. Gônato yêu cầu tăng thêm quyền hạn cho các bang, tôi yêu cầu có sự bảo hộ lớn hơn của liên bang đối với các quyền công dân. Gônato tán thành một nền kinh tế có thể nói không có ràng buộc, tôi chủ trương những chính sách thuế khóa và tiền tệ độc đáo có khả năng thủ tiêu tình trạng những thời kỳ lạm phát và suy thoái xen kẽ nhau”<sup>1</sup>.

Cuộc vận động tranh cử đã làm Giônxon nổi lên như là một ứng cử viên hòa bình, còn Bary Gônato như là một ứng cử viên chiến tranh.

Ngày 03-11-1964, liên danh Giônxon - Hămphrây đã giành được 61% số phiếu bầu và 486 phiếu đại cử tri. Đa số phiếu bầu đó không chỉ bù lại sự thất bại của Đảng Dân chủ năm 1956, mà còn là đa số phiếu bầu lớn nhất trong lịch sử bầu cử của Hoa Kỳ.

Danh nghĩa ứng cử viên hòa bình cần đối với Giônxon tới mức ông ta quyết định không trả đũa việc sân bay quân sự Biên Hòa bị pháo kích ngày 01-11-1964.

---

1. L.B. Giônxon: *Cuộc đời Tổng thống của tôi*, Sđd, tr. 134.

Nếu theo lập luận của ông ta thì đây cũng là một sự thách thức đối với Hoa Kỳ, một sự thách thức thật sự không như sự kiện vịnh Bắc Bộ bởi đã làm chết 4 người Mỹ, phá hủy 6 máy bay B.57. Nhưng ông ta đã nhầm mất bỏ qua, vì sự kiện đó chỉ cách ngày bầu cử tổng thống có hai ngày!

Ngay sau khi lên thay Giôn Kennơđi và trong suốt cuộc vận động tranh cử năm 1964, Giônxon, với những thủ đoạn khôn khéo sở trường, vẫn không ngừng gây sức ép quân sự với Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và tích cực chuẩn bị kế hoạch mở rộng chiến tranh ở Việt Nam.

Ngày 26-11-1963, nghĩa là bốn ngày sau khi nhậm chức tổng thống, Giônxon họp với các cố vấn và đã chỉ thị rằng việc vạch kế hoạch về Việt Nam cần phải bao gồm nhiều mức độ tăng cường hoạt động và trong mỗi trường hợp cần đánh giá một số yếu tố, như: khả năng gây thiệt hại cho miền Bắc Việt Nam, khả năng miền Bắc Việt Nam trả đũa lại và các phản ứng quốc tế khác. Trong phiên họp này cũng đề ra việc vạch một kế hoạch tiến hành những hoạt động quân sự ở Lào cùng với những kế hoạch chính trị nhằm thu hẹp phản ứng quốc tế đối với một hành động như thế.

Tháng 02-1964, Giônxon thông qua một kế hoạch bí mật gồm ba phần: kế hoạch hành quân 34-A (OPLAN 34-A) nhằm do thám Việt Nam bằng máy bay U.2, bắt cóc công dân miền Bắc Việt Nam để thu thập tin tức, dùng các đội nhảy dù phá hoại miền Bắc Việt Nam, tiến công miền Bắc Việt Nam từ biển bằng biệt kích; kế hoạch tiến công Lào bằng máy bay của



hãng Hàng không Hoa Kỳ do CIA điều khiển; kế hoạch DE SOTO cho tàu khu trục vào vịnh Bắc Bộ để thu thập tin tức, yểm trợ hoạt động của hải quân Sài Gòn và phô trương lực lượng.

Tháng 3-1964, W. Rôxtốp trình tổng thống một cơ cấu lý thuyết về leo thang đối với miền Bắc Việt Nam.

Tháng 6-1964, các cố vấn chủ chốt của Nhà Trắng họp tại Hônôlulu để bàn kế hoạch 30 ngày mới của tổng thống, bao gồm một loạt các biện pháp quân sự, chính trị thực hiện trong vòng 30 ngày nhằm gây sức ép với miền Bắc Việt Nam. Trong cuộc họp này, danh sách 94 mục tiêu ném bom ở miền Bắc Việt Nam đã được thông qua.

Cuối tháng 7-1964, Tổng thống Giônxon quyết định tăng thêm 5.000 nhân viên quân sự cho miền Nam Việt Nam.

Ngày 07 tháng 8, Quốc hội Hoa Kỳ thông qua Nghị quyết về vịnh Bắc Bộ.

Ngày 10 tháng 9, Giônxon cho phép tàu hải quân trở lại vịnh Bắc Bộ, máy bay làm nhiệm vụ ở Lào và chỉ thị cho Sài Gòn xúc tiến các cuộc tiến công biệt kích theo kế hoạch 34-A.

Ngày 27 tháng 11, Hội đồng An ninh quốc gia Hoa Kỳ thông qua kế hoạch hai bước: bước 1 - tăng cường các hoạt động chiến tranh bí mật (tiến công bờ biển, tiến công bằng không quân vào Lào và mở nhiều cuộc tiến công trả đũa vào miền Bắc Việt Nam); bước 2 - bắt đầu chiến tranh không quân ở miền Bắc Việt Nam.

Trong cuộc họp tại Nhà Trắng ngày 01 tháng 12, có mặt Đin Raxơ, Mắc Namara, Đại sứ Mácxoen Taylo, Giônxon đã thông qua bước 1 trong kế hoạch của Hội đồng An ninh quốc gia, với việc ném bom ở Lào, gọi là cuộc hành quân Baren Rôn; chuẩn y trên nguyên tắc bước 2 trong kế hoạch của Uyliam Bânđi (ném bom siết dần ở “vùng cán xoong” Lào, tiến dần từng giai đoạn vào miền Bắc Việt Nam).

Ngày 14 tháng 12, cuộc hành quân Baren Rôn bắt đầu.

Trong thông điệp đọc trước Quốc hội ngày 20-01-1965, điều làm người ta ngạc nhiên là Giônxon hoàn toàn làm ngơ vấn đề Việt Nam và chỉ nói một cách mơ hồ: “Chúng ta không mong muốn cái gì thuộc về người khác. Chúng ta không tìm cách thống trị đối với con người nhưng tìm sự thống trị của con người với chuyên chế và nghèo nàn”<sup>1</sup>.

Ai cũng hiểu tình hình Việt Nam rất khẩn trương, đòi hỏi ngay một sự lựa chọn của Oasinhton. Kế hoạch chiến tranh đã được thông qua, nhưng còn phải tạo những điều kiện chính trị để thực hiện. Tổng thống Giônxon làm bộ như bỏ qua vấn đề Việt Nam trong thông điệp chính là lúc đang phải giải quyết những vấn đề liên quan tới các điều kiện đó.

---

1. Giôdép A. Amtơ: *Lời phán quyết về Việt Nam*, Nxb. Quân đội nhân dân Việt Nam, Hà Nội, 1985, tr. 129.

Có ba vấn đề đặt ra với Giônxon:

- Phải đạt tới sự nhất trí về chính sách ngay trong đội ngũ cố vấn thân cận của tổng thống;

- Phải ổn định và kiểm soát được tình hình miền Nam Việt Nam;

- Phải làm yên lòng nhân dân Mỹ, đồng minh của Mỹ và nhân dân thế giới về chính sách tăng cường chiến tranh ở Việt Nam.

Bộ phận tham mưu của Giônxon hầu hết là những người ủng hộ chính sách của ông về Việt Nam. Phó Tổng thống H. Hămphrây chấp nhận mọi quyết định của tổng thống. W. Rôxtốp là người đã đề ra kế hoạch leo thang ném bom miền Bắc Việt Nam và do đó trở thành con người được tổng thống tín nhiệm. G. Bânđi lúc đầu không hoàn toàn tin rằng ném bom miền Bắc Việt Nam là cần thiết, nhưng sau chuyến đi công cán ở miền Nam Việt Nam về, thấy tận mắt Việt Cộng bắn súng cối vào trại lính Mỹ ở Plâyku, thì cũng thấy cần phải gây sức ép liên tục với Hà Nội. Đin Raxơ trước sau vẫn là con người đáng tin cậy của tổng thống trên cương vị ngoại trưởng. Tuy vậy, có một số người khác không tin rằng ném bom miền Bắc Việt Nam sẽ đem lại thắng lợi và họ lần lượt rời khỏi chức vụ của mình, trong đó có Rôgơ Hinxman, Avơren Hariman, Maicơn Phorexton,... Chỉ có Gioócgiơ Bôn - Thứ trưởng Ngoại giao, không tin ở thuyết đôminô và chống lại việc ném bom miền Bắc Việt Nam. Tuy vậy, ông ta vẫn ở lại, mặc dù ý kiến chống leo thang của ông không được tổng thống hay ngoại trưởng chú ý.

Một thời gian ngắn sau khi nhậm chức tổng thống, Giônxon có thể yên tâm với một đội ngũ cộng sự tin cậy.

Vấn đề ổn định êkíp lãnh đạo chính quyền Sài Gòn thì không đơn giản. Cái khó là tìm được những người có khả năng mà Hoa Kỳ tin tưởng được. Cái dễ là hầu hết những nhân vật của chế độ Sài Gòn đều do Hoa Kỳ dựng lên và sống nhờ viện trợ của Hoa Kỳ. Từ cuối năm 1963 đến đầu năm 1965, thời điểm chính thức đẩy mạnh chiến tranh ở cả hai miền Việt Nam, tình hình chính trị ở Sài Gòn trải qua nhiều biến động. Ngày 30-01-1964, tướng Nguyễn Khánh tổ chức đảo chính để gạt bỏ tướng Dương Văn Minh. Trần Văn Hương được đưa lên làm thủ tướng thay Nguyễn Khánh. Phan Khắc Sửu làm quốc trưởng, Khánh chỉ còn giữ chức Chủ tịch Hội đồng tướng lĩnh. Hương đưa bốn tướng lên để làm chỗ dựa mà không hỏi ý kiến Khánh. Khánh phản đối và cuối cùng Hương lại phải rời chức thủ tướng. Khánh chọn Phan Huy Quát để thay Hương, nhưng Quát lại không được lòng Oasinhton vì ông ta có xu hướng thương lượng để kết thúc chiến tranh. Ngày 19-02-1965, Oasinhton đưa hai tướng trẻ là Nguyễn Văn Thiệu và Nguyễn Cao Kỳ lên lãnh đạo chính quyền Sài Gòn và từ đó cho đến tháng 4-1975, Oasinhton có một chính quyền có thể kiểm soát được. Đó là sự kiện rất quan trọng để Giônxon triển khai kế hoạch chiến tranh của mình.

Nhưng việc làm yên lòng nhân dân Hoa Kỳ tùy thuộc vào nhận thức của họ về cuộc chiến tranh ở

Việt Nam. Những cuộc ném bom trả đũa sau sự kiện vịnh Bắc Bộ theo một kịch bản lửa gạt thật sự đã không gây phản ứng đáng kể trong công chúng Hoa Kỳ. Thậm chí, trong cuộc tuyển cử năm 1964, Giônxon đã giành được thắng lợi vang dội. Điều đó chứng tỏ nhân dân Mỹ tin tưởng ở ứng cử viên hòa bình của mình biết bao. Ngay cả đối với các cuộc ném bom miền Bắc Việt Nam đầu năm 1965, cũng có ít hoặc không có sự chỉ trích nào của nhân dân Mỹ. Ngay cả khi cuộc chiến tranh bằng không quân bắt đầu đối với miền Bắc Việt Nam và những đơn vị lính Mỹ đầu tiên đổ bộ lên miền Nam Việt Nam, vì bị lửa gạt như vậy nên nhiều người Mỹ vẫn tiếp tục ủng hộ. Một số cuộc biểu tình nhỏ ở một số nơi hồi tháng 3, tháng 4-1965 không gây được tiếng vang lớn. Sự phản đối phát triển thành một phong trào toàn quốc là chuyện sau này. Nhưng người ta có thể coi như bước đầu phát động chiến tranh của Giônxon tháng 02-1965 là thuận lợi dưới con mắt nhân dân Mỹ.

Tác động của mọi hành động chiến tranh của Hoa Kỳ ở Việt Nam đối với tình hình quốc tế là vấn đề mà Tổng thống L.B. Giônxon và Bộ tham mưu của ông phải mất nhiều thì giờ để nghiên cứu và đối phó.

Ngay từ năm 1963, sự thất bại của chiến lược chiến tranh đặc biệt ở miền Nam Việt Nam đã làm cho giới chính trị và báo chí nghi ngờ sự cần thiết của việc Hoa Kỳ phải can thiệp vào công việc nội bộ của người Việt Nam và bình luận nhiều về giải pháp mà Nhà Trắng sẽ phải lựa chọn để thoát khỏi sự bế tắc. Hoa Kỳ sẽ dùng

những phương tiện lớn để ở lại miền Nam Việt Nam với bất cứ giá nào, hoặc Hoa Kỳ sẽ rút lui? Những tin tức đầu tiên về việc mở rộng chiến tranh ở miền Nam Việt Nam đã tới tai các nhà báo; từ Hoa Kỳ đến châu Âu và các nơi khác, dư luận đã tỏ ra lo ngại trước nguy cơ Hoa Kỳ mở rộng chiến tranh ở Việt Nam. Chính sách đối ngoại của Oasinhton tập trung biện minh cho việc ném bom miền Bắc Việt Nam hồi đầu tháng 8-1964, nêu rõ quyết tâm của Mỹ là ngăn chặn chủ nghĩa cộng sản ở Đông Nam Á, giúp đồng minh ở miền Nam Việt Nam giữ tự do của mình, để cho cộng đồng quốc tế và đồng minh của Hoa Kỳ (từ khối SEATO, khối ANZUS đến khối NATO), nếu không ủng hộ thì cũng làm ngơ trước các sáng kiến quân sự, chính trị của Hoa Kỳ. Với những lập luận khéo léo, những chứng cứ giả tạo và sự tự kiềm chế trong ném bom (cả năm 1964 công khai chỉ có trận ném bom miền Bắc Việt Nam ngày 05 tháng 8), và cũng chỉ nhằm một số mục tiêu quân sự hạn chế, trong buổi đầu, Giônxon nhìn chung đã đạt được mục tiêu ấy. Nhưng ngay từ khi quyết định cuộc ném bom ngày 05 tháng 8, ông ta đã lo lắng đến phản ứng của Liên Xô và Trung Quốc. Nếu mở rộng chiến tranh ở Việt Nam, Hoa Kỳ dè chừng phải đụng đầu với Trung Quốc, có khi với cả Liên Xô, hoặc ít nhất cũng sẽ làm cho Liên Xô và Trung Quốc hòa hợp với nhau. Trước khi xuất hiện trên đài truyền hình để thông báo cho nhân dân Mỹ biết tin máy bay đã lên đường ném bom trả đũa miền Bắc Việt Nam, Giônxon có hai ý nghĩ: phải chọn giờ báo tin thế nào để miền Bắc Việt Nam không biết trước máy bay Mỹ

sẽ ném bom và làm sao không để Trung Quốc hiểu lầm. “Chúng ta biết rằng khi các máy bay của chúng ta còn đang bay, radar của Trung Cộng cũng như của Hà Nội đã phát hiện được rồi. Tôi không muốn các nhà lãnh đạo Bắc Kinh ngộ nhận lý do tại sao máy bay của ta lại bay trên vịnh Bắc Bộ. Cần làm cho họ hiểu rằng đây là những hành động trả đũa miền Bắc Việt Nam, và chỉ miền Bắc Việt Nam thôi, chứ không phải đối với Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, và mục tiêu của chúng ta là hạn chế...”<sup>1</sup>.

Sự lo sợ đụng chạm với Trung Quốc trong một cuộc chiến tranh trên bộ là kết luận mà tướng Mác Áctơ đã rút ra sau cuộc chiến tranh Triều Tiên những năm 1950 mà cho đến nay vẫn còn ám ảnh các nhà lãnh đạo Hoa Kỳ. Trước nguy cơ hiển nhiên về một sự thất bại ở miền Nam Việt Nam, các cố vấn điều hâu cho rằng cần có hành động ngay, và có người lập luận rằng: “Trung Cộng chỉ nhảy vào cuộc chiến tranh nếu miền Bắc Việt Nam bị xâm lược, hay khi Chính phủ Hà Nội có nguy cơ lật đổ”.

Sau trận ném bom đầu tháng 8 vào một số mục tiêu của miền Bắc Việt Nam, Giônxsơn vẫn còn phải cân nhắc hai ẩn số: Liên Xô và Trung Quốc, nhất là Trung Quốc trước khi có quyết định lớn.

Các nhà chiến lược của Hoa Kỳ đã từng tính đến khả năng Trung Quốc đưa 31 sư đoàn xuống Đông Nam Á, và trong trường hợp đó, Hoa Kỳ sẽ dùng từ 5

---

1. L.B. Giônxsơn: *Cuộc đời Tổng thống của tôi*, Sđd, tr. 151.

đến 7 sư đoàn của mình là đủ để đối phó với tình hình, kể cả việc chiếm đóng miền Bắc Việt Nam. Nhưng trước sau như một, Hoa Kỳ vẫn không muốn có sự đụng độ như vậy với “biển người” Trung Quốc. Tổng thống Giôn-xơn muốn có một thông tin có thể tin cậy được của Bắc Kinh nếu như Hoa Kỳ tiến hành leo thang đánh phá miền Bắc Việt Nam.

Từ những ngày chưa giành được chính quyền, Chủ tịch Mao Trạch Đông đã có nhiều dịp gặp gỡ người Mỹ như nhà báo Êtga Xnâu, Giôn Xơvixơ, cố vấn chính trị của viên tư lệnh quân đội Hoa Kỳ ở mặt trận Trung - Miến - Ấn, đồng thời là bí thư thứ hai của sứ quán Hoa Kỳ tại Trùng Khánh, Harixơn Phoman... Lần nào Chủ tịch Mao Trạch Đông cũng đều nói rằng lợi ích của Trung Quốc và Hoa Kỳ giống nhau và liên quan với nhau. Cuối năm 1964, Êtga Xnâu được mời sang thăm Trung Quốc. Êtga Xnâu là nhà báo Mỹ đầu tiên, từ năm 1936, đã đến khu giải phóng của Đảng Cộng sản Trung Quốc, đã sống tại đây nhiều tháng và khi trở về Mỹ đã viết cuốn *Sao đỏ trên đất Trung Quốc*. Đặc biệt là E. Xnâu đã có nhiều cuộc nói chuyện với Chủ tịch Mao Trạch Đông tại Diên An (phía bắc tỉnh Thiểm Tây) về nhiều đề tài, kể cả triển vọng quan hệ Trung Quốc - Hoa Kỳ. Việc mời E. Xnâu trong bối cảnh Hoa Kỳ chuẩn bị về chính trị và quân sự để mở rộng chiến tranh ở Việt Nam, tự nó đã mang một ý nghĩa chính trị rất to lớn.

Chủ tịch Mao Trạch Đông đã trao đổi cởi mở với E. Xnâu như với người bạn cũ. Đặc biệt, ông đã tuyên bố:



“Quân đội Trung Quốc sẽ không vượt biên giới của mình để chiến đấu. Đó là điều hoàn toàn rõ ràng. Chỉ khi nào Hoa Kỳ tấn công, người Trung Quốc mới chiến đấu. Phải chăng như vậy là không rõ ràng? Người Trung Quốc rất bận rộn về công việc nội bộ của mình. Đánh nhau ngoài biên giới nước mình là phạm tội ác. Tại sao người Trung Quốc phải làm như vậy? Người Việt Nam có thể đương đầu với tình hình”<sup>1</sup>.

Trong tờ *Niu Ripoblích* tháng 02-1965, E. Xnâu còn tường thuật thêm lời của Chủ tịch Mao Trạch Đông: “Trung Quốc ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc nhưng không phải bằng cách gửi quân đội. Khi có một cuộc chiến tranh giải phóng, Trung Quốc sẽ đưa ra tuyên bố và kêu gọi biểu tình để ủng hộ cuộc chiến đấu đó. Chính các tuyên bố đó đã làm mất lòng bọn đế quốc”.

Có thể hiểu là Hoa Kỳ làm gì thì làm, miễn là không đụng đến Trung Quốc. Nếu Hoa Kỳ đụng đến Trung Quốc thì người Trung Quốc sẽ phải chiến đấu. Phải chăng như vậy là không rõ ràng?

Tổng thống Giôn-xơn thấy rõ mình có thể tiến hành mở rộng chiến tranh ở hai miền Việt Nam. Tuy vậy, ông ta hành động ra vẻ tự kiềm chế lắm.

Đêm 06 rạng ngày 07-02-1965, Quân giải phóng miền Nam Việt Nam tấn công doanh trại quân Mỹ ở Plâyku và căn cứ trực thăng tại Hô-lô-ây.

---

1. *Sự thật về quan hệ Việt Nam - Trung Quốc trong 30 năm qua*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1980, tr. 46.

Chiến dịch ném bom trả đũa đầu tiên gọi là “Mũi tên rực cháy 1” được thực hiện: 49 máy bay của hải quân Hoa Kỳ đánh Đồng Hới và Vĩnh Linh.

Ngày 10 tháng 02, quân Mỹ ở Quy Nhơn bị tấn công và ngày 11 Mỹ thực hiện chiến dịch ném bom trả đũa “Mũi tên rực cháy 2” cũng tại các khu vực trên.

Ngày 13 tháng 02, Giôn-xơn ra lệnh chuyển máy bay chiến lược B.52 từ Guam về Okinaoa, sẵn sàng can thiệp vào Việt Nam. Ông ta cũng thông qua kế hoạch “Sấm Rền” ném bom từng bước và liên tục miền Bắc Việt Nam.

Ngày 02 tháng 3, chiến dịch “Sấm Rền” bắt đầu đợt I: 104 máy bay của không lực Hoa Kỳ tấn công xóm Bông, 19 máy bay của không lực Sài Gòn ném bom căn cứ hải quân của miền Bắc Việt Nam ở Quảng Khê (Quảng Bình).

Ngày 06 tháng 3, máy bay của Hoa Kỳ lần đầu tiên ném bom xuống vùng dân cư miền Nam Việt Nam.

Tại miền Bắc Việt Nam, các cuộc ném bom của chiến dịch “Sấm Rền” dần dần được mở rộng.

Mỗi đợt “Sấm Rền” kéo dài từ 1 đến 7 ngày. Những cuộc tấn công lúc đầu giới hạn mục tiêu vào các cầu, trạm radar, kho tàng quân sự giữa vĩ tuyến 17 và vĩ tuyến 19. Sau đó, các cuộc ném bom leo thang lên vĩ tuyến 20, rồi trên 20 và mở rộng ra các mục tiêu dân sự và khu dân cư.

Tuy đã có được lời tuyên bố của Chủ tịch Mao Trạch Đông với E. Xnau trước khi bắt đầu các đợt ném bom “Sấm Rền”, Oasinhton vẫn còn lo ngại sự hiểu lầm

của Bắc Kinh. Trong cuộc hội đàm tại Vácsava ngày 24 tháng 02, đại diện của Hoa Kỳ là Đại sứ Giôn A. Grônốttxki đã chính thức thông báo cho đại diện Trung Quốc:

“Tôi được chỉ thị khẳng định lại chính sách của Hoa Kỳ ở Việt Nam là luôn luôn giúp đỡ miền Nam Việt Nam duy trì tự do, độc lập, chống lại sự xâm lược của cộng sản do Hà Nội ủng hộ và lãnh đạo.

Chừng nào Việt Cộng do Hà Nội lãnh đạo và ủng hộ với sự giúp đỡ của phía các ông vẫn tiếp tục tấn công miền Nam Việt Nam, thì chừng đó Hoa Kỳ vẫn thấy cần phải giúp đỡ Chính phủ miền Nam Việt Nam mọi sự cần thiết.

Người Việt Nam ở miền Bắc đã gây áp lực với miền Nam qua biên giới, điều đó không thể tha thứ được. Chúng tôi cần phải và sẽ có hành động cần thiết để chấm dứt việc đó.

Ngày 17 tháng 02, Tổng thống Giônxon đã nhắc lại là chúng tôi không có tham vọng gì ở Đông Dương, không muốn mở rộng chiến tranh, nhưng chúng tôi sẽ tiếp tục bảo vệ tự do và có hành động thích đáng và cần thiết trước sự xâm lược của kẻ khác.

Tôi muốn nhấn mạnh là chúng tôi không có ý định xấu đối với lãnh thổ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, không có ý định lật đổ nhà cầm quyền ở Hà Nội.

Chúng tôi đã hy vọng rằng Hiệp nghị Giơnevơ năm 1954 cho phép các chính phủ ở Đông Dương tồn tại trong hòa bình, nhưng người miền Bắc Việt Nam đã xé bỏ Hiệp nghị Giơnevơ năm 1954 bằng việc cố gắng lật đổ Chính phủ miền Nam.

Hà Nội đã cung cấp cho Việt Cộng những người lãnh đạo và huấn luyện nhân viên, cũng như trang bị cho họ. Xin đưa một số ví dụ chính xác hơn: có chứng cứ là đa số nòng cốt sĩ quan Việt Cộng, nhân viên chuyên môn như giao thông liên lạc, vũ khí hạng nặng là do miền Bắc đưa vào. Chúng tôi biết những trung tâm huấn luyện chính ở miền Bắc, con đường chính để xâm nhập miền Nam. Chính phủ miền Nam đã bắt được sĩ quan quân đội, công an của miền Bắc đưa vào miền Nam.

Chúng tôi sẽ sung sướng nếu tất cả các bên hữu quan đều tôn trọng Hiệp nghị Giơnevơ năm 1954 và như vậy thì sẽ có giải pháp thỏa đáng về vấn đề Việt Nam. Bất cứ dấu hiệu nào của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa muốn trở lại hiệp nghị đó đều sẽ được hoan nghênh.

Xin ông chuyển phần chủ yếu trong nhận định của chúng tôi cho nhà đương cục của ông. Nếu Hà Nội có nghi ngờ gì về lập trường của Hoa Kỳ thì xin ông chuyển giúp lập trường của chúng tôi cho Hà Nội”<sup>1</sup>.

Và cái mà Tổng thống Giônxon gọi là “chính sách trả đũa” từng bước và liên tục cứ thế tiếp diễn với những tổn thất ngày càng lớn về máy bay và phi công Mỹ cũng như những tàn phá nặng nề, những vụ giết hại dân thường hàng loạt đối với Bắc Việt Nam.

---

1. Một bản sao thông điệp này cũng được Đại sứ Canada Xibonơ chuyển cho Hà Nội tháng sau đó.

Trong khi đó, Tổng thống Giônxon quyết định tăng thêm vũ khí, máy bay, xe tăng cho quân đội Việt Nam cộng hòa và nhất là gửi lực lượng chiến đấu của Hoa Kỳ sang miền Nam Việt Nam. Còn phải kể cả các lực lượng quân sự của Nam Triều Tiên, Thái Lan, Philippin, Ôxtrâylia, Niu Dilân thật sự giúp quân Việt Nam Cộng hòa chống lại Việt Cộng.

Tất cả bắt đầu vào ngày 08-3-1965, một buổi sáng mưa phùn. Dưới quyền chỉ huy của tướng Phrêdêrich Giôn Catri, sau sáu tuần lênh đênh từ Nhật Bản, các tàu Mon Mackinlay, Henricơ Union và Vancuvơ đã đậu trước bãi biển Đà Nẵng. Ngay người Mỹ cũng tự hỏi tại sao Bộ Tư lệnh Hoa Kỳ không cho quân Hoa Kỳ đổ bộ xuống sân bay Đà Nẵng, nhưng rồi họ cũng tìm được câu trả lời: căn cứ không quân khi đó còn quá nhỏ, và Hoa Kỳ lại muốn phô trương lực lượng, không những đối với miền Bắc Việt Nam mà đối với cả Liên Xô, Trung Quốc để tỏ quyết tâm của Hoa Kỳ không để miền Nam Việt Nam lọt vào tay cộng sản. Trong hơn 1 giờ, 3.500 quân của lữ đoàn viễn chinh lính thủy đánh bộ (MEB) đã đổ bộ xong, với những vũ khí hạng nặng như súng cối 105, xe tăng M.48, xe chiến đấu Antiot trang bị mỗi xe sáu khẩu pháo không giật 106mm. Người ta nói rằng số quân đó được phép bắn trả khi bị tấn công, nhưng đây thật sự là lính chiến đấu của Hoa Kỳ. Cho tới lúc đó, ở miền Nam Việt Nam, Hoa Kỳ đã có 23.000 lính Mỹ đủ loại (cố vấn, lực lượng đặc biệt, nhân viên của không lực mà về lý thuyết thì chỉ làm nhiệm vụ huấn luyện quân đội Sài Gòn).

Cho không quân ném bom miền Bắc Việt Nam, đưa quân chiến đấu vào miền Nam Việt Nam, dù che đậy dưới những từ “hạn chế”, “phòng thủ” nhưng vẫn là cuộc chiến tranh mà Tổng thống Giôn-xơn đã đưa Hoa Kỳ dính líu vào, với những hậu quả mà 10 năm sau mới được phơi bày ra ánh sáng.

## TỪ NƯỚC MỸ, TỪ KHẮP NƠI

**T**rong một cuộc họp với các cố vấn dân sự và quân sự, có cả Clắc Clípphót khi đó là chủ tịch Ủy ban tư vấn về tình báo về nước ngoài (FIAB) tại trại Đavít, Giônxon nêu vấn đề: chủ trương về Việt Nam. Có ý kiến bi quan, có ý kiến lạc quan, có chủ trương đưa vấn đề ra Liên hợp quốc, có chủ trương tiếp tục can thiệp quân sự ở Việt Nam, nhưng đến bao giờ và kết thúc ra sao?

Cuối cùng Giônxon kết luận:

“Chúng ta có thể bắt kẻ địch phải quỳ gối bằng Bộ Tư lệnh Không quân chiến lược. Đó là khả năng thứ nhất của chúng ta. Một nhóm khác cho rằng phải thu xếp vali và trở về nước.

Thứ ba, chúng ta có thể giữ tình trạng như hiện nay - và chịu mọi hậu quả, mất đất, mất người. Các ông không thể để con em chúng ta ở đó kêu cứu mà không đáp lại.

Rồi chúng ta có thể quay về Quốc hội và xin Quốc hội chuẩn y những số tiền lớn; chúng ta có thể gọi lính dự bị và tăng thời hạn quân dịch, đặt đất nước trong tình trạng chiến tranh, tuyên bố tình trạng khẩn cấp.

Nhiều người nghĩ rằng đó là những điều chúng ta phải làm. Chúng tôi có tính đến cả. Nhưng nếu chúng ta lao vào một cuộc chiến tranh kiểu đó thì miền Bắc Việt Nam sẽ đi gặp bạn bè của họ - Trung Quốc và Nga, và yêu cầu họ viện trợ. Hai nước đó sẽ buộc phải tăng thêm viện trợ. Vì thế, tôi không muốn bi kịch hóa tình hình và gây nên những sự căng thẳng quá đáng. Tôi nghĩ rằng chúng ta có thể giành được sự ủng hộ của nhân dân chúng ta mà không cần có thái độ khiêu khích và hiếu chiến.

Cuối cùng, chúng ta có thể chuẩn y cho các sĩ quan cao cấp của chúng ta ở chiến trường quân số và vũ khí mà họ nói là cần”. Giônxon cho đây là giải pháp tốt nhất.

Ông yêu cầu từng người phát biểu ý kiến và tất cả mọi người đều tán thành sự lựa chọn của tổng thống<sup>1</sup>.

Dùng không quân đánh Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đưa ô ạt quân chiến đấu Hoa Kỳ vào miền Nam Việt Nam là khả năng thứ năm mà Giônxon đã lựa chọn. Thực tế chứng minh sự lựa chọn đó là tăng cường và mở rộng chiến tranh ở Việt Nam. Đây là bước ngoặt trong vấn đề Việt Nam.

Phản ứng của Hà Nội và Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra sao?

Hội nghị toàn thể lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam tháng 12-1963 đã đánh giá tình hình miền Nam Việt Nam như sau:

---

1. L.B. Giônxon: *Cuộc đời Tổng thống của tôi*, Sđd, tr. 187.



“Ta đã mạnh hơn địch về chính trị nhưng còn yếu hơn địch về quân sự”.

Và dự tính có hai khả năng phát triển của tình hình miền Nam:

“1. Có thể Mỹ tham gia đến mức như hiện nay hay hơn một chút nghĩa là vẫn giữ chiến tranh đặc biệt;

2. Mỹ đưa quân Mỹ và quân của khối Đông Nam Á vào miền Nam, biến chiến tranh ở miền Nam Việt Nam thành chiến tranh cục bộ”<sup>1</sup>.

Trước âm mưu của Hoa Kỳ, tình hình các nước lớn muốn duy trì nguyên trạng ở Việt Nam, diễn biến phức tạp của phong trào cộng sản thế giới, đặc biệt là mâu thuẫn gay gắt giữa Liên Xô và Trung Quốc, Đảng Lao động Việt Nam cũng đã dự tính cách mạng miền Nam có thể phải qua những bước quá độ nào đó với những hình thức và phương pháp đấu tranh phức tạp, mới đi đến thắng lợi hoàn toàn.

Cuối năm 1963, sau khi Ngô Đình Diệm bị giết hại, Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam đã đề nghị:

“Các phái hữu quan ở miền Nam cùng nhau thương lượng để đi đến ngừng bắn và giải quyết các vấn đề trọng đại của đất nước”.

Ngày 30-01-1964, cuộc khủng hoảng chính trị, quân sự ở miền Nam càng thêm trầm trọng. Ngày 08-02-1964,

---

1. *Một số văn kiện của Đảng về chống Mỹ, cứu nước*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1985, t.1, tr. 168-178.

Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam lại kêu gọi:

“Các phe phái, các lực lượng ở miền Nam cùng nhau đàm phán để tìm một giải pháp hợp lý cho đất nước trên cơ sở thực hiện hòa bình, độc lập, dân chủ và trung lập ở miền Nam”<sup>1</sup>.

Trước khi Giôn-xơn quyết định đẩy mạnh chiến tranh ở cả hai miền Việt Nam, các nhà lãnh đạo Đảng Lao động Việt Nam đã cho rằng:

Đối với chúng ta, vấn đề đặt ra là phải đánh thế nào cho Mỹ - ngụy phải thua, đồng thời hạn chế đến mức thấp nhất đi đến loại trừ khả năng địch thay đổi chiến lược, chuyển “chiến tranh đặc biệt” thành “chiến tranh cục bộ”.

Ngay đầu năm 1965, trong một bức thư gửi các đồng chí lãnh đạo ở miền Nam, Tổng Bí thư Lê Duẩn đã cho rằng tình hình có khả năng chuyển biến mau lẹ; có thể xuất hiện một mặt trận trung lập, và dưới ngọn cờ mặt trận trung lập đó, nhân dân sẽ nổi lên, thành lập một chính quyền trung lập.

“Chính quyền mới sẽ đề ra các yêu cầu:

- Đình chỉ chiến sự. Đặt vấn đề giao thiệp công khai với Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam để bàn việc chấm dứt chiến tranh.

- Thực hiện chính sách trung lập. Giao thiệp với Pháp, Mỹ và đặt vấn đề yêu cầu quân đội Mỹ rút.

---

1. *Những sự kiện lịch sử Đảng*, Nxb. Thông tin lý luận, Hà Nội, 1980, t.1, tr. 277-293.

- Yêu cầu hai chủ tịch Hội nghị Giơnevơ năm 1954 triệu tập ngay hội nghị để bàn vấn đề bảo đảm trung lập cho miền Nam và đình chỉ chiến sự”<sup>1</sup>.

Với tinh thần tìm kiếm một giải pháp chính trị, Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã ủng hộ sáng kiến triệu tập lại Hội nghị Giơnevơ năm 1962 về Lào để giải quyết cuộc khủng hoảng ở Lào, ủng hộ cuộc gặp gỡ các hoàng thân Lào ở Pari để chuẩn bị cho cuộc hội nghị đó.

Như mọi người đã thấy, Giôn-xơn bác bỏ việc triệu tập lại Hội nghị Giơnevơ về Lào và cho tiến hành chiến dịch Baren Rôn, bí mật ném bom nước Lào. Ông ta còn đổ cho người Việt Nam đã làm ngơ sáng kiến hòa bình đầu tiên của ông ta (do Đại sứ Xibonơ chuyển tới Hà Nội) để có cơ tiến hành ném bom miền Bắc Việt Nam, đưa quân chiến đấu Mỹ vào miền Nam Việt Nam.

Cuối tháng 3-1965, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam đã họp hội nghị toàn thể để xem xét tình hình mới và ra nghị quyết: “Tình hình một nửa nước có chiến tranh, một nửa nước có hòa bình đã biến thành tình hình cả nước có chiến tranh với hình thức và mức độ khác nhau ở mỗi miền”, và hiện nay “miền Nam vẫn là tiền tuyến lớn, miền Bắc vẫn là hậu phương lớn”, “phải tiếp tục xây dựng miền Bắc, kết hợp chặt chẽ xây dựng kinh tế và tăng cường quốc phòng, kiên quyết bảo vệ miền Bắc, đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại và phong tỏa bằng không quân và hải quân của địch, chuẩn bị sẵn sàng để đánh bại địch

---

1. Lê Duẩn: *Thư vào Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1985, tr. 88.

trong trường hợp chúng đưa cuộc chiến tranh phá hoại hiện nay đến một trình độ ác liệt gấp bội hoặc chuyển nó thành một cuộc chiến tranh cục bộ cả ở miền Nam lẫn miền Bắc, ra sức động viên lực lượng của miền Bắc chi viện cho miền Nam; ra sức giúp đỡ cách mạng Lào...”. Trung ương Đảng ta cũng quyết định chuyển hướng nền kinh tế miền Bắc từ thời bình sang thời chiến, chuyển hướng về tư tưởng và tổ chức cho phù hợp với tình hình cả nước có chiến tranh, tăng cường và mở rộng lực lượng vũ trang<sup>1</sup>.

Ngày 10-4-1965, từ diễn đàn của Quốc hội, Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi toàn dân đứng lên chiến đấu:

“Chúng ta yêu chuộng hòa bình, nhưng chúng ta không sợ chiến tranh. Chúng ta quyết đánh đuổi giặc Mỹ xâm lược, để bảo vệ tự do, độc lập và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc ta”<sup>2</sup>.

Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định rõ ràng lập trường của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa:

“Kiên quyết bảo vệ nền độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của nước Việt Nam. Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một, không ai được xâm phạm đến quyền thiêng liêng ấy của nhân dân ta. Đế quốc Mỹ phải tôn trọng Hiệp nghị Giơnevơ, phải rút khỏi miền Nam Việt Nam! Phải chấm dứt ngay

---

1. *Một số văn kiện của Đảng về chống Mỹ, cứu nước*, Sđd, t.I, tr. 212-214.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.14, tr. 531.

những cuộc tiến công vào miền Bắc. Đó là biện pháp duy nhất để giải quyết vấn đề chiến tranh ở Việt Nam, để thực hiện Hiệp nghị Giơnevơ năm 1954, để bảo vệ hòa bình của các nước ở Đông Dương và Đông Nam Á. Không có giải pháp nào khác. Đó là trả lời của nhân dân và Chính phủ ta cho đế quốc Mỹ”<sup>1</sup>.

Cũng trong dịp này, trước Quốc hội, Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã nhắc lại lập trường của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là tôn trọng nghiêm chỉnh Hiệp nghị Giơnevơ năm 1954 về Việt Nam và đề ra bốn điểm làm cơ sở cho một giải pháp chính trị đúng đắn cho vấn đề Việt Nam:

“1. Xác nhận những quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam hòa bình, độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ. Theo đúng Hiệp nghị Giơnevơ, Chính phủ Mỹ phải rút quân đội, nhân viên quân sự và các loại vũ khí Mỹ ra khỏi miền Nam Việt Nam, triệt phá những căn cứ quân sự Mỹ ở miền Nam Việt Nam, xóa bỏ “Liên minh quân sự” với miền Nam. Chính phủ Mỹ phải đình chỉ chính sách can thiệp và xâm lược đối với miền Nam. Theo đúng Hiệp nghị Giơnevơ, Chính phủ Mỹ phải đình chỉ hành động chiến tranh đối với miền Bắc, hoàn toàn chấm dứt mọi hoạt động xâm phạm lãnh thổ và chủ quyền của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

2. Trong lúc chờ đợi thực hiện hòa bình thống nhất nước Việt Nam, trong lúc nước Việt Nam còn tạm thời bị

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.14, tr. 532-533.

chia làm hai miền, thì phải triệt để tôn trọng những điều khoản quân sự của Hiệp nghị Giơnevơ năm 1954 về Việt Nam như: hai miền đều không có liên minh quân sự với nước ngoài, không có căn cứ quân sự, quân đội và nhân viên quân sự của nước ngoài trên đất mình.

3. Công việc miền Nam do nhân dân miền Nam Việt Nam tự giải quyết theo Cương lĩnh của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam, không có sự can thiệp của nước ngoài.

4. Việc thực hiện hòa bình thống nhất nước Việt Nam do nhân dân Việt Nam ở hai miền tự giải quyết, không có sự can thiệp của nước ngoài”<sup>1</sup>.

Tuy trước sau vẫn trung thành với Hiệp nghị Giơnevơ năm 1954 về Việt Nam và thiết tha mong muốn hòa bình, Việt Nam mà Giôn-xơn miệt thị là “một nước nhỏ thảm hại thuộc loại 4”<sup>2</sup> đã buộc phải chấp nhận cuộc chiến đấu không cân sức với nước giàu mạnh nhất thế giới, cuộc chiến đấu đã được dư luận ví như giữa Đavít và Gôliát.

Khi máy bay Hoa Kỳ bắt đầu dội bom xuống miền Bắc Việt Nam, một số sinh viên, giáo sư trường đại học Béccolây gửi một bức thư ngỏ tới Tổng thống Giôn-xơn, yêu cầu mở cuộc thương lượng về tình hình khủng hoảng ở Việt Nam. Ngoài ra, nói chung là có ít hoặc không có sự phản đối nào khác từ người dân Mỹ.

---

1. Báo *Nhân dân*, ngày 13-4-1965.

2. W. Mansextơ: *Sự huy hoàng và giấc mộng. Lịch sử đương đại của Hoa Kỳ*, Nxb. Rôbelaphông, Pari, 1976, tr. 440.

Nhưng chính lúc đó, các chính giới quốc tế lại có nhiều lo ngại. Từ tháng 8-1963, Tổng thống Đờ Gôn đã tuyên bố rằng Việt Nam phải thống nhất, độc lập và trung lập. Ngày 08-3-1965, Tổng Thư ký Liên hợp quốc U Than đề nghị triệu tập một hội nghị gồm các nước lớn và Nam, Bắc Việt Nam để tiến hành các cuộc thương lượng sơ bộ. Tiếp đó, ngày 24 tháng 4, ông lại đề nghị Hoa Kỳ ngừng ném bom ba tháng trong một cố gắng đi tới thương lượng. Tất cả đều bị Oasinhton bác bỏ. Ngày 03-3-1965, Tổng thống Nam Tư Titô gửi thư cho Giônxơn đề nghị xúc tiến các cuộc thương lượng không điều kiện về vấn đề Việt Nam. Từ ngày 13 đến 15 tháng 3, 17 nước không liên kết họp tại Bêôgrát, ra tuyên bố kêu gọi thương lượng không điều kiện tiên quyết về vấn đề Việt Nam và lên án sự can thiệp của bên ngoài làm cho tình hình nghiêm trọng hơn. Ngày 02 tháng 4, Thủ tướng Canada L. Piaxơn phát biểu tại Philadenphia, gợi ý Hoa Kỳ tạm ngừng ném bom để tạo điều kiện đi tới thương lượng. Báo chí quốc tế ngày càng lên án mạnh mẽ việc Hoa Kỳ dùng vũ lực, ném bom một nước có chủ quyền. Phong trào đoàn kết với Việt Nam được nhen nhóm và bùng lên với ngọn lửa ngày càng mạnh từ châu Âu, châu Phi đến Mỹ Latinh.

Nhưng điều làm Giônxơn lo ngại nhất là tình hình chống chiến tranh ở ngay trong nước đã ngày càng tăng. Khi tuyên thệ nhậm chức, Giônxơn đã phác họa một chương trình rộng lớn có thể tóm tắt thành hai điểm chủ yếu giữa sự cam kết của Hoa Kỳ ở miền Nam Việt Nam và xây dựng một xã hội vĩ đại. Ông ta tỏ ra quyết tâm

tiến hành đồng thời hai cuộc chiến tranh: cuộc chiến tranh ở Việt Nam và cuộc chiến tranh chống nghèo khổ ở Hoa Kỳ. Kinh nghiệm muôn thuở của các nhà lãnh đạo chiến tranh, kể cả Giônxon khi ở cuối nhiệm kỳ, đã chứng tỏ là không thể vừa có bơ vừa có đại bác. Càng dính líu sâu vào Việt Nam, chi phí chiến tranh càng tăng. Theo Giôdép A. Amtơ, tác giả cuốn *Lời phán quyết về Việt Nam*, “ngân sách cho giáo dục và cho chương trình cung cấp sữa cho học sinh bị cắt đầu tiên khi Chính phủ được Quốc hội cấp 12 tỷ USD thêm cho Việt Nam. Các cải cách trong nước nêu trong đạo luật về “Xúc tiến cải cách xã hội và kinh tế” cũng bị cắt giảm: tiền chuẩn chi cho cơ quan thực hiện chương trình trên chỉ là 800 triệu USD năm 1964 - 1965, 1,5 tỷ USD năm 1965 - 1966; trong lúc đó chi phí cho chiến tranh ở Việt Nam là 4,7 tỷ USD năm 1965 - 1966, hơn 30 tỷ USD vào khoảng năm 1967. Các chương trình cải cách cho người da đen cũng bị ảnh hưởng nặng nề. Tiến sĩ Martin Luthơ Kinh đã phải đặt câu hỏi: “Chúng ta thích chiến tranh chống nghèo khổ hay chúng ta thích chiến tranh ở Việt Nam”<sup>1</sup>. Đó là nguyên nhân thứ nhất làm cho phong trào phản đối chiến tranh ở Hoa Kỳ tăng theo sự leo thang chiến tranh.

Chiến tranh càng ác liệt, số quân sĩ thương vong của Hoa Kỳ càng tăng lên, việc gọi lính trừ bị và lính quân dịch là điều không thể tránh khỏi. Đây là sự tiến công trực diện vào thanh niên, mà trước hết là sinh viên các trường đại học Mỹ. Mối đầu hình thức phản đối là các

---

1. Giôdép A. Amtơ: *Lời phán quyết về Việt Nam*, *Sđd*, tr. 192.



cuộc hội thảo. Cuộc hội thảo đầu tiên là ở Trường Đại học Misigon vào ngày 24-3-1965 - hai tuần sau khi những đơn vị lính thủy đánh bộ đầu tiên đổ bộ ở Đà Nẵng - thu hút hơn 3.000 sinh viên. Họ nghiên cứu cuộc chiến tranh ở Việt Nam và nêu những kiến nghị. Các cuộc hội thảo sau đó lan nhanh ra các trường đại học khác như Côlômbia, Uycônxin, Orêgon. Họ còn tổ chức một cuộc hội thảo và mời M.G. Bânđi - cố vấn đối ngoại của tổng thống đến đối thoại, nhưng Bânđi từ chối với lý do “bận việc”. Những người chống chiến tranh thấy cần phải xuống đường. Từ ngày 15-4-1965, một dòng người khổng lồ khoảng từ 300.000 đến 400.000 người rầm rộ đổ về Oasinhton. Có lúc, việc phản đối chiến tranh kết hợp với yêu sách đòi các quyền của người da đen đã dẫn đến tình trạng nổi dậy như ở Háclem, Lốt Angiolét, Niu Giécxây, Misigon, Đitroi,... làm cho cả nước Mỹ rung chuyển. Có người tự thiêu trước Lầu Năm góc, như Nócman Môrixơn, hay trước trụ sở Liên hợp quốc như La Potơ. Khi chính quyền bắt thêm lính thì thanh niên đưa ra khẩu hiệu chống quân dịch, đốt thẻ quân dịch. Ngày 20-10-1967, sinh viên tổ chức một cuộc trả thẻ quân dịch trên phạm vi cả nước. Rồi còn những hình thức “đêm trắng vì hòa bình”, diễu danh những lính Mỹ chết tại Việt Nam,...

Về mặt tổ chức, lúc đầu phong trào hòa bình, phong trào dân chủ hoạt động riêng lẻ, nhưng về sau Tổ chức sinh viên vì một xã hội dân chủ (SDS), Ủy ban phối hợp không bạo động của sinh viên (SNCC), các tổ chức chống chiến tranh đã kết hợp với nhau cùng hành động;

33 nhóm chống chiến tranh riêng lẻ đã thống nhất thành Ủy ban phối hợp toàn quốc đòi chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam. Việc điều tra dư luận cho thấy hơn 50% dân chúng Mỹ chống cuộc chiến tranh Việt Nam.

Cùng với phong trào chống chiến tranh ở Hoa Kỳ càng lên cao theo mức độ can thiệp quân sự của Hoa Kỳ ở Việt Nam, phong trào nhân dân thế giới đoàn kết với nhân dân Việt Nam lên án tội ác chiến tranh của Hoa Kỳ cũng phát triển mạnh mẽ ở các nước xã hội chủ nghĩa, các nước phương Tây và các nước đang phát triển. Vấn đề Việt Nam trở thành “lương tri của loài người”. Sức ép đòi Giôn-xơn chấm dứt ném bom miền Bắc Việt Nam, rút quân đội Hoa Kỳ ở miền Nam Việt Nam về nước, thương lượng với Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ngày càng tăng. Sự chia rẽ trong Quốc hội Mỹ về chính sách Việt Nam đẩy chính quyền Giôn-xơn vào tình thế bị cô lập.

Vì cần phải giữ hình thức “chiến tranh không tuyên bố” để tránh sự phản đối của nhân dân Hoa Kỳ và tỏ thiện chí hòa bình trước cộng đồng quốc tế, Tổng thống Giôn-xơn luôn luôn thi hành một chính sách hai mặt: mỗi bước leo thang ném bom miền Bắc Việt Nam và tăng thêm quân có ý nghĩa ở miền Nam Việt Nam đều kèm theo một kịch bản ngoại giao được chuẩn bị kỹ càng.

Sự kiện vịnh Bắc Bộ tháng 8-1964 là để tranh thủ một nghị quyết của Quốc hội Hoa Kỳ cho phép tổng thống dùng quân Mỹ ở Đông Nam Á.

Việc bắt đầu ném bom miền Bắc Việt Nam và đưa quân chiến đấu của Hoa Kỳ vào miền Nam Việt Nam gắn liền với một chiến dịch ngoại giao sôi nổi: Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ công bố cuốn sách trắng *Vì đâu có vấn đề Việt Nam*. Ngày 27-02-1965, Chính phủ Hoa Kỳ thông báo cho Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc là Hoa Kỳ sẵn sàng rút các đơn vị quân sự của mình ra khỏi Việt Nam trong trường hợp Bắc Việt Nam chấm dứt xâm lược một cách nhanh chóng và có bảo đảm; ngày 07-4-1965, Giônxon tuyên bố tại Bantimo rằng Hoa Kỳ sẵn sàng mở cuộc thương lượng không điều kiện và sẽ bỏ ra 1 tỷ USD để góp vào kế hoạch phát triển Đông Nam Á, trong đó bao gồm Bắc Việt Nam. Khi đó, số quân Mỹ đã từ 28.000 người tăng lên gần 80.000 người. Ngày 28-7-1965, Giônxon còn tuyên bố sẽ thỏa mãn mọi yêu cầu của Oétmolen, Tư lệnh quân Mỹ ở miền Nam Việt Nam và ngay tức khắc đã điều động sư đoàn không vận và một số đơn vị khác tới chiến trường. Quân số Mỹ được đưa lên 125.000 người, và đến cuối năm là 184.000 người, tháng 4-1966 là 383.500 người. Đó là chưa kể quân Nam Triều Tiên, Thái Lan, Ôxtrâylia, Niu Dilân và hơn 500.000 quân ngụy Sài Gòn.

Tháng 10-1966, Giônxon quyết định một sự thay đổi lớn trong chiến lược ở miền Nam Việt Nam: quân đội Sài Gòn phụ trách việc bình định nông thôn còn việc chiến đấu chống Việt Cộng được giao cho các lực lượng của Hoa Kỳ. Đây là đỉnh cao của việc Mỹ hóa chiến tranh, không quân Hoa Kỳ cũng đã đánh vào thủ đô

Hà Nội, mở rộng việc ném bom vào các mục tiêu dân sự, các khu dân cư.

Trong bối cảnh đó, từ Tổng Thư ký Liên hợp quốc Uthman đến nhiều nguyên thủ quốc gia và chính trị gia nhiều nước đã tăng thêm sức ép với Hoa Kỳ. Nhân dịp lễ Nôen năm 1965, Giôn-xơn quyết định ngừng ném bom 37 ngày và đưa ra lập trường 14 điểm về thương lượng hòa bình ở Việt Nam. Oasinhton đã tiến hành một trong những chiến dịch ngoại giao lớn nhất trong nhiệm kỳ của Tổng thống Giôn-xơn như ông ta đã viết trong hồi ký: tổng thống gửi công hàm cho nhiều nguyên thủ quốc gia, thủ tướng chính phủ. Ngoại trưởng Đin Raxcơ gặp nhiều ngoại trưởng và đại sứ. Nhiều phái viên được cử đi châu Âu, châu Á, châu Đại Dương, Mỹ Latinh và châu Phi. Trực tiếp hay qua trung gian, Hoa Kỳ còn tiến hành ngoại giao bí mật với Hà Nội.

Ngày 08-02-1967, trong thư gửi Chủ tịch Hồ Chí Minh, Tổng thống Giôn-xơn đề nghị: Hoa Kỳ sẵn sàng chấm dứt ném bom miền Bắc ngay khi được bảo đảm rằng sự thâm nhập bằng đường bộ và đường biển vào miền Nam Việt Nam đã chấm dứt và sẽ có thảo luận nghiêm chỉnh và bí mật để nhanh chóng đi tới hòa bình.

Ngày 29 tháng 9, Giôn-xơn đưa ra công thức Xan Antônô: Hoa Kỳ sẽ chấm dứt các cuộc oanh tạc bằng không quân và hải quân đối với Bắc Việt Nam khi nào sáng kiến này nhanh chóng dẫn tới các cuộc thảo luận có hiệu quả; trong quá trình thảo luận đó, miền Bắc Việt Nam sẽ không lợi dụng việc ngừng ném bom

hay hạn chế ném bom. Công thức này đã có phần mềm dẻo hơn trước.

Trong các “chiến dịch hòa bình”, Nhà Trắng đúng là đã dùng con đường những người trung gian để tiếp cận với Hà Nội và nêu chủ trương “thương lượng không điều kiện” của Hoa Kỳ. Trong cuốn hồi ký *Cuộc đời Tổng thống của tôi*, Giônxon đã liệt kê 17 cuộc tiếp xúc với Bắc Việt Nam về hòa bình (kể cả cuộc tiếp xúc chính thức đầu tiên vào tháng 5-1965). Họ còn tìm cách lợi dụng thiện chí của một số chính phủ, nhân sĩ khác thật sự mong muốn góp phần chấm dứt ném bom, chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam.

Các chiến dịch như: Hoa tháng Năm, Bông Cúc vạn thọ, Hoa Hướng dương, các dự án XYZ - tiếp xúc Pinta, con đường Penxinvania, công thức Bantimo, công thức Xan Antônô,... cho thấy Nhà Trắng quả thật năng động và nhiều sáng kiến...

## NỖI LO CỦA ẤN ĐỘ

Oasinhton đã quyết định lao vào chiến tranh ở Việt Nam với tất cả sự tự tin mù quáng, sự kiêu căng về sức mạnh của mình. Dù cuộc chiến đấu không cân sức, nhân dân Việt Nam ở cả hai miền đã phải chấp nhận sự thách thức của Hoa Kỳ. Trong lúc đó, phần còn lại của Đông Nam Á cũng đang bùng bùng la hét “chính quyền ở đầu ngọn súng”, trực Giacácta - Bắc Kinh đe dọa lôi cuốn hàng trăm triệu người vào cuộc chiến đấu mới. Tình hình dễ bùng nổ đó làm cho nhân dân thế giới lo ngại, trước hết là các nước trong khu vực.

Ấn Độ là nước lớn thứ hai ở châu Á với hơn 500 triệu dân khi đó. Nền văn minh Ấn Độ đã du nhập bán đảo Đông Dương từ hàng nghìn năm trước, để lại những dấu ấn sâu sắc chứng tỏ quan hệ lâu đời giữa Việt Nam và Ấn Độ. Trong những năm 1950, nhân dân Việt Nam và Ấn Độ đã tích cực ủng hộ nhau trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân, giành độc lập dân tộc. Những cuộc viếng thăm Việt Nam của Thủ tướng J. Nêru, của Tổng thống Prasát, cuộc viếng thăm Ấn Độ của Chủ tịch Hồ Chí Minh càng làm tăng thêm mối tình hữu nghị truyền thống đó.

Ấn Độ mới giành được độc lập năm 1947 và đang đứng trước những nhiệm vụ cực kỳ nặng nề để củng cố độc lập, xây dựng kinh tế, quốc phòng và đặc biệt là chống nạn đói hàng năm vẫn đe dọa tính mạng của hàng chục triệu người. Năm 1965-1967, nạn đói khủng khiếp do hạn hán kéo dài gây ra lan tràn toàn tiểu lục địa. Từ khi ra đời, nước Cộng hòa Ấn Độ luôn luôn thi hành chính sách hòa bình, hữu nghị, không liên kết, trên cơ sở năm nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình. Trong Hội nghị Á - Phi tại Băngđung, Ấn Độ đã cùng Trung Quốc, Indônêxia giữ vai trò tích cực góp phần vào sự nghiệp đoàn kết nhân dân các nước Á - Phi vì hòa bình, độc lập dân tộc và phát triển cùng tồn tại giữa các quốc gia. Trong Phong trào Không liên kết buổi sơ khai, Ấn Độ đã cùng Nam Tư, Ai Cập vạch hướng đi của phong trào.

Việc Ấn Độ nhận làm Chủ tịch Ủy ban giám sát và kiểm soát quốc tế xuất phát từ lòng mong muốn góp phần bảo đảm việc tôn trọng và thi hành Hiệp nghị Giơnevơ về Đông Dương, bảo đảm hòa bình lâu dài ở khu vực này.

Đại diện của Ấn Độ không chỉ có vai trò là Chủ tịch Ủy ban quốc tế mà còn là người “canh gác” hòa bình của Niu Đêli.

Trong cuộc viếng thăm Ấn Độ năm 1961, Bộ trưởng Y tế Phạm Ngọc Thạch, đặc phái viên của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đã lưu ý các nhà lãnh đạo Ấn Độ về việc Hoa Kỳ tăng cường can thiệp quân sự vào miền Nam Việt Nam, đe dọa thật sự hòa bình và ổn định

ở Đông Dương và khu vực. Ông đã đề nghị Chính phủ Ấn Độ, với cương vị của mình trong Ủy ban quốc tế, góp phần vào việc ngăn chặn, không để cho tình hình xấu thêm.

Trong báo cáo đặc biệt gửi hai Chủ tịch Hội nghị Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương là Liên Xô và Anh ngày 02-6-1962, Chủ tịch Ủy ban Ấn Độ đã cùng các đồng sự Ba Lan và Canada lưu ý hai chủ tịch:

“Ủy ban cũng cho rằng tuy có thể chưa có một liên minh quân sự chính thức giữa Chính phủ Hoa Kỳ và Việt Nam Cộng hòa, nhưng việc thành lập Bộ Chỉ huy viện trợ quân sự Hoa Kỳ ở miền Nam và việc đưa vào một số lớn nhân viên quân sự Hoa Kỳ, vượt quá số lượng của phái đoàn MAAG, chẳng khác gì là một liên minh quân sự thực tế mà Điều 19 của Hiệp định Giơnevơ đã ngăn cấm”.

Dự kiến của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trình bày tại Đêli đã được thực tế xác nhận bằng một loạt hành động chiến tranh của Hoa Kỳ bắt đầu từ việc ném bom ở miền Bắc Việt Nam ngày 05-8-1964.

Nếu các quả bom đầu tiên ném xuống các căn cứ hải quân ở miền Bắc Việt Nam ngày 05-8-1964 có thể được hiểu là phản ứng của Oasinhtơn đối với việc tàu khu trục Maddox bị tấn công thì các cuộc oanh tạc Đồng Hới và khu phi quân sự từ ngày 07-02-1965 đã bộc lộ rõ ràng ý đồ của L.B. Giônxon là đẩy mạnh chiến tranh.

Ngày 08-02-1965, Đêli ra tuyên bố kêu gọi: “Các nước cố gắng làm cho cuộc xung đột không mở rộng và



đưa ra những biện pháp nhằm giải quyết hòa bình vấn đề Việt Nam”.

Đồng thời, Đêli đưa ra một kế hoạch gồm hai bước cụ thể:

1. Tất cả các bên liên quan đình chỉ ngay các hành động khiêu khích ở miền Bắc cũng như ở miền Nam của Việt Nam.

2. Triệu tập càng sớm càng tốt một hội nghị quốc tế kiểu Hội nghị Giơnevơ năm 1954 về Việt Nam để giải quyết hòa bình vấn đề Việt Nam.

Từ ngày 13 đến 15 tháng 3, tại Bêôgrát, Ấn Độ cùng với Nam Tư và 15 nước không liên kết khác kêu gọi có các cuộc thương lượng không điều kiện tiên quyết để giải quyết hòa bình vấn đề Việt Nam và lên án sự can thiệp của nước ngoài làm tình hình nghiêm trọng thêm.

Một ngày sau khi Giônxơn tuyên bố tại Bantimo rằng Hoa Kỳ sẵn sàng thương lượng không điều kiện về vấn đề Việt Nam, thậm chí tuyên bố cử ngay Eblác là người thương lượng của phía Hoa Kỳ thì Ấn Độ đã hưởng ứng ngay.

Theo chỉ thị của Đêli, Đại sứ Ấn Độ M.A. Raman trong Ủy ban quốc tế, thông qua phái đoàn liên lạc Quân đội nhân dân Việt Nam, ngày 08 tháng 4, xin gặp Bộ trưởng Ngoại giao Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Yêu cầu của đại sứ được thỏa mãn ngay.

Thứ trưởng Ngoại giao Hoàng Văn Tiến tiếp ông. Đại sứ Raman đi ngay vào vấn đề:

- Chính phủ chúng tôi rất quan tâm đến diễn biến tình hình ở Việt Nam trong những tháng gần đây nên đã tiếp xúc với các chính phủ có liên quan nhiều nhất, trước hết là Oasinhton. Đại sứ chúng tôi ở đây đã về Niu Đêli và hiện nay còn ở đó. Oasinhton có thay đổi thái độ. Đến nay, qua các tuyên bố và cuộc nói chuyện với Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ, có thể hiểu rằng việc chấm dứt những cuộc oanh tạc miền Bắc Việt Nam không đặt ra yêu cầu gì đối với cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam cả. Chính phủ chúng tôi quan tâm giải quyết vấn đề lâu dài nhưng cũng quan tâm đến tình hình đang phát triển có thể dẫn tới cuộc leo thang ngày càng mở rộng, nên chúng tôi thấy rằng giải quyết vấn đề lâu dài cần phải có thời gian, hiện nay hãy giải quyết vấn đề leo thang trước.

Có hai yếu tố:

1. Vấn đề này gắn liền với vấn đề Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam. Theo quan điểm chính thức của các ông, không phải các ông mà Mặt trận là người chịu trách nhiệm ở miền Nam.

2. Các ông đã bị tấn công ở miền Bắc. Tất nhiên các ông phải có biện pháp phòng thủ.

Theo tin từ Oasinhton, có dấu hiệu chắc chắn là hai việc đó có thể giải quyết được. Trong việc chấm dứt ném bom miền Bắc, họ không có yêu cầu gì đối với Mặt trận mà chỉ muốn có dấu hiệu nào đó về việc các ông thôi không ủng hộ Mặt trận nữa, kể cả dấu hiệu không công khai. Khi nào có dấu hiệu như thế, từ những người

có thẩm quyền cho chúng tôi biết, việc ném bom miền Bắc sẽ chấm dứt. Tất nhiên cần có những chi tiết về cách đưa ra dấu hiệu đó như thế nào, không cần các ông phải thừa nhận điều gì hay thay đổi lập trường của các ông.

Sau đó, ông bình luận thêm: Nếu để tình hình này kéo dài thì có nguy cơ leo thang thật sự. Chúng tôi hiểu rõ quyết tâm của miền Bắc không nao núng trước việc ném bom, và việc ném bom đó cũng không ảnh hưởng gì đến phong trào của Mặt trận ở miền Nam.

Đại sứ nói tiếp:

- Tôi nghĩ rằng dù sao việc chấm dứt nguy cơ leo thang vẫn có lợi cho các ông, nếu không đưa đến vấn đề gì thì cũng cho các ông một thời gian rất quý báu. Thế giới lúc này đang phản đối việc ném bom miền Bắc. Sau đây, nếu có việc đã chấm dứt ném bom miền Bắc rồi lại ném bom trở lại thì thế giới càng phản đối. Tất cả tùy thuộc ở chỗ các ông đưa ra dấu hiệu gì, bằng cách nào chúng tỏ là các ông sẵn sàng thôi không làm cái việc mà Hoa Kỳ cho rằng các ông đang giúp đỡ Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.

Thứ trưởng Ngoại giao Hoàng Văn Tiến nói:

- Xin cảm ơn thông điệp mà đại sứ đã chuyển cho Chính phủ chúng tôi, cảm ơn sự quan tâm của Chính phủ Ấn Độ đối với vấn đề hòa bình ở Việt Nam. Nhưng tôi xin lưu ý đại sứ rằng nguồn gốc tình hình nguy hiểm hiện nay ở Việt Nam là do Hoa Kỳ đã vi phạm có hệ thống Hiệp nghị Giơnevơ năm 1954 và ngày càng tăng cường

can thiệp quân sự vào Việt Nam, xâm phạm chủ quyền và an ninh của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Lập trường cơ bản của Chính phủ chúng tôi là muốn có hòa bình lâu dài ở Việt Nam, ổn định trong khu vực thì Hiệp nghị Giơnevơ phải được thi hành nghiêm chỉnh. Hoa Kỳ phải rút khỏi miền Nam Việt Nam để nhân dân Việt Nam giải quyết lấy công việc nội bộ của mình, nước Việt Nam cần được thống nhất bằng biện pháp hòa bình. Nếu Hoa Kỳ tiếp tục ném bom miền Bắc, tăng cường chiến tranh ở miền Nam thì nhân dân Việt Nam sẽ chiến đấu quyết liệt đến cùng, Hoa Kỳ sẽ không bao giờ giành được thắng lợi. Chúng tôi muốn có những cuộc thương lượng thành thật chung quanh bàn hội nghị để tìm một giải pháp đúng đắn trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Hiệp nghị Giơnevơ. Chúng tôi sẽ báo cáo thông điệp của Chính phủ Ấn Độ lên Chính phủ chúng tôi.

Cùng ngày 08 tháng 4 đó, Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã đưa ra lập trường bốn điểm làm cơ sở cho một giải pháp đúng đắn về Việt Nam.

Oasinhton tuyên truyền âm ỉ về cái gọi là “thương lượng không điều kiện” nhưng thực tế vẫn leo thang đánh phá miền Bắc Việt Nam, tiếp viện thêm nhiều quân chiến đấu Hoa Kỳ vào miền Nam.

Ấn Độ kiên trì các cố gắng hòa bình của mình. Ngày 24 tháng 4, Ấn Độ đề ra kế hoạch của Tổng thống Radacrixnan để giải quyết vấn đề Việt Nam. Kế hoạch gồm ba điểm:

- Đình chỉ xung đột ở cả hai miền Việt Nam.
- Duy trì ranh giới giữa hai miền Việt Nam.
- Đưa quân các nước Á - Phi sang kiểm soát ranh giới đó<sup>1</sup>.

Dư luận phương Tây lúc bấy giờ gọi đó là một kế hoạch lập “vành đai phòng địch”<sup>2</sup>.

Tháng 8-1967, khi đến chào từ biệt Bộ trưởng Ngoại giao Nguyễn Duy Trinh, Đại sứ Raman đã gợi ý: Muốn trở lại Hiệp nghị Giơnevơ, phải duy trì tính chất khu đệm của khu phi quân sự. Nói cho đúng, ý kiến khôi phục lại khu phi quân sự là sáng kiến do Pôn Matin, Bộ trưởng Ngoại giao Canada, đưa ra từ bốn tháng trước trong một công thức gọi là từng bước áp dụng lại các điều khoản ngừng bắn trong Hiệp nghị Giơnevơ năm 1954. Trong đó có bốn bước: phi quân sự hóa thật sự khu phi quân sự; không tăng các hoạt động quân sự hay việc vận chuyển chi viện qua khu phi quân sự; đình chỉ xung đột; trở lại ngừng bắn.

Oasinhton đã hoan nghênh sáng kiến của Canada và lấy nó làm bàn đạp cho một đợt hoạt động ngoại giao mới.

Ngày 19 tháng 4, Oasinhton đề nghị hai bên thỏa thuận mở rộng khu phi quân sự mỗi phía 10 dặm, và phác họa một kế hoạch để giải quyết vấn đề Việt Nam:

“Chính phủ Hoa Kỳ và Nam Việt Nam sẵn sàng rút lực lượng của họ xa về phía nam khu phi quân sự

---

1. Các hãng thông tấn P.T.I, Roitơ.

2. Xem thêm *Tài liệu Lầu Năm góc*, Sđd, t.3, tr. 379.

10 dặm nếu Bắc Việt Nam cũng rút lực lượng 10 dặm về phía bắc... Sau khi tách các lực lượng, Chính phủ Hoa Kỳ và Nam Việt Nam sẵn sàng nói chuyện để xuống thang hơn nữa và tiến tới một giải pháp toàn bộ. Cuộc nói chuyện có thể bí mật hay công khai sẽ được tiến hành ở cấp bậc và địa điểm mà Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa có thể gợi ý.

Avoren Hariman đã lập tức gặp các đại sứ Anh và Liên Xô để giải thích đề nghị này và yêu cầu họ báo cáo ngay về nước mình. Ông cũng gặp các đại sứ Canada và Ấn Độ, Ba Lan để yêu cầu Ủy ban quốc tế có một lực lượng gìn giữ hòa bình của mình”<sup>1</sup>.

Nhưng ngay ngày hôm sau (ngày 20 tháng 4), không quân Hoa Kỳ ô ạt bắn phá nhà máy điện và trung tâm Hải Phòng, thành phố lớn thứ hai của miền Bắc Việt Nam. Chỉ riêng sự kiện đó cũng đủ gây sự nghi ngờ lòng thành thật muốn thương lượng hòa bình của nhà cầm quyền Hoa Kỳ, dù ngày 23 và 24 tháng 5 máy bay của Hoa Kỳ có ngừng ném bom miền Bắc nhân dịp lễ Phật Đản.

Nói cho đúng, Ấn Độ, với trách nhiệm là Chủ tịch Ủy ban quốc tế và tư cách quan sát viên tại chỗ, có quan hệ cả với Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Việt Nam Cộng hòa, luôn luôn tìm cách đóng góp cho hòa bình ở Việt Nam: khôi phục lại tính chất khu đệm của khu phi quân sự, khôi phục lại Ủy ban liên hợp gồm đại diện

---

1. C. L. Cupor: *Cuộc thập tự chinh thất bại*, Nxb. Đút Mét và Công ty Niu Oóc, 1970, tr. 372-373.

của Hà Nội, Sài Gòn (nhưng lại không có Mặt trận Dân tộc giải phóng khi đó đã kiểm soát những vùng rộng lớn ở miền Nam), kêu gọi thương lượng không điều kiện... Theo Tổng lãnh sự Ấn Độ D.A. Daoan ở Hà Nội, năm 1966, Ấn Độ đã thảo luận vấn đề Việt Nam với Nam Tư và Ai Cập và cho biết ba nước đã nhất trí về ba điểm:

- Mỹ phải ngừng ném bom miền Bắc Việt Nam để tạo thuận lợi cho một giải pháp hòa bình.

- Phải công nhận về nguyên tắc việc rút quân khỏi miền Nam Việt Nam.

- Phải sắp xếp các điều kiện thuận lợi cho việc tuyển cử tự do ở miền Nam Việt Nam, qua đó lập ra một Chính phủ có toàn quyền quyết định điều mà họ mong muốn, giữ Chính phủ riêng hay sáp nhập với miền Bắc. Để bảo đảm cho cuộc tuyển cử được tự do, cần có giám sát quốc tế.

Từ ngày 07-7-1966, bà Indira Gandi, vị thủ tướng mới của Ấn Độ, đã tuyên bố: yêu cầu Hoa Kỳ chấm dứt ném bom miền Bắc, rút quân đội nước ngoài ra khỏi miền Nam, triệu tập lại Hội nghị Giơnevơ năm 1954, bảo đảm độc lập và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam...

Đầu năm 1967, khi Bộ trưởng Ngoại giao Nguyễn Duy Trinh của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tuyên bố có thể nói chuyện với Hoa Kỳ sau khi Hoa Kỳ chấm dứt không điều kiện việc đánh phá miền Bắc, Ấn Độ đã ủng hộ một cách nhanh chóng và rõ ràng.

Ngày 08-02-1967, Bộ trưởng Ngoại giao Ấn Độ Chagla ra tuyên bố kêu gọi mở rộng việc ngừng bắn trong dịp Tết “một cách vĩnh viễn và không điều kiện”.

Ông kêu gọi Hoa Kỳ chấm dứt ném bom miền Bắc Việt Nam “không điều kiện và vĩnh viễn”. Ông nói: Chính phủ Ấn Độ hài lòng với tuyên bố của ông Trinh về khả năng nói chuyện một khi việc ném bom chấm dứt.

Tiếp đó, trong một tuyên bố đăng trên tờ *Thời báo Hindu* ngày 20-02-1967, Ngoại trưởng Chagla lại nói đại ý: Hoa Kỳ đã ám chỉ rằng chỉ cần một tiếng nói thăm của Hà Nội về sự đáp ứng tích cực thì việc ném bom sẽ chấm dứt. Trả lời của Hà Nội không chỉ là một tiếng nói thăm mà là một tiếng hô đủ to như người ta mong đợi. Tuyên bố của ông Trinh là một thay đổi dứt khoát về lập trường của Hà Nội và Mặt trận Dân tộc giải phóng, vì họ không nhấn mạnh đến các điều kiện tiên quyết để đi vào nói chuyện trước đây của họ.

Đó là một lập trường rõ ràng đối với cả Việt Nam và Hoa Kỳ.



## **ĐẠI SỨ CÔ LƠ VÀ ĐẠI SỨ KINH: CUỘC GẶP GỠ KHÔNG THÀNH**

---

Có lần nói chuyện với dân chúng Hoa Kỳ, Tổng thống Giônxon gọi cuộc chiến tranh Việt Nam là cuộc chiến tranh có ba mặt: xung đột vũ trang, hoạt động ngoại giao và chính trị, những nhu cầu của con người<sup>1</sup>.

Lúc 21 giờ ngày 07-4-1965, từ diễn đàn một giảng đường của Đại học Giôn Hốpkin tràn ngập ánh sáng từ các đèn pha máy quay phim của các phóng viên truyền hình, Giônxon tuyên bố Hoa Kỳ “sẵn sàng mở các cuộc thương lượng không điều kiện”. Tuyên bố này chính là dấu hiệu cho thấy ông ta đã đi vào mặt thứ hai của cuộc chiến tranh ba mặt, mở đầu những hoạt động ngoại giao và chính trị sẽ tiếp diễn song song với các hoạt động quân sự của mặt “xung đột vũ trang” ngoài chiến trường.

Đây là quyết định quan trọng thứ tư của Giônxon về chiến tranh Việt Nam như ông ta đã viết trong hồi ký.

---

1. *Tài liệu Lầu Năm góc, Sdd*, t.3, tr. 370.

Dù có kèm theo lời hứa hẹn về việc Hoa Kỳ sẽ góp một tỷ USD vào sự nghiệp phát triển các nước Đông Nam Á, trong đó có miền Bắc Việt Nam, câu tuyên bố về “thương lượng không điều kiện” vẫn chưa làm ai tin thiện chí hòa bình của Tổng thống Giônxon. Đòi chấm dứt ném bom miền Bắc Việt Nam đã trở thành khẩu hiệu chiến đấu của phong trào nhân dân Mỹ chống chiến tranh Việt Nam, tập hợp được ngày càng nhiều người thuộc nhiều tầng lớp, trước hết là sinh viên. Thủ tướng Canada Piaxơn, Tổng Thư ký Liên hợp quốc Uthan yêu cầu Giônxon ra lệnh ngừng ném bom miền Bắc Việt Nam. Cộng hòa Angiêri dân chủ và nhân dân, Cộng hòa Ảrập thống nhất cũng kêu gọi chấm dứt ném bom miền Bắc Việt Nam. Trong một thông cáo chung, Liên Xô và Pháp cũng yêu cầu chấm dứt sự can thiệp của nước ngoài vào Việt Nam.

Giônxon thấy “các lời chỉ trích (việc ném bom miền Bắc Việt Nam) đã lên đến một mức độ cao, nên chỉ thị cho các cộng sự nghiên cứu khả năng chấm dứt ném bom để đi tới nói chuyện với Hà Nội, thực chất là để xoa dịu dư luận. Ba tháng sau khi bắt đầu các cuộc ném bom ồ ạt vào miền Bắc và đưa lực lượng chiến đấu của Hoa Kỳ vào miền Nam Việt Nam, thời điểm thích hợp đã đến khi ngày Phật Đản trùng vào ngày 12 tháng 5. Cũng nên nói thêm là khi đó máy bay Mỹ đã leo thang đến sát vĩ tuyến 20. Ngày 05 tháng 5, lữ đoàn không vận 173, lực lượng can thiệp nhanh của Hoa Kỳ ở Tây Thái Bình Dương, từ Ôkinaoa được đưa sang bảo vệ căn cứ không quân Biên Hòa, cách Sài Gòn 30 km.

Tiếp đó, lữ đoàn không vận 101 được tăng cường cho vùng Sài Gòn.

Chiều 10 tháng 5, Giônxon gửi điện báo cho đại sứ Mácxoen Taylo việc ông đã quyết định ngừng ném bom miền Bắc Việt Nam vài ngày và nhấn mạnh:

“Ông cần hiểu rằng mục đích của tôi trong kế hoạch này là bắt đầu dọn đường cho một giải pháp hòa bình hoặc là cho việc tăng cường các hoạt động quân sự tùy theo phản ứng của những người cộng sản. Chúng ta đã tỏ rõ một cách rộng rãi quyết tâm và cam kết của chúng ta trong hai tháng qua và bây giờ tôi muốn tỏ ra có đôi chút mềm dẻo”<sup>1</sup>.

Để giữ chiến dịch này được bí mật, Oasinhton đặt cho nó mật danh là Hoa tháng Năm, lúc đầu chỉ có đại sứ Phoi Côlô ở Mátxcova và Đại sứ Uyliam Xulivan ở Viên Chăn được biết.

Chiều 11 tháng 5, Ngoại trưởng Đin Raxơ điện báo cho Đại sứ Côlơ, yêu cầu gặp Đại sứ Nguyễn Văn Kinh của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa để chuyển bức thông điệp sau đây cho nhà cầm quyền ở miền Bắc Việt Nam:

“Người cầm quyền cao nhất của Chính phủ này yêu cầu tôi báo cho Hà Nội rằng sẽ không có cuộc tấn công bằng không quân trên miền Bắc Việt Nam trong một thời gian bắt đầu từ trưa (giờ Oasinhton) thứ tư ngày 12 tháng 5 cho đến đầu tuần sau”.

Trong quyết định này, Chính phủ Hoa Kỳ đã chú ý đến những gợi ý liên tiếp của nhiều phía, kể cả những

---

1. “Tài liệu Lầu Năm góc”, *Tlđđ*, 1971, tr. 446.

tuyên bố của đại diện Hà Nội rằng sẽ không có tiến bộ đi tới hòa bình trong khi còn các cuộc bắn phá bằng không quân ở miền Bắc Việt Nam. Chính phủ Hoa Kỳ tin rằng nguyên nhân cơ bản của tình hình rối loạn ở Đông Nam Á là hành động vũ trang chống nhân dân và Chính phủ miền Nam Việt Nam của các lực lượng do Hà Nội chi phối.

“Hoa Kỳ sẽ theo dõi một cách chặt chẽ xem trong thời gian tạm ngừng ném bom đó có sự giảm bớt đáng kể trong các hoạt động vũ trang của các lực lượng đó không? Hoa Kỳ cần phải nhấn mạnh rằng con đường dẫn tới việc chấm dứt các cuộc tấn công vũ trang chống lại nhân dân và Chính phủ Việt Nam là con đường cho phép Chính phủ Việt Nam (và Chính phủ Hoa Kỳ) chấm dứt vĩnh viễn các cuộc tấn công trên miền Bắc.

Với hành động này, Hoa Kỳ biết rất rõ rằng việc tạm ngừng ném bom có thể bị hiểu lầm là một dấu hiệu của thế yếu. Do đó tôi thấy cần nhấn mạnh: nếu cuộc ngừng ném bom này bị hiểu lầm như vậy, bởi bất kỳ bên nào, thì cần phải chỉ ra một cách rất rõ ràng hơn bất kỳ lúc nào rằng sau khi ngừng ném bom chấm dứt, Hoa Kỳ quyết không chấp nhận sự xâm lược mà không bị giáng trả lại ở Việt Nam.

Tuy vậy, Hoa Kỳ cần nhấn mạnh rằng, quyết định chấm dứt các cuộc không tập để thử thách trong thời gian này là một quyết định có thể tự do đảo ngược lại, nếu bất cứ lúc nào trong những ngày tới phía bên kia ở Việt Nam có hành động thì được đối phó ngay.

Nhưng Chính phủ tôi hy vọng rằng sẽ không có một sự hiểu lầm như vậy và cuộc ngừng không tập đầu tiên này có thể được đáp ứng, cho phép kéo dài hơn việc ngừng lại hoạt động quân sự này với lòng mong đợi rằng sẽ có các hành động xây dựng tương ứng của phía bên kia”<sup>1</sup>.

Mặt khác, Đin Raxơ mời Đại sứ Liên Xô Anatôli Đôbrunin đến Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ để thông báo miệng nội dung thông điệp trên, nhưng có trao cho Đôbrunin một bản dịch.

Theo tinh thần khẩn trương của Oasinhton, sáng 12 tháng 5, ông Côlơ cử tham tán của mình liên lạc với Sứ quán Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đề nghị có ngay cuộc gặp trong ngày giữa Đại sứ Côlơ và Đại sứ Nguyễn Văn Kinh, vì có chuyện quan trọng. Nhân viên Sứ quán Việt Nam cho biết Đại sứ Việt Nam từ chối không tiếp Đại sứ Hoa Kỳ vì hai nước chưa có quan hệ ngoại giao, và gợi ý Sứ quán Hoa Kỳ nên gửi công hàm quan trọng và bí mật đó cho Chính phủ Liên Xô với tư cách là đồng Chủ tịch Hội nghị Giơnevơ năm 1954.

Côlơ báo ngay cho Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ xin chỉ thị mới và đề nghị một trong hai cách giải quyết sau: cho người mang bức thông điệp bằng công hàm tới Sứ quán Việt Nam hoặc tìm gặp Quyền Bộ trưởng Ngoại giao Liên Xô để chuyển thông điệp.

Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ trả lời ngay: Hành động đồng thời theo hai cách, nếu người Xôviết không muốn

---

1. Xem thêm *Tài liệu Lầu Năm góc, Sđd*, t.3, tr. 369.

làm trung gian thì yêu cầu họ chuyển thông điệp cho Đại sứ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa theo gợi ý của họ.

Côlor chuyển thông điệp “miệng” cho Đại sứ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa kèm bức thư có chữ ký của ông ta. Nội dung bức thư đó như sau:

“Phù hợp với gợi ý do một thành viên của cơ quan tham mưu của ông đưa ra hôm nay, tôi đang cố gắng để gặp Quyền Bộ trưởng Ngoại giao Liên Xô tối nay.

Do không thể kịp được và vì sự quan trọng của văn kiện, tôi xin gửi kèm đây bức thông điệp mà tôi đã hy vọng chuyển sớm hơn hôm nay tới ông (Côlor)”.

Một nhân viên sứ quán Hoa Kỳ trao tay bức thư đó cho một nhân viên Sứ quán Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nhưng nó đã bị trả lại sáng hôm sau trong một chiếc phong bì không có tiêu đề Sứ quán Việt Nam và chỉ ghi Đại sứ quán Hoa Kỳ.

Cùng thời gian, Quyền Bộ trưởng Ngoại giao Liên Xô Cudonétxốp (thay mặt Bộ trưởng Grômucô đi vắng) khi đó cũng bận, nên Côlor xin gặp Thứ trưởng Phiriubin. Ông ta trình bày ý nghĩa, nội dung của thông điệp và yêu cầu Liên Xô chuyển thông điệp đó cho Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Phiriubin nói Sứ quán Việt Nam Dân chủ Cộng hòa không yêu cầu Liên Xô làm việc đó. Côlor nói rằng đã cố gắng tự mình chuyển thông điệp đó cho Sứ quán Việt Nam ở Mátxcova và cuối cùng người ta gợi ý chuyển cho Liên Xô với tư cách là đồng chủ tịch Hội nghị Giơnevơ năm 1954.

Phiriubin lúc đầu nói sẽ báo cáo việc này lên chính phủ mình, sau đó đưa một mảnh giấy cho Trợ lý Côiencô đang cùng dự tiếp khách. Côiencô đi ra và trở lại với mảnh giấy, Phiriubin đã đọc rất kỹ. Sau đó, Phiriubin nói rằng Liên Xô không nhận chuyển thông điệp cho Việt Nam vì Việt Nam Dân chủ Cộng hòa không yêu cầu Liên Xô làm việc đó. Phía Liên Xô cũng đề xuất phía Hoa Kỳ nên tìm con đường khác để chuyển thông điệp cho Hà Nội.

Đến đây, Côiơ hiểu rằng, cuộc gặp gỡ mà ông ta mong muốn với Đại sứ Nguyễn Văn Kinh đã không thành. Trong báo cáo gửi ngay sau đó về Oasinhton, Côiơ đề nghị nhờ Lãnh sự quán Anh ở Hà Nội chuyển, đồng thời đề nghị rút ngắn và sửa lại thông điệp vì thấy tính chất và cách viết của nó không thích hợp. Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ đã bác bỏ đề nghị thứ hai của Côiơ.

Ngày 13 tháng 5, ông E.F. Út, Lãnh sự Anh ở Hà Nội gửi cho Trưởng phòng Ngoại vụ của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội một bức thư có kèm theo bức thông điệp của Hoa Kỳ mà Đại sứ Kinh đã không chịu nhận và Bộ Ngoại giao Liên Xô không chịu chuyển. Nhưng hôm sau, bức thư đó cũng đã được trả lại cho Lãnh sự quán Anh.

Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ tính những con đường khác.

Họ lợi dụng cả Pie Xalingơ, một nhà kinh doanh đang có mặt ở Mátxcơva lúc đó về vấn đề sản xuất phim. Nhân một bữa cơm do Mikhain Xagateoan mời, người mà Xalingơ đã quen biết ở Oasinhton khi ông ta làm giám đốc Hãng Thông tấn TASS ở đây, và lúc bấy giờ

đang làm ở Hãng Thông tấn TASS Mátxcơva, Xalingơ đã nêu vấn đề thông điệp với Xagatenơ. Xagatenơ tỏ ra quan tâm đến thông báo của Xalingơ và muốn biết thêm quan điểm của Hoa Kỳ về một số vấn đề như Hoa Kỳ có tuyên bố công khai hay không về vấn đề ngừng ném bom, ngừng bắn, vai trò của Mặt trận Dân tộc giải phóng, vấn đề hội nghị quốc tế...

Ngày 15 tháng 5, khi gặp Bộ trưởng Ngoại giao Grômucô tại dinh Thủ tướng Áo Clauxơ, Bộ trưởng Đin Raxơ đã nêu vấn đề Liên Xô viện trợ cho Việt Nam, nhưng Bộ trưởng Grômucô tỏ thái độ dứt khoát rằng, Liên Xô không thương lượng về vấn đề Việt Nam, Hoa Kỳ phải quan hệ với Việt Nam Dân chủ Cộng hòa<sup>1</sup>.

Đại sứ Côlơ và Đại sứ Kinh chẳng gặp được nhau và bức thông điệp của “người cầm quyền cao nhất” Hoa Kỳ đi kèm với cuộc ngừng ném bom đầu tiên kéo dài năm ngày - từ ngày 12 đến 18 tháng 5 - đã qua nhiều con đường nhưng không con đường nào đưa nó tới tay người nhận. Tuy vậy, kế hoạch “Hoa tháng Năm” đã đạt được yêu cầu mong muốn của Giônxon. Giônxon đã nói trong bức điện gửi đại sứ Taylo ngày 10-5-1965: mục đích của kế hoạch này là đặt Bắc Việt Nam phải lựa chọn hoặc là bắt đầu dọn đường cho một giải pháp chính trị khôi phục lại hòa bình theo điều kiện của Hoa Kỳ hoặc là để Hoa Kỳ tăng cường các hoạt động quân sự.

Theo Giônxon, những yếu tố chính của một nền hòa bình công bằng là: một Nam Việt Nam độc lập được

---

1. *Tài liệu Lầu Năm góc, Sdd*, t.3, tr. 371-378.



người ta bảo đảm an ninh và có thể đặt quan hệ với tất cả các nước khác, không bị sự can thiệp của nước ngoài, không tham gia một liên minh ràng buộc nào và không bị sử dụng làm căn cứ quân sự của bất kỳ nước nào. Trong quan niệm về kiểu hòa bình đó, không một câu nào nói đến việc rút quân Hoa Kỳ và quân các nước đồng minh của Hoa Kỳ ra khỏi miền Nam Việt Nam, việc chấm dứt vĩnh viễn ném bom miền Bắc Việt Nam, việc bảo đảm tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam như Hiệp nghị Giơnevơ năm 1954 đã quy định.

Bức thông điệp ngày 11 tháng 5 nhằm: hoặc Bắc Việt Nam chấp nhận kiểu hòa bình như trên, hoặc Hoa Kỳ sẽ tăng cường chiến tranh ở cả hai miền. Đó là một giọng nói trịch thượng, rất hợp với kiểu đe dọa chiến tranh, không chỗ nào nói tới thương lượng, thậm chí không chỗ nào nói đến Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - là người đối thoại của mình.

Nếu tính thêm các cuộc tăng quân vào miền Nam Việt Nam trong thời điểm đó thì rõ ràng là tất cả đã được chuẩn bị, xếp đặt làm sao để đối phương không thể chấp nhận được mục tiêu thứ nhất của Nhà Trắng. Như vậy, chỉ còn lại khả năng thứ hai: Hoa Kỳ đã tỏ được sự mềm dẻo hơn và có thêm có để đưa thêm quân vào miền Nam Việt Nam và leo những bước thang mới trong việc oanh kích miền Bắc Việt Nam.

“Hoa tháng Năm” - Một cái tên đẹp cho một sáng kiến hòa bình, nhưng cũng là một bình phong quá nhỏ để che đậy hàng vạn quân Hoa Kỳ đang rầm rập tiến

vào miền Nam và hàng nghìn máy bay bay đến bầu trời miền Bắc Việt Nam để tàn phá và gieo rắc chết chóc. Sau khi ném bom trở lại, Hoa Kỳ ra sức giải thích và đổ vấy trách nhiệm cho Việt Nam.

Nửa tháng sau khi “Hoa tháng Năm” đã tàn, Đại sứ Canada - B. Xibonơ lại từ Sài Gòn ra Hà Nội.

Lần này Đại sứ được Bộ trưởng Ngoại giao Nguyễn Duy Trinh tiếp ngày 03 tháng 6.

Sau vài câu lễ tân, Đại sứ xin đi ngay vào việc:

- Chính phủ Canada tỏ ra lo ngại đến tình hình nghiêm trọng đang diễn ra ở Việt Nam có liên quan trực tiếp đến tình hình thế giới. Chính phủ Hoa Kỳ có gửi một bức công hàm mật cho Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Đến nay, Chính phủ Canada chưa được biết phản ứng của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa? Chúng tôi rất mong muốn được nói chuyện với Ngài về vấn đề đàm phán thương lượng để tìm cơ sở cho một giải pháp hòa bình ở Việt Nam. Chúng tôi sẵn sàng làm người trung gian, tuy nhiệm vụ trung gian nhiều lúc rất bạc bẽo.

Trước khi tôi ở Sài Gòn ra đây, tôi được chỉ thị chuyển một thông điệp miệng của Chính phủ Hoa Kỳ. Nếu ngài đồng ý, tôi xin đọc...

Đến đây Đại sứ dừng lại.

Bộ trưởng Nguyễn Duy Trinh cảm ơn ông đã tỏ sự quan tâm đến tình hình nghiêm trọng ở Việt Nam và nêu rõ nguyên nhân của tình hình là do Hoa Kỳ mở rộng chiến tranh. Bộ trưởng nhấn mạnh: Hoa Kỳ đang theo đuổi chính sách “cây gậy và củ cà rốt” và nói tiếp:

- Chắc Đại sứ đã rõ nhân dân Việt Nam ở miền Nam và miền Bắc đã trả lời như thế nào đối với chính sách của Hoa Kỳ. Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã nói rõ lập trường của chúng tôi! Chúng tôi nghĩ rằng với Canada là một thành viên trong Ủy ban quốc tế, chúng tôi mong rằng Ngài làm tròn nhiệm vụ trong Ủy ban quốc tế với hết khả năng của mình.

Đại sứ Xibonơ:

- Trong việc đánh giá tình hình, giữa Chính phủ chúng tôi và Chính phủ Ngài có những điểm không giống nhau, nhưng Chính phủ chúng tôi luôn thành thật trong khi làm nhiệm vụ ở Ủy ban quốc tế... Tôi đã đọc, đã nghiên cứu và tìm hiểu bốn điểm của Thủ tướng Phạm Văn Đồng vì đó là sự mở đầu quan trọng. Tôi nói, với ý kiến cá nhân trong bốn điểm đó có nhiều điểm đáng chú ý. Tôi thấy có nhiều điểm đối phương có thể chấp nhận được nhưng cũng có những điểm hiện nay Chính phủ Hoa Kỳ không sẵn sàng nhận.

Chúng tôi thấy có điều cần được làm rõ thêm là có phải việc chấp nhận bốn điểm đó là điều kiện tiên quyết để đàm phán hay bốn điểm đó là những vấn đề sẽ đưa ra bàn bạc để giải quyết dần trong quá trình đàm phán?

Bộ trưởng Nguyễn Duy Trinh:

- Báo cáo của Chính phủ chúng tôi đã nêu rõ đó là cơ sở để giải quyết vấn đề Việt Nam, nghĩa là vấn đề Việt Nam phải giải quyết bằng cách như vậy.

Nhân dân chúng tôi đang phải chiến đấu để giành các quyền dân tộc cơ bản của mình như Hiệp nghị Giơnevơ

đã quy định. Bản báo cáo của Thủ tướng Phạm Văn Đồng có nói: Thi hành bốn điểm đó sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho đàm phán.

Trong diễn văn ở Bantimo, Tổng thống Giôn-xơn tuy nói thảo luận không điều kiện nhưng thực ra đã đưa ra những điều kiện: Hoa Kỳ không từ bỏ xâm lược miền Nam Việt Nam, không thừa nhận nước Việt Nam thống nhất, không thừa nhận Mặt trận Dân tộc giải phóng. Đối chiếu với Hiệp nghị Giơnevơ, rõ ràng Hiệp nghị Giơnevơ đã không được Hoa Kỳ để ý đến...

Bốn điểm của chúng tôi là cơ sở để giải quyết vấn đề Việt Nam, thực hiện bốn điểm đó mới là trở lại Hiệp nghị Giơnevơ.

Đại sứ Xibonơ:

- Trong bốn điểm có điểm nói Hoa Kỳ phải rút quân khỏi miền Nam Việt Nam. Như vậy là Hoa Kỳ phải rút trước khi đàm phán hay là việc Hoa Kỳ rút sẽ được thu xếp trong khi đàm phán?

Bộ trưởng Nguyễn Duy Trinh:

- Vấn đề là thái độ của Hoa Kỳ đối với tất cả bốn điểm đó như thế nào? Đáng tiếc thực tế không phải là Hoa Kỳ rút mà Hoa Kỳ còn đang tăng số quân ở miền Nam, tăng cường chiến tranh. Nhân dân Việt Nam kiên quyết chiến đấu và đòi Hoa Kỳ rút.

Bộ trưởng dừng lại. Xibonơ ngập ngừng: Tôi có đem theo đây thông điệp miệng của Chính phủ Hoa Kỳ. Nếu ngài thấy quan điểm của Hoa Kỳ đã rõ ràng thì không nhất thiết phải đọc ra đây, nhưng nếu ngài cho phép, tôi xin đọc.

Bộ trưởng Nguyễn Duy Trinh:

- Tôi không phản đối, nếu ngài muốn đọc.

Đại sứ Xibonơ:

- Chính phủ tôi chỉ thị cho tôi chuyển thông điệp này của Chính phủ Hoa Kỳ tới Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Quan điểm của Hoa Kỳ trong thông điệp cũng đã được nói với đại diện của Bắc Kinh và đại diện của Mátxcơva.

1. Chính phủ Hoa Kỳ biểu lộ quyết tâm trong việc bảo vệ tự do của Việt Nam Cộng hòa. Hoa Kỳ sẽ có những biện pháp cần thiết như Hoa Kỳ đã giải thích, nếu sự xâm lược của người khác vẫn tiếp tục.

2. Diễn văn ngày 07-4-1965 của Tổng thống Giôn-xơn và trả lời của Chính phủ Hoa Kỳ đối với lời kêu gọi của 17 nước không liên kết xác định một lần nữa là Hoa Kỳ sẵn sàng thương lượng không điều kiện cũng như nói rõ mục đích và hành động tiếp theo của Hoa Kỳ để giải quyết hòa bình ở Việt Nam.

3. Chính phủ Hoa Kỳ thất vọng khi thấy những hoạt động ở miền Nam Việt Nam được Hà Nội ủng hộ và điều khiển vẫn tiếp tục không thay đổi mà lại tăng cường. Chính phủ Hoa Kỳ thấy Hà Nội không biểu lộ sự sẵn sàng hưởng ứng lời kêu gọi của 17 nước không liên kết, trả lời tiêu cực với đề nghị mới đây của Ấn Độ, ngay cả việc coi đó làm cơ sở để đàm phán.

4. Ngày 12-5-1965, Chính phủ Hoa Kỳ đã báo cho Hà Nội là Hoa Kỳ tạm ngừng oanh tạc trong thời gian nhiều ngày. Tiếc rằng Hà Nội không hưởng ứng dưới

bất cứ hình thức nào. Chính phủ Hoa Kỳ buộc phải cùng với Chính phủ Việt Nam Cộng hòa tiếp tục oanh tạc lại và tiếp tục xét khả năng tìm một giải pháp mà cả hai bên cùng thực hiện được.

5. Chính phủ Hoa Kỳ cần phải nói rõ rằng nếu không có những hoạt động, những cuộc đàm phán dẫn tới giải pháp chính trị, Hoa Kỳ sẽ có bất cứ biện pháp nào thấy cần thiết để chống lại những hoạt động tấn công được miền Bắc ủng hộ và điều khiển nhằm chống lại Việt Nam Cộng hòa và chống lại những hoạt động mà Hoa Kỳ trợ giúp Việt Nam Cộng hòa.

Bộ trưởng Nguyễn Duy Trinh tỏ ra rất kiên nhẫn nghe Đại sứ Xibonơ trình bày, rồi thông thả nói:

- Nhân dân Việt Nam quyết tâm đánh trả lại sự xâm lược Hoa Kỳ. Các vấn đề của miền Nam Việt Nam phải do Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam giải quyết. Còn đối với nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa... chúng tôi kiên quyết bảo vệ độc lập chủ quyền của chúng tôi, chúng tôi không thể nào chấp nhận được những điều kiện của bọn xâm lược. Ngài cũng vui lòng làm người trung gian truyền đạt tới họ quyết tâm của nhân dân Việt Nam trong việc đánh bại sự xâm lược của Hoa Kỳ trên đất nước chúng tôi.

Đại sứ Xibonơ:

- Cám ơn Ngài đã kiên nhẫn vui lòng cho tôi thực hiện chỉ thị của Chính phủ tôi, tuy trong thông điệp đó tôi cũng thấy có điểm không được dễ nghe lắm. Tôi hứa sẽ truyền đạt trung thành những ý kiến của Ngài và

Chính phủ tôi để Chính phủ tôi chuyển cho Chính phủ Hoa Kỳ.

Đại sứ Xibonơ ít nhất cũng tự an ủi được rằng ông may mắn hơn Đại sứ Côlơ ở chỗ đã trực tiếp chuyển được thông điệp cho Hà Nội.

## **PHÁI ĐOÀN HÒA BÌNH CỦA KHỐI LIÊN HIỆP ANH VÀ SỨ GIẢ CỦA TỔNG THỐNG GANA N.CRUMA**

---

Vương quốc Anh là một trong hai chủ tịch của Hội nghị Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương, có nhiệm vụ theo dõi việc thi hành Hiệp nghị Giơnevơ về Việt Nam cũng như về Lào và Campuchia.

Nhưng Anh đồng thời là đồng minh của Hoa Kỳ, gắn bó mật thiết với Hoa Kỳ không những bởi truyền thống Ănglôxăcxông mà còn bởi cái mà người ta gọi là “tình hữu nghị Đại Tây Dương”.

Trong việc thi hành Hiệp nghị Giơnevơ về Việt Nam, quan điểm công khai của Luân Đôn là ủng hộ chính sách dính líu của Hoa Kỳ ở miền Nam Việt Nam, ủng hộ chính quyền Sài Gòn, tán thành duy trì việc chia cắt nước Việt Nam. Họ đã cử R.G.K. Tômxơn, chuyên gia số 1 về chống du kích ở Malaixia, sang giúp chính quyền Sài Gòn chống du kích của Mặt trận Dân tộc giải phóng. Đương nhiên, họ đã làm ngơ trước việc nhân viên quân sự và vũ khí của Hoa Kỳ đổ vào miền Nam Việt Nam.



Đầu năm 1965, khi cuộc chiến tranh bắt đầu được Mỹ hóa ở miền Nam Việt Nam và mở rộng ra miền Bắc dưới hình thức một cuộc chiến tranh bằng không quân, Oasinhton phải tiến hành rộng rãi việc biện minh và thuyết phục bằng cách đổ lỗi cho Bắc Việt Nam và tuyên bố sẵn sàng “thương lượng không điều kiện”.

Từ sau Tuyên bố Bantimo của Tổng thống Giônxon, hoạt động ngoại giao của Luân Đôn hướng mạnh mẽ vào việc “tìm kiếm hòa bình” ở Việt Nam.

Từ ngày 14 tháng 4 đến ngày 04 tháng 5, P.G. Oacơ - cựu Bộ trưởng Ngoại giao Anh đi thăm một loạt nước ở Đông Nam Á nhằm nghiên cứu khả năng giải quyết vấn đề Việt Nam. Trong dịp này, E.F. Út Lãnh sự Anh ở Hà Nội gửi Trưởng phòng Ngoại vụ thành phố Hà Nội bức thư sau đây:

“Anh - Chủ tịch của Hội nghị Giơnevơ năm 1954 yêu cầu ông báo cho ông Phạm Văn Đồng rằng P.G. Oacơ - đại diện đặc biệt của Chủ tịch Hội nghị Giơnevơ sẽ đi thăm Đông Nam Á... Xét tính chất nghiêm trọng của những vấn đề ở Đông Dương, đặc biệt là ở Việt Nam, Anh cho rằng đại diện đặc biệt cần đi thăm Bắc Việt Nam trong chuyến đi này.

Anh mong rằng ông Oacơ sẽ có dịp thảo luận với ông Phạm Văn Đồng về những vấn đề Anh quan tâm và khả năng giải quyết những vấn đề đó”.

Bức thư còn viết thêm:

“Anh sẽ góp ý kiến với thành viên của Hội nghị Giơnevơ về khả năng đi tới hòa bình ở Việt Nam”.

Cuối cùng, ông E.F. Út xin thị thực nhập cảnh cho ông Oacơ và người cùng đi để họ tới Hà Nội ngày 26-4-1965.

Khi đến Viên Chăn, Oacơ cho người đến Đại sứ quán Việt Nam Dân chủ Cộng hòa lấy thị thực nhưng phía Việt Nam khước từ. Chính phủ Hà Nội không nhận tiếp ông ta vì thấy rằng một cuộc tiếp xúc với ông ta sẽ không mang lại lợi ích gì cho hòa bình ở Việt Nam và Đông Dương khi chính Thủ tướng Uynxơn vừa mới tuyên bố ngày 13 tháng 4 trong một cuộc họp báo tại Liên hợp quốc rằng: “Hòa bình chỉ có thể lập lại được ở Việt Nam bằng cách tiêu diệt Việt Cộng”. Tuyên bố đó lộ liễu đến mức Hãng Thông tấn UPI, khi đưa tin này đã bình luận rằng: “Uynxơn đứng vững vàng đằng sau chính sách của Hoa Kỳ ở Đông Nam Á”.

Ngày 17 tháng 6, trong Hội nghị nguyên thủ các nước khối Liên hiệp Anh tại Luân Đôn, Thủ tướng Uynxơn đưa ra sáng kiến hòa bình về Việt Nam. Ông đề nghị cử một phái đoàn đặc biệt do ông lãnh đạo đi Mátxcơva, Bắc Kinh, Hà Nội, Sài Gòn và Oasinhton nhằm mục đích “đánh giá một cơ sở chung có thể có được và những điều kiện triệu tập một hội nghị quốc tế dẫn tới việc lập lại hòa bình lâu dài ở Việt Nam”. Phái đoàn sẽ gồm có nguyên thủ hoặc thủ tướng các nước Anh, Nigêria, Gana, Torinidát và Tôbagô. Đề nghị đó không được toàn thể hội nghị tán thành vì nó không có tính đại diện cho khối Liên hiệp Anh. Cũng nên nhắc ở đây rằng, tính đến ngày 14 tháng 6, theo Hãng Thông tấn AP của Hoa Kỳ, đã có nhiều nước châu Phi phản đối

chính sách của Hoa Kỳ ở Việt Nam, đó là các nước: Gana, Dambia Malaui, Tandia, Xiêra Lêôn, Uganda,...

Hãng Thông tấn Roito ngày 17 tháng 6 đưa tin: “Tổng thống Giônxon đã được báo trước về kế hoạch lập phái đoàn này và đã đồng ý”. Ngày 18 tháng 6, Đài BBC nhận xét: “Chắc chắn Uynxon đã không thành lập phái đoàn này nếu không có sự tán thành trước của Hoa Kỳ”.

Tổng thống Tandia, Niêrê cho rằng phái đoàn này chỉ phục vụ mục đích tuyên truyền, nước ông phản đối phái đoàn đó và tin rằng nó sẽ thất bại.

Đầu tháng 6, Ngoại trưởng Anh Xtiut đưa ra kế hoạch sáu điểm để giải quyết vấn đề Việt Nam, trong đó có việc: “tổ chức hội nghị quốc tế để thương lượng ngừng bắn và bảo đảm cho miền Nam Việt Nam khỏi sự xâm lược của miền Bắc”.

Một buổi sáng cuối tháng 6, ông Nguyễn Văn Sao, phóng viên báo *Cứu quốc*, cơ quan của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam - thực tế là đại diện của Hà Nội tại Luân Đôn - được mời đến văn phòng của ông H. Đavít, Bộ trưởng, Nghị sĩ Công đảng Anh ở Quốc hội. Ông Đavít trước đây đã từng đến thăm Hà Nội và được đón tiếp tử tế. Cuối năm 1964, theo đề nghị của ông và Nghị sĩ W. Oabây, Hà Nội đồng ý mời hai ông sang Việt Nam. Tháng 01-1965 chỉ có ông Oabây đi. Ông Đavít không đi, với lý do bận việc chính quyền. Ông Oabây đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp đón.

Đavít nói thẳng với ông Sao là ông xin đi Hà Nội theo lời mời năm ngoái. Ông sẽ trao đổi ý kiến về điều kiện

đàm phán giải quyết vấn đề Việt Nam. Ông nói rõ đây là chuyến đi không chính thức và bí mật, mặc dù ông có thẩm quyền.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đồng ý tiếp ông với tư cách cá nhân. Nhưng ngày 08 tháng 7, khi gặp đồng chí Phan Tử Nghĩa, Ủy viên Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ủy viên Trung ương Đảng Xã hội Việt Nam, ra đón ông tại sân bay Gia Lâm, ông lại nói ông đến Việt Nam để thực hiện nhiệm vụ do Uynxon trao.

Chiều và tối hôm đó, báo chí và đài phát thanh phương Tây đưa tin âm ĩ rằng: Đavít sang Hà Nội với danh nghĩa là phái viên của Thủ tướng Uynxon để chuẩn bị cho phái đoàn Liên hiệp Anh, và ông ta sang Hà Nội là do lời mời của Hà Nội, không phải do ông ta yêu cầu, Hà Nội có vẻ xuống giọng!

Hôm sau, tại trụ sở Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đồng chí Trần Hữu Duyệt - Tổng Thư ký Mặt trận, Phạm Hồng - Phó Chủ nhiệm Ủy ban Liên lạc văn hóa với nước ngoài, Phan Tử Nghĩa - Trần Trọng Quát - cựu phóng viên báo *Cứu quốc* tại Luân Đôn, đã niềm nở đón tiếp Đavít.

Đồng chí Trần Hữu Duyệt bày tỏ niềm vui mừng được cùng các bạn bè đón tiếp một người bạn cũ và cảm ơn ông về những hoạt động ủng hộ Việt Nam sau chuyến đi năm 1957.

Ông Đavít cũng tỏ ý vui mừng khi được gặp lại các bạn Việt Nam và cảm ơn Mặt trận Tổ quốc một lần nữa đã mời ông. Ông nói tiếp:

“Mong các ông hiểu cho tôi là bộ trưởng trong Chính phủ Anh, phải được phép của Chính phủ Anh mới sang được đây và tôi đã được ông Uynxơn cho phép”.

Đồng chí Trần Hữu Duyệt tỏ ý ngạc nhiên về việc ông ta nói là đại diện cho Thủ tướng Anh, chứ không phải với tư cách cá nhân. Đavít thanh minh và nói tiếp:

“Các ông hãy tin tôi. Ông Uynxơn không lừa dối các ông... Ông Uynxơn không tham khảo trước ý kiến của Hoa Kỳ về phái đoàn này. Hội nghị Thủ tướng các nước khối Liên hiệp Anh đã tạo điều kiện thuận lợi đi đến một giải pháp cho vấn đề Việt Nam, và đã kêu gọi các bên hữu quan hãy kiềm chế những hoạt động quân sự để tiến tới ngừng bắn.

Phái đoàn muốn gặp các bên hữu quan và tìm biện pháp nhích gần lại lập trường bốn điểm mà Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã nêu. Lập trường của Mặt trận Dân tộc giải phóng cũng được chú ý.

Chúng tôi thành thật tin rằng nhân dân thế giới đang tìm mọi cách khuyến khích mở các cuộc thương lượng hòa bình, vì tình hình Việt Nam ảnh hưởng đến toàn bộ đời sống của nhân dân thế giới.

Tôi có thể nói thẳng với các ông rằng, bác bỏ cuộc gặp gỡ này là sai lầm... Mục đích của phái đoàn này không có gì khác là tìm ra một biện pháp hòa bình. Phái đoàn sẵn sàng nghe ý kiến của miền Bắc Việt Nam, nghe Hoa Kỳ, mà Hoa Kỳ sẽ khó mà bác được các điều phái đoàn đã chấp nhận với miền Bắc Việt Nam”.

Đavít cho rằng Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tiếp phái đoàn dù chỉ hai ngày ở Hà Nội thì

bản thân sự kiện đó cũng đã có ý nghĩa chính trị. Ông ta nhấn mạnh:

“Đây là cơ hội để thực hiện tối đa mục tiêu của các ông bằng biện pháp hòa bình. Nếu các ông bác bỏ thì nhiều năm nữa mới có cơ hội đàm phán, nhưng là sau một cuộc chém giết lớn. Tình hình hiện nay đặc biệt nghiêm trọng nên phải xem xét vấn đề một cách thận trọng... Phải có đàm phán trước khi bùng nổ một cuộc chiến tranh hạt nhân. Nếu hàng triệu người Việt Nam chết thì thắng lợi còn có ý nghĩa gì! Tất nhiên không phải các ông gây ra chiến tranh hạt nhân, nhưng sự việc cứ xảy đến nếu không ngăn chặn được.

Khách quan mà nói, khi đó dư luận phương Tây rất lo sợ Việt Nam sẽ không thể chống lại sức mạnh quân sự khổng lồ của Hoa Kỳ, nhất là khi bọn “điều hâu” đe dọa đưa miền Bắc Việt Nam “trở về thời kỳ đồ đá”. Oasinhton đã lợi dụng tâm lý đó để lôi kéo dư luận ủng hộ thủ đoạn “thương lượng không điều kiện” của Giônxon.

Các bạn Việt Nam đã nói rõ về âm mưu và hành động xâm lược của Hoa Kỳ, những tội ác ghê tởm do bom đạn Mỹ gây ra, về lập trường bốn điểm của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Giải pháp đúng đắn là Hiệp nghị Giơnevơ năm 1954 phải được thi hành nghiêm chỉnh, Hoa Kỳ phải rút quân khỏi miền Nam Việt Nam, chấm dứt ném bom miền Bắc, để nhân dân Việt Nam tự giải quyết công việc nội bộ của mình. Đồng thời, các bạn Việt Nam cũng đã phê phán thái độ của ông Uynxon ủng hộ chính sách của Hoa Kỳ ở Việt Nam”.

Tất cả những lời thanh minh, thuyết phục, đe dọa của ông Đavít đều tỏ ra vô hiệu. Hai ngày tiếp theo là hai ngày khắc khoải mong đợi được Thủ tướng Phạm Văn Đồng tiếp. Tối ngày 11, thấy không còn hy vọng được gặp Thủ tướng, ông Đavít yêu cầu gặp đồng chí Trần Trọng Quát.

Ông hỏi:

- Liệu Thủ tướng Phạm Văn Đồng có biết tôi đang ở Hà Nội không?

- Tôi tin là Thủ tướng biết qua tin tức của báo, đài.

Nghe câu trả lời đó, ông Đavít đã hiểu tình hình là thế nào. Ông chuyển sang nêu với đồng chí Quát một số vấn đề mà ý định khá rõ của ông là để đồng chí Quát báo cáo lên Thủ tướng:

- Chúng tôi thừa nhận rằng vấn đề miền Nam Việt Nam phải được giải quyết trong khuôn khổ Hiệp nghị Giơnevơ năm 1954. Trong các cuộc đàm phán tương lai, Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam sẽ có đoàn đại biểu riêng. Nếu các nhà lãnh đạo Việt Nam tiếp Thủ tướng Uynxơn thì Vương quốc Anh sẽ công nhận Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trên thực tế và hai bên sẽ đặt quan hệ ở cấp tổng lãnh sự. Nếu Thủ tướng Uynxơn thống nhất ý kiến được với Việt Nam thì Tổng thống Giônxơn không phản đối được. Gana nói với Hoa Kỳ, Hoa Kỳ sẽ không nghe. Tôi có thể ở lại Hà Nội thêm ít ngày nếu lãnh đạo Việt Nam tiếp tôi.

Nhưng ngày 13 tháng 7, Đavít vẫn rời Hà Nội, tất nhiên không vui vẻ lắm.

Ngày 19 tháng 7, trước Quốc hội Anh, Thủ tướng Uynxon đã bênh vực chính sách của Tổng thống Giônxon về Việt Nam và tuyên bố:

“Chiến tranh sẽ được đẩy mạnh; Việt Nam sẽ chịu trách nhiệm về việc đó... Hoa Kỳ sẽ đánh Việt Nam mạnh hơn nữa để trừng phạt những người không chịu ngồi vào bàn thương lượng”<sup>1</sup>.

\*

\*       \*

Như trên đã nói, trong phái đoàn mà Uynxon dự định thành lập, người ta dự kiến có Tổng thống Gana N. Cruma. N. Cruma là một nhà hoạt động chính trị nổi tiếng ở châu Phi, đã lãnh đạo phong trào độc lập của nhân dân Gana. Ông là người bạn của nhân dân Việt Nam, luôn luôn ủng hộ cuộc đấu tranh vì độc lập của nhân dân Việt Nam. Khi Hoa Kỳ ném bom miền Bắc Việt Nam, đưa quân vào miền Nam, ông đã ủng hộ lập trường bốn điểm của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và đặc biệt là đã quyết định đặt quan hệ ngoại giao ở cấp đại sứ với nước ta. Dư luận thế giới coi đây là một hành động dũng cảm.

Tổng thống N. Cruma nhận lời tham gia phái đoàn Liên hiệp Anh với lòng mong muốn chân thành đóng góp vào việc lập lại hòa bình ở Việt Nam và cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân Việt Nam.

Khi Đavít sang Hà Nội, Tổng thống đã gửi thư tới Chủ tịch Hồ Chí Minh, nêu những suy nghĩ của ông về vấn đề Việt Nam. Ông viết:

---

1. Theo các hãng thông tấn Roitơ, UPI.



“Tôi tin rằng một giải pháp hòa bình cho vấn đề Việt Nam có thể dẫn tới việc thực hiện những mục tiêu mà nhân dân Việt Nam đang chiến đấu và hy sinh”. Và “có khả năng hợp lý để thực hiện việc Hoa Kỳ rút quân khỏi Việt Nam bằng thương lượng”. Ông cho rằng ít nhất cũng nên thử xem “việc đó có thực hiện được không?”, vì “nếu thực hiện được mà không đổ máu hơn nữa và không phải thỏa hiệp một chút nào các nguyên tắc và mục tiêu đấu tranh của nhân dân Việt Nam thì điều đó không chỉ có lợi cho nhân dân Việt Nam mà cho cả hòa bình thế giới”.

Khi Chủ tịch Hồ Chí Minh trả lời bức thư trên, các cuộc ném bom của Hoa Kỳ ở miền Bắc Việt Nam đã vượt quá vĩ tuyến 20. Chủ tịch vạch rõ thực chất của cái gọi là cuộc vận động hòa bình của Hoa Kỳ:

- Chính trong lúc đó, Tổng thống Hoa Kỳ Giôn-xơn và những người ủng hộ ông ta như Thủ tướng Uyn-xơn ráo riết đẩy mạnh cái gọi là vận động hòa bình của họ để che đậy việc tăng cường xâm lược Việt Nam và đánh lừa dư luận.

Người còn nêu những nước trong Liên hiệp Anh đang tham gia cuộc chiến tranh của Hoa Kỳ ở Việt Nam:

Về Liên hiệp Anh, ngoài Thủ tướng Uyn-xơn là người trước sau ủng hộ mạnh mẽ cuộc chiến tranh xâm lược của Hoa Kỳ ở Việt Nam, còn có Ô-xtrây-li-a, Tân Tây Lan\*,

---

\* Niu Dilân.

là hai nước đã đưa quân sang giúp Hoa Kỳ đánh lại nhân dân Việt Nam.

Trong điều kiện như vậy thì làm sao người ta có thể tin tưởng ở phái đoàn gọi là hòa bình ở Liên hiệp Anh được.

Tuy vậy, để thể hiện tình hữu nghị của nhân dân Việt Nam đối với Tổng thống và nhân dân Gana, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ngỏ lời mời Tổng thống N. Cruma:

Nếu Tổng thống N. Cruma có dịp sang thăm hữu nghị đất nước Việt Nam thì tôi sẽ rất hoan nghênh và vui lòng thảo luận vấn đề với Tổng thống.

Đáp lại, Tổng thống N. Cruma cử ngay Bộ trưởng K. Ácma, Cao ủy Gana tại Luân Đôn, sang Hà Nội với nhiệm vụ tìm hiểu tình hình và thu xếp chuyến đi thăm hữu nghị Việt Nam của Tổng thống. Mười ngày sau, đặc phái viên của Tổng thống Gana đã tới Hà Nội. Cùng đi với Bộ trưởng K. Ácma có Tiến sĩ J. Bốtzman - Đại sứ Gana tại Pari, ông Phrét Áchốt - Tổng Thư ký Bộ Ngoại giao Gana. Cuộc đón tiếp phái đoàn trong hoàn cảnh chiến tranh đơn sơ, nhưng hữu nghị và chân thành.

Ngày hôm sau, ngày 26-7-1965, Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Nguyễn Duy Trinh tiếp ông Ácma. Hai bên đã trao đổi ý kiến về tình hình Việt Nam và về chuyến đi thăm Việt Nam sắp tới của Tổng thống N. Cruma.

Về mục đích chuyến thăm Việt Nam của đoàn, ông Ácma nói: Trước tình hình đặc biệt nghiêm trọng hiện nay ở khu vực, sự quan tâm của dư luận thế giới, của

các nước Á - Phi và của Tổng thống chúng tôi càng trở nên sâu sắc.

Lập trường của Gana từ trước tới nay trong vấn đề Việt Nam là phải triệt để thi hành Hiệp nghị Giơnevơ, tức là thực hiện ba nguyên tắc mà hầu hết các nước Á - Phi ủng hộ là độc lập, thống nhất và chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.

Đánh giá tình hình Việt Nam hiện nay, ông nói đại ý: Nhân dân Việt Nam đang tiến hành một cuộc đấu tranh không khoan nhượng vô cùng oanh liệt. Nhân dân Gana cũng như nhân dân Á - Phi hết sức ủng hộ sự nghiệp chính nghĩa đó. Nhân dân Việt Nam ở hai miền đã giành được nhiều thắng lợi. Việt Nam đang ở thế mạnh. Hoa Kỳ đã thấy không thể đè bẹp được ý chí của nhân dân Việt Nam. Hoa Kỳ muốn trở lại Hiệp nghị Giơnevơ năm 1954 bằng một hiệp nghị khác. Hiện nay lập trường của Việt Nam và Hoa Kỳ không xa nhau. Việt Nam gần bó với Hiệp nghị Giơnevơ, Hoa Kỳ cũng muốn thi hành Hiệp nghị đó.

Nhân dân Á - Phi có thể làm trung gian để tiến hành đàm phán, thủ lòng thành thật của Hoa Kỳ trong việc kêu gọi hòa bình.

Sau khi trình bày âm mưu chiến lược của Hoa Kỳ ở Đông Dương và Đông Nam Á từ sau Hiệp nghị Giơnevơ năm 1954, Bộ trưởng Nguyễn Duy Trinh đã vạch rõ: Hoa Kỳ nói thương lượng không điều kiện nhưng thực tế đặt ra nhiều điều kiện. Sau đó, Bộ trưởng trình bày lập trường bốn điểm của Chính phủ Việt Nam Dân chủ

Cộng hòa và lập trường năm điểm của Mặt trận Dân tộc giải phóng.

Ngày 27 tháng 7, Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp Bộ trưởng Ácma và các vị cùng đi tại Phủ Chủ tịch. Tình hình Hà Nội lúc này tuy chưa bị ném bom nhưng rất căng thẳng. Mỗi ngày có hàng chục lần báo động. Thực tế trong tháng 7, máy bay Mỹ đã đánh vào thành phố dệt Nam Định, cách Hà Nội chưa đến 100km và liên tục đánh hệ thống đường sắt tây bắc Hà Nội. Từ cách tổ chức làm việc đến cách chiếu sáng ban đêm, nhịp sống ngoài đường phố, tất cả đều ở thời chiến.

Pfủ Chủ tịch trang nghiêm, vắng vẻ. Phòng tiếp khách của Chủ tịch Hồ Chí Minh như một ốc đảo yên tĩnh giữa một thành phố đang chờ cơn bão lửa có thể ập đến bất cứ lúc nào. Với một câu chào bằng tiếng Anh và cái bắt tay thân mật, Người đã làm cho các vị khách cảm thấy thoải mái.

- Trước hết, tôi xin hỏi thăm sức khỏe của Tổng thống N. Cruma và cảm ơn Tổng thống đã cử các vị đến đây. Tôi cũng xin cảm ơn các vị đã sang thăm Việt Nam, mang tình hữu nghị của nhân dân Gana đến cho nhân dân Việt Nam. Mong các vị mạnh khỏe, vui vẻ, thoải mái.

Các vị đã đi rất xa từ Gana đến Việt Nam, tính trên bản đồ là 1/3 trái đất. Tuy nhiên, xa thì xa nhân dân Việt Nam và nhân dân Gana có nhiều điểm giống nhau. Nhân dân Gana phải phấn đấu lâu năm mới giành được độc lập. Nhân dân Việt Nam cũng phải đấu

tranh gần 100 năm. Tổng thống Gana và tôi nói riêng cũng có nhiều cái giống nhau, vì đã cùng phấn đấu, cùng ở tù như nhau. Vì vậy, hai nước chúng ta có cảm tình đặc biệt với nhau.

Chúng tôi rất cảm ơn sự ủng hộ nhiệt tình của Tổng thống N. Cruma và của nhân dân Gana anh em đối với cuộc đấu tranh chính nghĩa của chúng tôi. Chúng tôi coi sự đồng tình, ủng hộ đó là sự đồng tình, ủng hộ giữa những người anh em với nhau.

Chắc các vị sang Việt Nam cũng muốn tìm hiểu tình hình Việt Nam cho rõ hơn (*Các vị khách gạt đầu*).

Hôm qua, đế quốc Mỹ đã hoan nghênh các vị bằng cách cho 40 chuyến máy bay leo thang ra miền Bắc. Để tỏ tình quyến luyến với họ, chúng tôi đã hạ 6 máy bay, bắt sống 3 phi công Hoa Kỳ. Từ nay đến hết chiến tranh, chúng tôi sẽ phải nuôi họ, Chính phủ Hoa Kỳ không phải trả tiền.

Nhân đây tôi xin trình bày tóm tắt lập trường của chúng tôi.

Chúng tôi biết nhân dân Gana đồng tình, ủng hộ chúng tôi và có cảm tình với chúng tôi. Tuy nhiên, về tình hình Việt Nam cũng có người biết, có người không biết, cho nên tôi cũng xin kinh qua các vị để giải thích cho anh em Gana.

Trước hết, xin nêu một ví dụ. Khác với Chính phủ Nhật Bản, nhân dân Nhật Bản ủng hộ chúng tôi. Có một tu sĩ Nhật Bản gặp một người Việt Nam. Đó là một người có đạo đức, yêu chuộng hòa bình. Người đòi hỏi người Việt Nam: là một người Nhật Bản, tôi hết sức ủng hộ

nhân dân Việt Nam. Theo báo chí của Chính phủ Nhật Bản tôi thấy Hoa Kỳ đã 13 lần tìm biện pháp để đi tới hòa bình nhưng tại sao Việt Nam lại từ chối. Như thế nghĩa là thế nào? Vị tu sĩ người Nhật Bản đó có lòng tốt, nhưng ông ta không hiểu rõ tình hình. Ông ta chỉ xem báo chí của Chính phủ Nhật Bản thôi. Vì vậy, ông ta cho là Hoa Kỳ muốn hòa bình, còn Việt Nam thì hiếu chiến. Sau khi người Việt Nam giải thích, hiểu rõ, ông ta đã khóc và ôm hôn người Việt Nam.

Tôi nhắc lại câu chuyện đó để nói rằng nhân dân cả thế giới đều ủng hộ chính nghĩa của chúng tôi, nhưng không phải là mọi người đều hiểu rõ bản chất của vấn đề, đồng thời để tự phê bình rằng tuyên truyền của chúng tôi ra nước ngoài làm còn kém. Chắc ở Gana cũng như ở các nước bạn châu Phi không có nhiều tài liệu về cuộc kháng chiến của Việt Nam (*Các vị khách gạt đầu*).

Miền Nam Việt Nam là một bộ phận của Việt Nam, nòi giống, văn hóa, tiếng nói đều là Việt Nam. Hiệp nghị Giơnevơ năm 1954 nói nước Việt Nam phải được thống nhất, nhưng Hoa Kỳ đã cản trở việc thống nhất nước Việt Nam nhằm biến miền Nam thành một thuộc địa kiểu mới và là căn cứ quân sự của Hoa Kỳ. Hoa Kỳ đã can thiệp vào miền Nam, lúc đầu chúng dùng bọn tay sai, nhưng trước sự đấu tranh của nhân dân miền Nam, Hoa Kỳ thấy chưa đủ vì bọn tay sai ngày càng suy yếu và tan rã, nên chúng trực tiếp nhúng tay vào.

Miền Nam mới là nửa nước Việt Nam mà chúng đã thất bại, nay chúng lại leo thang ra miền Bắc hòng gỡ thế bí ở miền Nam. Đánh một nửa nước Việt Nam

chúng đã sa lầy, nay chúng định đưa chiến tranh ra cả nước Việt Nam thì chúng sẽ càng sa lầy thêm. Một kẻ địch chúng đã không chống cự nổi mà chúng còn muốn gây ra hai kẻ địch. Chúng xâm lược, chúng lại nói miền Bắc xâm lược miền Nam, không ai có thể tin rằng miền Bắc Gana đi xâm lược miền Nam Gana...

Bộ trưởng Ácma nói:

- Nói như thế là không lôgích.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đáp lại:

- Đó là cái lôgích của họ. Hoa Kỳ xa cách Việt Nam hơn cả Gana thế mà Hoa Kỳ đã đưa quân đội, đưa cả bộ máy chiến tranh, đưa cả chó ngao sang Việt Nam. Một con chó ngao Mỹ ăn một ngày tốn 1,2 USD, trong khi đó một lính Sài Gòn chỉ được 0,2 USD. Điều đó chứng tỏ văn minh của bọn đế quốc.

Gần đây, Chính phủ Hoa Kỳ nói rất nhiều đến hòa bình. Tổng thống Giônxon, Ngoại trưởng Đin Raxơ tuần nào cũng nói. Họ nói rằng người Việt Nam hiếu chiến, người Việt Nam không muốn hòa bình, còn Hoa Kỳ thì muốn hòa bình. Nhưng bây giờ Hoa Kỳ ồ ạt đưa lính vào miền Nam Việt Nam, mở rộng chiến tranh ở đó và cho máy bay ngày đêm bắn phá miền Bắc Việt Nam. Chúng tôi là người trong cuộc mà có lẽ người trong cuộc nghĩ không đúng. Vậy tôi xin hỏi các vị: Hoa Kỳ nói hòa bình trong hoàn cảnh như thế có phải thật sự Hoa Kỳ muốn hòa bình không?

Bộ trưởng Ácma:

- Thưa Chủ tịch, trong ván cờ mà một bên là Việt Nam, một bên là đế quốc Mỹ, chúng tôi là một nước

Á - Phi có liên quan gián tiếp đến vấn đề. Chủ tịch hỏi Hoa Kỳ có thành thật không khi nói đến hòa bình. Nếu được phép trình bày thiện ý của tôi thì tôi xin nói: toàn thể châu Á và châu Phi đều chống sự xâm lược của Hoa Kỳ. Gana không cần đợi giải thích rồi mới lên án cuộc xâm lược đó. Nhưng một tình hình mới đã xuất hiện.

Hôm qua, ông Phó Thủ tướng có nói rằng Hoa Kỳ đạt được ở hội nghị những cái mà họ không đạt được trên chiến trường. Nhưng nhân dân Á - Phi và nhân dân yêu chuộng hòa bình trên thế giới không để cho họ thực hiện được mục đích của họ tại bàn hội nghị. Toàn thế giới đều biết những thắng lợi của Mặt trận Dân tộc giải phóng, của nhân dân Việt Nam. Nhân dân Á - Phi thấy rằng nên thăm dò khả năng thương lượng không phải vì nhân dân Việt Nam đang ở thế yếu.

Trái lại, chúng tôi cho rằng nhân dân Việt Nam đang ở thế mạnh. Điều này đã được chứng tỏ bởi những thắng lợi của Mặt trận ở Biên Hòa, Bình Giã, Plâyku, Quy Nhơn và gần đây ở Ba Gia. Nhân dân miền Bắc tính đến nay đã hạ được 412 máy bay Hoa Kỳ. Thế mạnh của Mặt trận còn được chứng minh bởi việc Mặt trận đã giải phóng được 3/4 đất đai và 10 trong số 14 triệu dân. Do đó, không ai nghĩ rằng nếu chúng ta thăm dò khả năng hòa bình là chúng ta xuất phát từ thế yếu. Tướng Taylo chủ trương một cuộc chiến tranh toàn diện ở miền Nam và miền Bắc Việt Nam. Giới ngoại giao phương Tây đều cho rằng việc cử Cabot Lott thay Taylo có nghĩa là một sự thay đổi hoàn toàn về chính sách. Hoa Kỳ đã thấy không thể dùng quân sự để thắng trong



chiến tranh được. Sở dĩ chúng tôi nghiêng về thăm dò khả năng hòa bình vì thấy rằng những thắng lợi rất to lớn của Mặt trận Dân tộc giải phóng và của nhân dân Việt Nam đã đẩy Hoa Kỳ vào thế bị động phòng ngự. Họ chỉ còn có thể tăng cường quân sự, nhưng họ không thể thắng bằng quân sự được. Họ phải nói đến hòa bình để tránh cho địa vị của họ khỏi bị sụp đổ hoàn toàn. Họ bắt buộc phải chấp nhận điều đó.

Không ai có thể trách nhân dân Việt Nam đấu tranh để giành quyền lợi của mình. Chúng tôi lo lắng trước việc Hoa Kỳ dùng hóa chất độc làm 30.000 người bị nhiễm độc, 500.000 người bị giết, 800.000 người bị tàn phế và 400.000 người bị tù đầy... Chúng tôi lo lắng trước việc máy bay Hoa Kỳ ném bom bắn phá làng mạc, bệnh viện, trường học ở miền Bắc. Không nghi ngờ gì nữa, toàn thể nhân dân Á - Phi đứng bên cạnh nhân dân Việt Nam.

Như tôi đã nói ở trên, chúng ta thăm dò khả năng hòa bình không phải là vì thế yếu. Hoa Kỳ không thể thắng được Việt Nam, nhiều lắm là họ có thể tạo ra một tình thế hoàn toàn bế tắc cho cả hai bên, trong một thời gian dài. Thực tế là như vậy. Nếu chúng ta có thể tạo nên một tình thế bảo đảm được độc lập, thống nhất và chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, không làm gì tổn hại đến các nguyên tắc và mục tiêu của nhân dân Việt Nam và bảo đảm cho Hiệp nghị Giơnevơ năm 1954 được thi hành triệt để, nếu chúng ta tạo nên được một tình thế cho tất cả các nước Á - Phi cùng với Việt Nam đến bàn hội nghị và nói với Hoa Kỳ rằng: “các anh không có việc gì làm ở đây”, thì chắc chắn sẽ có ảnh hưởng lớn,

vì đây không phải là sự phản đối của từng nước riêng lẻ. Nếu chúng ta thực hiện được những nguyên tắc và mục tiêu của chúng ta không chút thỏa hiệp nào, lại đỡ đốn thất nhất thì chúng tôi cảm thấy nên thăm dò khả năng đó. Chúng ta không thể trông cậy vào Anh với tư cách là một trong hai chủ tịch của Hội nghị Giơnevơ. Chúng tôi muốn rằng trong việc thực hiện những cơ sở của Hiệp nghị Giơnevơ, nhân dân Á - Phi được nói lên tiếng nói của mình. Chúng tôi cho rằng các nước phương Tây không thể nào cưỡng lại được áp lực ngoại giao của các nước Á - Phi.

Tổng thống N. Cruma cho rằng cuộc xung đột hiện nay là do âm mưu của chủ nghĩa thực dân mới, Hoa Kỳ không thể nào phá hoại được ý chí của nhân dân Việt Nam đang đấu tranh chính nghĩa để giành tự do và độc lập. Tổng thống đã đánh giá tình hình một cách thực tế, thấy rằng nếu Hoa Kỳ rút khỏi miền Nam Việt Nam thì chế độ bù nhìn sẽ sụp đổ, các lực lượng giải phóng sẽ tiếp quản. Các chính phủ nối tiếp nhau ở miền Nam Việt Nam đã chứng tỏ điều đó. Không phải ngẫu nhiên mà đến nay đã có hai chục lần thay đổi chính phủ. Nếu ta có thể thực hiện được bằng thương lượng việc Hoa Kỳ rút khỏi Việt Nam mà không làm tổn hại gì đến những nguyên tắc và những mục tiêu của nhân dân Việt Nam thì điều đó sẽ có lợi cho nhân dân Việt Nam và cho hòa bình thế giới.

Tổng thống chúng tôi đã nói rõ cho thế giới biết Tổng thống ủng hộ Việt Nam chống Hoa Kỳ. Nhưng tại sao Tổng thống lại nhận lời tham gia phái đoàn hòa bình

của Liên hiệp Anh? Trong Liên hiệp Anh, Ôxtrâyli-a, Niu Dilân có quân đội đang tham chiến cùng với Hoa Kỳ ở miền Nam Việt Nam, điều đó làm cho người ta hết sức nghi ngờ phái đoàn. Tổng thống chúng tôi tham gia vì muốn ngăn không cho Anh tiếp tục ủng hộ sự xâm lược của Hoa Kỳ và tranh thủ sự ủng hộ của 21 nước trong Liên hiệp Anh đối với việc thừa nhận vai trò quan trọng của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.

Như Chủ tịch đã biết, ngày 07-4-1965, Tổng thống Giôn-xơn đã tuyên bố rằng Hoa Kỳ không thừa nhận Mặt trận và sẽ không tiếp xúc với Mặt trận. Tổng thống N. Cruma đặt điều kiện là phải tiếp xúc, phải thừa nhận Mặt trận. Các nước Liên hiệp Anh đã chấp nhận điều kiện đó. Đây là một thắng lợi của lẽ phải, một thắng lợi của nhân dân Á - Phi và Việt Nam.

Tổng thống N. Cruma cho rằng nói đến đàm phán không phải là ủng hộ đế quốc. Tổng thống chúng tôi ủng hộ cuộc đấu tranh chống đế quốc chính nghĩa của nhân dân Việt Nam. Chủ trương của miền Bắc Việt Nam là muốn giải quyết vấn đề phải thừa nhận các quyền cơ bản của nhân dân Việt Nam (hòa bình, độc lập, thống nhất và chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ), phải tôn trọng các điều khoản quân sự của Hiệp nghị Giơnevơ, việc hòa bình, thống nhất Việt Nam phải do nhân dân hai miền tự giải quyết, không có sự can thiệp của nước ngoài. Đó cũng là lập trường của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam đòi dân chủ cho nhân dân, thành lập Chính phủ liên hiệp, thi hành Hiệp nghị Giơnevơ.

Chúng tôi thấy cần bàn đến lập trường của Hoa Kỳ như thế nào so với lập trường của miền Bắc và Mặt trận.

Như tôi đã nói, các giới ngoại giao phương Tây cho rằng Hoa Kỳ muốn chấm dứt chiến tranh và rút lui. Chúng tôi có cảm tưởng rằng sau khi Hoa Kỳ rút, cả hai miền Nam, Bắc Việt Nam sẽ được bảo đảm tự do. Miền Nam sẽ không có quân đội, căn cứ quân sự nước ngoài, không tham gia liên minh quân sự, hai miền sẽ trung lập. Quan hệ giữa hai miền sẽ do nhân dân tự giải quyết. Như vậy lập trường của miền Bắc Việt Nam và của Mặt trận Dân tộc giải phóng cũng không xa lập trường của Hoa Kỳ lắm, mà trái lại khá gần nhau. Căn cứ vào đó có thể tìm ra được một giải pháp làm cho nhân dân Việt Nam không mất gì, không phải thỏa hiệp gì cả.

Như tôi đã nói, hiện nay Hoa Kỳ muốn thương lượng. Nhân dân các nước Á - Phi, nhân dân Gana đều tin rằng Việt Nam quyết tâm giành độc lập, thà hy sinh tất cả chứ không chịu làm nô lệ. Đó cũng là quyết tâm của Tổng thống N. Cruma. Gana cũng như Việt Nam sẵn sàng chịu mọi hậu quả để giành tự do. Chúng tôi đã từng đấu tranh, tổng bãi công. Nhiều người trong chúng tôi đã bị tù đầy, hy sinh. Chúng tôi thấy vinh dự, phẩm giá là ở tinh thần đấu tranh giành độc lập, bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ. Chúng tôi đã trải qua 100 năm bị thống trị. Chúng tôi không phải là hạng người thỏa hiệp với bọn đế quốc. Sở dĩ chúng tôi nói đến việc các nước Á - Phi đứng ra làm trung gian để tiến tới một cuộc hội nghị là vì chúng tôi thấy chiến tranh đã diễn ra lâu rồi,

dù triển vọng thắng lợi của bên này hay bên kia như thế nào đi nữa, qua các dấu hiệu, hiện thấy có rất ít khả năng giải quyết được cuộc xung đột bằng quân sự. Về điểm này Việt Nam có thể có ý kiến ngược lại.

Chúng tôi nghĩ rằng cần để cho Hoa Kỳ rút mà không có cảm tưởng bị làm nhục. Chúng tôi nghĩ rằng tính chất vĩ đại của một nước không phải ở chỗ đất đai rộng, hẹp mà là ở tinh thần của nhân dân nước đó. Theo ý kiến chúng tôi, Hoa Kỳ không thể nào bị tống cổ ra khỏi miền Nam Việt Nam mà nhân dân miền Nam Việt Nam không bị tổn thất nhiều về người, về của. Chúng tôi không nói nhân dân Việt Nam không có khả năng đuổi cổ Hoa Kỳ đi, nhưng việc đó sẽ dẫn tới những phá hoại to lớn. Nếu chúng ta có thể tránh được mà vẫn thực hiện được mục đích, không tổn hại gì đến những mục tiêu và nguyên tắc đã đề ra là độc lập, thống nhất và chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam thì nên thăm dò khả năng đó. Một cuộc hội nghị có thể đưa lại kết quả như thế.

Chúng ta thăm dò khả năng thương lượng không phải vì sợ sệt hoặc vì yếu. Nhân dân Việt Nam đã có một thành tích rất rực rỡ mà cả thế giới đều biết. Nhân dân Á - Phi nhận thức rõ cần chấm dứt chiến tranh để nhân dân Việt Nam có thể kiến thiết đất nước nhanh chóng. Nếu có một cuộc hội nghị, chúng ta sẽ không mất gì cả mà trái lại sẽ giành được đất nước Việt Nam, hòa bình sẽ được duy trì và chúng ta sẽ được tự do.

Chúng tôi hành động theo ý muốn tự do của chúng tôi, không bị ai thúc ép cả. Gana cũng như tất cả các

nước Á - Phi đều muốn nhân dân Việt Nam thực hiện được những mục tiêu của mình mà không phải đổ máu thêm. Những đau khổ của nhân dân Việt Nam cũng là đau khổ của nhân dân Á - Phi. Chúng tôi đến đây không phải để làm tổn hại đến lập trường của Việt Nam. Nếu lập trường của Việt Nam bị tổn hại thì sẽ là một tai họa lớn mà nhân dân Á - Phi không thể tha thứ được. Chúng tôi nghĩ đất nước sẽ không phát triển được nếu không được yên ổn. Đó là điều chúng tôi đưa đến để trình bày với Chủ tịch. Ý kiến của tôi có thể sai. Tổng thống N. Cruma mà Chủ tịch coi là anh em đã tỏ tình đoàn kết với Việt Nam và sẽ đến đây ngay khi nào có thể đến được. Nếu có sự trả lời của Chủ tịch, chúng tôi sẽ mất độ nửa tuần để trở về Gana. Tổng thống chúng tôi sẽ đến lúc nào mà Chủ tịch thấy thuận tiện.

Chúng tôi sẽ rất sung sướng nếu có được thư trả lời của Chủ tịch để mang về cho Tổng thống chúng tôi.

Chúng tôi hết sức cảm động trước lòng mến khách đã được biểu lộ đối với chúng tôi từ khi đến Hà Nội.

Chúng tôi đã thấy quyết tâm của nhân dân Việt Nam và sẽ báo cáo với Tổng thống N. Cruma. Các đại diện của Việt Nam: Ông Sao ở Luân Đôn, Đại sứ Việt Nam ở Mátxcova, Praha, Bắc Kinh đều tỏ thái độ rất hợp tác. Chúng tôi rất sung sướng khi biết Việt Nam sẽ có đại sứ ở Acra. Đại sứ chúng tôi ở Bắc Kinh sẽ tới đây. Chắc chắn là quan hệ giữa hai nước chúng ta sẽ được thắt chặt thêm.

Chủ tịch Hồ Chí Minh:

- Ở đây chúng ta nói chuyện với nhau như những người anh em, cho nên, tôi nói thật, ý kiến dù không khớp cũng nói.

Một lần nữa tôi xin nói: nhân dân Việt Nam cảm ơn Tổng thống N. Cruma và nhân dân anh em đã lo lắng sự lo lắng của nhân dân Việt Nam, buồn phiền sự buồn phiền của nhân dân Việt Nam, vui mừng trước những thắng lợi của nhân dân Việt Nam.

Có lẽ anh em Gana, trong đó có các vị trong phái đoàn, không hiểu về Hoa Kỳ. Các vị đã lấy lòng người quân tử để xét đoán bụng dạ của kẻ tiểu nhân.

Vấn đề phái đoàn của Uynxon không cần nhắc đến nữa. Sau khi Đavít sang đây, họ nói Việt Nam hiếu chiến cần phải xử phạt, họ đe dọa chúng tôi. Cách đây mấy năm, Đavít có đến đây, ông ta là một người thuộc cánh tả của Công đảng Anh, là một người đấu tranh cho hòa bình, cho công lý và chống đế quốc. Cho nên trước đây chúng tôi tiếp đón ông ta rất tử tế. Lần này, ông ta sang đây có hai mặt. Khi xin thị thực ông ta nói sang với tư cách cá nhân, nhưng trên đường đi ông ta lại nói có sứ mạng của Uynxon, nên chúng tôi không tiếp.

Các vị nói Hoa Kỳ không muốn rút khỏi miền Nam Việt Nam như bị đuổi ra. Chúng tôi nghĩ Hoa Kỳ đến như thế nào thì cứ việc rút ra như thế ấy. Chúng tôi sẵn sàng hoan tống\* họ. Tổng thống Giônxon nói: Hoa Kỳ đã đưa danh dự của mình cam kết ở Việt Nam. Tôi

---

\* Hân hoan tiễn đưa.

không hiểu ông ta muốn nói gì. Phải chăng danh dự của Hoa Kỳ là ở bom napan, bom lân tinh, bom hơi độc và chó ngao? Hay là nên nói danh dự của một nước lớn như Hoa Kỳ là ở chính nghĩa? Nếu họ hiểu danh dự đúng như chúng ta hiểu thì họ cần nói rằng quân đội Hoa Kỳ đã gây ra sự phá hoại, chết chóc nhiều rồi, giờ đây nên quay đầu trở lại.

Hoa Kỳ nói Hoa Kỳ muốn hòa bình, chúng tôi cho đó là dối trá. Một ví dụ: có một bọn cướp vào làng - Việt Nam cũng có những làng như Gana - chúng cướp của giết người, bố trí canh gác các nơi, sau đó chúng bảo người trong làng: thôi ta nói chuyện hòa bình đi! Làm sao có thể tin chúng được? Đó chính là tình hình hiện nay ở Việt Nam.

Ông bộ trưởng vừa nói: nếu chúng ta ngồi lại với nhau, có đại biểu các nước Á - Phi họp thành một khối ủng hộ Việt Nam chống đế quốc Mỹ thì sức mạnh ủng hộ càng tăng lên. Điều đó rất đúng. Nhưng ngồi lại ở đây không phải một bên là Hoa Kỳ, một bên là chúng tôi có các nước Á - Phi bên cạnh. Mong rằng nước Gana anh em hiểu và tiếp tục vận động tất cả các nước Á - Phi cùng nhau ủng hộ Việt Nam chống đế quốc Mỹ xâm lược.

Về hòa bình, có lẽ không quá đáng nếu nói rằng nhân dân Việt Nam yêu chuộng hòa bình và căm ghét chiến tranh hơn bất kỳ nhân dân nước nào khác. Vì sao? Vì nhân dân Việt Nam đã trải qua gần một thế kỷ bị thực dân áp bức, nhân dân Việt Nam bị tổn thất trong Chiến tranh thế giới thứ hai, tiếp đó lại trải qua 10 năm chống thực dân Pháp, thiệt người, hại của,



giờ đây lại chống đế quốc Mỹ. Nhân dân Việt Nam muốn hòa bình để tổ chức lại đời sống của mình. Mấy năm trước khi Hoa Kỳ leo thang, ở miền Bắc đã bắt đầu xây dựng nông nghiệp, công nghiệp, văn hóa... trong lúc đó ở miền Nam Việt Nam vì đế quốc Mỹ mà chết người, hại của.

Đến đây Chủ tịch Hồ Chí Minh nói một số thành tích về khắc phục khó khăn, về giáo dục ở miền Bắc. Người nói tiếp:

- Vì lý do đó, chúng tôi muốn hòa bình nhưng hòa bình theo giá nào, cách nào? Chúng tôi muốn có hòa bình nhưng đồng thời phải có độc lập. Như Tổng thống N. Cruma có nói trong thư trước, nếu chiến tranh kéo dài thì tổn thất về người, về của càng nhiều và khi đánh đuổi được Hoa Kỳ ra khỏi Việt Nam thì chúng tôi bị thiệt hại nhiều. Chúng tôi tin rằng nhân dân Việt Nam có thể đánh đuổi được Hoa Kỳ. Chúng tôi đã có kinh nghiệm với đế quốc Pháp: trước khi rút đi chúng phá hoại nhiều lắm, nhưng chúng tôi thấy dù phải hy sinh nhiều mà đánh đuổi được đế quốc Mỹ ra khỏi miền Nam Việt Nam thì đó chẳng những là làm cho sau này nhân dân Việt Nam không phải làm nô lệ cho Hoa Kỳ mà còn góp phần làm cho nhân dân các nước thấy Hoa Kỳ không có gì đáng sợ. Một dân tộc đã đoàn kết nhất trí thì không có gì phải sợ đế quốc cả và Hoa Kỳ đã thua ở Việt Nam thì ở nơi khác cũng không thể thắng được. Nếu chiến tranh kéo dài, chúng tôi sẽ phải hy sinh nhiều, nhưng đó là chúng tôi làm nghĩa vụ đối với dân tộc, đồng thời làm nghĩa vụ quốc tế đối với các nước bạn.

Nói tóm lại, chúng tôi muốn hòa bình, chúng tôi không muốn làm nhục Hoa Kỳ nếu Hoa Kỳ cũng trọng danh dự chính đáng của họ, nếu Hoa Kỳ tôn trọng ý nguyện của nhân dân Việt Nam, nếu Hoa Kỳ thi hành đúng Hiệp nghị Giơnevơ thì chúng ta có hòa bình. Như ông bộ trưởng đã nói, chúng ta cùng chung một mục đích là độc lập và hòa bình, cùng chung một nguyện vọng là không những Việt Nam và Gana mà tất cả các nước đều hợp tác và hữu nghị với nhau.

Chúng tôi không ngần ngại hợp tác với nhân dân Mỹ vì kỹ thuật họ cao, kỹ thuật của Việt Nam thấp, họ có thể giúp. Ngược lại, chúng tôi có những cái có thể giúp người Mỹ.

Nhưng “củ cà rốt” của Giôn-xơn hứa viện trợ 1 tỷ USD không lừa bịp được chúng tôi. Trong khi chúng tàn phá đất nước chúng tôi ở miền Bắc và ở miền Nam thì chúng tôi không thể tin vào “củ cà rốt” của chúng được.

Về việc Tổng thống N. Cruma thăm Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói Người rất mong muốn được gặp Tổng thống vì hai người chưa gặp nhau bao giờ, nhưng tiếc rằng chưa thể mời và đón tiếp Tổng thống được vì tình hình chiến tranh. Người nói:

“Tôi nhờ các vị trình bày với Tổng thống N. Cruma: lòng tôi có mâu thuẫn, một mặt muốn gặp Tổng thống ngay nhưng mặt khác không dám mời Tổng thống. Xin các vị chuyển đến nhân dân Gana anh em lòng biết ơn và tình đoàn kết của nhân dân Việt Nam. Một khi Hoa Kỳ không gây gổ ở miền Nam Việt Nam cũng như ở các nơi khác nữa, tôi cũng muốn được đi thăm Gana. Lần trước

tôi đến Gana tên khác, lần này Gana tên khác, cái gì cũng khác, nhất là con người đã khác trước rất nhiều.

Cảm ơn các vị đã đến thăm Việt Nam, cảm ơn các vị đã chịu khó nghe tôi nói nhiều”.

Ácma:

- Xin cảm ơn Chủ tịch. Chúng tôi đến đây là một dịp được học tập rất nhiều. Những cuộc thảo luận của chúng ta tỏ ra rất bổ ích. Chúng tôi đã hiểu rõ tình hình và sau này sẽ ủng hộ Việt Nam mạnh hơn trước nhiều. Chúng tôi đánh giá cao những nhận xét của Chủ tịch đối với ý kiến của chúng tôi. Chủ tịch là người có kinh nghiệm tại chỗ còn chúng tôi ở rất xa. Chúng tôi thành thật đưa ra đề nghị, có lẽ những đề nghị đó cũng giúp ích phần nào. Chúng tôi đánh giá rất cao những lời giải thích của Chủ tịch về tình hình. Trở về Gana, chúng tôi có thể nói về Việt Nam một cách am tường hơn.

Tôi tin rằng nhân dân Gana cũng như toàn thể nhân dân Á - Phi sẽ ủng hộ nhân dân Việt Nam đến thắng lợi cuối cùng. Tôi thông cảm trước hoàn cảnh của Chủ tịch đã buộc phải thay đổi những sự sắp xếp cho cuộc đi thăm của Tổng thống chúng tôi.

Chủ tịch Hồ Chí Minh:

- Tôi hiểu rằng có một người anh em ở xa, trong hoàn cảnh như Việt Nam, Tổng thống N. Cruma muốn đến xem xét tình hình và xem có cách gì giúp đỡ được nhiều hơn. Tôi cũng biết Tổng thống không sợ gì, vì đã trải qua nhiều sóng gió, vì đã hiến cả sinh mệnh của mình cho nhân dân thì không còn phải sợ gì nữa. Nhưng chính vì hiểu rõ như vậy mà tôi rất áy náy.

Nhờ các vị trình bày với Tổng thống tình hình và tình cảm của tôi.

Ông Ácma rời Hà Nội với bức thư trả lời của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Theo tin từ Acra, đầu tháng 8-1965, Ngoại trưởng Gana đi Oasinhton để chuyển tới Giônxon bức thư của N. Cruma kêu gọi Hoa Kỳ chấm dứt ném bom miền Bắc Việt Nam.

Chuyến viếng thăm miền Bắc Việt Nam của Tổng thống N. Cruma không thành vì một nhóm quân nhân đã làm đảo chính lật đổ ông, khi ông đang trên đường đi Hà Nội vào tháng 02-1966.

## KHI QUYẾT ĐỊNH LAO ĐẾN CÙNG VÀO CHIẾN TRANH

---

Việc quyết định ném bom miền Bắc Việt Nam, đưa những đơn vị chiến đấu của Hoa Kỳ đầu tiên vào Đà Nẵng là nhằm đe dọa đối phương rằng Hoa Kỳ có thể sử dụng sức mạnh quân sự, các người hãy coi chừng bộ máy chiến tranh của Hoa Kỳ. Nhưng ngay những người bình thường cũng hiểu rằng đó chưa phải là giải pháp để Hoa Kỳ giải quyết vấn đề Việt Nam theo ý muốn của Oasinhton.

Sau thất bại của cuộc vận động hòa bình tháng 5 và cái “quyết định quan trọng thứ tư về Việt Nam”, Tổng thống Giônxon vẫn phải giải đáp những vấn đề đã được đặt ra từ trước: tăng thêm bao nhiêu quân ở miền Nam Việt Nam, ném bom miền Bắc Việt Nam đến đâu, đến bao giờ? Nghĩa là giải đáp câu hỏi: chiến tranh hay hòa bình? Và đó là vấn đề liên quan đến an ninh và tương lai của Hoa Kỳ. Giônxon đã phải hỏi “tâm hồn và trái tim mình” khi đêm khuya thức giấc ở Nhà Trắng, khi ngồi một mình ở Átpon Lốt, ở trại Đavít, khi đi bộ dọc bờ sông Pidonan hay lững thững bước trên các đồi ở Téchdát.

Ông đã tham khảo ý kiến Đại sứ Mácxoen Taylo, Đại sứ Cabốt Lốt ở miền Nam Việt Nam, Tướng E. Uylo, Oétmolen và Đô đốc G. Sáp - Tư lệnh Thái Bình Dương, các cố vấn thân cận và có quyền uy nhất, lãnh tụ các đảng trong Quốc hội và nhiều thượng, hạ nghị sĩ. Các tướng lĩnh tài ba nhất đã đề ra “chiến lược chiến thắng” ở miền Nam Việt Nam. Tướng Oétmolen, người trực tiếp chỉ huy ở chiến trường, đã vạch ra một quá trình hành động để kết thúc chiến tranh một cách vẻ vang trong hơn hai năm, gồm ba giai đoạn:

- Chặn đứng chiều hướng thất bại vào cuối năm 1965;
- Giành lại thế tiến công trong nửa năm đầu 1966;
- Quét sạch kẻ địch còn lại trong vòng từ 12 đến 18 tháng sau đó<sup>1</sup>.

Bộ trưởng quốc phòng Mắc Namara nhấn mạnh một đường lối cứng rắn: “Tăng cường một cách nhanh chóng và đáng kể sức ép về quân sự của Hoa Kỳ ở miền Nam Việt Nam và duy trì sức ép chống miền Bắc”. Ông tán thành đề nghị đưa thêm ngay 19 tiểu đoàn chiến đấu vào miền Nam, nâng số quân nước ngoài ở đây lên 175.000 người vào cuối năm 1965 và thêm 100.000 người nữa vào đầu năm sau. “Chiến lược để chiến thắng là tiến công, giành và giữ quyền chủ động”<sup>2</sup>.

Ngoại trưởng Đin Raxơ tỏ ra quyết tâm ngăn chặn làn sóng cộng sản. Chủ tịch Hạ nghị viện M. Cócmác đòi gửi thêm quân cho các chỉ huy quân sự ở chiến trường, trong khi Thượng nghị sĩ M. Menphin, Lãnh tụ phe đa số

---

1, 2. *Tài liệu Lầu Năm Góc, Sdd, t.3, tr. 296.*

ở Thượng nghị viện chống lại một cách nghiêm túc đường lối cứng rắn đã vạch ra. Ông cho rằng “hy vọng tốt nhất là nhanh chóng đi vào chỗ bế tắc và các cuộc thương lượng”. Thứ trưởng Ngoại giao G. Bôn cũng công khai phản đối “cuộc hành trình đầy nguy hiểm”. Ông đòi “chấm dứt tổn thất của Hoa Kỳ và rút lui”. C. Clípphốt tỏ ra “bì quan và tư lự”. Ông không tin Hoa Kỳ sẽ thắng ở Việt Nam. Tuy nhiên, các quan chức này cũng như M. Menphim đều ủng hộ quyết định của Tổng thống<sup>1</sup>.

Cuối cùng, L.B. Giônxon hạ lệnh đáp ứng mọi yêu cầu của Tướng Oétmolen, nghĩa là đưa ngay số quân Mỹ từ 75.000 người lên 125.000 người. Trong cuộc họp báo ngày 28-7-1965, ông ta đã công bố việc đó. Trong cuốn hồi ký *Cuộc đời Tổng thống của tôi*, ông viết: “Thế là chúng ta lao đến cùng vào cuộc chiến tranh Việt Nam”<sup>2</sup>.

Đó chỉ là phần đầu kế hoạch chiến lược hai năm giành thắng lợi mà Mắc Namara đã chuẩn bị và Giônxon đã phê chuẩn. Ngoài phần quân sự, kế hoạch này còn gồm một phần chính trị ngoại giao dưới đây: “Cùng với hoạt động quân sự, chúng ta cần có sáng kiến về chính trị để đặt cơ sở cho một giải pháp chính trị có lợi bằng cách nói rõ mục tiêu của chúng ta và thiết lập các con đường liên lạc. Đồng thời, trong lúc chúng ta tiến hành các bước đã thay đổi chiều hướng ở miền Nam Việt Nam, chúng ta cần có những cuộc vận động lặng lẽ qua các con đường ngoại giao để:

---

1, 2. L.B. Giônxon: *Cuộc đời Tổng thống của tôi*, *Sđd*, tr. 184-191, 298-620.

a) Mở đường đối thoại với Mátxcova và Hà Nội và có thể cả với Việt Cộng nữa.

b) Giữ cho Liên Xô đừng đi sâu vào con đường quân sự trên thế giới cho đến khi hoàn thành một giải pháp.

c) củng cố sự ủng hộ của công chúng đối với chính sách của Hoa Kỳ và hạn chế sự phản đối của dư luận thế giới ở mức độ chịu đựng được. Cố gắng của chúng ta có thể không thành công cho đến khi chiêu hướng bắt đầu thay đổi”.

Mắc Namara giải thích:

“Tôi không tin rằng lúc này Hà Nội hay Việt Cộng sẽ đáp ứng các đề nghị hòa bình của ta vì so sánh lực lượng chưa phải là bất lợi cho họ. Nhưng có ba việc có thể làm để tăng triển vọng:

1. Cần tiến hành các biện pháp để tăng thêm lòng tin vào các cử chỉ hòa bình của ta trong tâm lý đối phương và dư luận thế giới. Có hai cách: a) Mặc nhiên ngừng ném bom miền Bắc không điều kiện mà không thừa nhận việc giảm ném bom là mãi mãi hay tạm thời. Hà Nội sẽ không bằng lòng thương lượng cho đến khi họ đòi được chấm dứt ném bom không điều kiện. Ta sẽ thấy điều đó diễn ra và Hoa Kỳ sẽ tự do ném bom trở lại. b) Xen kẽ việc ném bom: lúc ném bom vùng phía bắc quanh Hà Nội, Hải Phòng đến biên giới Trung Quốc, lúc chuyển sức mạnh của Hoa Kỳ xuống phía nam của miền Bắc Việt Nam. Cách lựa chọn này có nhiều hấp dẫn. Nó cung cấp cho miền Bắc Việt Nam một yếu tố để giữ thể diện... và cần làm cho họ tin rằng chúng ta sẽ rút quân một khi miền Bắc Việt Nam chấm dứt xâm lược.



2. Tìm cách chia rẽ Việt Cộng với Hà Nội.

3. Tiếp xúc với bên ngoài để họ tăng sức ép với Hà Nội, với Liên Xô và các nước khác.

4. Phải thảo ra một kế hoạch nói rõ vai trò của Việt Cộng sau chiến tranh trong Chính phủ quốc gia. Chương trình này cần tỏ ra hợp lý nếu không phải đối với Hà Nội thì ít ra cũng là đối với dư luận thế giới<sup>1</sup>.

Lúc đầu, Mắc Namara dự tính sẽ ngừng ném bom từ 6 đến 8 tuần, nhưng tháng 11 ông ta nhấn mạnh là cần ngừng ném bom từ 3 đến 4 tuần ở miền Bắc Việt Nam trước khi Hoa Kỳ tăng cường mạnh mẽ lực lượng vào miền Nam Việt Nam và đẩy mạnh đánh phá miền Bắc để chuẩn bị tinh thần cho công chúng Mỹ và dư luận thế giới về giai đoạn mở rộng chiến tranh sắp tới và cho miền Bắc Việt Nam một cơ hội gỡ thế diện để chấm dứt xâm lược.

Đồng thời, với việc đưa tiếp lực lượng chiến đấu của Hoa Kỳ vào miền Nam Việt Nam, Hoa Kỳ tiến hành cái gọi là “những cuộc vận động lặng lẽ qua các con đường ngoại giao”.

Địa bàn được chọn lúc đầu là Pari, nơi Việt Nam Dân chủ Cộng hòa có một tổng đại diện là đồng chí Mai Văn Bộ. Tháng 8, hơn một tuần sau khi Tổng thống Hoa Kỳ thông qua việc tăng quân, ông Étmôn Golion - một nhà ngoại giao Mỹ với tư cách cá nhân xin gặp đồng chí Mai Văn Bộ. Ông nguyên là Tổng Lãnh sự Hoa Kỳ ở Sài Gòn năm 1950, từng làm đại biện lâm thời

---

1. *Tài liệu Lầu Năm góc, Sdd*, t.4, tr. 27-33, 352-353.

Đại sứ quán Hoa Kỳ ở Việt Nam, đã có nhiều tiếp xúc với Ngô Đình Diệm. Đồng chí Mai Văn Bộ nhận tiếp. Trong cuộc gặp gỡ đầu tiên, Golison bày tỏ nỗi quan tâm về sự chết chóc do chiến tranh gây ra và tỏ vẻ lo ngại chiến tranh có thể mở rộng.

Golison nói: Tổng thống Giôn-xơn đang đứng trước áp lực rất lớn đòi mở rộng chiến tranh. Ông được đa số nhân dân Mỹ ủng hộ nên phải mở rộng chiến tranh và sẽ thắng trong bầu cử tới. Nếu hai bên cứ tiếp tục đánh nhau sẽ không tránh khỏi chiến tranh mở rộng, cho nên phải đàm phán ngoại giao.

Khi đồng chí Mai Văn Bộ nhắc lại âm mưu và lên án sự xâm lược của Hoa Kỳ, nói rõ lập trường bốn điểm của Thủ tướng Phạm Văn Đồng, nhấn mạnh đó là cơ sở để giải quyết vấn đề, Golison liền hỏi:

- Cơ sở là thế nào? Một hay nhiều cơ sở? Rút quân đội Hoa Kỳ trước hay thương lượng rồi mới rút? Bắc Kinh nói Hoa Kỳ rút quân là vấn đề tiên quyết, có phải như vậy không?

Ngay sau đó ông ta đã lấy một tờ giấy viết sẵn và đọc:

1. Hoa Kỳ và Việt Nam Dân chủ Cộng hòa cần tiến hành ngay các cuộc thương lượng không điều kiện tiên quyết và những cuộc thương lượng tiếp theo để bàn biện pháp đưa đến sự công nhận các quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam: độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ như Hiệp nghị Giơnevơ năm 1954 đã quy định. Nội dung các cuộc thương lượng đó là: phương thức và giai đoạn rút nhân viên quân sự và nửa quân sự,

vũ khí nước ngoài ra khỏi miền Bắc và Nam Việt Nam. Sẽ thảo luận việc phá hủy những căn cứ quân sự nước ngoài, thủ tiêu mọi hiệp nghị và liên minh trái với Hiệp nghị Giơnevơ, việc tập kết, việc bố trí lại các lực lượng bản xứ.

2. Việc tuân thủ nghiêm chỉnh các điều khoản quân sự của Hiệp nghị Giơnevơ phải được hoàn thành theo đúng chương trình và bảo đảm thích hợp sẽ được thỏa thuận trong các cuộc thảo luận hay thương lượng nói trên.

3. Những vấn đề nội bộ của Việt Nam ở miền Bắc và miền Nam do nhân dân Việt Nam ở mỗi miền tự giải quyết, không có sự can thiệp của bên ngoài.

4. Vấn đề thống nhất Việt Nam được giải quyết một cách hòa bình trên cơ sở quyết định tự do của miền Bắc và miền Nam, không có sự can thiệp của nước ngoài.

Golion nói rằng những điều trên đây của Hoa Kỳ cũng như lập trường bốn điểm của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa có thể là cơ sở để thảo luận. Các nước khác tham gia vào hội nghị sau này có thể đưa ra cơ sở khác nữa.

Cuối cùng, E. Golion nói chính sách của Hoa Kỳ là muốn thấy một nước Việt Nam thống nhất không có sự can thiệp của Hoa Kỳ, Pháp hay Trung Quốc.

Trong cuộc gặp lần thứ hai ngày 13-8-1965, ông Golion đọc hai bài báo nói về Giôn-xơn bị áp lực phải đẩy mạnh chiến tranh rồi tỏ vẻ lo ngại tình hình sẽ ra sao nếu Giôn-xơn không cưỡng nổi áp lực đó. Sau đó ông hỏi

ý kiến đồng chí Mai Văn Bộ về những điểm ông ta đã đưa ra hôm trước.

Đồng chí Mai Văn Bộ nói: Hoa Kỳ phải tôn trọng và thi hành Hiệp nghị Giơnevơ, thừa nhận lập trường bốn điểm của Việt Nam. Đồng chí cũng nói rằng ý kiến của Golion chưa đáp ứng lập trường của Hà Nội. Golion hỏi ý kiến của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa về quyền đại diện của miền Nam Việt Nam. Đồng chí Mai Văn Bộ nêu rõ: Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam là đại diện chân chính duy nhất của nhân dân miền Nam Việt Nam. Hoa Kỳ phải công nhận Mặt trận; Hoa Kỳ sẽ thất bại trong âm mưu chia cắt Việt Nam.

Golion liền thanh minh ngay rằng Hoa Kỳ không có âm mưu đó, Hoa Kỳ chỉ mong Việt Nam độc lập, thống nhất, việc nội bộ Việt Nam do nhân dân Việt Nam giải quyết theo chế độ nào cũng được miễn là không lệ thuộc nước ngoài. Hoa Kỳ mong muốn rút khỏi Việt Nam một cách vinh dự. Nếu miền Bắc rút quân (khỏi miền Nam) thì Hoa Kỳ sẽ rút ngay. Ông kết luận rằng còn quá khó khăn... Miền Bắc đòi Mặt trận là đại diện duy nhất cho miền Nam... Hoa Kỳ phải chấp nhận trước bốn điểm như vậy còn gì danh dự cho Hoa Kỳ, mà lại không có Điện Biên Phủ!

Sau khi hỏi đồng chí Mai Văn Bộ rằng Trung Quốc có chịu thương lượng không, Golion nói là ông ta bị quan vì lập trường của Việt Nam quá cứng và dọa “chiến tranh mở rộng thì ghê gớm lắm”.

Tưởng câu chuyện đến đó chấm dứt nhưng ngày 18 tháng 8, E. Golion lại đến.

Lần này ông lấy bài báo của nhà sử học Pháp Philip Dèrville phỏng vấn Chủ tịch Hồ Chí Minh đăng trên tờ *Lơ Môngđơ* của Pháp, hỏi lại đồng chí Mai Văn Bộ về quyền đại diện của Mặt trận Dân tộc giải phóng. Khi được trả lời như lần trước, ông lắc đầu cho rằng quan điểm của Việt Nam là không thực tế. Ông hỏi:

- Phía các ông thừa nhận một miền Nam Việt Nam độc lập, trung lập có quan hệ thương mại, đi lại với miền Bắc cho đến khi nào hai bên đồng ý thống nhất bằng phương pháp hòa bình nhưng tại sao lại nói theo cương lĩnh của Mặt trận Dân tộc giải phóng và cương lĩnh của Mặt trận Tổ quốc?

Nhưng ông khách Mỹ thật ra không quan tâm lắm đến sự trả lời cho câu hỏi đó, mà nói rằng câu trả lời của miền Bắc về ba vấn đề sau đây là quan trọng hơn cả: ngừng bắn phá miền Bắc, ngừng chiến tranh miền Nam và rút quân đội Hoa Kỳ ra khỏi miền Nam Việt Nam. Ông hỏi:

- Ba vấn đề này đặt ngang nhau, thi hành cùng một lúc hay có cái trước cái sau. Rút quân đội Hoa Kỳ có phải là điều kiện tiên quyết hay việc rút quân sẽ được giải quyết trong thương lượng và rút như thế nào?

Bình luận về lập trường của ta, Golion nói: Hoa Kỳ phải thừa nhận bốn điểm, công nhận Mặt trận Dân tộc giải phóng và ngừng bắn phá miền Bắc mà không có dấu hiệu gì đáp lại ở miền Nam thì khó mà đồng tình với nhau được!

Ngày cuối cùng của tháng 8 năm đó, ông lại đến cơ quan Tổng đại diện của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa

và trình trọng tuyên bố với đồng chí Mai Văn Bộ rằng: Bốn điểm ông ta trình bày đã được Bộ trưởng Ngoại giao Hoa Kỳ Đin Raxơ xác nhận trong tuyên bố với báo chí: thừa nhận thi hành các điều khoản quân sự của Hiệp nghị Giơnevơ năm 1954, thừa nhận tổng tuyển cử ở Việt Nam, Hoa Kỳ sẽ ngừng bắn phá miền Bắc nếu miền Bắc có dấu hiệu đáp lại.

Ông lại hỏi vấn đề rút quân, rút trước hay sau khi thương lượng. Ông nói hai bên phải cùng rút quân, chẳng hạn miền Bắc rút sư đoàn 325 khỏi miền Nam và hỏi thêm: phía Việt Nam Dân chủ Cộng hòa có nhận sự kiểm soát quốc tế ngoài Liên hợp quốc không?

Ông ta còn đọc một thông điệp của Chính phủ Hoa Kỳ gửi các nước, trong đó nói Hoa Kỳ không từ bỏ khả năng ngừng bắn phá miền Bắc Việt Nam lâu hơn với điều kiện là Hà Nội có một dấu hiệu rõ ràng ngừng việc đưa người và vũ khí vào miền Nam, nhất là ngừng rõ rệt mức độ hành động quân sự và hoạt động khủng bố ở miền Nam do sự ủng hộ của miền Bắc gây ra.

Sau khi đồng chí Tổng đại diện của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa phản đối, Golơvơ dịu giọng và nói:

- Hoa Kỳ không đòi miền Bắc có hành động tương xứng như ngừng mọi hoạt động, mà chỉ yêu cầu có dấu hiệu nào đó như giảm bớt hoạt động khủng bố hay hành động nào đó để cho hai bên có thể từng bước cùng xuống thang đến mức như ở Angiêri thì có thể nói chuyện với nhau mà không ai mất mặt cả.

Trước khi về, Golơvơ còn nói là cả Tổng thống Giônxon và Ngoại trưởng Đin Raxơ đều cố gắng tìm

cách này hay cách khác để đi đến giải quyết bằng thương lượng mà các ông cứ nói ngang như vậy thì làm sao đi đến thương lượng được?

Ông xin gặp lại vào ngày 07-9-1965, nhưng đồng chí Mai Văn Bộ từ chối.

Trong cả bốn lần gặp đồng chí Mai Văn Bộ, Golion đều nói đến vấn đề Hoa Kỳ rút quân khỏi miền Nam Việt Nam. Nhưng chính trong thời gian đó, Oasinhton liên tiếp đưa nhiều đơn vị chiến đấu Mỹ vào miền Nam nước ta. Hoạt động của ông ta chỉ là bộ phận của kế hoạch vận động ngoại giao nhằm che giấu việc tăng quân của Hoa Kỳ.

Đầu tháng 11, ông P. Xtơơ - một nhà ngoại giao Mỹ, nguyên Lãnh sự Hoa Kỳ ở Hà Nội những năm 1952-1954, yêu cầu gặp đồng chí Mai Văn Bộ. Ông này trước đây đã ủng hộ mạnh mẽ việc Hoa Kỳ can thiệp vào chiến dịch Điện Biên Phủ, đặc biệt là về gợi ý đổ bộ quân Hoa Kỳ xuống đồng bằng Bắc Bộ.

Khi gặp đồng chí Võ Văn Sung - Bí thư thứ nhất cơ quan đại diện của ta tại Pari, ông ta đưa thư của Golion đề nghị gặp lại Tổng đại diện Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Khi đó, đồng chí Mai Văn Bộ đã về nước báo cáo.

Câu chuyện của Xtơơ xoay quanh sự sẵn sàng thương lượng không điều kiện của Hoa Kỳ, lập trường bốn điểm của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Ông ta hỏi: Hoa Kỳ làm thế nào để thừa nhận bốn điểm của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa? Thừa nhận bằng cách nào?

Theo ông, Hoa Kỳ đã đồng ý ba trong bốn điểm, là các điểm 1, 2 và 4. Còn điểm 3 thì khó quá. Hoa Kỳ phải nhìn trước nhìn sau. Phía Việt Nam hình dung thế nào về diễn biến tình hình sau khi Hoa Kỳ nhận cả bốn điểm? Có phải công nhận khi hai bên còn đánh nhau không? Sau khi hai bên gặp nhau có thể đi đến đàm phán không?

Lúc đầu câu chuyện được dẫn dắt để người nghe tưởng như Hoa Kỳ đã nhận ba trong bốn điểm của phía Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Sau cùng, Xtơmơ nói: Hoa Kỳ sẽ ngừng ném bom miền Bắc nếu Hà Nội chấm dứt thâm nhập miền Nam và rút quân về miền Bắc.

Chung quy vẫn là câu chuyện phải có dấu hiệu đáp lại việc Hoa Kỳ chấm dứt ném bom miền Bắc, phải có đi có lại, nghĩa là Hoa Kỳ có thể nói chuyện nhưng phải kèm điều kiện có trước.

Sang tháng 01-1966, Xtơmơ lại đề nghị gặp đồng chí Võ Văn Sung nhưng tình hình lúc này đã có diễn biến mới.

Câu chuyện tiếp xúc của Golion và Xtơmơ với đại diện Việt Nam được Nhà Trắng đặt cho mật danh là Dự án “XYZ”. X là Golion, Y là Xtơmơ, Mai Văn Bộ được gọi là R, Z thực tế không có. Còn Võ Văn Sung được đặt tên là Gin (Jean). L.B. Giônxon giao kế hoạch này cho Thứ trưởng Ngoại giao G. Bôn chỉ đạo chặt chẽ nhằm chống lại những lời chỉ trích lên án ông chỉ muốn tìm chiến thắng quân sự chứ không phải tìm giải pháp thương lượng.



Đây là lần đầu tiên một quan chức Hoa Kỳ “có thẩm quyền nhưng không chính thức” gặp đại diện Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Górlion được chỉ thị ban đầu là “phải vừa mềm dẻo vừa gây áp lực”: (1) nói một cách đơn giản và chung chung để thực hiện việc tiếp xúc; (2) X cần tỏ ra mong muốn cho Việt Nam được hòa bình, tự do độc lập và thống nhất; (3) X cần nói rằng việc kéo dài chiến tranh sẽ đưa đến việc Hoa Kỳ tăng sức ép và Trung Quốc kiểm soát miền Bắc Việt Nam; (4) X cần nhấn mạnh rằng không có gì ép được Hoa Kỳ rút đi, sức ép đòi mở rộng chiến tranh ở Hoa Kỳ đang tăng lên và rất khó kiềm chế được.

Và sau mỗi cuộc họp X lại được chỉ thị cho cuộc tiếp xúc sau.

Mục đích của Hoa Kỳ là đánh giá xem đối phương có ý định thương lượng không, có thể tiếp xúc với R được không? Tìm hiểu bốn điểm, điều kiện và thời gian rút quân, cơ sở cho thương lượng, thời gian thống nhất và tổng tuyển cử. Thăm dò thái độ của miền Bắc Việt Nam về đề nghị của Ấn Độ, thái độ đối với Trung Quốc và Liên hợp quốc, việc dùng vấn đề Lào và Campuchia làm con bài đổi lấy việc thương lượng.

Tháng 11, Y (Xtơơ) đến gặp đại diện ta với chỉ thị: Y cần nhấn mạnh:

1. Ở Hoa Kỳ áp lực đòi mở rộng chiến tranh ngày càng tăng.
2. Dùng chiến thuật chia rẽ Trung Quốc.
3. Mở rộng khái niệm về phát triển kinh tế.

4. Hỏi thêm về bị vong lục của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ngày 23-9-1965.

Oasinhton cho rằng Goliơn đã “thực hiện nhiệm vụ một cách nghiêm túc”<sup>1</sup>.

Tuy nhiên ông không thuyết phục được Hà Nội đi vào thương lượng trên thế mạnh của Hoa Kỳ.

---

1. Xem G.C. Hiarinh: *Ngoại giao bí mật trong chiến tranh Việt Nam*, *Sđđ*, tr. 74-115.

## **GIOÓCGIỎ LA PIRA: HY VỌNG VÀ THẤT VỌNG CỦA CHUYỂN ĐI HÀ NỘI**

---

**H**à Nội phân vân khi nhận được đề nghị gặp gỡ của Giáo sư Gioócgỉo La Pira. Đây là một sáng kiến cá nhân hay là một hành động phối hợp với Chính phủ Italia, thậm chí với Chính phủ Hoa Kỳ?

Ở Hà Nội, người ta biết khá rõ về con người và các hoạt động của La Pira, một nhân vật có tên tuổi ở Italia, một giáo sư luật, hơn mười năm là thị trưởng thành phố Phirenxê (Phlorăng) nổi tiếng. Ông đã tham gia cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít những năm 1930 và trong Chiến tranh thế giới thứ hai, đã đóng góp tích cực vào việc thành lập Đảng Dân chủ Thiên chúa giáo - đảng cầm quyền ở Italia. Vốn có tư tưởng tiến bộ, ông cũng tham gia các hoạt động vì hòa bình và công lý, vì dân chủ xã hội.

Năm 1956, ông đã mời thị trưởng các thành phố lớn trên thế giới đến họp tại thành phố quê hương để ký một công ước hòa bình. Ông đã đứng ra tổ chức hội nghị hòa bình về vấn đề Trung Đông và muốn đứng ra làm

trung gian trong cuộc chiến tranh Trung Đông lần thứ nhất. Năm 1958, ông đã tổ chức một hội nghị về vấn đề Angiêri và đã có những hoạt động trung gian giữa Pháp và ban lãnh đạo kháng chiến Angiêri, tạo điều kiện để đi tới Hội nghị Evian. Ông đã ủng hộ chính sách của Tổng thống Kennơđi, và tin rằng Giônxon sẽ đi theo đường lối của Kennơđi như ông này đã tuyên bố. Nhưng việc máy bay Hoa Kỳ ném bom miền Bắc Việt Nam đã làm cho ông cũng như bao nhiêu người khác kinh hoàng. Ông liền lên tiếng phản đối các cuộc ném bom đó, ủng hộ cuộc chiến đấu của nhân dân Việt Nam. Với sự ủng hộ của nhiều nhà hoạt động chính trị khác ở Italia và của Đảng Cộng sản Italia, La Pira đã đứng ra tổ chức hội nghị chuyên đề về Việt Nam ở Phlorăng vào ngày 26-4-1965. Là một diễn đàn quan trọng, tập hợp nhiều nhà hoạt động chính trị, xã hội nhiều nước châu Âu, đại biểu của nhiều tổ chức hòa bình trên thế giới, Hội nghị đã thông qua nghị quyết ủng hộ cuộc chiến đấu của nhân dân Việt Nam và lời kêu gọi triệu tập lại Hội nghị Giơnevơ về Việt Nam và có các giải pháp chính trị cho cuộc chiến tranh Việt Nam.

Khi được Hoa Kỳ thông báo về chủ trương “thương lượng không điều kiện” của Tổng thống Giônxon, ông Amintôre Phanphani, Ngoại trưởng Italia không thể bỏ qua một con người có quá trình tham gia chính trị và có uy tín quốc tế như La Pira. Ông ta mời La Pira đến gặp và đề nghị ông này đi Hà Nội thăm dò hòa bình. Lúc này La Pira đã thôi làm thị trưởng và đang dạy Luật La Mã tại Đại học Phlorăng.

La Pira nhận lời ngay. Cùng đi với ông còn có nhà toán học Mariô Pôrimichêriô.

Sau khi được Bộ Ngoại giao Việt Nam trả lời đồng ý tiếp đón, ngày 20 tháng 10, hai ông La Pira và Mariô Pôrimichêriô lên đường đi Hà Nội. Hai ông qua Ba Lan, Liên Xô, trên đường đi Bắc Kinh phải dừng lại Iécécút hai ngày vì thời tiết quá xấu. Ngày 08 tháng 11, hai ông tới Hà Nội.

Các bạn Việt Nam đã dành thì giờ cho hai ông nghỉ sau chuyến đi khá mệt nhọc và nghe Đại tá Hà Văn Lâu, Trưởng phái đoàn liên lạc Quân đội nhân dân Việt Nam giới thiệu về tình hình thi hành Hiệp nghị Giơnevơ năm 1954 về Việt Nam, sự can thiệp ngày càng tăng của Hoa Kỳ ở miền Nam Việt Nam; thất bại của chiến tranh đặc biệt của Hoa Kỳ; tình hình chiến trường sau khi Hoa Kỳ đưa quân chiến đấu của mình vào miền Nam, cho máy bay ném bom miền Bắc; lập trường bốn điểm của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Ngày 11 tháng 11, hai ông được Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp tại Phủ Chủ tịch. Cùng dự với Người có Thủ tướng Phạm Văn Đồng. Sau những lời chào mừng thường lệ, ông La Pira xin được nói trước. Ông nói:

- Tôi đã gặp ông Phanphani ngày 07 tháng 9. Ông Phanphani nói với tôi rằng: ông đã tổ chức Hội nghị Phlorăng, đã hoạt động cho Việt Nam, ông nên đi Việt Nam. Ông ta yêu cầu tôi nói với Chủ tịch rằng chúng tôi sẵn sàng phục vụ hòa bình và công lý. Vấn đề Việt Nam hiện nay là vấn đề của thế giới. Hội nghị Phlorăng đã có nhiều chính khách quan trọng tham gia. Đó là chất men

kích thích phong trào thế giới. Tôi đã viết thư cho R. Kennodi và nhiều nhà chính trị khác của Hoa Kỳ. Hiện nay phong trào chống chiến tranh Việt Nam ở Hoa Kỳ thu hút được nhiều chính trị gia quan trọng như Phunbrai, Mócxơ, nhiều giáo sư và sinh viên. Đây là lần đầu tiên tôi đến Hà Nội. Trước đây tôi đã đến Mátxcova. Lần này tôi qua cả Vácsava, Mátxcova, Bắc Kinh, Hà Nội.

Chủ tịch Hồ Chí Minh vui vẻ nói:

- Ông đi lại với cộng sản nhiều quá chẳng?

Không khí trở nên thân mật. Ông La Pira nói:

- Chúng tôi đặt quan hệ giữa người với người. Tôi thấy đã đến lúc phải ngừng ném bom. Khi đến Mátxcova, tôi đã gửi cho ông Phanphani một bức điện về việc này. (Ông đọc bức điện bằng tiếng Italia).

Chủ tịch Hồ Chí Minh hỏi:

- Vậy là lần này ông mang cành ôliu đến Việt Nam? Vậy ông Phanphani yêu cầu ông nói gì với chúng tôi?

- Nói rằng chúng tôi đã sẵn sàng. Việt Nam có được hòa bình, thế giới sẽ hòa bình. Vấn đề khó nhất là bước đi đầu tiên. Hiện nay sinh viên Hoa Kỳ đang đấu tranh chống Lầu Năm góc. Tham gia phong trào đó có rất nhiều người công giáo, được tổ chức chặt chẽ.

Chủ tịch nói tiếp:

- Các anh Morixơn và La Pócơ\* cũng là những người công giáo. Các anh đó rất dũng cảm, nhưng những kẻ phải chết cháy chính là Giônxon và Mắc Namara.

---

\* Hai thanh niên Hoa Kỳ này tự thiêu để phản đối cuộc chiến tranh của Hoa Kỳ ở Việt Nam.

Hiện nay có phong trào mạnh mẽ đòi hòa bình, cần giúp đỡ phong trào đó và gây áp lực với Chính phủ Hoa Kỳ, phải bao vây Giôn-xơn lại. Vấn đề quan trọng là bước đầu phải làm gì để đẩy phong trào lên, làm gì để chấm dứt đau khổ của nhân dân. Chỉ có hai con đường: hoặc là hòa bình hoặc là trái đất sẽ bị hủy diệt. Hòa bình hiện nay là ở Hà Nội.

Chủ tịch Hồ Chí Minh liên hỏi:

- Nếu ở địa vị ông thì ông phải làm gì?

- Vấn đề sẽ được giải quyết khi người ta cùng ngồi uống trà với nhau. Đó là việc lớn, là hữu nghị. Tại sao lại giết nhau? Thế giới đã thay đổi, tinh thần công lý hiện nay đã được phổ biến. Nếu tiến đổ vào chiến tranh mà được đem dùng cho hòa bình thì sẽ làm được nhiều việc hơn.

Thủ tướng Phạm Văn Đồng, từ đầu vẫn ngồi nghe một cách chăm chú, bây giờ lên tiếng:

- Nếu ở vào địa vị người Mỹ thì ông phải làm gì?

- Sẽ gặp nhau uống trà mà không giết nhau nữa -  
La Pira trả lời.

Thủ tướng hỏi tiếp:

- Và người Việt Nam sẽ hỏi: Hoa Kỳ sang Việt Nam để làm gì?

Ông La Pira nói:

- Đúng, nói như vậy tốt. Cứ nói, nhưng nói giữa hai người.

Chủ tịch Hồ Chí Minh:

- Hoa Kỳ đã đến Việt Nam gây chiến, giết hại nhân dân Việt Nam, còn nhân dân Việt Nam chỉ muốn Hoa Kỳ rút. Như ông nói, bước đầu là quan trọng, vậy thì

bước đầu chúng tôi có đánh vào Oasinhton đâu? Ai đã đến Việt Nam giết hại nhân dân Việt Nam?

- Hoa Kỳ! - Ông La Pira trả lời ngay.

- Vấn đề là ở chỗ đó. Vậy thì Hoa Kỳ phải rút như lời Chúa dạy.

Ông La Pira dừng một chút rồi nói:

- Nhưng cũng có vấn đề kỹ thuật trong việc Hoa Kỳ rút... Tôi là giáo sư về luật La Mã. Luật La Mã nói rằng, khi có một cuộc tranh chấp thì nên chia ra hai giai đoạn: bước đầu là hai bên ngừng lại, bước sau là vận dụng luật La Mã để phân xử. Vì vậy, tôi nghĩ trước mắt phải ngừng ngay bạo lực lại, sau đó sẽ đem đối chiếu luật pháp và thực tế.

Thủ tướng nhận xét:

- Như vậy, phải cho bọn kẻ cướp vào tù rồi đem xử sau.

- Nhưng phải có thời gian, phải vận động, phải đẩy phong trào lên. Hiện nay đã đến lúc, thời cơ đã chín muồi. La Pira nói.

Chủ tịch Hồ Chí Minh hỏi:

- Vấn đề quan trọng là bước đầu. Chính Hoa Kỳ đã ném bom bắn phá và hiện nay hằng ngày đang đánh phá chúng tôi. Vậy ai vi phạm luật lệ của Chúa?

- Và ai vi phạm luật lệ của Người? Thủ tướng hỏi tiếp. Ông cho ai là kẻ có tội?

Không đợi khách trả lời, Thủ tướng nói:

- Tôi xin cảm ơn ông về đề nghị của ông là ngồi vào bàn nói chuyện với Hoa Kỳ, nhưng ông có cho rằng Hoa Kỳ có đồng ý ngồi vào bàn không?



La Pira:

- Trước đây vì quần chúng chưa hiểu, còn bị tinh thần chống Cộng làm sai lạc, mặc dù thế, lịch sử cứ tiến lên. Từ ba tháng nay, phong trào của nhân dân Hoa Kỳ lại phát triển một cách mạnh mẽ. Lực lượng tiến bộ đang có triển vọng thắng thế, phải ủng hộ các lực lượng đó. Chúng tôi hoàn toàn phản đối việc ném bom, kể cả ném bom các nước cộng sản. Thời cơ đã đến, nên mở cửa cho Hoa Kỳ vào, nên nói chuyện với đại diện của Chính phủ Hoa Kỳ.

Thủ tướng:

- Giải pháp duy nhất là Hoa Kỳ phải tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam, Hoa Kỳ phải rút về Hoa Kỳ.

- Việc đó sẽ giải quyết trong lúc uống trà.

- Muốn nói chuyện - Thủ tướng phân tích - phải có người để nói. Vậy Hoa Kỳ có muốn nói chuyện không? Không! Chúng vẫn mở rộng chiến tranh ở miền Nam, ném bom bắn phá miền Bắc. Chúng muốn bắt chúng tôi phải nhận thứ hòa bình kiểu Mỹ. Những việc đó chúng tôi không thể chấp nhận được. Chúng tôi tha thiết với hòa bình. Đêm chúng tôi không ngủ, ngày chúng tôi suy nghĩ rất nhiều phải làm gì. Hòa bình trong công lý là lập trường bốn điểm mà chúng tôi đã đưa ra.

La Pira:

- Muốn có hòa bình thì phải gặp nhau, phải nói chuyện với nhau rồi Hoa Kỳ mới rút. Về bốn điểm, Hoa Kỳ đã nhận gần hết. Nếu Hoa Kỳ không nói bốn điểm mà chỉ nói một điểm là Hiệp nghị Giơnevơ, trong đó

bao gồm những vấn đề mà lập trường bốn điểm đã nêu ra thì các ông có đồng ý không? Có nhận không?

Chủ tịch Hồ Chí Minh:

- Chúng tôi sẵn sàng trải thảm đỏ và rắc hoa cho Hoa Kỳ rút. Nhưng nếu Hoa Kỳ không rút thì phải đánh đuổi Hoa Kỳ đi. Chúng tôi và nhân dân chúng tôi sẵn sàng nói chuyện với nhà cầm quyền Mỹ và nhân dân Mỹ. Nhưng với Giônxon và Mắc Namara thì hoặc là trải thảm đỏ hoặc là đá đít ra khỏi cửa. Tất nhiên là chúng tôi muốn hòa bình, chúng tôi sẵn sàng giải quyết hòa bình vấn đề Việt Nam. Chúng tôi không muốn trẻ em bị giết và nhà cửa bị đốt. Chúng tôi sẵn sàng nói chuyện với kẻ xâm lược, nhưng trước hết kẻ xâm lược phải ngừng xâm lược. Nhờ ông nói với Tổng thống Giônxon và Mắc Namara hoặc thông qua ông Phanphani mà nói với họ rằng: Hồ Chí Minh chỉ muốn hòa bình. Ai là kẻ gây chiến? Ai là kẻ không muốn chấm dứt chiến tranh? Đó chính là Hoa Kỳ! Hoa Kỳ phải rút khỏi Việt Nam rồi Tổng thống Giônxon đến đây nói chuyện cũng được, hoặc ông ta có mời tôi qua Oasinhton tôi cũng sẵn sàng! Nhưng trước hết Hoa Kỳ phải để chúng tôi yên. Hoa Kỳ phải chấm dứt ném bom!

- Nếu Hoa Kỳ còn xâm lược thì chúng tôi còn đánh. Chén trà sẽ có sau, Thủ tướng Phạm Văn Đồng nói thêm:

- Cần phải pha trà sẵn, La Pira nói.

- Đồng ý, Thủ tướng trả lời.

Cuộc nói chuyện về hòa bình ở Việt Nam đến đây chấm dứt, một cuộc nói chuyện cởi mở, thẳng thắn.

Chủ tịch Hồ Chí Minh hỏi chuyện khách về tình hình chính trị ở Italia, cho khách biết Người đã ở Phlorăng một thời gian trong một nhà hàng không sang trọng lắm, ông chủ xem Người như người nhà. Người kể là đã từng ở thành phố Naplơ hai tháng, đi thăm Pompê và núi lửa Vêduyvơ, còn thủ đô Rôma thì Người chỉ đi qua hai giờ đồng hồ. Người còn hỏi về tình hình ăn ở của khách, hỏi khách có mãn nguyện đối với nhiệm vụ trong chuyến đi thăm Việt Nam không? La Pira nói rằng, ông rất mãn nguyện và cho đây là chuyến đi quan trọng nhất của ông trong mười năm qua. Cuối cùng, Chủ tịch Hồ Chí Minh ngỏ lời mời ông trở lại Việt Nam khi nào thuận tiện.

Nhận được thư của Giáo sư La Pira tóm tắt cuộc nói chuyện về vấn đề Việt Nam với Chủ tịch Hồ Chí Minh và Thủ tướng Phạm Văn Đồng, ông Phanphani, khi đó đang là chủ tịch Đại hội đồng Liên hợp quốc khóa 20, ở Niu Oóc đã gửi thư cho Tổng thống Giônxon. Thư đề ngày 20 tháng 11, nội dung chủ yếu như sau:

“Trong cuộc hội kiến mà Ngài đã có nhã ý dành cho tôi hồi cuối tháng 5, Ngài đã luôn luôn nhắc lại ý định vững chắc của Ngài trong việc kiên trì tìm kiếm một giải pháp thương lượng cho cuộc xung đột ở Việt Nam.

Tôi xin thông báo với Ngài việc sau đây:

Thứ năm, ngày 11 tháng 11 ở Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã bày tỏ với hai người quen của tôi ý muốn tha thiết tìm một giải pháp hòa bình cho cuộc xung đột ở Việt Nam và đã tuyên bố tóm tắt như sau, theo như hai người đã viết cho tôi:

“Để cho cuộc nói chuyện hòa bình có thể thực hiện được sẽ cần phải:

a) Ngừng bắn trên không, trên biển, trên đất liền trong toàn lãnh thổ Việt Nam (Bắc và Nam Việt Nam), chấm dứt mọi cuộc hành quân đối địch (bao gồm cả việc đưa thêm quân Hoa Kỳ vào);

b) Tuyên bố rằng Hiệp nghị Giơnevơ năm 1954 sẽ được dùng làm cơ sở cho cuộc thương lượng; tuyên bố cần nói đến bốn điểm của Hà Nội - các điểm này thực chất là việc giải thích Hiệp nghị Giơnevơ - theo đó có thể gom gọn lại thành một điểm, nói một cách khác là thi hành Hiệp nghị Giơnevơ.

Chính phủ Hà Nội đang chuẩn bị mở cuộc thương lượng mà không đòi quân Hoa Kỳ phải rút trước.

Cụ Hồ Chí Minh đã nói: sẵn sàng đi bất cứ đâu, gặp bất cứ ai...”.

Bức thư có những điểm khác với lập trường mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói với ông La Pira và ông Pơrimichêriô, đặc biệt là có một số ý kiến của Người đã được trình bày lại gần giống lời lẽ của Giônxon.

Cũng trong dịp này, ông Phanphani đã gặp Đại sứ Ácơ Gônboóc, đại diện của Hoa Kỳ tại Liên hợp quốc, rồi Ngoại trưởng Đin Raxơ để thông báo về kết quả chuyến đi Hà Nội của La Pira và Pơrimichêriô. Ngày 04 tháng 12, Đin Raxơ gửi thư cho Phanphani, nói:

1. Như đã nhiều lần tuyên bố, Hoa Kỳ sẵn sàng đi vào các cuộc thảo luận hay thương lượng với bất cứ chính phủ nào, vào bất cứ lúc nào, không có bất cứ điều kiện tiên quyết nào.

2. Mặc dù có ít nhiều điều chưa rõ ràng trong tuyên bố về lập trường của Hà Nội, các nguồn tin của Ngài hình như chỉ ra rằng, Hà Nội đồng ý là các cuộc thương lượng sẽ được tiến hành trên cơ sở Hiệp nghị Giơnevơ năm 1954 không có phân biệt hoặc điều kiện. Về phần chúng tôi, chúng tôi cũng mong muốn đi vào thương lượng trên cơ sở đó, không có phân biệt hoặc điều kiện.

3. Tuy nhiên, Hoa Kỳ không đồng ý với luận đề cho rằng bốn điểm của Hà Nội đưa ra là một sự giải thích chân chính Hiệp nghị Giơnevơ năm 1954. Các yếu tố trong bốn điểm, nhất là cương lĩnh của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam không có cơ sở trong Hiệp nghị Giơnevơ và việc Hà Nội nhấn mạnh một cách rõ ràng phải có tuyên bố trước khi chấp nhận bốn điểm, đã cho thấy sự không nhất quán với Hiệp nghị mà còn đòi một điều kiện quan trọng cho việc thương lượng. Tuy nhiên, chúng tôi sẵn sàng xem xét bốn điểm trong bất cứ cuộc nói chuyện hòa bình nào cùng với bất cứ đề nghị nào mà Hoa Kỳ, Nam Việt Nam và các nước khác mong muốn đưa ra.

4. ... Nếu có sự giảm bớt hoặc đình chỉ chiến sự trước khi thương lượng, hiển nhiên điều đó phải dựa trên một cơ sở công bằng và có đi có lại...

5. Chính phủ Hoa Kỳ ghi nhận thông điệp gửi chúng tôi rằng, miền Bắc Việt Nam sẽ không nhấn mạnh việc rút lực lượng Hoa Kỳ trước khi bắt đầu thương lượng. Tuy vậy, việc làm sáng tỏ điểm này dù không phải không có ý nghĩa... vẫn để lại các vấn đề ở điểm 2 và 3 nói trên.

Vì vậy, chúng tôi còn xem xét lâu mới tin rằng những lời tuyên bố của Cụ Hồ Chí Minh và ông Phạm Văn Đồng là dấu hiệu của lòng mong muốn thật sự về thương lượng không điều kiện...<sup>1</sup>.

Ngày 13 tháng 12, Phanphani báo cho Đin Raxơ biết rằng, ông đã tóm tắt ý kiến trên của Hoa Kỳ để gửi cho Hà Nội ngày 08 tháng 12. Ông nghĩ rằng ngày 13 tháng 12, các văn kiện đó đã đến địa chỉ cuối cùng.

Hà Nội đã nhận được thư của ông Phanphani đề ngày 06 tháng 12 với tiêu đề: “Chủ tịch Đại hội đồng (Liên hợp quốc) cá nhân và mật”.

Bức thư như sau:

**Kính gửi Ngài Chủ tịch Hồ Chí Minh**

*Thưa Chủ tịch,*

Hai người Italia đã nói chuyện với Ngài và Thủ tướng Phạm Văn Đồng ngày 11 tháng 11 vừa qua đã thông báo cho tôi ngày 19 tháng 11 rằng trong buổi nói chuyện về cuộc xung đột ở Việt Nam, phía các Ngài có lẽ đã đưa ra những điểm sau đây - mà tôi đã viết lại bằng tiếng Anh - nghĩa là trong ngôn ngữ mà tôi đã dùng để chuyển đi:

1. Để tạo khả năng cho thương lượng hòa bình cần:

a) Ngừng bắn (trên không, trên biển và đất liền) trong toàn lãnh thổ Việt Nam (Bắc và Nam), ngừng tất cả các cuộc hành quân (bao gồm cả việc chấm dứt việc đổ bộ thêm quân Mỹ).

---

1. Bộ Quốc phòng Mỹ: *Quan hệ Mỹ - Việt Nam 1945-1967*, Oasinhton, 1971, p.VI-B, q.12, tr. 22-23.

b) Tuyên bố rằng Hiệp nghị Giơnevơ năm 1954 sẽ được dùng làm cơ sở cho việc thương lượng. Tuyên bố cần nói đến bốn điểm của Hà Nội - các điểm giải thích văn bản Hiệp nghị Giơnevơ và thực chất là thi hành Hiệp nghị Giơnevơ.

2. Những người đối thoại với Ngài cũng nói thêm rằng họ đã nhận được những dấu hiệu cho thấy Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa của miền Bắc sẵn sàng mở các cuộc thương lượng mà không nhấn mạnh vào việc rút quân Hoa Kỳ trước.

3. Cũng những người đối thoại đó nói thêm rằng có lẽ Ngài đã nói “sẵn sàng đi bất cứ đâu, gặp bất cứ ai” nếu việc đó có lợi cho sự nghiệp hòa bình.

Vì những người đối thoại đó đã nói rõ ràng Ngài muốn các điều nói trên sẽ được chuyển một cách bí mật cho Chính phủ Hoa Kỳ qua tôi, ngày 20 tháng 11 vừa qua, tôi cho rằng mình có bổn phận chuyển các ý kiến đó đến Tổng thống Hoa Kỳ một cách trực tiếp và đề đặt trong văn bản bằng tiếng Anh mà tôi vừa chuyển cho Ngài.

Trong những ngày tiếp theo, tôi đã nhận được sự cảm ơn của Tổng thống Giôn-xơn về thông báo của tôi và bảo đảm rằng, trong một thời gian ngắn người ta sẽ gửi đến tôi quan điểm của Chính phủ Hoa Kỳ.

Quan điểm mà người ta đã nói sẽ gửi cho tôi ngày 29 tháng 11 vừa qua, hôm nay, ngày 06 tháng 12, tôi đã nhận được. Được sự cho phép của lời thông báo cá nhân và bí mật đó, tôi xin báo với Ngài việc sau đây:

1. “Như đã nhiều lần tuyên bố, Hoa Kỳ sẵn sàng đi vào các cuộc thảo luận hay thương lượng với bất cứ chính phủ nào, bất kỳ lúc nào, không có bất cứ điều kiện tiên quyết nào”. Người ta thêm rằng “Chính phủ Hoa Kỳ xác nhận lại lòng mong muốn đó”.

2. Oasinhton có cảm giác rằng có một sự không rõ ràng nào đó trong cách diễn đạt quan điểm của miền Bắc Việt Nam như hai người đối thoại với Ngài đã chuyển lại. Thực vậy, hình như Oasinhton cho rằng “Hà Nội đồng ý rằng cuộc thương lượng sẽ phải dựa trên cơ sở Hiệp nghị Giơnevơ năm 1954 không có phân biệt hoặc điều kiện”, và người ta cũng thừa nhận về phía Oasinhton lòng mong muốn “đi vào thương lượng trên cơ sở đó, không có phân biệt hoặc điều kiện”.

3. Vì vậy, Hoa Kỳ không thể đồng ý với luận đề rằng bốn điểm trong tuyên bố của Chính phủ Việt Nam ở miền Bắc là một sự giải thích chân chính Hiệp nghị năm 1954. Người ta cũng thêm rằng “các yếu tố trong bốn điểm, nhất là cương lĩnh của cái gọi là Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, không có cơ sở trong Hiệp nghị Giơnevơ”.

Từ đó, người ta diễn giải rằng việc Hà Nội nhấn mạnh phải nhận bốn điểm trước là không phù hợp với Hiệp nghị, bởi vì việc đó đòi hỏi “những điều kiện đáng kể cho cuộc thương lượng. Tuy nhiên, chúng tôi cũng sẵn sàng đưa bốn điểm đó vào xem xét trong bất cứ cuộc nói chuyện hòa bình nào cùng với các điểm mà Hoa Kỳ, miền Nam Việt Nam và các chính phủ khác có thể đưa ra”.



4. Tham chiếu các điều mà những người đối thoại với Ngài đã nói về việc ngừng bắn và những biện pháp cần áp dụng trước khi bắt đầu thương lượng, người ta nhấn mạnh ở Oasinhton rằng “Hoa Kỳ sẵn sàng thương lượng mà không áp đặt bất kỳ điều kiện nào như vậy. Tuy nhiên, nếu cần thu xếp một sự giảm bớt chiến sự trước cuộc thương lượng thì tất nhiên điều đó phải trên cơ sở công bằng và có đi có lại. Nếu có sự đình chỉ một số hoạt động quân sự nào đó của bên này thì cũng phải có sự đình chỉ tương đương như vậy của phía bên kia”.

Và người ta cũng thêm rằng, trong thông báo của những người đối thoại của Ngài “các công thức mà Hà Nội đưa ra chưa đáp ứng tiêu chuẩn đó, ví dụ nó không bó buộc một sự hạn chế nào cho việc tiếp tục đưa lực lượng và trang bị từ Bắc vào Nam Việt Nam”.

5. Về những thông báo của những người đối thoại với Ngài rằng Chính phủ Việt Nam ở miền Bắc không nhấn mạnh việc rút quân Hoa Kỳ trước khi bắt đầu thương lượng, người ta nhận xét rằng: “lời tuyên bố về điểm này, mặc dù nó không phải không có ý nghĩa dưới ánh sáng của các tuyên bố mâu thuẫn nhau của Hà Nội về vấn đề đó, vẫn còn là việc thảo luận trong điểm 2 và 3 nói trên”.

Sau khi báo cho Ngài biết những tin tức mà Chính phủ Hoa Kỳ đã cho tôi hay - và tôi tin rằng Ngài sẽ sử dụng nó một cách tốt nhất và bí mật cho sự nghiệp hòa bình - tôi nghĩ bốn phần của tôi là phải nói thêm rằng

những thông tin mà những người đối thoại với Ngài đưa ra đã không thuyết phục được Oasinhton về ý muốn thật sự của Bắc Việt Nam là mở các cuộc thương lượng không điều kiện tiên quyết. Tuy vậy, tôi cũng phải thêm rằng Chính phủ Hoa Kỳ đã cho tôi biết là “Chúng tôi rất vui mừng về phía Hoa Kỳ, trên cơ sở những đánh giá nói trên và có lẽ dưới ánh sáng của những cuộc thăm dò hơn nữa các nguồn tin của Ngài, cho rằng cần gặp Hà Nội để thảo luận thêm vấn đề với Ngài”.

Khi trình bày với Ngài những điều trên đây, tôi hy vọng rằng việc đó sẽ được khuyến khích để đi sâu hơn. Cuộc nói chuyện sơ bộ đó có mục đích là sớm đạt được một cách nhìn và những ý định rõ ràng để đi đến thương lượng.

Cũng bằng con đường mà tôi đã dùng (Ngài đã gợi ý với những người đối thoại) để chuyển các tin tức, tôi hy vọng rằng có thể nhận được câu trả lời từ phía Ngài để có thể giúp cho việc thiết lập hòa bình mà mọi người đều mong muốn. Cần nói thêm rằng, tôi sẽ rất sung sướng nếu có thể giúp đỡ Ngài trong vấn đề tối quan trọng này như sự giúp đỡ mà tôi đã nhận được sự biết ơn và lời cảm tạ của Chính phủ Hoa Kỳ.

Thưa Chủ tịch, kết thúc bức thư này, tôi xin phép được lưu ý Ngài về tình hình đòi hỏi tất cả mọi người có trách nhiệm phải hết sức sáng suốt trong xét đoán và cả lòng dũng cảm trong những quyết định cần có sau này. Và điều này cũng để tránh mọi việc có thể vượt ra khỏi tầm kiểm soát.

Xin Chủ tịch nhận lấy những lời chào trân trọng nhất<sup>1</sup>.

***Amintôre Phanphani***

Dù qua trung gian, nhưng ít nhất Hà Nội và Oasinhton một lần nữa đã trao đổi được ý kiến về lập trường của mỗi bên. Phanphani và các ông La Pira, Porimichêriô tưởng chừng quá trình tiếp xúc đã được khởi động, nhưng sự thật lại tồi tệ hơn họ tưởng.

Ngày 15 tháng 12, nhiều đoàn máy bay “Thần Sấm” đã ném bom Nhà máy điện Uông Bí, một cơ sở dân dụng cách Hải Phòng 40km. Đây là cơ sở công nghiệp đầu tiên của miền Bắc Việt Nam bị đánh phá. Những ngày sau, các máy bay Hoa Kỳ tiếp tục đánh phá Nhà máy Điện Uông Bí và đánh rộng ra nhiều điểm dân cư thuộc vùng Quảng Ninh.

Ngày 16 tháng 12, Mắc Namara họp báo nói rằng: “Việc đánh phá Uông Bí và cơ sở công nghiệp ở vùng này là phù hợp đối với các hoạt động khủng bố ở Việt Nam và đó là loại tấn công mà Hoa Kỳ sẽ tiếp tục sau này”.

Ngày 17 tháng 12, Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ tiết lộ các tin tức và công bố các thư trao đổi giữa ông Phanphani và Giônxon cho tờ *Tin nhanh Bưu điện Xanh Lui*.

Dư luận Hoa Kỳ và quốc tế xôn xao.

Đại sứ Áctơ Gônboóc ở Liên hợp quốc tìm cách giảm nhẹ bước leo thang, đột nhiên đánh phá Nhà máy Điện Uông Bí. Mác Clôxki, người phát ngôn của Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ, cũng tìm cách xoa dịu dư luận: “Bây giờ là tùy

---

1. Thư bằng tiếng Pháp. Những đoạn trong ngoặc kép là bằng tiếng Anh.

thuộc ở Hà Nội muốn đưa vấn đề từ chiến trường đến bàn thương lượng hay không? Hoa Kỳ hoan nghênh một sự bày tỏ trực tiếp về quan điểm của Hà Nội. Chúng tôi đợi phản ứng của Hà Nội<sup>1</sup>.

Ngày hôm sau Thông Tấn xã Việt Nam tuyên bố:

“Việt Nam Thông Tấn xã được phép tuyên bố rằng những tin tức do Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ tung ra (tức là sự thăm dò thương lượng của Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - tác giả) là hoàn toàn bịa đặt, vô căn cứ”.

\*

\*       \*

Trong nhiệm kỳ đại sứ tại Rôma (1978-1982), đồng chí Nguyễn Anh Vũ đến thăm Phlorăng nhiều lần và thăm Giáo sư Pơrimichêriô. Trong dịp dự lễ thành lập Tổ chức La Pira, đồng chí đã đến thăm nơi ở và làm việc của Giáo sư La Pira, một biệt thự nhỏ ở ngoại vi thành phố, gần tu viện nổi tiếng Xan Máccô. Cũng trong dịp này, đồng chí đã hỏi thêm về chuyến đi Hà Nội của La Pira là Pơrimichêriô năm 1965. Cuộc nói chuyện này đã cho biết thêm một số chi tiết.

Sau khi thông báo cho Phanphani biết kết quả chuyến đi Hà Nội, La Pira không biết những gì diễn ra ở Niu Oóc và Oasinhton, nhưng La Pira nghĩ rằng cần phải cho nhiều người bạn của ông biết nội dung cuộc gặp gỡ ở Hà Nội để cùng gây sức ép với Giônxon. Ông gọi

---

1. Xem Đavít Craxlô và Xtiaua H. Luri: *Cuộc bí mật tìm kiếm hòa bình ở Việt Nam*, Randonhaodơ, Niu Oóc, 1969, tr. 126-135.

điện thoại cho một số người bạn trong phong trào chống chiến tranh ở Hoa Kỳ, trong đó có Luật sư Pitơ Oaixơ, người đã dự hội nghị về Trung Đông theo sáng kiến của ông. Ông Oaixơ đã qua Pháp. Qua điện thoại, ông liên lạc được với Oaixơ và ngay ngày hôm sau 05 tháng 12, Pitơ Oaixơ và vợ là bà Cora Oaixơ đã đến Phlorăng. Ông bà Oaixơ cùng hai ông La Pira và Pơrimichêriô đều thấy rằng việc Chủ tịch Hồ Chí Minh và Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã dành nhiều thì giờ tiếp hai người bạn Italia là một điều rất quan trọng và đầy hứa hẹn. Ông La Pira còn nhắc lại rằng, ông nhớ mãi câu nói cuối cùng của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Trước hết Mỹ hãy để chúng tôi yên, Mỹ phải chấm dứt ném bom”. Vậy cần phải cảnh cáo ngay nếu Hoa Kỳ mở rộng ném bom thì mọi khả năng hòa bình sẽ bị dập tắt. La Pira yêu cầu Pitơ Oaixơ thông báo ngay cho nhiều người Mỹ, trong đó có Thượng nghị sĩ Phunbrai, Rôbéc Kennodi, cố vấn Nhà Trắng M.G. Bânđi. Bản thân La Pira cũng làm việc đó. Trong thư gửi Đại sứ Ácơ Gônboéc, ông nói rõ: Cụ Hồ Chí Minh sẽ không thảo luận hòa bình với Hoa Kỳ nếu vùng Hà Nội, Hải Phòng bị ném bom. Trong thư gửi Giăng Lacutuya, ông nhấn mạnh: “Cụ Hồ Chí Minh là con người cởi mở, cởi mở với hòa bình, ở trong nước ông, ở châu Á và tôi có thể nói trên toàn thế giới nữa”<sup>1</sup>.

Nhưng ngay sau khi biết nội dung cuộc nói chuyện ở Hà Nội, Hoa Kỳ lại leo một bước thang mới, đánh phá

---

1. Giăng Lacutuya: *Hồ Chí Minh*, Nxb. Xevin, Pari, 1967, tr. 24.

các cơ sở công nghiệp. La Pira cho rằng, Hoa Kỳ không nghiêm chỉnh, không thành thật muốn hòa bình.

Tình hình nội bộ Italia khi đó càng làm La Pira phiền lòng. Sau khi các thư trao đổi giữa Tổng thống Giônxon và Phanphani được Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ công bố, dư luận Italia đã bàn tán sôi nổi. Nhiều nghị sĩ quốc hội chất vấn Phanphani rằng, tại sao chính phủ và bản thân ông lại xen vào những công việc không phải của Italia. Các đối thủ chính trị đã kích kịch liệt Phanphani. Qua Phanphani, một tờ báo cánh hữu đã tìm cách phỏng vấn Giáo sư La Pira. Trong bài trả lời, ông đã có những lời rất chua cay đối với chính quyền Giônxon. Ông cho Đin Raxơ là một người chẳng biết gì, một con người không muốn biết gì cả<sup>1</sup>.

Ông tiếp tục là người bạn của nhân dân Việt Nam và không ngừng hoạt động trong phong trào chống chiến tranh ở Việt Nam.

Ông xứng đáng với những tình cảm chân thành mà nhân dân Việt Nam dành cho ông cũng như các bạn bè khác trên thế giới.

---

1. Xem Đavít Craxlô và Xtiaua H. Luri: *Cuộc bí mật tìm kiếm hòa bình ở Việt Nam*, *Sđd*, tr. 135.

## **NGỪNG NÉM BOM 37 NGÀY: NHIỀU ỒN ÀO NHƯNG KHÔNG TÁC DỤNG**

---

**T**ừ đầu tháng 12-1965, Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra lệnh cho các đơn vị quân đội của mình ngừng tấn công các đơn vị quân đội Hoa Kỳ và Sài Gòn trong dịp Giáng sinh và Tết Dương lịch năm 1966.

Đây là cơ hội tốt cho Nhà Trắng. Ngày 23-12-1965, Giônxon ra lệnh ngừng ném bom miền Bắc Việt Nam. Lúc đầu dự định thực hiện lệnh này trong 30 giờ kể từ đêm trước Noel, nhưng sau đó đã kéo dài đến giữa tuần sau và cuối cùng đến hết tháng 01-1966.

Oasinhton thông báo quyết định này cho Tổng Thư ký Liên hợp quốc Uthan, cho các đồng minh ở Thái Bình Dương và một số chính phủ khác, trong đó có Liên Xô. Nhân dịp này, Tổng thống Giônxon viết thư giải thích lập trường của Hoa Kỳ cho nhiều nguyên thủ quốc gia và Thủ tướng Chính phủ, bố trí một loạt đặc phái viên đi khắp năm châu. Phó Tổng thống Hăm Phrây, nhân dịp sang Niu Đêli dự lễ tang Thủ tướng Xaxtơri đã

tranh thủ trình bày lập trường hòa bình của Hoa Kỳ cho nhiều vị thủ tướng, đặc biệt là Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô A.N. Cômăxghin. Ngoại trưởng Đin Raxcơ đã có các cuộc trao đổi với nhiều vị đại sứ và bộ trưởng ngoại giao ngay tại Oasinhton cũng như ở một số thủ đô nước bạn. Đại sứ Avơren Hariman đi Vácsava, Bêôgrát,...; Đại sứ Ácơ Gônboóc đi Rôma, Pari, Luân Đôn cũng như giải thích ngay tại Liên hợp quốc. G. Minnin Uyliam, Thứ trưởng ngoại giao, đi gặp lãnh đạo các nước châu Phi. Tôm Men, khi đó phụ trách các vấn đề về Mỹ Latinh, đi gặp các chính phủ ở khu vực này.

Oasinhton cũng không bỏ qua con đường “ngoại giao bí mật”: Đại sứ Henri A. Bairốt yêu cầu gặp Tổng lãnh sự Vũ Hữu Bình ở Rănggun, Đại sứ Côlơ yêu cầu gặp Đại biện Việt Nam Dân chủ Cộng hòa Lê Trang ở Mátxcơva, P. Xtơmơ đề nghị gặp Tổng đại diện Việt Nam ở Pari.

Để cho cuộc vận động ngoại giao thêm sức thuyết phục, ngày 29 tháng 12, Nhà Trắng công bố một tài liệu tên là “Thực chất của vấn đề Việt Nam”, trong đó có lập trường 14 điểm dưới phụ đề “Đóng góp của Hoa Kỳ vào ‘cái rổ hòa bình’”, tóm tắt như sau:

1. Các Hiệp nghị Giơnevơ năm 1954 và 1962 là cơ sở thích đáng cho hòa bình.

2. Chúng tôi hoan nghênh hội nghị về Đông Nam Á hay về bất cứ bộ phận nào ở đó.

3. Chúng tôi hoan nghênh các cuộc thương lượng không có “điều kiện tiên quyết” của 17 nước.

4. Chúng tôi hoan nghênh các cuộc thảo luận không điều kiện.



5. Ngừng bắn có thể là điểm đầu tiên trong thương lượng hoặc là vấn đề trong thảo luận sơ bộ.

6. Bốn điểm của Hà Nội có thể thảo luận cùng với các điểm của người khác.

7. Chúng tôi không muốn có căn cứ quân sự ở Đông Nam Á.

8. Không có quân Hoa Kỳ ở Nam Việt Nam sau khi có hòa bình bảo đảm.

9. Chúng tôi ủng hộ tuyển cử tự do ở miền Nam Việt Nam để cho nhân dân có quyền lựa chọn.

10. Vấn đề thống nhất Việt Nam phải do nhân dân Việt Nam giải quyết thông qua quyết định tự do.

11. Các nước Đông Nam Á có thể không liên kết hay trung lập.

12. Hoa Kỳ mong muốn dùng tài nguyên của mình xây dựng lại Đông Nam Á. Nếu có hòa bình, miền Bắc Việt Nam có thể được lợi ích trong số một tỷ USD mà Hoa Kỳ sẽ đóng góp.

13. Tổng thống đã nói: Việt Cộng không có khó khăn gì trong việc được có người đại diện và trình bày quan điểm khi Hà Nội quyết định chấm dứt xâm lược. Đó không phải là trở ngại không vượt qua được.

14. Chúng ta sẽ chấm dứt ném bom miền Bắc Việt Nam, xem đó như là một bước tiến tới hòa bình dù không có dấu hiệu hay gợi ý của phía bên kia cho thấy họ sẽ làm gì khi chấm dứt ném bom<sup>1</sup>.

---

1. Bộ Quốc phòng Mỹ: *Quan hệ Mỹ - Việt Nam 1945-1967*, P.VI-A, tr. 77.

Hoa Kỳ vốn là một nước lớn, có nhiều nhà ngoại giao giỏi với những kinh nghiệm ngoại giao phong phú. Nhưng bản tuyên bố về lập trường 14 điểm này có vẻ buồn cười hoặc ít nhất cũng là vá vếu. Nó ghi chép tất cả những gì người ta nói về một giải pháp hòa bình cho vấn đề Việt Nam: lập trường bốn điểm của Hà Nội, đề nghị của 17 nước không liên kết ở Bêôgrát, đề nghị của Liên Xô về một hội nghị quốc tế về Campuchia... Mục đích của nó dường như để thể hiện Hoa Kỳ coi trọng ý kiến của tất cả các phía, miễn là đạt tới hòa bình, do đó thu nhỏ “cây gậy” nhưng phóng to “củ cà rốt”.

Ngày 07 tháng 01, Mác Clốttxki, người phát ngôn Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ ít nhất lần này đã tỏ ra thành thật một cách hóm hỉnh: Hoa Kỳ bỏ tất cả mọi thứ trong “cái rổ hòa bình”, trừ sự đầu hàng của miền Nam Việt Nam.

Giônxon đã đánh giá các hoạt động ngoại giao trong đợt ngừng ném bom miền Bắc Việt Nam là một trong những cuộc vận động ngoại giao rộng nhất trong nhiệm kỳ tổng thống của ông.

Trong thông điệp về tình hình Liên bang đọc trước Quốc hội ngày 12-01-1966, tức là sau 20 ngày ngừng ném bom và vận động ngoại giao, Giônxon đã tuyên bố:

“Những người phát ngôn có kinh nghiệm và thông thạo nhân danh Hoa Kỳ đã đi tới hơn 40 nước. Chúng ta đã thảo luận với hơn 100 chính phủ, 113 nước có quan hệ với chúng ta và một số nước khác mà chúng ta chưa có quan hệ. Chúng ta đã lên tiếng ở Liên hợp quốc và yêu cầu tất cả các thành viên của Liên hợp quốc làm

tất cả những gì trong phạm vi quyền hạn của họ để góp phần giành hòa bình.

Từ Hà Nội đến Niu Oóc, chúng ta cũng đã nói rõ rằng chúng ta không định một giới hạn độc đoán cho việc tìm kiếm hòa bình. Chúng ta tôn trọng các Hiệp nghị Giơnevơ năm 1954 và năm 1962. Chúng ta sẽ ngồi vào bất kỳ bàn hội nghị nào, sẽ thảo luận mọi đề nghị thể hiện trong bốn điểm, 14 điểm hay 40 điểm - và chúng ta sẽ coi trọng mọi ý kiến của bất kỳ nhóm nào. Chúng ta phấn đấu cho một cuộc ngừng bắn ngay hôm nay hay khi các cuộc thảo luận bắt đầu. Nếu những người khác hạn chế việc sử dụng vũ lực, chúng ta cũng sẽ làm như thế và sẽ rút binh lính của chúng ta khi miền Nam Việt Nam đã nhận được những bảo đảm dứt khoát về quyền được quyết định tương lai của mình”<sup>1</sup>.

Trong lúc các nhà ngoại giao Hoa Kỳ đi các nơi nêu cao thiện chí hòa bình của Hoa Kỳ thì Bộ Chỉ huy Hoa Kỳ ở miền Nam Việt Nam liên tiếp mở các cuộc hành quân:

- Ngày 01-01-1966, Lữ đoàn không vận 173 bắt đầu cuộc hành quân “Tên kẻ cướp” trong tỉnh Hậu Nghĩa\*.

- Ngày 08 tháng 01, một số đơn vị của Lữ đoàn không vận 173 và Sư đoàn 1 bộ binh mở cuộc hành quân “Người dụ dỗ” ở tỉnh Hậu Nghĩa và Định Tường\*\*.

---

1. L.B. Giônxon: *Cuộc đời Tổng thống của tôi*, Sdd, tr. 292-293.

\* Tỉnh Hậu Nghĩa là một tỉnh cũ ở miền Nam Việt Nam thời Việt Nam Cộng hòa. Tỉnh này tồn tại từ năm 1963 đến năm 1976.

\*\* Tỉnh Định Tường là một tỉnh cũ ở miền Tây Nam Bộ vào thời nhà Nguyễn.

- Ngày 19 tháng 01, Lữ đoàn 1, Sư đoàn không vận 101 bắt đầu cuộc hành quân Vạn Bơ ở tỉnh Phú Yên.

- Ngày 24 tháng 01, Lữ đoàn 3, Sư đoàn kỵ binh bay số 1 mở chiến dịch “Cái Chày/Cánh trắng” gần Bồng Sơn, tỉnh Bình Định.

- Ngày 28 tháng 01, các đơn vị lính thủy đánh bộ mở cuộc hành quân “Đại bàng đôi” ở tỉnh Quảng Ngãi.

Tại Mỹ:

Ngày 05 tháng 01, Giôn-xơn xin thêm 12 tỷ USD cho chiến tranh Việt Nam.

Ngày 13 tháng 01, Giôn-xơn quyết định đưa thêm 50.000 lính bộ binh vào miền Nam Việt Nam.

Ngày 18 tháng 01, Mắc Namara xin thêm 113.000 quân.

Ngày 22 tháng 01, Nhà Trắng quyết định sẽ đưa số quân Mỹ ở miền Nam Việt Nam lên 400.000 người vào cuối năm.

Ngày 30 tháng 01, các quan chức Hoa Kỳ nói chiến tranh có thể kéo dài 6-7 năm nữa.

Cả Sài Gòn và Oasinhtơn chuẩn bị ráo riết cuộc Hội nghị Hônôlulu giữa Giôn-xơn và nhóm lãnh đạo miền Nam Việt Nam vào đầu tháng 02 để bàn việc đẩy mạnh chiến tranh.

Giôn-xơn phản nản rằng, Hà Nội không đáp ứng đề nghị thương lượng của Oasinhtơn và đến ngày 31 tháng 01, ông ta ra lệnh tiếp tục ném bom miền Bắc Việt Nam.

Trong 37 ngày không có tiếng bom đạn nổ ở miền Bắc, những người công giáo ở cả hai miền được vui một cái Tết Nôen trong thanh bình. Trong khi đó, khắp nơi trên

thế giới rộ lên các tuyên bố hòa bình của Oasinhton, sự nhậm chức của các đặc phái viên của tổng thống, và các hoạt động hối hả của các cơ quan ngoại giao. Cuộc vận động ngoại giao rộng lớn của Giônxon không thể hiện một yếu tố gì mới trong vấn đề Việt Nam.

Giônxon thất bại trong việc tìm kiếm hòa bình chẳng? Muốn trả lời câu hỏi đó, trước hết cần xem lòng mong muốn hòa bình của ông ta có thật không?

Tốt nhất nên nghe những bình luận của chính người Mỹ.

Tâuxen Húp, nguyên Thứ trưởng Bộ Không lực, nói: “Đợt ngừng ném bom bất ngờ lần thứ nhất xảy ra ngày 24 tháng 12, kéo dài 37 ngày kết hợp với đợt “tấn công hòa bình” tự phát kiểu Giônxon nổ ra như một quyết định tổ chức bất ngờ, một cuộc liên hoan ngoài trời to lớn một cách bất thường với lợn quay kiểu Téchdát và cả mít tinh cầu nguyện... Các phái viên chạy đi khắp nơi bày tỏ lòng ngưỡng mộ hòa bình sâu xa của chính quyền và yêu cầu những người nghe đóng góp cố gắng cá nhân của họ để gây cảm kích về việc đó đối với người miền Bắc Việt Nam ngoan cố.

Là cố gắng trong quan hệ công cộng thì nó có quy mô lớn và mang tính tự phát, là cố gắng nghiêm chỉnh về ngoại giao thì chiến dịch đó là một thứ vô dụng”<sup>1</sup>.

C.L. Cupơ, một nhân viên cao cấp của Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ, viết: “Triển vọng thương lượng đầu năm 1966

---

1. Tâuxen Húp: *Giới hạn của sự can thiệp*, Niu Oóc, 1969, tr. 48-49.

là rất mờ nhạt. Có lẽ Hà Nội chưa quan tâm và còn chờ đợi một thời cơ khác hứa hẹn hơn. Nhưng phong cách và phương pháp sử dụng hồi cuối tháng 12-1965 và tháng 01-1966 rõ ràng là không thích hợp. Trong khi cần những văn kiện được gọt giũa một cách tinh tế, chúng ta đã dùng một cái “búa tạ”. Trong khi cần đến công việc chuẩn bị trước một cách kín đáo và chu tất, chúng ta đã tiến hành như kiểu chuẩn bị cho cuộc điều binh ngày 04 tháng 7<sup>1</sup>.

Trong khi một đề nghị sâu sắc bất ngờ có thể thúc đẩy sự quan tâm của Hà Nội, chúng ta đã trình diễn một cảnh tượng công khai với đủ các hoạt động mang nặng tính cường điệu. Đáng lẽ phải phát huy tối đa tác dụng của gói hòa bình 14 điểm, chúng ta lại thiêu cháy nó trong cảnh phô trương ồn ào của các cuộc công du bất ngờ, hào nhoáng của những nhân vật quan trọng.

Tóm lại, Tổng thống hành động như một chỉ đạo viên trên vũ đài ồn ào của ba rạp xiếc cùng một lúc hơn là một điểm hội tụ chỉ đạo việc tiến hành công tác ngoại giao một cách thận trọng.

Oasinhton lúc đó không chuẩn bị cho việc thương lượng, không có việc nào được làm để khai thông chiến lược đàm phán. Rất ít văn kiện về lập trường thương lượng trong các vấn đề then chốt đã được chuẩn bị.

Trong khi đó, việc đi lại cũng quá nhiều, tư thế cũng như không khí chung của việc quá bận rộn hồi cuối tháng 12 và tháng 01 đã đưa đến kết luận là các cố gắng

---

1. Ngày Quốc khánh của Hoa Kỳ - BT.

đó chủ yếu nhằm mục đích tô vẽ bộ mặt của Hoa Kỳ hơn là tìm chìa khóa đi vào thương lượng thật sự<sup>1</sup>.

Tổng thống Giônxon đã đánh giá đợt “tấn công hòa bình” trong hồi ký của mình như sau: “Đây là một trong những cuộc vận động ngoại giao rộng nhất trong nhiệm kỳ tổng thống của tôi và chính vì lý do đó mà người ta chỉ trích việc nó được tiến hành quá rộng và được tuyên truyền quá rầm rộ”<sup>2</sup>.

### ***Budapét***

Người ta nói rằng hình như có lúc Oasinhton nghĩ rằng Budapét cũng như Rănggun có thể trở thành nơi nói chuyện giữa Hoa Kỳ và Việt Nam. Budapét có thể, vì mùa thu năm 1965, trong một bài phát biểu tại Liên hợp quốc, Ngoại trưởng Hunggari J. Pitơ đã nói miền Bắc Việt Nam có thể đồng ý nói chuyện với Hoa Kỳ nếu Hoa Kỳ chấm dứt ném bom miền Bắc và sau đó đã nhắc lại ý kiến này với Đin Raxcơ. Rănggun cũng có thể vì thủ đô này yên tĩnh, ít người chú ý tới và nhất là vì Tổng Thư ký Liên hợp quốc Uthan đã đề nghị hai bên ngồi lại với nhau. Bất kể vì nguyên nhân gì, sự thật là trong cuộc “tấn công hòa bình” 37 ngày, Oasinhton đã lựa chọn cả Budapét và Rănggun.

Ngày 23-12-1965, một ngày trước khi ngừng ném bom miền Bắc Việt Nam, Ngoại trưởng Hoa Kỳ Đin Raxcơ đã mời Ianốt Rátvani, đại biện lâm thời Hunggari lên Bộ Ngoại giao. Đin Raxcơ giới thiệu quan điểm của Hoa Kỳ

---

1. C.L. Cupơ: *Cuộc thập tự chinh thất bại*, *Sđd*, tr. 293-296.

2. L.B. Giônxon: *Cuộc đời Tổng thống của tôi*, *Sđd*, tr. 293.

về vấn đề Việt Nam, chính là 12 điểm đầu trong lập trường 14 điểm mà Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ sẽ công bố, với lời lẽ tỏ ra rất thiện chí.

Đin Raxơ chỉ giới thiệu mà không nêu yêu cầu gì với đại biện Hunggari. Nhưng Rátvani đã báo cáo về Budapét và Hunggari xem như có trách nhiệm chuyển cho Việt Nam, và nói nếu Việt Nam có bình luận gì thì báo cho biết.

Vài ngày sau đó, Đin Raxơ gặp lại Rátvani nhiều lần để hỏi xem Hà Nội trả lời thế nào. Trong cuộc gặp ngày 28 tháng 12 ông nói với đại biện Hunggari:

Chắc chắn ông đã biết rằng từ ngày 24 tháng 12 đã không có ném bom chống miền Bắc Việt Nam mặc dù một số phi vụ trinh sát vẫn tiếp tục. Tôi được giao nhiệm vụ thông báo cho ông biết rằng chưa có quyết định về việc ném bom trở lại và điều đó tùy thuộc vào diễn biến sau này.

Chúng tôi hy vọng rằng việc ngừng ném bom hiện nay đã được năm ngày và có thể kéo dài ra ngoài Tết Dương lịch. Tôi chắc chắn rằng trong thời gian đó sẽ không có ném bom miền Bắc Việt Nam nếu không xảy ra một vụ khiêu khích nghiêm trọng.

Mặt khác, nếu phía bên kia có trả lời cách nào đó đóng góp nghiêm chỉnh cho hòa bình thì điều đó chắc chắn sẽ tác động thuận lợi đến khả năng kéo dài việc ngừng ném bom. Ông ta cũng nói: “Hoa Kỳ theo dõi chặt chẽ thái độ của Hà Nội đối với việc ngừng ném bom này. Nếu Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam quan tâm đến 12 điểm đó thì Hoa Kỳ thấy



không có gì khó khăn để tiếp xúc với Việt Cộng trừ điểm thứ ba trong lập trường bốn điểm của Hà Nội.

Ngày 29 tháng 12, các hãng thông tấn của Hoa Kỳ và phương Tây đưa tin về lập trường 14 điểm của Hoa Kỳ. Ngày hôm sau có thể coi là ngày mở đầu, ngày ồn ào nhất của chiến dịch “tìm kiếm hòa bình” của Giônxon. Nhà Trắng cho biết đã cử các phái viên đi các nước, đưa tin liên tiếp về các cuộc tiếp xúc với các nhà ngoại giao tại Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ, về những cuộc tiếp kiến của đại diện Hoa Kỳ. Những ngày đầu, dư luận Hoa Kỳ xem ra có vẻ thuận lợi và chờ đón một cái gì có thể giải quyết vấn đề chiến tranh Việt Nam. Nhưng cũng trong dịp này, khi các báo còn đưa tin lệnh của Tổng thống Hoa Kỳ tăng quân Hoa Kỳ vào miền Nam Việt Nam tin tổng thống xin Quốc hội phê chuẩn ngân sách bổ sung cho chiến tranh ở Việt Nam; một số người trong chính quyền Hoa Kỳ không che giấu rằng Hoa Kỳ sẽ đánh mạnh hơn nữa thì người ta bắt đầu nghi ngờ.

Oantơ Lípman, một nhà báo người Mỹ biết tiếng Việt viết: “Tổng thống sẽ nhận thấy rằng những kẻ thù và bè bạn của Mỹ sẽ coi chiến dịch ồn ào hiện nay không phải là hành động của nhà chính trị khôn ngoan mà là thủ đoạn của một anh khoác lác”.

Báo *Chiến đấu* (Pháp) số ra ngày 31 tháng 12 viết: “Trong giới cầm quyền Hoa Kỳ người ta không che giấu rằng Hoa Kỳ sẽ đánh mạnh hơn”.

Về 14 điểm, nhiều nhà báo Hoa Kỳ cũng nghi ngờ thiện chí của Giônxon.

Thông điệp do Hunggari chuyển đã đưa ra một số vấn đề cụ thể và mềm dẻo hơn những lần trước. Tuy vậy, Hà Nội có cơ sở để nghi ngờ thiện chí của Oasinhton và đây là cách làm mà Mắc Namara, trong đề nghị đẩy mạnh chiến tranh, dự định đưa ra để Hà Nội không chấp nhận được, từ đó đổ trách nhiệm kéo dài chiến tranh cho Hà Nội, thậm chí, như báo Hoa Kỳ đã viết, đổ trách nhiệm cho cả “những người kêu gọi chấm dứt ném bom để có đàm phán”.

Ngày 31 tháng 12, Bộ Ngoại giao Việt Nam đã mời Cốt Giôdép - Đại biện lâm thời Hunggari đến để thông báo nhận định và trả lời của ta cho Oasinhton:

Thứ trưởng Ngoại giao Hoàng Văn Tiến nói đại ý: “Âm mưu xâm lược của Hoa Kỳ vẫn không thay đổi. Hoa Kỳ vẫn muốn biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của Hoa Kỳ, chia cắt lâu dài nước Việt Nam...”

Hiện nay, chính quyền Hoa Kỳ đang chuẩn bị một đề nghị để trình Quốc hội Hoa Kỳ thông qua đề án mở rộng chiến tranh ở Việt Nam. Việc mở chiến dịch “tấn công hòa bình” của Hoa Kỳ là nhằm mục đích tranh thủ dư luận Hoa Kỳ và thế giới ủng hộ việc mở rộng chiến tranh ở Việt Nam.

Chúng còn ra sức tăng cường quân sự để xâm lược miền Nam cũng như bắn phá miền Bắc.

Nếu cần phát biểu với Hoa Kỳ, đề nghị các đồng chí nhấn mạnh lại với Hoa Kỳ những điểm: Vấn đề Việt Nam do nhân dân Việt Nam quyết định. Chính phủ Hunggari ủng hộ lập trường của Chính phủ nước Việt Nam

Dân chủ Cộng hòa và năm điểm trong tuyên bố của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.

Nếu Hoa Kỳ muốn nói gì thì cứ nói thẳng với đại diện nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam”.

Một tuần sau, Bộ Ngoại giao Hunggari cho biết: Rátvani đã gặp lại Đin Raxơ để thông báo bình luận của Hà Nội và sau đó đặt câu hỏi: “Qua các tin tức trao đổi giữa hai bên, có phải Hoa Kỳ sẵn sàng gặp gỡ đại diện của Hà Nội và Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam không?”.

Đin Raxơ không trả lời. Đại biện Hunggari báo cáo rằng sau vài giờ suy nghĩ ông bộ trưởng đã trả lời chính thức bằng văn bản rằng Đại sứ Hoa Kỳ ở Rănggun sẵn sàng gặp và thảo luận bất kỳ vấn đề gì mà ông đại biện đã nghĩ đến. Và nếu phía Hunggari có những đề nghị khác chung quanh vấn đề địa điểm để thảo luận thì Hoa Kỳ cũng đồng ý để suy nghĩ về các vấn đề đó.

Đin Raxơ ngờ ý có thể chuyển địa điểm trở lại Budapét chăng? Nhưng ngày 29 tháng 12, Nhà Trắng chỉ thị cho Đại sứ Henri Bairốt tìm một con đường kín đáo để chuyển một thông điệp cho Hà Nội.

### ***Rănggun***

Bairốt gọi điện thoại cho Tổng Lãnh sự Việt Nam Dân chủ Cộng hòa Vũ Hữu Bình nói rằng, ông ta có một thông điệp của Chính phủ Hoa Kỳ cần chuyển tận tay cho Tổng Lãnh sự.

Chiều hôm đó, tự lái chiếc xe riêng không có quốc kỳ Mỹ, Bairốt đến trụ sở Tổng Lãnh sự quán Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ở số 40 đường Cômin Côchin.

Trước hai cốc bia, hai cụ sĩ quan và hai nhà ngoại giao ngồi đối diện nhau. Bairốt nhắc lại lý do cuộc viếng thăm và chuyển cho đồng chí Bình thông điệp của Chính phủ Hoa Kỳ mà ông có nhiệm vụ chuyển, và tỏ ý mong sẽ nhận được một câu trả lời thuận lợi. Đồng chí Bình nhận thông điệp và hứa sẽ chuyển ngay về Hà Nội.

Cuộc gặp gỡ ngắn ngủi, giản dị nhưng lại có ý nghĩa: lần đầu tiên đại diện ngoại giao hai nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Hoa Kỳ gặp nhau, tuy không chính thức, nhưng lại chính thức chuyển một thông điệp của Chính phủ Hoa Kỳ. Nội dung thông điệp giống như Đ. Raxơ đã nói với Rátvani, điều khác là yêu cầu Hà Nội có hành động có đi có lại.

Thấy lâu chưa có trả lời, ba tuần sau Bairốt lại đến Tổng Lãnh sự quán Việt Nam. Ông được đón tiếp lịch sự, nhưng vẫn chưa có trả lời của Hà Nội. Ông Tổng Lãnh sự đưa ý kiến cá nhân rằng: Đây là một tối hậu thư của Hoa Kỳ làm cho ông phiền lòng.

Trong lúc đó, tại Pari, P. Xtơơ lại đề nghị gặp đồng chí Võ Văn Sung vào ngày 13-01-1966. Ông ta nói là đã được chỉ thị của Chính phủ Hoa Kỳ hỏi ý kiến Việt Nam về thông điệp ngày 29-12-1965 mà Đại sứ Bairốt đã trao cho đại diện Việt Nam tại Rănggun.

Cả Rănggun, Pari đều chưa có trả lời của Hà Nội. Theo chỉ thị của Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ, ngày 24-01-1966,

tại Mátxcơva Đại sứ P. Côlô đến gặp Đại biện Việt Nam Dân chủ Cộng hòa Lê Trang để trao một công hàm với nội dung tương tự thông điệp đã trao cho Việt Nam ở Rănggun. Lần này Côlô đề nghị phía Việt Nam xem xét xem “có khả năng giảm bớt hoạt động quân sự hay không?”. Ông còn nói:

“Hoa Kỳ đề nghị có cuộc gặp gỡ trực tiếp giữa Hoa Kỳ và Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Cuộc gặp gỡ sẽ diễn ra bí mật”.

Đồng chí Lê Trang nói: chưa có trả lời.

Ý định của Hà Nội trì hoãn việc trả lời chính là để tìm hiểu thêm và để Hoa Kỳ kéo dài việc ngừng ném bom Bắc Việt Nam.

Ngày 24-01-1966, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư cho nguyên thủ quốc gia nhiều nước nêu tình hình nghiêm trọng hiện nay ở Việt Nam do chính sách tăng cường chiến tranh của Hoa Kỳ gây ra và giải thích lập trường của Việt Nam.

Ngày 29-01-1966, Đài Phát thanh Hà Nội công bố thư nói trên của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Ngày 31-01-1966, Giônxơn hạ lệnh ném bom trở lại miền Bắc Việt Nam. Tối hôm đó, tại Rănggun, đồng chí Tổng Lãnh sự ta mời Đại sứ Bairôt đến trao câu trả lời của Hà Nội. Thư của đồng chí Bình có kèm theo tuyên bố của người phát ngôn Bộ Ngoại giao ta ngày 04-01-1966, phê phán những mâu thuẫn trong cái gọi là sáng kiến hòa bình của Hoa Kỳ. Đồng chí nhắc lại:

“Một giải pháp chính trị cho vấn đề Việt Nam chỉ có thể tính đến khi Chính phủ Hoa Kỳ chấp nhận

lập trường bốn điểm của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, chứng minh điều đó bằng hành động thực tế là chấm dứt không điều kiện và vĩnh viễn việc ném bom nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa”.

Cuối thư đồng chí còn viết thêm: “Tôi sẵn sàng nghe ông đại sứ trình bày thêm lập trường của Hoa Kỳ”. Đồng chí Bình còn cho Đại sứ Hoa Kỳ biết đồng chí nghi ngờ lòng thành thật của Hoa Kỳ nhưng Bairốt tỏ ra lạc quan, nhất là khi Tổng Lãnh sự Việt Nam thoải mái, vui vẻ bắt tay tiễn ông về.

Đường liên lạc vẫn mở. Ngày 19 tháng 02, Bairốt lại đến Tổng Lãnh sự quán ta trao một bị vong lục mới. Với lời lẽ mềm dẻo, văn kiện này nhắc lại: Hoa Kỳ tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam, sẽ rút quân Hoa Kỳ khỏi miền Nam “dưới ánh sáng của các hành động của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa về việc rút quân miền Bắc khỏi miền Nam Việt Nam”.

Bị vong lục còn nhấn mạnh: ... Theo “thư của Chủ tịch Hồ Chí Minh thì Cương lĩnh của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam là hoàn thành độc lập dân chủ hòa bình trung lập ở miền Nam, tiến tới thống nhất”; nếu đúng như vậy thì điểm thứ ba không phải là trở ngại cho thương lượng. Nhưng nếu đòi cho Mặt trận được độc đoán tham gia vào một chính phủ liên hiệp trước hoặc không có tuyển cử thì điểm thứ ba là trái với mục tiêu đó và không đúng với Hiệp nghị Giơnevơ.

Quan điểm cơ bản của Hoa Kỳ là cơ cấu chính trị tương lai của miền Nam Việt Nam phải do nhân dân

Nam Việt Nam quyết định thông qua tuyển cử, thật sự tự do... Hoa Kỳ sẵn sàng chấp nhận kết quả của cuộc tuyển cử thật sự tự do.

Cuối cùng bị vong lục đưa ra bốn điểm giống như bốn điểm mà ông Golison đã trao cho đồng chí Mai Văn Bộ hồi tháng 8-1965 ở Pari để “làm một cơ sở có thể chấp nhận được trong thảo luận”.

Nghe xong đồng chí Bình chậm rãi nói: Tôi sẽ báo cáo về Hà Nội nhưng các ông đã ném bom lại miền Bắc, cuộc tiếp xúc của chúng ta không còn ý nghĩa gì.

Đến đây chấm dứt cuộc gặp gỡ mà Oasinhton gọi là cuộc tiếp xúc PIN\_TA\* trong đợt “tấn công hòa bình” 37 ngày của Nhà Trắng<sup>1</sup>.

Giônxon cho rằng “chúng ta phải lựa chọn giữa một nền hòa bình theo điều kiện của miền Bắc Việt Nam hoặc không có hòa bình gì cả”<sup>2</sup>.

Cũng trong dịp này, ông Gótlíp - Giám đốc chấp hành của Ủy ban đấu tranh cho một chính sách hạt nhân trong sạch đến gặp đại diện Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tại Pari ngày 03-01-1966 và Sứ quán Việt Nam tại Angiê ngày 10 tháng 01. Cuối năm 1965, theo yêu cầu của Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ ông đã gửi điện cho Chủ tịch

---

\* Đây là mật hiệu của cuộc tiếp xúc giữa Đại sứ Hoa Kỳ Bairốt và Tổng Lãnh sự Việt Nam Dân chủ Cộng hòa Vũ Hữu Bình tại Rănggun trong đợt ném bom 37 ngày.

1. Xem thêm G.C. Hiarinh: *Ngoại giao bí mật trong chiến tranh Việt Nam*, *Sđd*, tr. 116-207.

2. L.B. Giônxon: *Cuộc đời Tổng thống của tôi*, *Sđd*, tr. 293.

Hồ Chí Minh yêu cầu đáp ứng thuận lợi việc nói chuyện hòa bình ngay<sup>1</sup>. Lần này ông đề nghị Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tạo không khí nhân nhượng vì Giônxơn đang bị sức ép của “phái điều hòa”.

Để phản ánh tình hình, cũng cần nói thêm rằng, trong dịp ngừng ném bom miền Bắc 37 ngày, đại diện Hoa Kỳ ở Cairô và một số nơi khác cũng yêu cầu gặp đại diện Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Nhưng phía Việt Nam cho rằng đã có tiếp xúc ở Rănggun, Pari, Mátxcơva là đủ và đã khước từ gặp ở các nơi khác. Chi tiết này chỉ cốt nói thêm quy mô kế hoạch “tấn công hòa bình” 37 ngày của Giônxơn.

---

1. C.L. Cupơ: *Cuộc thập tự chinh thất bại*, Sđd, tr. 289.



## MIKHALỐTXKI Ở HÀ NỘI

**T**rong hồi ký, Tổng thống Giônxon kể một cách đơn giản rằng ông cử Hariman đi Ba Lan giải thích lập trường của Hoa Kỳ, nhưng không ngờ sau đó lại là một loạt màn kịch bất ngờ.

Trước hết, Hariman đi Vácsava bằng chiếc máy bay Bôlinh của Tổng thống, nhưng không kịp báo trước cho cả Sứ quán Hoa Kỳ và Chính phủ Ba Lan.

Anbóc Xirô, người phó thay mặt Đại sứ Hoa Kỳ Giôn Grônốtxki đang công tác ở Pôđôman, vừa phải đi gặp Vụ Bắc Mỹ, Bộ Ngoại giao để bàn kế hoạch tiếp đón Hariman lại vừa phải báo cho Đại sứ Grônốtxki về ngay Vácsava.

Đại sứ Grônốtxki đang ngủ cũng bị dựng dậy để hối hả trở về nhiệm sở.

Sáng sớm 30-12-1965, Đại sứ Ba Lan tại Hà Nội, J. Xiêlếchxki xin gặp gấp Thủ tướng Phạm Văn Đồng vì có điện khẩn cấp. Thủ tướng Phạm Văn Đồng nhận tiếp ngay.

Chưa hết xúc động vì những gì đã nhận được, Đại sứ trình bày ngay với Thủ tướng: “Đột nhiên đêm qua Oasinhton yêu cầu Ba Lan cho phép ông Hariman,

theo chỉ thị của Tổng thống Giônxon, vào Ba Lan ngay bằng máy bay riêng của Tổng thống để hội đàm với Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Adam Rapátxki. Chúng tôi đã trả lời cho Hoa Kỳ biết rằng mục đích của việc liên hệ như thế để bàn vấn đề Việt Nam là không nên. Nhưng vì Hariman đã bay đến Cộng hòa Liên bang Đức để đợi trả lời và sự từ chối của Ba Lan có thể bị lợi dụng là điều ta có thể đoán trước một cách dễ dàng...

Bức điện, hoặc đúng hơn là phần đầu của bức điện mà Đại sứ đọc mới đến đó. Tiếp đó, Đại sứ trao cho Thủ tướng một bức thư và đề nghị Việt Nam cho ý kiến giải quyết những trường hợp tương tự, nên nhận hay không nên nhận.

Ngay tối cùng ngày, Đại sứ Xiêlécxki lại xin gặp Thủ tướng để thông báo tiếp nội dung trao đổi giữa Ngoại trưởng Rapátxki và phái viên Hariman. Đại sứ nói:

“Phía Hoa Kỳ nói Hoa Kỳ đã ngừng ném bom miền Bắc Việt Nam từ ngày 24 tháng 12 và việc ngừng ném bom sẽ kéo dài ra ngoài Tết Dương lịch nếu không có sự tăng cường quan trọng các hoạt động quân sự của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam. Hoa Kỳ nói rằng sự tham gia thật sự của phía Việt Nam vào việc giải quyết hòa bình vấn đề xung đột sẽ tạo thuận lợi cho kéo dài ngừng ném bom. Hoa Kỳ cho rằng để có thể đi đến thương lượng, cần phải có thời gian cho tình hình dịu đi và yên tĩnh trở lại. Việc ngừng ném bom một thời gian nhất định đã được thực hiện. Hoa Kỳ mong phía Việt Nam đáp lại bằng những cử chỉ tương tự. Việc đáp lại theo kiểu đó sẽ dẫn đến con đường

thương lượng... Hoa Kỳ thấy cần thiết phải có thời gian cho phía Việt Nam nghiên cứu, nhưng lưu ý rằng Chính phủ Hoa Kỳ có khó khăn vì Quốc hội Hoa Kỳ sắp họp.

Hariman cũng nhắc lại lời tuyên bố của Giônxon: “sẽ không có khó khăn gì cho Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam trình bày lập trường và quan điểm của mình trong trường hợp có thương lượng”. Nhưng Hoa Kỳ không công nhận Mặt trận là một chính phủ. Ông ta cũng nói cuộc đàm phán sau này có thể có hình thức khác, lập trường của Hoa Kỳ rất linh hoạt. Hoa Kỳ sẵn sàng nghiên cứu mọi khả năng, thương lượng trong mọi điều kiện và trong bất kỳ thành phần nào kể cả sự tham gia của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam. Nếu có đàm phán, phía Hoa Kỳ sẵn sàng thảo luận cả bốn điểm cũng như mọi đề nghị khác của các bên, kể cả của Sài Gòn”.

Theo ý kiến riêng của tôi - Đại sứ nói tiếp, Hoa Kỳ phải hành động như vậy là để tranh thủ dư luận. Hoa Kỳ rất sợ dư luận.

Thủ tướng Phạm Văn Đồng nói:

- Đồng ý với nhận xét của đồng chí Đại sứ. Hoa Kỳ đang bị cô lập nên đưa vấn đề này ra. Đồng thời, Hoa Kỳ muốn thăm dò chúng tôi. Chúng tôi sẽ nghiên cứu.

Chúng ta cũng chấp nhận gợi ý của bạn mời một phái viên của Ba Lan sang Hà Nội để nắm rõ ý kiến của Hariman.

Ba ngày sau, đồng chí J. Mikhalốtxki. Thứ trưởng kiêm Tổng Thư ký Bộ Ngoại giao Ba Lan, đã có mặt ở Hà Nội. Mikhalốtxki quen biết khá nhiều đồng chí

lãnh đạo nước ta, vì từ tháng 8-1954 đồng chí là đại sứ - Trưởng đoàn Ba Lan đầu tiên trong Ủy ban quốc tế về Việt Nam. Đồng chí lại là người được dự cuộc nói chuyện giữa Rapátxki và Hariman ở Vácsava vừa qua. Bộ Ngoại giao Ba Lan cố giữ bí mật chuyến đi này cho nên giải thích rằng Tổng Thư ký bị ốm nên không dự các cuộc chiêu đãi và tiếp khách nhân dịp đầu năm mới. Nhưng dư luận lại hiểu rằng đó là cái bí mật của anh “hề xiếc”.

Buổi làm việc đầu tiên là với Bộ trưởng Ngoại giao Nguyễn Duy Trinh.

Mikhalốtxki nói:

- Hoa Kỳ đã ngừng ném bom miền Bắc và cử Hariman đến gặp lãnh đạo Ba Lan để xem xét vấn đề. Cố gắng của Hoa Kỳ có thành công hay không? Nếu như cử chỉ hòa bình của Hoa Kỳ không được đáp ứng, Hoa Kỳ sẽ ném bom trở lại với cường độ mạnh hơn. Giônxon bị áp lực của giới quân sự phải leo thang chiến tranh. Chìa khóa hòa bình là ở Hà Nội... Hoa Kỳ không thể ngừng ném bom lâu được. Nếu như Chính phủ Việt Nam xét tới giải pháp hòa bình thì Hariman mong rằng sẽ có một cử chỉ thực tế về quân sự, lúc đó Hoa Kỳ sẽ đáp lại bằng một cử chỉ quân sự khác. Như vậy, nhiệt độ của tình hình sẽ giảm đi và có thể đưa đến đàm phán chính trị.

Ba Lan cho rằng có hai khả năng: hoặc là Hoa Kỳ thất bại rồi và hiện nay cũng không tốt đẹp gì trong việc tiếp tục leo thang nên nghĩ đến việc trả một giá nào đó để tránh phải leo thang. Nếu thế thì rất quan trọng.

Và để thử xem Hoa Kỳ sẵn sàng nhân nhượng những gì thì ngoài đàm phán ra không có cách nào khác; hoặc là cuộc “tấn công hòa bình” của Hoa Kỳ là bịp bợm, là màn khói, là một âm mưu đánh lừa thế giới. Nếu như vậy thì cũng không có cách nào khác ngoài việc ngồi với Hoa Kỳ để vạch mặt Hoa Kỳ.

Trong khi thảo luận, Hoa Kỳ sẽ đưa giá quá cao, sau sẽ hạ xuống, ta cũng sẽ mặc cả xem họ “bán hàng” như thế nào. Chúng tôi sợ rằng Hoa Kỳ đang đứng trước một quyết định quan trọng, Hoa Kỳ sẽ không giữ mức độ chiến tranh như hiện nay vì như vậy sẽ thất bại. Cho nên, Hoa Kỳ sẽ tăng cường chiến tranh. Thiệt hại của nhân dân Việt Nam sẽ rất lớn. Hoa Kỳ định sẽ đưa 20 hay 30 vạn quân nữa vào miền Nam Việt Nam, Hoa Kỳ sẽ khó xuống thang, khó rút quân. Nếu không đàm phán bây giờ thì sau này sẽ rất khó khăn. Nếu Hoa Kỳ tăng thêm quân, cuộc chiến đấu của các đồng chí sẽ không thuận lợi như bây giờ. Hoa Kỳ đã ngừng ném bom. Nếu có dấu hiệu nào đó, Hoa Kỳ sẽ kéo dài việc ngừng ném bom. Sau đó có dấu hiệu thôi, không có gì ràng buộc phía Việt Nam cả.

Chúng tôi cho rằng Hoa Kỳ thành thật, rằng Hoa Kỳ đang ở ngã ba đường. Hoa Kỳ đã nói rằng họ bị sức ép, họ muốn có dấu hiệu nào đó, nếu phía Việt Nam chuyển cho họ dấu hiệu đó thì sẽ giảm căng thẳng và rất có triển vọng.

Đồng chí Nguyễn Duy Trinh hỏi thêm một số điểm trong lập trường của Hoa Kỳ.

Chiều hôm đó, Thủ tướng Phạm Văn Đồng tiếp đồng chí Mikhalốtxki. Sau khi thăm hỏi sức khỏe Thủ tướng Phạm Văn Đồng, đồng chí Mikhalốtxki đi ngay vào vấn đề.

Mikhalốtxki:

- Tôi chắc rằng đồng chí đã được thông báo về chuyến thăm Vácsava của Hariman. Đồng chí Gômunca có cuộc nói chuyện lâu với ông ta, một cuộc nói chuyện căng thẳng, khó khăn. Chúng tôi cho rằng việc chúng tôi đến đây là điều bổ ích để các đồng chí biết một cách cụ thể những điều rất quan trọng của cuộc gặp gỡ đó. Tôi được trao nhiệm vụ chuyển đến đồng chí một thông điệp miệng của đồng chí Gômunca mà tôi đã thận trọng ghi lại (*đọc thông điệp với nội dung giống như đã trình bày ở trên*).

Thủ tướng Phạm Văn Đồng:

Đồng chí Hồ Chí Minh và các thành viên trong Chính phủ chúng tôi cảm ơn đồng chí Gômunca và các đồng chí lãnh đạo Ba Lan về những gợi ý đó.

Mikhalốtxki:

- Đây không phải là những gợi ý. Đây là ý kiến của chúng tôi để trình bày với các đồng chí.

Thủ tướng Phạm Văn Đồng:

- Chúng tôi xin cảm ơn các đồng chí về việc đó. Đó là biểu hiện của tình cảm, sự ủng hộ của các đồng chí đối với chúng tôi. Chúng ta gắn bó với nhau. Cuộc đấu tranh của chúng tôi cũng là cuộc đấu tranh của các đồng chí. Chúng ta là những nước xã hội chủ nghĩa, chúng ta đứng trước một kẻ thù chung. Các đồng chí lại

là thành viên trong Ủy ban quốc tế. Đó là lý do nữa để các đồng chí quan tâm đến vấn đề:

Chúng tôi luôn luôn hướng về vấn đề đó. Đó là những vấn đề rất quan trọng. Chúng tôi biết thế nào là chiến tranh. Các đồng chí cũng biết điều đó..., nhất là ở miền Nam, cuộc chiến đấu diễn ra với một cường độ rất ghê gớm. Ngày đêm chúng tôi nghĩ đến hòa bình không sao ngủ được.

Mikhalótxki:

- Nếu chúng tôi đề xuất ý kiến thì cốt là nhằm làm dễ dàng các quyết định của các đồng chí. Tất nhiên trong các vấn đề quân sự... chúng tôi không thể xét đoán được. Chúng tôi không có ý kiến.

Chúng tôi hiểu rất rõ Hoa Kỳ. Chúng tôi hiểu tình hình các nước khác trong lúc các đồng chí hiện nay rất bị cô lập. Có lẽ các đồng chí có khó khăn để hiểu một số chi tiết. Chúng tôi có tiếp xúc rộng hơn các đồng chí, chúng tôi thấy có trách nhiệm bày tỏ ý kiến về một số vấn đề.

Chúng tôi muốn nói kỹ thêm về cuộc nói chuyện với Hariman, như vậy rõ ràng hơn là gửi một thông điệp. Tất nhiên đó là những ý lớn rất quan trọng và tôi không đi vào chi tiết của trận đánh mà chúng tôi đã có với ông ta. Đồng chí Gômunca đã nói với ông ta: “Các anh là bọn cướp”.

Vấn đề là phải xem Hoa Kỳ muốn gì. Tôi nghĩ rằng họ thành thật và đang ở ngã ba đường. Hoa Kỳ đang đứng trước một sự lựa chọn không dễ dàng. Hoa Kỳ đã bị nhiều tổn thất và không thể tiếp tục cư xử như

hiện nay được. Có thể bản thân họ không muốn thế, nhưng họ phải nghĩ đến tương lai. Hoa Kỳ muốn leo thang để tạo khả năng cho giải pháp chính trị. Họ đang đi sâu vào con đường đó. Đó là một chính sách phiêu lưu đã bị lên án.

Điều thứ hai cụ thể hơn, ông ta (Hariman) nói là Hoa Kỳ bị sức ép, Hoa Kỳ muốn có một dấu hiệu nào đó. Ví dụ, các đồng chí xem xét một cách nghiêm túc các đề nghị của Hoa Kỳ. Họ nói đến nay vẫn chưa nhận được một dấu hiệu nào như vậy và điều đó đủ để họ đổ hết trách nhiệm không chịu thương lượng cho các đồng chí để leo thang. Họ mong muốn người ta suy nghĩ một cách nghiêm túc về đề nghị của họ, không phải cân nhắc 14 điểm mà cân nhắc về con đường dẫn tới hòa bình. Họ sẵn sàng chờ đợi. Vậy bây giờ phải làm gì? Cần có câu trả lời cho vấn đề đó, một dấu hiệu nào đó.

Thứ ba, nếu chúng ta chuyển cho họ dấu hiệu đó thì sẽ giảm căng thẳng và có nhiều triển vọng. Sau khi làm sáng tỏ qua thăm dò, người ta sẽ biết các điều kiện làm cơ sở cho một giải pháp trong tương lai. Hariman nói: ví dụ như trong cuộc thăm dò sau một cử chỉ nào đó của phía các đồng chí, nhiệt độ sẽ hạ xuống và làm dễ dàng cho thương lượng, cho việc giải quyết các vấn đề khác và họ cũng sẽ giảm nhiệt độ và tạo ra giải pháp chính trị.

Điều nữa là các hình thức thương lượng có thể có. Hariman nói Hoa Kỳ rất linh hoạt. Họ sẵn sàng tìm mọi cách để thương lượng - tay đôi, trực tiếp hay qua trung gian, họ sẵn sàng tìm mọi khả năng... Có vấn đề



quan trọng là sự tham gia của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam. Hariman nói là Hoa Kỳ chấp nhận sự tham gia của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam như kiểu ở Gionevơ. Nếu chúng ta sáng tạo ra một hình thức thương lượng nào đó cho Mặt trận thì Mặt trận sẽ có uy thế nhất định.

Rồi còn bốn điểm của đồng chí, bốn điểm của Thủ tướng Phạm Văn Đồng mà trên thế giới người ta coi như là kế hoạch Rapátxki. Hariman nói họ chấp nhận bốn điểm, rằng bốn điểm là một cơ sở nhưng không phải là cơ sở duy nhất. Hariman cũng nhấn mạnh 14 điểm của Hoa Kỳ không phải là điều kiện để thương lượng. Đó là những đề nghị cũ được sắp xếp chung lại với nhau. Ông ta yêu cầu xem xét chứ không phải trả lời 14 điểm. Theo ý kiến của chúng tôi, nếu thời kỳ ngừng ném bom kéo dài thì cũng có lợi cho các đồng chí.

Thủ tướng Phạm Văn Đồng:

- Tất nhiên.

Mikhalốttxki:

- Đứng về mặt thuần túy sách lược, tôi nghĩ nếu các đồng chí cho tín hiệu rằng các đồng chí nghiên cứu một cách nghiêm túc ý kiến của Hoa Kỳ thì sẽ kéo dài thời kỳ yên tĩnh trên đất nước các đồng chí mà không bị ràng buộc gì. Đó là điều quan trọng. Các đồng chí sẽ có thời gian để tập hợp lực lượng, chấn chỉnh lại và làm nhiều việc khác.

Các đồng chí có nói mặt trận quân sự và mặt trận ngoại giao phải đi đôi với nhau. Cuộc đấu tranh quân sự sẽ được cuộc đấu tranh chính trị này ủng hộ và trợ lực.

Chúng tôi sợ rằng nếu các đồng chí bác bỏ thẳng thừng những đề nghị đó thì sẽ là một thất bại trên mặt trận chính trị của các đồng chí...

Dư luận thế giới: những người tiến bộ, những người cộng sản ở phương Tây cũng sẽ không hiểu các đồng chí. Đó là điều không hiểu được đối với những người Mỹ không cộng sản đang đòi hòa bình. Đó sẽ là dịp tốt cho bộ máy tuyên truyền của Hoa Kỳ... Khi dư luận đã không hiểu các đồng chí thì đó sẽ là thất bại chính trị của các đồng chí. Tôi không nghĩ rằng các phương tiện giải thích của chúng ta có thể chống lại được sự thay đổi dư luận đó.

Chúng tôi nghĩ dù sao cũng phải đưa ra một sáng kiến cụ thể bằng một hành động tiếp cận với những đề nghị của Hoa Kỳ và có một số cố gắng để đi tới thương lượng.

Các đồng chí có nói rằng đã nghĩ đến thương lượng nhưng bây giờ chưa chín muồi, chiến thắng chưa đủ mức. Tôi sợ rằng Hoa Kỳ sẽ chọn con đường leo thang như vậy thì sau này sẽ rất khó thương lượng, khi số quân Hoa Kỳ đông hơn thì việc rút lui càng khó hơn cho một cường quốc như Hoa Kỳ. Họ sẽ mất mặt... Tình hình sẽ phức tạp thêm... Lúc này con đường rút của họ chưa bị cắt... chúng tôi nghĩ khả năng đó, cơ hội đó còn quan trọng hơn là sau một thời gian leo thang lớn.

... Lúc này cần tìm ra con đường cho các giải pháp hòa bình. Chúng ta có thể có thể mạnh mẽ làm suy yếu kẻ thù... Khi một người lính được tin là có nói chuyện hòa bình, anh ta không muốn chết nữa. Việc đó sẽ đem

lại cho các đồng chí thời gian để chấn chỉnh lực lượng. Tiếp đó, ta tìm ra khả năng tìm kiếm sự nhượng bộ của Hoa Kỳ. Họ phải trả giá cho hòa bình, cho việc rút quân để gỡ thế diện. Rồi với nhượng bộ đó - không quá xa với các nguyên tắc của các đồng chí - chúng tôi nghĩ là điều đó có thể chấp nhận được. Có lẽ một vài nhượng bộ của các đồng chí là cần thiết. Chúng tôi nghĩ đạt được việc rút lui của Hoa Kỳ trong năm năm không có chiến tranh còn hơn là có hòa bình sau năm năm chiến tranh.

Sau cùng, chúng tôi nghĩ tới việc nói chuyện, việc thăm dò, chúng ta chỉ có lợi. Chúng ta không có gì để mất trong cuộc thăm dò nào đó hoặc trong nói chuyện trực tiếp, gián tiếp hoặc dưới hình thức nào đó mà ta sẽ nghĩ ra như qua trung gian của Ủy ban quốc tế, qua hai chủ tịch Hội nghị Giơnevơ, hoặc với sự tham gia của các nước bạn.

Cần phải có một sáng kiến, phải tiến lại với những ý kiến chúng tôi muốn hòa bình, và qua đó các đồng chí sẽ tranh thủ được dư luận thế giới về mình. Nếu các đồng chí đề nghị một cái gì đó mà Hoa Kỳ bác bỏ thì Hoa Kỳ không còn được xem như những thiên thần của hòa bình nữa.

Đồng chí Mikhalốtxki tỏ ý sẵn sàng cung cấp mọi tin tức mà phía Việt Nam muốn biết cũng như mọi ý kiến của Vácsava. Cuối cùng, Mikhalốtxki nhấn mạnh rằng phía Ba Lan “nghĩ có thể tạo ra cho Việt Nam khả năng tiến hành một cái gì đó trên con đường có lợi” cho Việt Nam. Đồng chí cũng giới thiệu cho Thủ tướng một người Mỹ mà đồng chí rất thân quen, một người Mỹ tốt

có vị trí và ảnh hưởng nhất định: ông N. Coxin\*. Đồng chí nói: Phía Việt Nam có thể sử dụng con người đó không chỉ trong cuộc thảo luận chung chung. Ba Lan sẵn sàng giúp đỡ.

Thủ tướng Phạm Văn Đồng cảm ơn sự quan tâm và cố gắng của bạn. Rồi Thủ tướng nói:

- Từ lâu chúng tôi đã suy nghĩ rất nhiều về tất cả những điều đồng chí nói... Mà cốt lõi liên quan đến việc đi thăm của Hariman. Đối với chúng tôi để biết rõ tình hình và nhất là lối chơi của kẻ địch không phải là không tốt.

Chúng tôi lại đang ở trong tình trạng chiến tranh với đế quốc Mỹ và chúng tôi biết thế nào là chiến tranh. Chúng tôi luôn nghĩ đến nó, nghiên cứu nó một cách toàn diện, triển vọng và diễn biến của nó. Chúng tôi nghĩ đến lúc nào đó phải kết thúc chiến tranh với Hoa Kỳ. Đó không phải là việc đơn giản. Chúng tôi nghĩ đến hòa bình vì chiến tranh là điều tàn khốc, nhất là ở miền Nam: rất ác liệt và có lẽ sẽ ác liệt hơn. Vì vậy, chúng tôi suy nghĩ không ngừng đến việc chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình.

Nhưng, thưa đồng chí, chúng tôi đòi hỏi một cái gì.

Chúng tôi làm chủ vận mệnh và đường lối của chúng tôi.

Chúng tôi đòi độc lập, giải phóng miền Nam, thống nhất có lẽ phải một thời gian dài - nhưng mà phải thống nhất Tổ quốc. Đó là những đòi hỏi sống còn của

---

\* N. Coxin là Mục sư Đạo Tin lành, Chủ bút Tạp chí *Thứ bảy*.

chúng tôi. Tất cả những điều đó gắn chặt với bốn điểm, các điểm này lại gắn chặt với Hiệp nghị Gionevơ. Bốn điểm không phải là để thảo luận. Đó là kế hoạch để giải quyết vấn đề. Hoa Kỳ và tất nhiên cả Hariman nữa đã đưa ra 14 điểm để thảo luận... Có thể chúng còn phải thay đổi... Chắc chắn là như vậy... Còn chúng tôi, không thể làm như vậy được.

Thủ tướng nói một cách ngắn gọn bốn điểm. Mikhalốtxki cho rằng: Hoa Kỳ đã nói đến việc chấp nhận các điểm đó và thêm đó là vấn đề có thể thăm dò.

Thủ tướng Phạm Văn Đồng nói tiếp:

- Chúng tôi xem xét cuộc “tấn công hòa bình” của Hoa Kỳ hiện nay như thế nào? Tôi đang nghiên cứu vấn đề rất khó khăn này.

Cần có nhiều thời gian và cố gắng. Chúng tôi sẽ xem xét một cách tổng hợp, không thể bác bỏ ngay lập tức. Đó là những vấn đề đầu tiên được thảo luận trong Đảng và Chính phủ chúng tôi.

Vấn đề đặt ra là hiện nay liệu Chính phủ Hoa Kỳ đã sẵn sàng giải quyết hòa bình chưa? Tôi không nghĩ rằng lúc này Hoa Kỳ đã sẵn sàng đi vào con đường hòa bình theo đòi hỏi hợp lý của chúng tôi. Có hai lý do:

1. Thực chất Hoa Kỳ đang nghiên cứu các biện pháp tăng cường chiến tranh... Hoa Kỳ hiểu không thể đạt được hòa bình theo các điều kiện của chúng trong lúc này. Vì vậy, để cho khách quan phải nói rằng Hoa Kỳ phải tăng cường chiến tranh.

2. Về nguyên tắc, Hoa Kỳ chưa bao giờ tuyên bố thuận lợi với bốn điểm... chưa bao giờ Hoa Kỳ chấp nhận

Mặt trận bằng cách này hay cách khác. Điều đó nghĩa là Hoa Kỳ vẫn theo đuổi chính sách cũ ở miền Nam.

Mikhalốttxki:

- Nếu không đạt được hòa bình thì Hoa Kỳ phải tìm cách tiếp tục chiến tranh. Có nghi vấn trong vấn đề này. Tôi nghĩ Hoa Kỳ sẽ phải nhượng bộ. Tôi nghĩ rằng họ là những lái buôn mà lái buôn thì không chấp nhận giá hàng mà không mặc cả. Chúng chỉ chấp nhận trước khi đàm phán. Có lẽ cuối cùng rồi chúng phải chấp nhận bốn điểm.

Thủ tướng Phạm Văn Đồng:

- Đó là điều tất nhiên. Tôi cố gắng tìm hiểu ý đồ sâu xa của Hoa Kỳ. Nếu Hoa Kỳ chấp nhận thì tại sao lại có cuộc “tấn công hòa bình” này?

Chúng tôi cho rằng Hoa Kỳ có nhiều khó khăn, lớn nhất là ở miền Nam Việt Nam. Chúng đang bị đánh tới bời..., đang đứng trước những vấn đề nan giải về quân sự và hậu cần... Lính Mỹ là những chàng công tử... Chiến sự trên bộ rất ác liệt đối với chúng... Còn chiến tranh bằng không quân, không giải quyết được vấn đề. Mỹ có nhiều khó khăn trong nước...

Đồng chí có lý để nói rằng chúng ở ngã ba đường. Chính vì vậy, chúng muốn một thứ hòa bình nào đó, một kiểu thương lượng nào đó, không phải thứ hòa bình như chúng tôi quan niệm mà hòa bình kiểu Mỹ, kiểu La Mã 2.000 năm trước đây.

Mikhalốttxki:

- Không thể cho chúng nó được.

Thủ tướng Phạm Văn Đồng:

- Trong cuộc “tấn công hòa bình” này, Giôn-xơn muốn đứng trên thế mạnh, chúng muốn áp đặt cho chúng tôi một số điều kiện. Nếu chúng tôi chấp nhận những điều kiện đó, chúng sẽ sẵn sàng thương lượng. Nhưng chúng tôi không chấp nhận. Chúng tôi chiến đấu trên trận địa mà chúng tôi lựa chọn về quân sự và chính trị. Chúng tôi làm chủ chiến lược của mình. Tương lai sẽ chứng minh điều đó.

Trở lại cuộc “tấn công hòa bình” hiện nay của Hoa Kỳ, chúng tôi có nghiên cứu các vấn đề mà Hoa Kỳ đưa ra. Làm gì bây giờ? Không chấp nhận điều kiện của kẻ thù, chúng tôi đã có tuyên bố ngày hôm qua. Về vấn đề chấm dứt ném bom miền Bắc chúng tôi đã nói lên điều kiện của chúng tôi. Bây giờ là tùy Hoa Kỳ xác định thái độ. Vấn đề như vậy đã đảo ngược. Sẽ rất nguy hiểm nếu đi vào con đường mà kẻ thù đã lựa chọn.

Về nguyên tắc, đồng chí đã nói rất đúng: Đừng để cho kẻ thù nắm ngọn cờ hòa bình mà chúng ta phải có sáng kiến hòa bình. Tranh thủ dư luận về ta, dồn kẻ thù vào chân tường. Tôi hứa với đồng chí sẽ nghiên cứu kỹ về ý kiến của đồng chí.

Đồng chí Mikhalốtxki nhắc lại rằng, phía Ba Lan không gợi ý một nhân nhượng nào về nguyên tắc cả, mà cho rằng bằng vận động chính trị, người ta có thể hoàn thành việc rút quân Hoa Kỳ theo điều kiện Hoa Kỳ đưa ra.

Mikhalốtxki nói tiếp:

- Sẽ không rơi vào trò chơi của kẻ địch. Chỉ có điều là đưa vào lối chơi của chúng những tuyên bố qua

đài phát thanh thì sẽ không có hiệu quả... mà phải hành động. Trong khi nói chuyện với chúng tôi, Hariman đã nói: Hà Nội cần có một hành động. Cần phải suy nghĩ kỹ. Chúng ta có thể thảo luận bất cứ hình thức nào mà chúng tôi chưa biết. Không nên bác bỏ ý kiến về một giải pháp chính trị trên một chỉ dẫn chung.

Thủ tướng Phạm Văn Đồng nói rằng rất khó mà thắng được kẻ địch chỉ bằng sức mạnh của lời nói, và nhắc lại sẽ nghiên cứu kỹ ý kiến của Ba Lan...

Đồng chí Mikhalốtxki đặt nhiều hy vọng vào cuộc gặp gỡ với Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Ngày 06 tháng 01, Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp đồng chí Mikhalốtxki. Cuộc trao đổi đã diễn ra thẳng thắn, có lúc căng thẳng.

Mikhalốtxki:

- Tôi được các đồng chí lãnh đạo chúng tôi ủy nhiệm đến tìm hiểu ý kiến của các đồng chí về việc này. Chúng tôi phải nói điều gì đó với Tổng thống Hoa Kỳ. Tôi muốn biết là chúng tôi phải nói như thế nào. Tôi nghĩ rằng, nếu Tổng thống Hoa Kỳ thấy các đồng chí bác bỏ khả năng đàm phán thì chỉ còn con đường đẩy mạnh chiến tranh.

Chúng tôi cho rằng trong tình hình hiện nay chúng ta cũng cần thăm dò xem chúng ta có thể đàm phán theo những điều kiện nào, có thể buộc Hoa Kỳ phải trả một giá nào đó để có đàm phán hòa bình, Hoa Kỳ buộc phải chấp nhận lập trường của các đồng chí. Nếu Hoa Kỳ chỉ nhằm mục đích lừa bịp để đẩy mạnh chiến tranh thì trong trường hợp này ta cũng cần làm thế nào



cho Hoa Kỳ không thành công được. Ta cần làm cho nhân dân thế giới rõ là ta mong muốn hòa bình. Nếu Hoa Kỳ bác bỏ thì Hoa Kỳ sẽ thất bại về chính trị. Ở châu Âu, châu Phi có nhiều người không phải là cộng sản mà họ cũng mong muốn hòa bình. Ta cần làm cho họ hiểu chúng ta. Nếu ta bác bỏ mọi thăm dò, mọi tiếp xúc thì họ sẽ không hiểu chúng ta. Như vậy ta sẽ thất bại về chính trị và thất bại to lớn. Ngay cả ở nước chúng tôi cũng có người không thể hiểu được. Hoa Kỳ là một cường quốc, khó mà chấp nhận một thất bại nặng nề. Trái lại, nếu ta tiến hành thăm dò đàm phán thì tôi nghĩ đó là một thắng lợi chính trị cho ta.

Chủ tịch Hồ Chí Minh:

- Xin hỏi đồng chí một câu: Có phải chúng tôi không thiết tha với hòa bình không? Có nhiều lý do để chúng tôi điều đó. Ai là kẻ xâm lược? Không ai lại cho chúng tôi là kẻ xâm lược. Không bao giờ họ lại nghĩ như vậy, kể cả những người không phải là cộng sản. Hơn ai hết, chúng tôi mong muốn hòa bình. Thế thì tại sao chúng tôi phải tiếp tục chiến đấu? Chỉ có một lý do: chúng tôi phải tự vệ, buộc phải đấu tranh vũ trang. Chỉ có đấu tranh hoặc hạ vũ khí.

Tại sao Hoa Kỳ phải đi gõ cửa khắp nơi? Chính Hoa Kỳ gửi quân đội Hoa Kỳ đến đây, bây giờ Hoa Kỳ phải đình chỉ xâm lược, như vậy vấn đề sẽ được giải quyết. Hoa Kỳ phải rút đi! Chúng tôi trải thảm đỏ cũng được, nhưng Hoa Kỳ phải rút đi! Hoa Kỳ phải chấm dứt xâm lược. Giôn-xơn miêng thì nói hòa bình, nhưng tay lại ký những lệnh điều động quân. Chúng tôi không bác bỏ

gì hết, nhưng nhân dân chúng tôi phải được yên ổn. Chúng tôi không muốn trở thành người chiến thắng. Chúng tôi chỉ muốn Hoa Kỳ rút đi! Gútбай! (Goodbye).

Chúng tôi đã chiến đấu với Pháp, đã đau khổ nhiều. Không phải chúng tôi đuổi Pháp để kết quả là ngày nay chúng tôi nhận sự thống trị của Hoa Kỳ. Chúng tôi sẽ chiến đấu đến cùng. Chúng vào tận nhà chúng tôi, giết hại con cháu chúng tôi. Vậy thì chúng hãy rút đi. Làm gì mà chúng phải đi gõ cửa khắp nơi? Nó gây chiến với chúng tôi thì chúng phải cuốn gói đi. Như thế, mọi việc sẽ ổn.

Mikhalốtxki:

- Hoa Kỳ là kẻ xâm lược mạnh. Họ muốn thống trị nước các đồng chí. Chúng không muốn cuốn gói đi, vì chúng mạnh. Trong cuộc chiến tranh này, các đồng chí khó mà đạt được chiến thắng quân sự. Họ tiếp tục gửi quân đội và máy bay sang. Chúng tôi rất rõ khả năng quân sự của Hoa Kỳ, ví dụ, họ có thể sản xuất 500 máy bay một ngày. Hoa Kỳ có bộ máy chiến tranh to lớn nên cuộc chiến tranh ghê gớm này sẽ kéo dài 5 năm, 10 năm. Tại sao không vận dụng chiến thuật chính trị để đạt được kết quả tương tự? Rất có thể là Hoa Kỳ bây giờ cũng muốn rút lui theo một phương thức nào đó.

Chủ tịch Hồ Chí Minh:

- Đế quốc Mỹ có mạnh hơn thực dân Pháp, nhưng ngày nay chúng tôi cũng mạnh hơn trước kia. Lịch sử đã chứng tỏ là chúng tôi đã chiến thắng kẻ xâm lược có trình độ kỹ thuật cao hơn chúng tôi. Dù Hoa Kỳ có gửi quân sang gấp 10 lần, nhất định chúng cũng sẽ bị thất bại. Khi chống thực dân Pháp chúng tôi có một mình,

còn bây giờ có cả phe xã hội chủ nghĩa ủng hộ và giúp đỡ chúng tôi.

Mikhalótxki:

- Nhưng phe xã hội chủ nghĩa của chúng ta không nhất trí. Chỉ có các đồng chí là đổ máu. Giá phải trả sẽ rất cao. Nếu chiến tranh cứ kéo dài thì không còn ai để giải phóng.

Chủ tịch Hồ Chí Minh:

- Đồng chí thật là sai lầm. Dù Hoa Kỳ có tăng thêm quân bao nhiêu cũng không làm gì được chúng tôi. Nhân dân Việt Nam không sợ. Nếu đời chúng tôi không hoàn thành thì con cháu chúng tôi sẽ hoàn thành.

Mikhalótxki:

- Hoa Kỳ nói đã nhận bốn điểm. Ta cần xem xét xem họ suy nghĩ thế nào. Ta có thể hỏi: bao giờ các anh rút. Đó là những cuộc thăm dò để làm dễ dàng giải quyết cuộc xung đột và tránh được tổn thất. Có rất nhiều khả năng giải quyết vấn đề, mang lại kết quả tương tự mà không phải tổn thất. Về mặt này, ý kiến chúng tôi là ta không nên từ chối thăm dò, vì thăm dò có lợi về mặt chính trị và các đồng chí không thiệt hại gì. Chỉ có Hoa Kỳ thiệt hại. Như vậy là đáng công thăm dò.

Chủ tịch Hồ Chí Minh:

- Chưa phải lúc thăm dò thương lượng. Điều kiện chưa chín muồi. Chúng tôi đã có kinh nghiệm với thực dân Pháp.

Mikhalótxki:

- Hoa Kỳ đang đứng trước ngã ba đường. Nếu ta thử tiến hành đàm phán lúc này, Hoa Kỳ sẽ nhận rút

lui dễ dàng hơn sau này. Nếu kéo dài thì sau này sẽ khó khăn hơn bây giờ.

Chủ tịch Hồ Chí Minh:

- Nhưng mà chưa đến thời cơ.

Đến đây, Đại sứ Xiêlécxki cùng tham dự cuộc nói chuyện, nói:

- Nếu chúng ta có sức mạnh, chúng ta có thể nói chuyện với bọn cướp được chứ.

Chủ tịch Hồ Chí Minh:

- Nhưng bọn cướp chưa yếu lắm. Chúng còn có súng lục trong tay. Thời cơ chưa tới. Chúng tôi không phải là người cầm điếu đầu.

Mikhalốtxki:

- Nhưng chúng tôi nên nói với Hoa Kỳ như thế nào?

Chủ tịch Hồ Chí Minh:

- Các đồng chí cứ nói với Hoa Kỳ rằng Hoa Kỳ hãy rút khỏi Việt Nam.

Mikhalốtxki:

- Nhưng có khả năng, có dấu hiệu nào tỏ ra các đồng chí xem xét đề nghị của Hoa Kỳ không? Hoa Kỳ nói là Hoa Kỳ sẽ đợi nếu Việt Nam có dấu hiệu đó.

Chủ tịch Hồ Chí Minh:

- Có nhiều khả năng, nhưng tùy thuộc ở phía Hoa Kỳ. Họ có 14 điểm, chúng tôi có bốn điểm. Rõ ràng ý kiến hai bên còn khác nhau. Thời cơ chưa tới. Chúng tôi không thể tin lời nói của nhà cầm quyền Mỹ được. Chúng tôi phân biệt đế quốc Mỹ và nhân dân Mỹ.

Mikhalótxki:

- Nhưng nhân dân Mỹ không thể hiểu được thái độ của các đồng chí.

Chủ tịch Hồ Chí Minh:

- Đồng chí sai lầm rồi. Đồng chí đã đánh giá thấp sự thông minh của nhân dân. Nếu ta giải thích nhân dân sẽ hiểu hết.

Sau cuộc gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh, đồng chí Mikhalótxki có gặp lại đồng chí Nguyễn Duy Trinh trao đổi về việc gặp N. Coxin. Bộ trưởng Ngoại giao Nguyễn Duy Trinh cho biết là phía Việt Nam không từ chối tiếp ông ta và N. Coxin có thể gặp đại diện Việt Nam ở nơi nào thuận tiện cho ông ta. Lúc này, Mặt trận Dân tộc giải phóng chưa có đại diện thường trú ở Ba Lan. Bạn giục ta nói với Mặt trận cử người sang gấp. Ý bạn muốn thu xếp cuộc gặp giữa N. Coxin với đại diện hai miền ở Vácsava. Nhưng việc này không thành, vì sau lần thông báo thứ hai của bạn, Hà Nội thấy quan điểm của ông Coxin không khác đường lối của Oasinhton.

Ngoài các cuộc gặp gỡ trên, đồng chí Mikhalótxki còn thăm Đại tướng Võ Nguyên Giáp - Ủy viên Bộ Chính trị, Tổng Tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam. Nội dung cuộc gặp này tương tự như cuộc gặp Thủ tướng.

Ngày 13-01-1966, đồng chí Mikhalótxki lên đường về nước, với chặng đường chân đầu là Viêng Chăn. Cùng ngày hôm đó, Hariman tới Viêng Chăn sau một chuyến đi tìm kiếm hòa bình dài 35.000 dặm qua mười nước từ châu Âu sang châu Á đến châu Đại Dương. Tuy nhiên,

không có thông tin gì về việc hai người có gặp nhau tại Viêng Chăn hay không.

Ngày 26-3-1966, nghĩa là hơn hai tháng sau cuộc gặp giữa Chủ tịch Hồ Chí Minh và Mikhalốtxki, báo *Bưu điện Oasinhton* đã đăng một bài dài kể lại vai trò trung gian của Ba Lan. Đại sứ Xiêlếchxki lên Bộ Ngoại giao nước ta thanh minh: “Khi Hariman xin gặp lãnh đạo chúng tôi, ông ta nói Hoa Kỳ hứa tuyệt đối giữ bí mật”.

## THỜI CƠ CỦA CANADA

Thủ tướng Canada L. Piaxơn, cũng như 60 nguyên thủ quốc gia và Thủ tướng Chính phủ, đã nhận được thư ngày 24-01-1966 của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Canada vốn không đồng tình với việc ném bom nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, và khó chịu với việc máy bay của Hoa Kỳ ném bom trở lại miền Bắc Việt Nam sau đợt ngừng ném bom vào dịp Nôen năm 1965. Trước sau, Canada vẫn nghĩ mình là một thành viên của Ủy ban quốc tế, cần và có thể đóng một vai trò trong việc gìn giữ hòa bình ở Việt Nam cũng như ở Lào.

Thủ tướng Canada thấy trong thư của Chủ tịch Hồ Chí Minh có đoạn viết: “Nếu Chính phủ Mỹ thật muốn giải quyết hòa bình thì họ phải công nhận lập trường bốn điểm của Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và chứng tỏ điều đó bằng việc làm thật sự; phải chấm dứt vĩnh viễn và vô điều kiện việc ném bom và mọi hành động chiến tranh khác chống lại nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Như vậy thì mới có thể tính đến một giải pháp chính trị cho vấn đề Việt Nam”<sup>1</sup>.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr. 34.

Chìa khóa của vấn đề có thể nằm trong câu này. Sau khi trao đổi đầy đủ ý kiến với Oasinhton, Chính phủ Canada quyết định cử Sextơ Ronninh đi Hà Nội thăm dò khả năng giải quyết vấn đề Việt Nam. Lý do đi là mang thư trả lời thư của Chủ tịch Hồ Chí Minh sang Hà Nội.

Ronninh là một nhà ngoại giao giàu kinh nghiệm, một chuyên gia về các vấn đề châu Á và năm đó đã 71 tuổi. Ông từng là Trưởng đoàn đại biểu Canada tại Hội nghị Giơnevơ năm 1961-1962 về Lào, và là quan sát viên ở Hội nghị Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương. Ông có thể nói với một số bạn cũ ở Việt Nam bằng tiếng Trung Quốc, không cần đến tiếng Pháp.

Ngày 10-3-1966, Ronninh được Thủ tướng Phạm Văn Đồng đón tiếp.

Ông nói với Thủ tướng:

- Điều khuyến khích Chính phủ Canada cử tôi sang Hà Nội là lập trường bốn điểm của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và bức thư ngày 24-01-1966 của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Tôi sang Hà Nội để đem thư trả lời của Thủ tướng Canada Lextơ Piaxon gửi Chủ tịch Hồ Chí Minh. Mục đích chuyến công du của tôi là trình bày nỗi lo lắng của Canada trước tình hình Việt Nam. Tôi tin rằng, tôi có thể làm sáng tỏ quan điểm của Hoa Kỳ, vì Canada là một nước láng giềng, một nước bạn và có nhiều mối liên hệ với Hoa Kỳ.

Chính sách của Canada không giống chính sách của Hoa Kỳ, ví dụ Canada đề nghị Hoa Kỳ ngừng ném bom miền Bắc nhưng tiếc rằng Hoa Kỳ đã ném bom trở lại. Chúng tôi muốn biết Canada có thể làm được gì để



làm sáng tỏ lập trường của Hoa Kỳ và cho rằng có thể tiến tới đàm phán và tiến tới một giải pháp hòa bình.

Ông tự giới thiệu mình sinh ra ở Trung Quốc nên ngôn ngữ thứ nhất của ông là tiếng Trung Quốc, ông có thiện cảm với cuộc cách mạng ở châu Á. Trước đây, ông từng ghé thăm Hà Nội và Sài Gòn. Ông nói tiếp:

- Vì thấy rõ cảm tình của tôi đối với cách mạng châu Á cũng như đối với các cố gắng để phục hồi đất nước ở vùng này nên Chính phủ tôi cử tôi sang đây. Mục đích của tôi là làm sáng tỏ lập trường của hai bên để xem có điều kiện nào hai bên có thể nhân nhượng được. Phía Hoa Kỳ có điểm có thể nhân nhượng được, còn phía các ông trong bốn điểm có điểm nào Hà Nội sẵn sàng thảo luận để nhân nhượng qua tiếp xúc chính thức hoặc không chính thức, trực tiếp hoặc không trực tiếp, để rồi tiến tới hội nghị chính thức không. Tôi xin hỏi thêm về hai điểm cụ thể: việc Hoa Kỳ rút quân và vấn đề đại diện của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ở bàn hội nghị. Mỹ tuyên bố không chấp nhận Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam vào bàn hội nghị với tư cách là đại diện cho Chính phủ miền Nam Việt Nam như phía Việt Nam nói, mà sẵn sàng để đại diện Mặt trận vào bàn thương lượng với tư cách khác. Canada tự hỏi rằng, hai bên có thể thỏa thuận với nhau về vấn đề này được không?

Về việc rút quân của Hoa Kỳ, Việt Nam yêu cầu việc rút quân này là điều kiện tiên quyết cho đàm phán. Còn Hoa Kỳ tuyên bố sẵn sàng thảo luận toàn bộ vấn đề rút quân tại bàn hội nghị và Canada tin là Hoa Kỳ sẽ

thực hiện ý định đó. Hoa Kỳ sẵn sàng rút quân khỏi miền Nam tương đương với việc rút các lực lượng và sự ủng hộ quân sự cho Mặt trận Dân tộc giải phóng. Canada tin rằng, Hoa Kỳ không muốn ở lại miền Nam Việt Nam với tư cách là lực lượng quân sự. Canada lo sợ chiến tranh mở rộng. Đó cũng là nỗi lo của cả Việt Nam và thế giới. Canada hiểu rằng không thể thông qua biện pháp quân sự để đạt mục đích chính trị đối với một vấn đề chính trị. Do đó, chúng tôi muốn đàm phán, trước hết là không chính thức để hạn chế tối đa việc xảy ra chiến tranh. Canada muốn biết có thể dùng ảnh hưởng của mình như thế nào, đến mức nào, hay là sử dụng Ủy ban quốc tế làm cầu nối nối liền Hiệp nghị Giơnevơ năm 1954 với tình hình hiện nay như thế nào. Ủy ban có điều kiện đi lại giữa hai miền, và hai miền đều có ý định trở lại Hiệp nghị Giơnevơ năm 1954.

Thủ tướng Phạm Văn Đồng:

- Chúng tôi hoan nghênh ông đến Hà Nội và nghĩ rằng ông là người có thiện chí, Thủ tướng Piaxơn là người có thiện chí. Nhưng không nhất thiết vì chúng ta là những người có thiện chí mà có thể giải quyết được vấn đề.

Ronninh:

- Đúng, chúng tôi cũng nghĩ như vậy.

Thủ tướng Phạm Văn Đồng:

- Vì một lẽ là Hoa Kỳ chưa có thiện chí. Họ đang leo thang chiến tranh, tăng cường chiến tranh. Điều đó chúng tôi biết và Canada cũng biết.

Ronninh:

- Tôi biết điều đó. Hoa Kỳ có tăng thêm quân ở đây và chúng tôi sợ rằng khi chiến tranh đã đến cao trào thì một nước lớn như Hoa Kỳ càng thêm khó khăn để thực hiện đàm phán. Nhưng tôi tin rằng, Hoa Kỳ sẽ rút quân ra khỏi Việt Nam và Việt Nam sẽ đạt được mục đích là khiến Hoa Kỳ rút quân hoàn toàn ra khỏi nước mình.

Đến nay, Việt Nam chưa chặn được Hoa Kỳ tăng cường quân sự. Chính phủ Canada thấy rằng bây giờ có khả năng làm được việc đó nên cử tôi đến đây. Canada tin rằng, Hoa Kỳ không có tham vọng đất đai, không có tham vọng thống trị nước nào ở châu Á nên có thể...

Thủ tướng Phạm Văn Đồng ngắt lời:

- Tôi xin lỗi ông, cái lôgích của ông trong vấn đề này không ai chấp nhận được. Cái lôgích đó là Hoa Kỳ tăng cường quân đội để đi đến rút quân, Hoa Kỳ tăng cường chiếm đóng để rồi không chiếm đóng, Hoa Kỳ tăng cường chiến tranh để rồi đàm phán! Dư luận thế giới đã hiểu chính sách của Hoa Kỳ như vậy và cái gọi là cuộc “tấn công hòa bình” của Hoa Kỳ từ năm 1965 đến nay đã thất bại.

Ronninh im lặng.

Thủ tướng Phạm Văn Đồng nói tiếp:

- Một điều chứng tỏ Hoa Kỳ chưa có thiện chí là Hoa Kỳ chưa bao giờ công nhận lập trường bốn điểm của chúng tôi. Thư của Chủ tịch Hồ Chí Minh, họ không hề biết đến. Tóm lại, Việt Nam có thiện chí còn Hoa Kỳ thì như vậy. Biết làm sao được.

Theo chúng tôi, Hoa Kỳ sẽ đánh mạnh hơn nữa, leo thang hơn nữa, nhưng chúng tôi đã chuẩn bị. Họ là người xâm lược. Lịch sử chứng minh rằng họ là người xâm lược, luật pháp quốc tế chứng minh rằng họ là người xâm lược, nhân dân bình thường cũng coi họ là người xâm lược. Họ đánh chúng tôi, chúng tôi phải đánh lại. Họ leo thang vì họ thất bại. Tới cuối năm 1966 họ có thể có 400.000 quân ở miền Nam. Họ có thể dùng những thủ đoạn chiến tranh dã man hơn phát xít Đức, nhưng họ sẽ thua nặng hơn, nhân dân miền Nam sẽ thắng.

Nhân dân Việt Nam nhất định đánh. Nhân dân Việt Nam cho rằng không ai có quyền ủng hộ Hoa Kỳ đánh chúng tôi. Canada cũng không nên ủng hộ Hoa Kỳ. Chúng tôi muốn độc lập, tự do và được yên ổn. Mỹ ở bên kia Thái Bình Dương việc gì phải mang quân sang đây. Để giải quyết tốt vấn đề, phải trở lại chân lý người Mỹ trở về Hoa Kỳ, bên kia Thái Bình Dương! Ai dám phản đối chân lý đó!

Ronninh:

- Chúng tôi có cảm tình và ủng hộ một số điểm trong mục tiêu mà các ông đặt ra: độc lập, không có sự can thiệp của nước ngoài. Chúng tôi tin rằng tiếp sau ngừng bắn sẽ có một hội nghị quốc tế để các cường quốc có liên quan đến tình hình ở đây bảo đảm những điều đó.

Chúng tôi chỉ mong muốn một điều là một bên là Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và bên kia là Hoa Kỳ ngồi bàn không chính thức với nhau trong khi đó chiến tranh vẫn tiếp tục, như ở Bàn Môn Điểm (Triều Tiên). Lúc nào thấy có cơ sở đàm phán toàn bộ, lúc đó thực hiện

ngừng bắn, triệu tập hội nghị quốc tế. Nếu không có khả năng làm như vậy thì cũng có thể làm như Hội nghị quốc tế về Triều Tiên (tức là phần đầu Hội nghị Giơnevơ năm 1954 - tác giả) là không ký hiệp ước. Nếu như hai bên chấp nhận được các vấn đề thảo luận thì (mặc nhiên) thi hành, nhưng nếu như quân Mỹ rút lui vì có một hiệp nghị thì các ông đã đạt được mục tiêu mà không phải lo lắng gì về chiến tranh, về “leo thang” cả.

Thủ tướng Phạm Văn Đồng:

- Tất cả đều phụ thuộc vào một điều kiện là người bạn Canada có thuyết phục được người Mỹ tỏ thái độ đúng đắn đối với lập trường bốn điểm của chúng tôi hay không. Chúng tôi chờ các bạn Canada.

Ronninh:

- Những người bạn Canada rất sung sướng làm việc này nếu như Thủ tướng rọi một vài tia sáng vào các điều có thể thỏa thuận, có thể thay đổi để Canada có lý do thuyết phục người Mỹ thực hiện điều mà Thủ tướng mong muốn Hoa Kỳ làm.

Thủ tướng Phạm Văn Đồng:

- Chúng tôi không thể thay đổi một chút nào, cả bốn điểm là quyền lợi tối cao của nhân dân Việt Nam, không thể nào thêm bớt, không thể nào thay đổi.

“Thư gửi các vị đứng đầu một số nước” của Chủ tịch Hồ Chí Minh ngày 24-01-1966 là một bước đi mới. Nó đề ra điều kiện: Hoa Kỳ phải chấm dứt vĩnh viễn và không điều kiện việc ném bom và mọi hành động chiến tranh khác chống miền Bắc. Đó là cái lẽ đơn giản nhất. Cả thế giới cũng thừa nhận điều đó.

Ronnhinh (nói nhỏ như tự nói với mình):

Có thể làm được chút gì đây? Tôi nghĩ thế. Đây là thời cơ của Canada (rồi ông nói to hơn). Thủ tướng Piaxơn đòi chấm dứt ném bom miền Bắc để đàm phán và tỏ ý đáng tiếc việc Hoa Kỳ ném bom trở lại.

Nếu Chính phủ Hoa Kỳ ngừng ném bom miền Bắc Việt Nam, nếu đó là yêu cầu của miền Bắc Việt Nam thì việc đó có thể làm cho phía Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sẵn sàng đàm phán không chính thức, nói chuyện không chính thức, trực tiếp hoặc không trực tiếp hay không? Hoa Kỳ sẽ thực hiện như vậy. Hoa Kỳ đã bảo đảm với Canada như thế. Canada biết và tin Hoa Kỳ sẽ làm như thế và sẽ cử một đại diện để gặp đại diện Việt Nam Dân chủ Cộng hòa bất cứ lúc nào, ở bất cứ đâu, thảo luận bất cứ vấn đề gì trong số các vấn đề chia rẽ hai bên. Nếu Hoa Kỳ ngừng ném bom miền Bắc, các ông có sẵn sàng nói chuyện không?

Thủ tướng Phạm Văn Đồng:

- Câu trả lời của Chính phủ tôi là: Chính phủ Hoa Kỳ phải tuyên bố đình chỉ mọi sự đánh phá, mọi hành động quân sự vĩnh viễn và không điều kiện đối với nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Ronnhinh:

- Tôi xin hỏi điều này rất quan trọng. Có phải các ông yêu cầu Hoa Kỳ đình chỉ mọi hành động khiêu khích đối với miền Bắc Việt Nam không?

Thủ tướng Phạm Văn Đồng:

- Cần nói thêm: không điều kiện, vĩnh viễn và phải tuyên bố. Về phần chúng tôi, chúng tôi sẽ xem xét thái

độ của Hoa Kỳ với tất cả sự hiểu biết. Chúng tôi nói rõ để ông biết: Hoa Kỳ lấy việc đánh phá miền Bắc làm một con bài. Không được đâu! Tuyệt đối không được đâu! Phải tuyên bố vĩnh viễn và không điều kiện. Về phần chúng tôi, chúng tôi biết sẽ phải làm gì.

Ronninh:

- Điều mà Thủ tướng vừa nói có phải chỉ hạn chế trong phạm vi miền Bắc không?

Thủ tướng Phạm Văn Đồng:

- Đúng!

Ronninh cúi xuống ghi vội mấy chữ vào sổ tay với vẻ mặt hân hoan. Ông hỏi tiếp về Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.

Thủ tướng Phạm Văn Đồng nói:

- Trong vấn đề Việt Nam - một vấn đề mà cũng thành hai vấn đề. Người có thẩm quyền trong vấn đề miền Nam Việt Nam là Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam. Hai bên đánh nhau nhiều năm rồi, đánh nhau lớn, đánh nhau lâu nữa. Người Mỹ không muốn biết đến Mặt trận là không được đâu!

Ronninh:

- Đó có phải là điều kiện trước khi đàm phán không?

Thủ tướng Phạm Văn Đồng:

- Lập trường của Việt Nam có nhiều mặt, tóm gọn trong bốn điểm và Hoa Kỳ phải vĩnh viễn đình chỉ đánh phá miền Bắc. Điều sau phải nói rõ ràng: Hoa Kỳ phải tuyên bố đình chỉ đánh phá miền Bắc vĩnh viễn và không điều kiện. Nếu không như vậy thì không có giá trị.

Ronninh:

- Miền Bắc Việt Nam, chỉ hạn chế trong miền Bắc Việt Nam phải không?

Thủ tướng Phạm Văn Đồng:

- Đúng!

Kết thúc cuộc nói chuyện, Thủ tướng Phạm Văn Đồng nói thêm:

- Chúng tôi không phản đối cố gắng của Canada muốn có sự đóng góp. Nếu Canada thuyết phục được Hoa Kỳ thì đó là điều tốt, nhưng chúng tôi không nhờ Canada đâu.

Ronninh:

- Và chúng tôi cũng không xung phong.

Hai người cùng cười.

Ronninh ra về với một thông điệp rõ ràng của Hà Nội: Nếu Hoa Kỳ chấm dứt ném bom miền Bắc thì có thể mở đường tới nói chuyện. Ông đã báo cáo Chính phủ Canada, đã thông báo cho nhiều nhân vật của Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ, trong đó có Uyliam Bânđi. Các quan chức Hoa Kỳ nói rằng sẽ ngừng ném bom miền Bắc khi nào Hà Nội chấp nhận có đi có lại.

Ngày 29-4-1966, Thủ tướng Piaxon đề ra một kế hoạch hòa bình mới: ngừng bắn và từng bước rút quân như là những bước để tiến tới hòa bình. Ngừng bắn là phần đầu của một khuôn mẫu rộng lớn về thương lượng hòa bình không có điều kiện trước. Và cùng với sự tiến triển của thương lượng, miền Bắc Việt Nam và các chính phủ khác cùng rút quân tương ứng theo từng đợt



khỏi miền Nam Việt Nam dưới sự giám sát quốc tế. Đồng thời, cần có những sắp xếp để có thể bảo đảm cho miền Nam Việt Nam có thể lựa chọn hình thức chính phủ và làm sao cho việc rút quân không tạo nên một khoảng trống về chính trị mà chủ nghĩa khủng bố sẽ tiếp tục. Ông cũng gợi ý các việc trên đây sẽ thông qua Hội nghị Giơnevơ và Ủy ban quốc tế<sup>1</sup>.

Trong khoảng thời gian từ tháng 3 đến tháng 6-1966, có một số cuộc trao đổi ý kiến giữa Óttaoa và Oasinhton về khả năng nói chuyện giữa miền Bắc Việt Nam và Hoa Kỳ. Với sự ủng hộ của Chính phủ Hoa Kỳ, Canada quyết định cử Ronninh sang Hà Nội một lần nữa với mục đích xác định xem Hà Nội đồng ý trao đổi qua lại không để đi tới ngừng ném bom miền Bắc.

Ngày 14-6-1966, Ronninh tới Hà Nội. Trước hết ông xin gặp một người quen cũ đã cùng dự Hội nghị Giơnevơ năm 1962 về Lào khi đó đang là một thành viên trong ban lãnh đạo của Bộ Ngoại giao nước ta. Trong cuộc gặp này, ông đã chuyển thông điệp của Hoa Kỳ. Thông điệp nói:

“Hoa Kỳ không thể chấp nhận gợi ý là Chính phủ Hoa Kỳ phải đồng ý chấm dứt vĩnh viễn việc ném bom miền Bắc Việt Nam, coi như là một điều kiện tiên quyết đơn phương không được đáp lại để đi đến đàm phán.

Hoa Kỳ có thể sẵn sàng tiến tới thương lượng trên cơ sở hai bên cùng giảm chiến sự ở Việt Nam mà việc

---

1. Bộ Quốc phòng Mỹ: *Quan hệ Mỹ - Việt Nam 1945-1967*, Sđd, p.VI-A, tr. 21.

chấm dứt ném bom miền Bắc Việt Nam sẽ là một yếu tố trong sự giảm bớt nó”.

Cuộc nói chuyện giữa Ronninh với Bộ trưởng Ngoại giao Nguyễn Duy Trinh khá căng thẳng, vì lần này rõ ràng Ronninh đến Hà Nội mang theo quan điểm của Hoa Kỳ. Đồng chí Nguyễn Duy Trinh đã kịch liệt phê phán việc Mỹ đòi có đi có lại, và cũng có lời chê trách ông Ronninh. Ông thanh minh và buồn bã rời Hà Nội về Canada vào ngày 18 tháng 6.

Ông cũng điện báo bản báo cáo đầu tiên cho Ngoại trưởng Canada Pôn Matin. Canada chuyển báo cáo đó cho Oasinhton và yêu cầu không nên leo thang ném bom cho đến khi Ronninh xong nhiệm vụ vì Giônxon có ý định leo thang bước mới, đánh Hà Nội và Hải Phòng từ ngày 07 tháng 6. Trong lúc đang công tác ở châu Âu, Ngoại trưởng Hoa Kỳ Đin Raxơ cũng sững sốt về tin này, thể hiện rõ qua bức điện ông gửi cho Mắc Namara.

“Tôi hết sức buồn phiền về sự phát triển đột biến của tình hình thế giới và có lẽ cả những sự kiện lớn ở trong nước nếu chúng ta tiến hành việc sẽ phá hoại sứ mệnh của ông Ronninh, một sứ mệnh mà ta đã đồng ý. Tôi hiểu sự băn khoăn, day dứt mà việc này đã gây ra cho tất cả chúng ta. Chúng ta có thể có ngay báo cáo về chuyến đi của Ronninh. Nếu ông ta mang về một báo cáo tiêu cực như chúng ta mong đợi thì đó là một cơ sở chắc chắn hơn nữa cho hành động mà chúng ta đã trù tính”<sup>1</sup>.

---

1. *Tài liệu Lầu Năm Góc, Sdd, t.4, tr. 104.*

Đin Raxơ sợ máy bay Hoa Kỳ đánh Hà Nội lúc Ronninh đang ở đó, chứ không phải ông chống lại việc đánh Hà Nội vì Nhà Trắng và Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ đều mong muốn chuyến công du của Ronninh không đạt kết quả tích cực.

Trước khi bước lên cầu thang chiếc Xtóratolainơ cũ kỹ dành riêng cho Ủy ban quốc tế, Ronninh nói với người phụ trách lễ tân của ta đi tiễn:

- Nếu các ông chỉ nhấn mạnh một điều là Hoa Kỳ phải chấm dứt ném bom miền Bắc thì sẽ khiến người Mỹ hiểu đây là điều quan trọng và các ông bị đánh đập nên tha thiết đòi điều đó, Hoa Kỳ sẽ càng đánh mạnh hơn!

Ronninh đã nói một điều mà người ta đã cho ông biết trước.

Ngày 29 tháng 6, 10 ngày sau khi Ronninh rời Hà Nội, cuộc oanh tạc đầu tiên vào kho dầu Đức Giang, cách trung tâm Hà Nội 5 km, đã bộc lộ ý định thật của Nhà Trắng, đồng thời cũng thiêu hủy luôn “thời cơ của Canada”.

Để hiểu sự thất vọng của Óttaoa cũng cần nói thêm rằng bước leo thang đánh Hà Nội, thủ đô nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, và Hải Phòng, cảng duy nhất để các tàu Liên Xô tiếp tế cho miền Bắc Việt Nam, là cực kỳ quan trọng, đến mức Hoa Kỳ vẫn e ngại một phản ứng của Bắc Kinh. Từ ngày 17 tháng 4, Đin Raxơ đã nhấn tin tới Bắc Kinh.

“Hoa Kỳ đã hành động một cách kiềm chế trong chiến tranh ở Việt Nam và hy vọng rằng người Trung Quốc

thấy rõ điều đó và sẽ chỉ đạo hành động của mình theo hướng đó”.

Và Oasinhton đã hài lòng với câu trả lời của Trung Quốc:

“Trung Quốc sẽ không phát động chiến tranh với Hoa Kỳ. Quân đội Hoa Kỳ sẽ bị tiêu diệt nếu Hoa Kỳ tấn công Trung Quốc”<sup>1</sup>.

Oasinhton có thể yên lòng tính đến một bước leo thang mới.

Sau này trong cuốn *Hồi ký về Trung Quốc từ cuộc nổi dậy của Nghĩa Hòa đoàn đến nước Cộng hòa nhân dân*, C. Ronninh viết: Tôi chưa bao giờ phải làm việc vất vả và phải dùng đến nhiều lý lẽ như vậy để diễn đạt một cách đẹp dễ nhất với những người tôi nói chuyện về sự can thiệp của Hoa Kỳ vào cuộc nội chiến ở Việt Nam nhằm cố gắng đạt được thương lượng chấm dứt chiến tranh”, nhưng ông cảm thấy đã bị lợi dụng. Hoa Kỳ đã nắm lấy sự bác bỏ (của Hà Nội) để biện hộ cho việc leo thang<sup>2</sup>.

---

1. *Tuyên bố của Thủ tướng Chu Ân Lai* (Trung Quốc), ngày 10-5-1966.

2. Xem thêm G.C. Hiarinh: *Ngoại giao bí mật trong chiến tranh Việt Nam*, *Sđd*, tr. 159-161.

## NHỮNG PHÁI VIÊN CỦA PARI

**T**ổng thống Pháp Đờ Gôn đã kiên trì theo đuổi một chính sách độc lập về nhiều mặt với Hoa Kỳ, tuy rằng Pháp và Hoa Kỳ vẫn là hai nước đồng minh.

Là nước đã đặt ách cai trị ở Việt Nam cũng như ở Lào và Campuchia trước đây, Pháp đặc biệt quan tâm đến tình hình Việt Nam, nhất là miền Nam, kể từ khi rút khỏi Đông Dương năm 1956 để Hoa Kỳ thay thế. Trước hết là vì Pháp còn quyền lợi ở miền Nam Việt Nam và sau nữa Pháp vẫn muốn có vai trò, muốn phát huy ảnh hưởng ở Đông Nam Á. Từ khi Hoa Kỳ tăng cường can thiệp vào miền Nam Việt Nam, Pháp đã chứng kiến những thất bại liên tiếp của Hoa Kỳ: sự sụp đổ của chế độ độc tài gia đình trị Ngô Đình Diệm, sự phá sản hoàn toàn của chiến lược chiến tranh đặc biệt. Với bài học từ thất bại trong cuộc chiến tranh chống du kích ở Đông Dương mặc dù có Hoa Kỳ viện trợ, ngay từ đầu, Pháp đã cảm thấy Hoa Kỳ sẽ không thể thắng được và sớm muộn cũng phải rút. Khi chiến lược chiến tranh đặc biệt bị sa lầy, Pháp thấy Hoa Kỳ có thể thua, do đó cho rằng cần phải có một giải pháp chính trị cho vấn đề Việt Nam có lợi cho cả Hoa Kỳ, Pháp và phương Tây.

Từ năm 1963, Tổng thống Đờ Gôn đã gợi ý rằng, miền Bắc và miền Nam Việt Nam cần được thống nhất, và nước Việt Nam cần trung lập hóa; tất cả các lực lượng nước ngoài phải rút đi. Nhưng ngày 02-9-1963, Tổng thống Kennơđi cho rằng, gợi ý đó không thể chấp nhận được.

Khi Hoa Kỳ bắt đầu ném bom nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và đưa quân chiến đấu Hoa Kỳ vào miền Nam, Pháp càng lo ngại và tăng cường hoạt động ngoại giao. Ngoại trưởng Pháp Cuơ Đờ Muiécvin đi Mátxcova. Bộ trưởng André Manrô, người có quan hệ từ lâu với các nhà lãnh đạo Trung Quốc, đi Bắc Kinh để trao đổi ý kiến về một giải pháp hòa bình cho vấn đề Việt Nam. Ông Giăng Sôven cũng đi Hà Nội với nhiệm vụ tương tự.

Giăng Sôven, Phó Trưởng đoàn đại biểu Pháp trong Hội nghị Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương, quen biết nhiều nhân vật chính trị Việt Nam, trong đó có Thủ tướng Phạm Văn Đồng khi cùng dự Hội nghị Giơnevơ.

Khi đi qua Bắc Kinh, Sôven gặp Thủ tướng Chu Ân Lai. Hai người đã đề cập vấn đề Trung Quốc vào Liên hợp quốc và vấn đề Việt Nam - vấn đề mà Sôven quan tâm hơn.

Tại Hà Nội, Sôven được đồng chí Phạm Văn Đồng tiếp ngày 11-12-1965, 10 tháng sau khi bắt đầu các đợt “Sấm Rền” ném bom miền Bắc Việt Nam.

Ông Sôven nói đại ý: Chiến tranh Việt Nam có nguy cơ lan rộng. Hoa Kỳ đang lao vào một cuộc chiến tranh mà họ cũng không muốn. Chính sách leo thang

hiện nay của Hoa Kỳ là một bước tiến về vũ lực. Có thể nói, những người dân Mỹ ít am hiểu các vấn đề quốc tế đang ủng hộ Giônxon. Sự phản đối của giới trí thức là không đáng kể vì giới trí thức có ít ảnh hưởng ở Hoa Kỳ. Hiện nay, Hoa Kỳ tăng quân đến 200.000 người vào miền Nam, đánh ra miền Bắc. Điều đó có thể gây ra những hậu quả không thể lường được. Ở Hoa Kỳ còn hai năm nữa mới đến bầu cử tổng thống. Từ nay đến lúc đó phải làm gì? Tôi không hiểu rõ các điều kiện tiên quyết, ví dụ như việc Hoa Kỳ rút quân. Hồi ở Giơnevơ, hai bên đã họp với nhau trong khi còn đang đánh nhau.

Thủ tướng Phạm Văn Đồng nói:

- Hiện nay Hoa Kỳ đang đưa thêm quân vào miền Nam để tiếp tục chiến tranh chứ không phải để lập lại hòa bình. Có thể họ sẽ ném bom Hà Nội. Khi Hoa Kỳ đã dùng vũ lực thì nhân dân Việt Nam bắt buộc phải đánh trả và nhất định Hoa Kỳ sẽ thất bại.

Sôven đáp:

- Chúng tôi hiểu quyết tâm của nhân dân Việt Nam. Nhưng tôi cho rằng song song với quá trình chiến tranh, cần tiến hành một quá trình hòa bình cho đến khi hai quá trình đó gặp nhau.

Về phần Pháp, chúng tôi có thể làm một việc gì đó, ví dụ đưa ra một dự án cho các bên hữu quan, lẽ dĩ nhiên không lấy lại lập trường bốn điểm của Việt Nam, vì đó là của riêng Việt Nam. Nhưng có thể đưa ra một dự án mà nội dung là Hiệp nghị Giơnevơ, và sau đó trình bày ra cho các bên. Sau khi có thỏa thuận về nguyên tắc có thể

nói đến vấn đề thủ tục. Điều thuận lợi là có thể làm như hồi ở Gionevơ năm 1954, nghĩa là mỗi bên có thể đưa ra một danh sách khách mời là những người bạn của mình. Sau đó các bên có thể thỏa thuận một chương trình nghị sự.

- Ngừng bắn (chứ không phải đình chiến);
- Điều kiện để giải quyết;
- Điều kiện rút quân;

Và cuối cùng có thể ngồi vào bàn thương lượng.

Tôi thấy ở Hà Nội các ông không cường điệu vấn đề như là tai họa đến nơi, nhưng ở nước láng giềng phương Bắc của các ông, cái gì cũng tưởng như báo hiệu sắp tận thế.

Thủ tướng Phạm Văn Đồng:

- Chúng ta đang ở Hà Nội.

Chúng tôi quan tâm theo dõi các cố gắng của Pháp. Nước Pháp có lợi ích ở khu vực này. Là một bên ký Hiệp nghị Gionevơ, Pháp có vai trò góp phần ổn định tình hình trong khu vực. Có một thời gian Pháp bỏ bê trách nhiệm của mình. Nay Tổng thống Đờ Gôn thấy rõ vấn đề hơn. Còn về phía chúng tôi, chúng tôi tiếp tục chiến đấu ở miền Nam và ở miền Bắc. Chúng tôi tiến hành chiến tranh nhưng cũng tìm cách hạn chế chiến tranh không để nó mở rộng. Chúng tôi cũng biết cách lập lại hòa bình khi cần thiết. Chúng tôi không cản trở công việc của Pháp.

Đúng là Pháp có tư cách để làm một việc gì đó. Pháp hãy đóng vai trò của mình. Còn về phần chúng tôi ư? Chúng tôi phải thắng trên chiến trường. Pháp cần nói



cho đồng minh Hoa Kỳ của mình biết rằng nếu họ cứ dùng vũ lực với chúng tôi thì đó là dịp tốt để Việt Nam mau chóng thống nhất bằng con đường chiến tranh.

Ông đại sứ điểm lại những đối tượng có thể đóng góp vào hòa bình. Ông cho rằng Anh hiện nay không làm được vì Anh còn bận vấn đề Malaixia, vả lại họ không được tự do hành động. Canada có quan tâm hơn. Ấn Độ thì đang có vấn đề với Trung Quốc. Liên Xô có thể đóng góp gì đó. Họ muốn bình thường hóa tình hình ở đây, nhưng họ có vẻ ngập ngừng. Những yếu tố thuận lợi là thế đấy, có thể tiến hành việc gì đó. Ông nói tiếp:

- Nhưng quan hệ giữa Pháp và Hoa Kỳ gặp khó khăn, và điều khó khăn nữa là làm sao cho Hoa Kỳ hiểu được vấn đề. Ví dụ, họ cứ khăng khăng coi miền Bắc Việt Nam và miền Nam Việt Nam là hai quốc gia riêng biệt. Hiệp nghị Giơnevơ coi giới tuyến quân sự chỉ là tạm thời và bản Tuyên bố cuối cùng của Hội nghị Giơnevơ đã nói rõ nước Việt Nam là một, nhưng người Mỹ không muốn hiểu điều đó.

Thủ tướng Phạm Văn Đồng:

- Chúng tôi đánh giá cao những sáng kiến của Pháp. Pháp hiểu đồng minh của mình. Chúng tôi chúc Pháp may mắn. Chúng ta phải trở lại Hiệp nghị Giơnevơ mỗi bên trên vị trí của mình.

Quan điểm đó của Thủ tướng phù hợp với quan điểm mà Tổng thống Đờ Gôn phát biểu ngày 08-02-1966 trong thư trả lời thư của Chủ tịch Hồ Chí Minh ngày 24-01-1966: trở lại Hiệp nghị Giơnevơ năm 1954 và

trung lập hóa Việt Nam. Trong thư đó Tổng thống nói: “Chúng tôi gạt bỏ bất kỳ giải pháp quân sự nào và không tán thành người ta lấy cớ giành thắng lợi cho giải pháp đó để kéo dài hay mở rộng chiến tranh. Pháp muốn dùng ảnh hưởng của mình tác động theo chiều hướng sớm chấm dứt cuộc xung đột và tích cực tham gia giải quyết cuộc xung đột đó khi có điều kiện. Để đạt mục đích đó Pháp sẵn sàng duy trì mọi cuộc tiếp xúc bổ ích với Chính phủ Ngàì”<sup>1</sup>.

\*

\*      \*

Ngày 24-02-1966, Tổng thống Đờ Gôn gặp ông Giăng Xanh-toni, Bộ trưởng Bộ Cựu chiến binh trong Chính phủ trước, chưa nhận công tác gì khi chờ thành lập Chính phủ mới, và giao cho ông nhiệm vụ đi Hà Nội thăm dò khả năng của một giải pháp về vấn đề Việt Nam. Đờ Gôn yêu cầu ông sẵn sàng lên đường cuối tháng 4 đầu tháng 5 và phải giữ bí mật. Nhưng chỉ mấy ngày sau, tin đó đã lộ ra ngoài, nên chuyến đi phải hoãn lại. Ngày 13 tháng 6, như đã yêu cầu trước qua bà Xanh-toni, Henri Kít-xinh-giơ, khi đó là chuyên viên của Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ đến gặp Xanh-toni về chuyến đi Hà Nội sắp tới của ông. Trong cuộc nói chuyện này, Kít-xinh-giơ khẳng định rằng Hoa Kỳ sẽ rút quân khỏi Việt Nam nếu đạt được một cuộc ngừng bắn cùng với một bảo đảm rằng ít nhất trong tám năm miền Bắc Việt Nam sẽ không mưu toan xâm chiếm miền Nam Việt Nam. Đó là cái mà sau này

---

1. Xem thêm Giăng Lacutuya: *Hồ Chí Minh, Sđd*, tr. 245.

người ta gọi là thuyết *thời gian phải chăng*. Kítxinhgio yêu cầu giữ bí mật kể cả với Đại sứ quán Hoa Kỳ ở Pari về ý kiến ông ta đã phát biểu với Xanhtoni.

Xanhtoni là nhân vật đã ký bản Hiệp định sơ bộ ngày 06-3-1946 giữa Pháp và Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và là đại diện của Pháp tại Hà Nội từ năm 1954 đến năm 1957, do đó rất quen thuộc Việt Nam. Việc lựa chọn ông là thích hợp để thực hiện hai mục tiêu:

- Trước hết là khôi phục lại quan hệ của Pháp với Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, cố gắng chấm dứt tình trạng lạnh nhạt trong quan hệ giữa hai nước từ năm 1958 và tạo một gạch nối giữa tướng Đờ Gôn và Chủ tịch Hồ Chí Minh.

- Sau là thăm dò ý định của các nhà lãnh đạo miền Bắc Việt Nam cũng như các nhà lãnh đạo của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam nhằm cố gắng đánh giá xem trong phạm vi nào họ có thể sẵn sàng tìm một giải pháp thương lượng cho cuộc chiến tranh đang tiếp diễn.

Ngày 01-7-1966 ông tới Hà Nội. Ông đã được Thủ tướng Phạm Văn Đồng và Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp. Ông cũng đã gặp Bộ trưởng Bộ Văn hóa Hoàng Minh Giám, một người quen cũ từ năm 1946 và Bộ trưởng Ngoại thương Phan Anh.

Về mục tiêu thứ nhất, chính Xanhtoni cho là “đã hoàn toàn đạt được”. Ở đây chỉ nói về các cuộc nói chuyện liên quan tới mục tiêu thứ hai.

Ngày 04 tháng 7, Xanhtoni gặp Thủ tướng Phạm Văn Đồng. Cùng đi với ông có Đơkirien, Tổng Đại diện

nước Cộng hòa Pháp. Về phía Việt Nam có đồng chí Nguyễn Cơ Thạch, Thứ trưởng Bộ Ngoại giao; đồng chí Nguyễn Thanh Hà, Vụ trưởng Vụ châu Âu. Cuộc nói chuyện bắt đầu lúc 18 giờ tại Nhà khách Chính phủ.

Sau một vài câu chuyện thân tình, Thủ tướng hoan nghênh cuộc viếng thăm của ông Xanhtoni và coi đó là một dấu hiệu của sự nối lại quan hệ có lợi cho cả hai nước. Thủ tướng tỏ lời cảm ơn thái độ của tướng Đờ Gôn và Chính phủ Pháp trong cuộc chiến tranh Việt Nam.

Và Thủ tướng Phạm Văn Đồng hỏi:

- Thế ông muốn tôi nói gì nào?

Giăng Xanhtoni đáp:

- Xin Thủ tướng hãy nói cho tôi những điều Thủ tướng nghĩ trong lòng như mọi khi.

Thủ tướng Phạm Văn Đồng chia sẻ:

- Trước hết, tôi cần thông báo cho ông một việc hết sức nghiêm trọng vừa xảy ra cách đây vài ngày: Hoa Kỳ đã ném bom Hà Nội.

Không có khả năng Hoa Kỳ xuống thang. Chúng tôi biết Hoa Kỳ đang chuẩn bị cái gì và chúng tôi đã chuẩn bị đối phó với cái mà chúng sẽ làm. Mỗi lần chúng thua ở miền Nam là chúng phải leo thêm một nấc thang để gỡ thế bí, tìm cách giành lại vị trí tốt hơn. Cũng không có gì chúng tỏ rằng chính quyền Hoa Kỳ muốn thay đổi chiều hướng chính sách của họ. Nước Việt Nam quyết tâm đối phó với mọi cuộc tấn công mới. Chúng tôi biết kết cục của cuộc xung đột là ở chiến trường và phải tìm kết cục đó trên chiến trường. Nếu năm 1965, chúng tôi có nhiều lo ngại cho Mặt trận Dân tộc

giải phóng trước cuộc đổ bộ ồ ạt của quân đội Hoa Kỳ thì nay không như thế nữa. Việc Mặt trận đã có thể chống lại quân đội Hoa Kỳ mà không chịu khuất phục, tự nó đã là một chiến thắng. Ở miền Bắc, sự đe dọa rất lớn nhưng dù người Mỹ san bằng Hà Nội họ cũng không thể làm nhụt ý chí kháng chiến của dân tộc Việt Nam. Hãy để cho bọn quái vật Uylơ, Rôxtốp trở hết tài năng. Chúng tôi sẽ chiến đấu. Từ trước tới nay, Hoa Kỳ nói hòa bình để làm chiến tranh. “Những nguyện vọng hòa bình” của họ không thể tin được. Hoa Kỳ chỉ nhận thương lượng trên thế mạnh, nghĩa là trên cơ sở các điều kiện của họ. Quan điểm của Hoa Kỳ không thể chấp nhận được.

Giăng Xanhtơn nói:

- Cuộc chiến tranh này sẽ gây nhiều hy sinh cho nên các chính phủ liên quan trực tiếp cần tìm mọi cách để chấm dứt nó. Chúng tôi hiểu rằng Việt Nam không chịu khuất phục trước một số đòi hỏi của Hoa Kỳ, nhưng chúng tôi nghĩ rằng cũng không nên đình chỉ việc tìm kiếm hòa bình trong lúc đang chiến đấu hết sức mình. Hoa Kỳ mới dùng sức mạnh của họ ở Việt Nam một cách rất hạn chế và nếu họ dùng rộng rãi hơn sức mạnh đó thì những thiệt hại gây ra cho nhân dân Việt Nam sẽ không thể tính được. Dư luận Hoa Kỳ có khả năng chuyển hóa. Hiện nay nó còn bị chia rẽ, khi nào họ hiểu hơn thực trạng của cuộc chiến tranh Việt Nam, khi đó họ sẽ tán thành một giải pháp thương lượng. Các đề nghị hòa bình của Hoa Kỳ không phải chỉ là những gợn sóng, dù Oasinhtơn chưa sẵn sàng nhân nhượng. Người ta không thể phê phán chính sách và ý đồ của

Hoa Kỳ ở Việt Nam chỉ trên cơ sở hành động quân sự của họ, vì hành động quân sự này chỉ phản ánh một mặt của chính sách.

Hoa Kỳ đang tìm một giải pháp để khỏi mất thế diện và chính Việt Nam mới ở thế thắng. Hoa Kỳ đã bị đánh bại, không thực hiện được ý đồ. Đối với một nước nhỏ mà làm cho Hoa Kỳ không thực hiện được ý đồ là đã ở trong thế chiến thắng rồi. Việt Nam đang ở trong thế mạnh, thế của người chiến thắng. Nếu là đấu quyền anh thì Việt Nam đã thắng điểm rồi.

Cần tìm ra một giải pháp, nhất thiết phải tìm ra một giải pháp. Mỗi bên tất nhiên đều muốn có điều kiện lợi cho mình. Cần làm cho các lập trường gần nhau, không đối lập nhau quá xa để có thể dung hòa được với nhau. Không phải là tất cả các điều kiện của một trong hai bên đều được chấp nhận. Nước Pháp rất quan tâm đến vấn đề Việt Nam và Đông Dương. Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa không tham chiến, đó là lý do làm cho người Trung Quốc muốn có cuộc chiến tranh này. Nhưng điều quyết định là ý kiến của Việt Nam. Trong số các nhà chiến lược và chính trị ở Hoa Kỳ, có những người muốn chiến đấu đến cùng, muốn phiêu lưu; có những người cực đoan nhưng không phải là đa số, quyết định không phải ở họ. Tuy còn hai năm nữa nhưng đã gần ngày bầu cử (tổng thống) rồi, họ buộc phải chú ý đến điều đó. Quan điểm của một số người Mỹ đã bắt đầu dục xuống rồi.

Về giải pháp, ông Xanhtơni hoàn toàn không nói gì đến ý kiến của Kítxinhgiơ nói với ông trước khi đi. Ông nói tiếp:

- Cần nghĩ đến chiến tranh nhưng cũng cần nghĩ đến hòa bình. Một ngày nào đó sẽ phải thương lượng. Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam cần phải lên tiếng. Mặt trận đang tiến hành chiến tranh trong những điều kiện gian khổ không những đối với các chiến sĩ mà đối với cả nhân dân. Tất cả các lực lượng thiện chí cùng chung sức phấn đấu để đi tới một giải pháp hòa bình trong thương lượng. Dư luận Hoa Kỳ đã có dấu hiệu mệt mỏi. Cần sẵn sàng đặt quân bài xuống bàn, nói rõ mình muốn gì. Điều đó sẽ nhanh hơn các ông tướng. Pháp đã sẵn sàng...

Xanhtoni bỗng nhiên ngừng lại. Chủ tịch Hồ Chí Minh xuất hiện, hồng hào, tươi cười, bắt tay khách xong, Người nói: Tôi biết ông ở đây, nhưng tôi không đợi đến cuộc viếng thăm chính thức ngày mai nên đến thăm ông.

Người hỏi thăm sức khỏe ông Xanhtoni, gửi lời thăm bà Xanhtoni phải ở lại Phnôm Pênh vì Hoa Kỳ ném bom Hà Nội, và các con của ông.

- Thôi để ông tiếp tục.

Trước lúc lui bước, Người nói thêm với ông Xanhtoni: Nếu ông có gặp người Mỹ, ông hãy nói cho họ rằng chúng tôi không sợ Hoa Kỳ, chúng tôi sẽ chiến đấu đến cùng, dù có phải hy sinh tất cả. Hoa Kỳ rút đi thì mọi việc sẽ được giải quyết. Nếu họ muốn, chúng tôi có thể mang hoa tặng họ. Nhưng chừng nào còn một tên lính Mỹ trên đất nước chúng tôi, chúng tôi còn tiếp tục chiến đấu.

Cuộc nói chuyện giữa Thủ tướng và ông Bộ trưởng tiếp tục.

Thủ tướng Phạm Văn Đồng nói:

- Chúng tôi biết chiến tranh là thế nào, nhưng điều tha thiết hơn, thiêng liêng hơn đối với chúng tôi là độc lập dân tộc. Pháp sẽ gặp rất nhiều khó khăn trong việc thuyết phục Chính phủ Mỹ đi vào con đường ít nguy hiểm hơn cho họ và thế giới. Chúng tôi có nghĩ đến giải pháp hòa bình vì chiến tranh kết thúc sớm hơn một ngày nào là hạnh phúc cho chúng tôi ngày ấy.

Bất thành linh, ông Xanhtoni hỏi:

- Ở miền Nam Việt Nam có thể thành lập một Chính phủ liên hiệp dân tộc trung lập không?

Thủ tướng Phạm Văn Đồng:

- Có thể. Đó là mục tiêu của Mặt trận Dân tộc giải phóng.

Giăng Xanhtoni:

- Các ông còn đợi gì nữa mà chưa thành lập?

Thủ tướng Phạm Văn Đồng:

- Tôi tiếc là không thể có một câu trả lời thỏa đáng vì đó là vấn đề của Mặt trận Dân tộc giải phóng. Mặt trận có chính sách riêng.

Giăng Xanhtoni:

- Sau khi Chính phủ liên hiệp dân tộc được thành lập, dư luận Hoa Kỳ sẽ thấy rõ tính ngu xuẩn và vô ích của cuộc chiến tranh này.

Thủ tướng Phạm Văn Đồng:

- Tiến tới thành lập một chính phủ là quyết tâm phấn đấu của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.



Giăng Xanhtơni:

- Việc tất cả các lực lượng chính trị đều quy tụ vào Mặt trận cần dẫn tới một cái gì khác hơn là tăng cường chiến tranh. Cần chứng minh rằng Mặt trận là người đối thoại có giá trị. Việc thành lập một Chính phủ liên hiệp dân tộc và trung lập ở miền Nam cộng với những thất bại nặng nề của Hoa Kỳ có thể dẫn tới việc thúc tỉnh dư luận.

Còi báo động rú vang trong đêm tối, máy bay Hoa Kỳ đến gần Hà Nội. Cuộc nói chuyện giữa Thủ tướng và Xanhtơni ngừng ở đó.

Đúng 17 giờ ngày hôm sau - ngày 05 tháng 7, ông Xanhtơni được Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp tại Phủ Chủ tịch. Dự cuộc tiếp có các đồng chí Nguyễn Cơ Thạch, Nguyễn Thanh Hà. Xanhtơni trao cho Chủ tịch Hồ Chí Minh bức thư của tướng Đờ Gôn, Tổng thống nước Cộng hòa Pháp, và bày tỏ những tình cảm kính trọng đối với Người. Sau khi các đồng chí Nguyễn Cơ Thạch và Nguyễn Thanh Hà rời đi, cuộc nói chuyện tay đôi rất thoải mái. Nội dung cuộc trò chuyện vẫn là các đề tài mà Xanhtơni đã trao đổi hôm trước với Thủ tướng Phạm Văn Đồng. Chủ tịch Hồ Chí Minh nhiều lần nhấn mạnh quyết tâm kháng chiến của nhân dân Việt Nam. Đặc biệt, có lúc Người nói:

“Chúng tôi hiểu đế quốc Mỹ. Chúng tôi biết sức mạnh của họ. Họ có thể san bằng Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định, Bắc Ninh và các thành phố khác. Chúng tôi đã chuẩn bị. Điều đó không hề làm suy yếu quyết tâm

chiến đấu đến cùng của chúng tôi. Chúng tôi đã có kinh nghiệm”<sup>1</sup>.

Nhưng Người cũng nói nguyện vọng hòa bình của nhân dân ta và khả năng đi tới một giải pháp thương lượng: “Chỉ có một cách đi tới giải pháp đó là Hoa Kỳ rút đi. Chúng tôi không muốn làm cái gì xấu đối với họ, chúng tôi sẵn sàng đem nhạc và hoa tiễn họ và mọi thứ khác mà họ thích; nhưng, ông biết đấy, tôi thích tiếng lóng của nước ông: *qu'ils foutent le camp!*” (*Thì họ hãy rút đi!*).

Sau khi Chủ tịch Hồ Chí Minh rời đi, Thủ tướng và Xanhtoni tiếp tục hội đàm. Cuộc nói chuyện xoay quanh các đề tài: khả năng một giải pháp thương lượng, vấn đề Mặt trận Dân tộc giải phóng và nguy cơ Hoa Kỳ tăng cường can thiệp ở Lào, tương lai các quan hệ Việt - Pháp.

Về vấn đề giải pháp, Thủ tướng nói rằng, nếu Hoa Kỳ chấm dứt ném bom miền Bắc, Hà Nội sẽ có động thái đáp lại: “Tôi hứa với ông, chúng tôi sẽ làm một cái gì đó để tỏ thiện chí của chúng tôi”. Sau đó Thủ tướng nói: “Chúng tôi không phản đối một giải pháp thương lượng, nhưng, chúng tôi không muốn người ta đưa chúng tôi đến một Muyních”.

Về vấn đề Mặt trận, ông Xanhtoni tỏ ý lo ngại rằng, Mặt trận không có độc lập, Thủ tướng Phạm Văn Đồng khẳng định:

---

1. Clôđơ Đuylông: *Ngôi chùa cuối cùng*, Nxb. Graxê, Pari, 1989, tr. 146-147, 159.

“Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam tự do quyết định chính sách của mình; sau thắng lợi, Mặt trận sẽ thành lập một chính phủ theo ý mình, không có bất cứ sự can thiệp nào. Chúng tôi không có ý định can thiệp vào công việc riêng của Mặt trận”.

Trong bản báo cáo về chuyến công cán của mình ở Hà Nội, Xanhtơni viết:

“Qua các cuộc nói chuyện mà tôi đã tiến hành ở Hà Nội từ ngày 02 đến 08 tháng 7, tôi thấy rằng các nhà lãnh đạo của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa biểu thị một sự cứng rắn và một quyết tâm không có rạn nứt. Nhưng có lẽ họ không phản đối một giải pháp thương lượng giúp giữ thể diện cho họ”.

Ý kiến riêng của ông Xanhtơni là thăm dò các khả năng bằng việc trở lại “thi hành trung thực” các Hiệp nghị Giơnevơ năm 1954, như vậy Hoa Kỳ có thể rút quân mà không mang tiếng là theo điều kiện của đối phương, đồng thời thành lập một chính phủ dân chủ, đại diện rộng rãi cho nhân dân miền Nam Việt Nam và thừa nhận giá trị của Hiệp nghị Giơnevơ năm 1954<sup>1</sup>.

\*

\*       \*

Cũng trong chuyến đi này, tại Phnôm Pênh, ông Xanhtơni đã có hai cuộc nói chuyện với đồng chí Trần Bửu Kiếm, đại diện Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam vào ngày 29 tháng 6 khi đến Phnôm Pênh và ngày 10 tháng 7, khi từ Hà Nội trở lại.

---

1. Xem Clôđơ Đuylông: *Ngôi chùa cuối cùng*, *Sđd*, tr. 258-266.

Cuộc nói chuyện chủ yếu về vai trò và chính sách của Mặt trận, về quyền lợi kinh tế mà Pháp còn có ở miền Nam Việt Nam.

Biết tin Xanhtoni đã được đón tiếp nồng nhiệt ở Hà Nội và cuộc tiếp xúc giữa ông ta và các nhà lãnh đạo Việt Nam được đánh giá là một cuộc tiếp xúc có giá trị, Oasinhton đã tìm cách khai thác.

Ngày 09 tháng 9, Henri Kítxinhgiơ từ Hoa Kỳ sang Pari gặp Xanhtoni. Quan hệ Mỹ - Pháp lúc đó đang căng thẳng do bài diễn văn ngày 01 tháng 9 của Tổng thống Đờ Gôn đọc tại Phnôm Pênh, phản đối việc Hoa Kỳ ném bom miền Bắc Việt Nam và yêu cầu Hoa Kỳ đề ra một thời hạn rút quân khỏi miền Nam Việt Nam. Kítxinhgiơ cho rằng phía Việt Nam vẫn khẳng định đòi Hoa Kỳ rút quân rồi mới có thương lượng thì: “Làm thế nào thuyết phục Hà Nội tin rằng Hoa Kỳ có thiện chí? Chỉ có ông là có thể thuyết phục được họ. Vấn đề tin cậy lẫn nhau là nút thắt của việc này”. Mặc dù không đi đến kết quả cụ thể nào, nhưng cuộc nói chuyện vẫn để ngỏ một cánh cửa cho sự hợp tác.

Ngày 02 tháng 12, A. Hariman cùng Giôn C. Đin, Bí thư thứ nhất Đại sứ quán Hoa Kỳ ở Pari, bí mật đến gặp Xanhtoni tại nhà riêng với tư cách đặc phái viên của Tổng thống Giônxon. Hariman hỏi Xanhtoni: “Làm thế nào khởi động một cuộc thương lượng?” Cuộc tiếp xúc bí mật này sau bị tiết lộ ra ngoài, làm cho nhiều người tin rằng Oasinhton thật sự tìm kiếm hòa bình.

Ngày 08-01-1967, Rêmon Ghết, đại sứ Hoa Kỳ ở Aixolen, mời Xanhtoni đến ăn cơm tại nhà riêng của

ông ta ở Pari. Trong bữa ăn, Ghết hỏi Xanh-toni: “Ông có đồng ý gặp Tổng thống Giôn-xơn tại trang trại riêng của tôi không? Tôi quen thân Tổng thống và có thể mời Tổng thống tới trang trại của tôi”.

Ngày 17 tháng 01, C.L. Cupơ từ Oasinhton tới gặp Xanh-toni tại nhà riêng. C.L. Cupơ trong Chiến tranh thế giới thứ hai làm việc tại cơ quan tình báo chiến lược Hoa Kỳ ở Trung Quốc (OSS), đã tham gia Hội nghị Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương và Hội nghị Giơnevơ năm 1962 về Lào; năm 1964 rời CIA để gia nhập bộ tham mưu của Nhà Trắng do Mc Giócgiơ Bânđi đứng đầu. Là một chuyên gia về vấn đề Việt Nam, thành viên Hội đồng An ninh quốc gia, cộng sự đắc lực của Hariman lúc đó, Cupơ mang theo một lá thư do Hariman ký, yêu cầu Xanh-toni trở lại Hà Nội càng sớm càng tốt để thăm dò xem các nhà lãnh đạo miền Bắc Việt Nam sẽ làm gì để đáp lại việc chấm dứt ném bom và họ quan niệm thế nào về một giải pháp trong danh dự. Cupơ nói sẽ ở lại Pari để chờ câu trả lời. Xanh-toni báo cáo Tổng thống Đờ Gôn ngày 20 tháng 01 nhưng Tổng thống dứt khoát không đồng ý để Xanh-toni chấp nhận đề nghị của Hariman<sup>1</sup>.

Đối với Nhà Trắng và Lầu Năm góc, tình hình lúc này rất khẩn trương. Trên chiến trường miền Nam Việt Nam, quân Mỹ đã lên tới gần 400.000 người, đang trực tiếp chiến đấu trong những cuộc hành quân “tìm và diệt”. Nhà Trắng triển khai một kế hoạch tìm kiếm hòa bình

---

1. Xem Clôđơ Đuylông: *Ngôi chùa cuối cùng*, *Sđd*, tr. 175-176.

rộng lớn, không phải chỉ từ Pari mà còn từ Luân Đôn và Mátxcova. Sự từ chối của Xanh-toni chỉ có nghĩa là tạm thời đóng cửa “con đường liên lạc qua Pháp”. Cuộc vận động hòa bình của Thủ tướng Anh Harôn Uynxơn sắp bắt đầu và *Bông Cúc vạn thọ* (người Mỹ không muốn gọi nó là chiến dịch hay kế hoạch *Bông Cúc vạn thọ*) đang diễn ra.

## MÊRIGÔN (BÔNG CÚC VẠN THỌ)

“**B**ông Cúc vạn thọ” đã được nhiều người biết đến và viết.

Trong cuốn *Việc tìm kiếm bí mật hòa bình ở Việt Nam*, Đavít Craxlô và Stiua H. Luri đã dành cả phần đầu cuốn sách cho “Bông Cúc vạn thọ” trước khi đề cập những sáng kiến khác, dù có trước, của Nhà Trắng.

Trong hồi ký của mình, Tổng thống Giônxon cho biết, từ mùa Hè năm 1966 Ianút Lêvandôxki, đại diện Ba Lan trong Ủy ban quốc tế, sau khi đi Hà Nội về đã bắt liên lạc với Đại sứ Hoa Kỳ ở Sài Gòn là Cabốt Lốt. Từ đó, các cuộc nói chuyện và trao đổi ý kiến giữa hai người được chuyển về Nhà Trắng dưới mật danh “Bông Cúc vạn thọ” và kéo dài trong sáu tháng. Ông cho rằng cuộc đối thoại đó và các cuộc vận động ngoại giao có liên quan sẽ được các nhà viết sử ngoại giao quan tâm nghiên cứu. Ông đổ trách nhiệm cho người Ba Lan nên không có cuộc nói chuyện giữa nước Việt Nam và người Mỹ lúc bấy giờ: “Không những người Ba Lan đã đặt cái cày trước con trâu, mà hơn thế nữa, nói cho cùng họ cũng chẳng có con trâu nào cả”. Để củng cố cách lý giải của mình, ông còn trích một câu của nhà báo Ôxtrâylia

U. Bócsét trả lời báo *Bưu điện Oasinhton* hai năm sau rằng: “Ý kiến đó do những người bạn của Hà Nội thật sự có ý định tốt nghĩ ra để cho trắng - đen rõ ràng Hoa Kỳ có thể chấp nhận được gì rồi đề nghị với Hà Nội”<sup>1</sup>.

Vậy các nhà viết sử ngoại giao vẫn cần làm sáng tỏ vấn đề “Bông Cúc vạn thọ” để xem đó là sáng kiến của Hà Nội hay của Hoa Kỳ.

Người đầu tiên thường được nêu tên là Lêvandôxki. Năm 1966, Lêvandôxki là một đại sứ trẻ, mới 35 tuổi, là Trưởng đoàn Ba Lan trong Ủy ban quốc tế về Việt Nam. Tuy trẻ nhưng đồng chí đã từng được giao nhiều chức vụ quan trọng trước khi sang Việt Nam: thành viên của phái đoàn Ba Lan tại Liên hợp quốc; đại diện lâm thời Ba Lan tại Tandania. Mới sang miền Nam Việt Nam một thời gian ngắn, song nhờ tiếp xúc rộng rãi với đoàn ngoại giao và nhiều nhân vật của chế độ Sài Gòn, đồng chí đã nắm bắt được tình hình và nhận thấy thế chiến thắng của Việt Nam, kết cục thất bại của Hoa Kỳ.

Nhà ngoại giao đầu tiên mà Lêvandôxki đến thăm là Đại sứ Italia Giôvani Đóoclandi khi đó là Trưởng đoàn Ngoại giao ở Sài Gòn. Một thời gian sau, đồng chí đến chào xã giao Đại sứ Hoa Kỳ Cabốt Lốt. Như Đại sứ Ba Lan tại Hà Nội - Xiêlécxki đã thông báo cho Thứ trưởng Ngoại giao Hoàng Văn Tiến ngày 12-7-1965, Lốt đã đề nghị gặp Lêvandôxki tại nhà Đóoclandi ngày 09 tháng 7. Trong cuộc gặp này, Lốt nói là theo chỉ thị của Tổng thống Giônxon, ông ta muốn trình bày vấn đề sau đây:

---

1. L.B. Giônxon: *Cuộc đời Tổng thống của tôi*, *Sđd*, tr. 306-307.



“Hoa Kỳ mong muốn rằng Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Mặt trận Dân tộc giải phóng được thông báo rằng Hoa Kỳ muốn có giải pháp chính trị chung cho cuộc khủng hoảng Việt Nam và sẵn sàng bàn bạc cơ sở cho giải pháp đó. Nếu nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam đồng ý bàn bạc thì Chính phủ Hoa Kỳ muốn nhận được câu trả lời cho những câu hỏi sau:

1. Khi nào, ở đâu, hoặc với ai có thể bàn bạc được?
2. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sẽ có phản ứng gì hoặc không có phản ứng gì đối với việc ngừng ném bom?

3. Người Việt Nam có sẵn sàng cam kết là giữ hoàn toàn bí mật về giai đoạn đầu của cuộc đàm phán không?”

Việc bàn bạc những cơ sở cho một giải pháp chính trị cần phải hiểu theo nghĩa rộng như cuộc đối thoại về những ý kiến của mình đối với giải pháp chính trị.

“Cần hiểu rằng Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam có thể là một bên khi đàm phán nhưng không có nghĩa là một bên duy nhất, nhất là việc giải quyết hiện nay bao gồm cả việc ngừng hoạt động quân sự đối với nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa”.

Lối giải thích thêm về điểm thứ hai là không phải chỉ có việc ra tuyên bố mà phải giảm bớt một cách thực sự và rõ ràng các hoạt động của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trong việc chỉ viện cho Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam và các hoạt động quân sự của Mặt trận.

Thực tế đây cũng chỉ là một thăm dò với tinh thần cuộc vận động tháng 5-1965 của Oasinhton. Nhưng Giônxon đã hủy ý nghĩa cuộc thăm dò đó ngày 28 tháng 7 khi ông ta quyết định “lao đến cùng vào con đường chiến tranh”.

Một kết luận cần rút ra từ câu chuyện này là: từ tháng 7-1966, Lốt đã sử dụng Đóclanđi làm trung gian để có liên lạc với Hà Nội qua vị đại sứ của Ba Lan trong Ủy ban quốc tế.

Không biết sau đó có bao nhiêu cuộc gặp gỡ giữa Đóclanđi và Cabốt Lốt về vấn đề Việt Nam, chỉ biết rằng đầu tháng 11, Đóclanđi được chỉ thị trở về Rôma. Sau khi trở lại Sài Gòn, ngày 14 tháng 11, ông ta mời Lêvandôxki đến nhà riêng để nói chuyện. Khi đồng chí Lêvandôxki đến thì Cabốt Lốt đã ở đó. Cuộc nói chuyện giữa Cabốt Lốt và Lêvandôxki bắt đầu với sự hiện diện của Đóclanđi.

Trong buổi làm việc với Đại tá Hà Văn Lâu, Trưởng phái đoàn liên lạc, ngày 20 tháng 11, Lêvandôxki đã thông báo nội dung cuộc nói chuyện với Cabốt Lốt như sau:

“Sau vài câu xã giao, Cabốt Lốt nói ông ta muốn gặp tôi để nói chuyện về vấn đề Việt Nam. Tôi nói nhiệm vụ chính thức và duy nhất của tôi là đại diện Chính phủ Ba Lan trong Ủy ban quốc tế, công việc là giám sát việc thi hành Hiệp nghị Giơnevơ và những vấn đề có liên quan đến việc thi hành Hiệp nghị đó. Đối với công việc của Ủy ban thuộc phạm vi công tác của tôi, tôi sẵn sàng bình luận”.

Cabot Lott nói hoàn toàn hiểu vị trí của tôi. Mục đích của ông ta là làm sáng tỏ lập trường của Hoa Kỳ cho bản thân tôi biết rõ.

Cabot Lott nói rằng Hội nghị Manila không làm thay đổi gì tình hình bằng cách phân chia trách nhiệm về vấn đề Việt Nam cho tất cả những thành viên của Hội nghị. Hoa Kỳ vẫn hoàn toàn được tự do tiếp tục cố gắng để tìm giải pháp cho vấn đề Việt Nam. Sau khi nhắc lại rằng Hoa Kỳ luôn luôn cố gắng tìm giải pháp hòa bình cho vấn đề Việt Nam, ông ta nói những vấn đề sau đây:

- Hoa Kỳ đi đến kết luận là mọi cố gắng để xuống thang từng phần đều không có kết quả gì. Vì vậy, hiện nay Hoa Kỳ đang cố gắng tìm một giải pháp toàn diện hơn.

- Oasinhton đang hoạt động để tìm ra một giải pháp như vậy, tức là làm sao có được một cơ chế để ngừng bắn và tất cả những vấn đề còn lại, kể cả việc rút quân đội Hoa Kỳ khỏi Việt Nam.

“Hoa Kỳ không nghĩ rằng nếu như tuyên bố công khai về biện pháp như vậy thì không phải là cách thích đáng phù hợp với tình hình và điều kiện của đối phương. Vì vậy, Hoa Kỳ không có ý định công bố tài liệu nào hay tuyên bố công khai về kế hoạch này”.

“Vấn đề của Hoa Kỳ hiện nay là Hoa Kỳ không biết liệu một đề nghị nào đó của Hoa Kỳ đưa ra có được xét đến hay không? Có nhiều người đã nói hoặc tỏ ra là mình có thể đại diện cho nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa hay Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam,

và họ nói có những con đường thích hợp. Bây giờ Hoa Kỳ nhận thấy những người này thật ra không có cương vị gì mà chỉ là vì lợi ích của riêng họ, hoặc là để quảng cáo thôi”.

Cabot Lott hiện muốn biết rằng nếu một đề nghị như trên được thảo ra thì liệu có thể truyền đạt được đến người thích hợp hay không? Và lời bình luận đề nghị đó có thể chuyển cho Mỹ được không? Người thích hợp là người hiểu biết rõ ràng về nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.

Với ý định như thế, Hoa Kỳ sẵn sàng xét và bình luận một cách bí mật bất cứ đề nghị nào mà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam cùng đưa ra hay đưa ra riêng rẽ.

Bây giờ Hoa Kỳ nhận thấy, trước khi bắt đầu bất cứ hình thức trao đổi nào thì việc ngừng ném bom nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là điều cần thiết. Hoa Kỳ bây giờ sẵn sàng làm như vậy, nếu như việc đó tiếp tục có tác dụng. Hoa Kỳ không mong đợi tác dụng đó sẽ xảy ra ngay lập tức. Hoa Kỳ không đề ra một điều kiện nào hay điều kiện tiên quyết nào. Hoa Kỳ chỉ muốn có sự bảo đảm là việc đó sẽ dẫn đến những cố gắng thực tế để có đàm phán nhằm tìm ra giải pháp hòa bình cho vấn đề Việt Nam.

Hoa Kỳ bây giờ hiểu là Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sẽ không đồng ý đàm phán để đổi lấy việc ngừng ném bom. Hoa Kỳ không muốn tạo suy nghĩ

là việc nói chuyện trực tiếp hay gián tiếp bắt đầu là do Hoa Kỳ đã ngừng ném bom. Vì vậy, Hoa Kỳ sẵn sàng làm theo cách sau đây:

Giai đoạn A: Ngừng ném bom nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, và trong thời gian đó không có hành động gì thêm.

Giai đoạn B: Tất cả những việc còn lại, nghĩa là trực tiếp hay gián tiếp trao đổi những đề nghị thực tế về mọi vấn đề quan trọng.

“Cabot Lott yêu cầu tôi bình luận về lời tuyên bố của ông ta. Tôi trả lời là không được phép bình luận gì về lời tuyên bố của ông ta vì tất cả những điều tôi nói ra chỉ là quan điểm của cá nhân. Tôi nói tiếp: nếu Hoa Kỳ thật sự muốn tìm một giải pháp hòa bình cho cuộc xung đột ở Việt Nam thì Hoa Kỳ cần phải ngừng ngay lập tức và không điều kiện việc ném bom và mọi hành động chiến tranh khác chống nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Hoa Kỳ phải ngừng ngay mọi hành động đối địch với nhân dân miền Nam Việt Nam trên đất, trên biển và trên không. Hoa Kỳ cần phải rút quân ra khỏi miền Nam Việt Nam và thanh toán các căn cứ quân sự của Hoa Kỳ. Hoa Kỳ cần phải công nhận Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam là đại diện chân chính duy nhất của nhân dân miền Nam Việt Nam. Hoa Kỳ cần công nhận và không được gây trở ngại gì trên con đường tiến tới thống nhất nước Việt Nam của nhân dân Việt Nam.

Cabot Lott không bình luận gì về câu trả lời của tôi. Cuộc nói chuyện đến đây chấm dứt”.

Tối hôm đó, Lêvandôxki và Đóóclandi lại gặp nhau trong cuộc chiêu đãi do Đại sứ quán Nhật Bản tổ chức nhân dịp Bộ trưởng Kinh tế Nhật Bản đến miền Nam Việt Nam. Đóóclandi cho Lêvandôxki biết là Cabốt Lốt muốn gặp Lêvandôxki để nói một điều rất quan trọng liên quan đến cuộc nói chuyện vừa qua. Lêvandôxki đồng ý.

Hôm sau, ngày 15 tháng 11, Lêvandôxki gặp lại Cabốt Lốt tại nhà riêng của Đóóclandi và Đóóclandi cũng có mặt trong cuộc gặp này. Về nội dung cuộc nói chuyện thứ hai này, đồng chí Lêvandôxki nói với đồng chí Hà Văn Lâu như sau:

“Cabốt Lốt nói rằng, ông ta muốn gặp lại tôi vì hôm qua tôi đã nhắc lại lập trường chính thức của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam. Như vậy, ông ta cho rằng nếu như thế thì tôi không thể nhận thấy được hoặc từ chối nhìn nhận khả năng trao đổi ý kiến giữa các bên hữu quan”.

Cabốt Lốt còn cảm thấy rằng, việc tôi từ chối không chịu bình luận nội dung lời tuyên bố của ông ta, có nghĩa là tôi cho rằng lập trường của Hoa Kỳ và lập trường của các bên hữu quan khác là hoàn toàn đối lập nhau dù với tư cách cá nhân không chính thức.

Sau khi đã suy nghĩ, Lốt kết luận là cần nói rõ cho tôi biết lập trường như thế của tôi là không gạt bỏ khả năng trực tiếp hay gián tiếp trao đổi ý kiến với nhau được. Ông ta muốn bình luận thêm như sau:

1. Hoa Kỳ sẵn sàng ngừng ném bom nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa nếu như việc ấy có thể mở đường cho một giải pháp hòa bình. Hoa Kỳ không đòi hỏi bất cứ lời tuyên bố nào của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa về việc thâm nhập hay công nhận sự có mặt của Quân đội nhân dân Việt Nam ở miền Nam Việt Nam hiện nay hay trước đây.

2. Hoa Kỳ đã tuyên bố sẵn sàng rút quân ra khỏi miền Nam Việt Nam và thanh toán các căn cứ của Hoa Kỳ trong vòng 6 tháng (như Tuyên bố Manila).

3. Hoa Kỳ sẵn sàng chấp nhận Chính phủ miền Nam Việt Nam được bầu ra một cách dân chủ, với sự tham gia của tất cả mọi người, dưới sự giám sát quốc tế.

4. Việc thống nhất đất nước phải do chính người Việt Nam quyết định, không có sự can thiệp của nước ngoài. Vì lý do đó, cần phải lập lại hòa bình và thành lập một cơ quan đại diện để có thể biết chắc được nguyện vọng của nhân dân. (Dẫn theo lời của Lỗi, tôi không hỏi rõ thêm).

5. Hoa Kỳ muốn đi khỏi miền Nam Việt Nam, nhưng không thể rút lui chỉ để nhường chỗ cho Quân đội nhân dân Việt Nam.

6. Hoa Kỳ sẵn sàng chấp nhận một cách đầy đủ và trung thành một miền Nam Việt Nam trung lập.

7. Hoa Kỳ sẵn sàng trao đổi ý kiến trực tiếp hay gián tiếp về tất cả những vấn đề được đề cập hoặc chưa được đề cập trong cuộc nói chuyện này.

Hoa Kỳ cần nói rõ là sẽ không thực tế nếu yêu cầu Hoa Kỳ tuyên bố đơn phương chấp nhận 4 điểm hay 5 điểm.

Đồng chí Lêvandôxki chỉ nghe và không bình luận. Cabốt Lốt còn nói thêm rằng ông ta bảo đảm ý kiến nói với đồng chí Lêvandôxki là ý kiến của cấp trên, của giới quyết định Hoa Kỳ.

Các đồng chí lãnh đạo Việt Nam trả lời đồng chí Lêvandôxki như sau:

“Đồng chí lấy danh nghĩa của mình nói với Đại sứ Cabốt Lốt rằng nếu Hoa Kỳ thấy cần xác nhận những điều mà ông ta đã nói với đồng chí thì phía Hoa Kỳ có thể trực tiếp nói với đại sứ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tại Vácsava”.

Ngày 02 tháng 12, khi gặp lại Lêvandôxki, Cabốt Lốt tán thành cuộc gặp gỡ ở Vácsava và nói sẽ điện ngay về cho Tổng thống Giônxon. Ngày 03 tháng 12, Cabốt Lốt cho Lêvandôxki biết rằng, Giônxon sẽ chỉ thị cho Đại sứ Hoa Kỳ ở Vácsava đến gặp đại diện nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tại Vácsava vào ngày 06-12-1966.

Sau khi được thông báo rằng Hoa Kỳ sẽ đến gặp đại sứ nước ta tại Vácsava vào ngày 06 tháng 12, Bộ Ngoại giao nước ta chỉ thị cho Đại sứ Đỗ Phát Quang sẵn sàng tiếp Đại sứ Hoa Kỳ Grônôtxki vào ngày đó. Bộ cũng cử một nhà ngoại giao trẻ, đồng chí Nguyễn Đình Phương cấp tốc đi Vácsava với một kế hoạch hướng dẫn Đại sứ Đỗ Phát Quang. Trước khi đồng chí Phương lên đường, đồng chí Nguyễn Cơ Thạch còn dặn:

“Dù máy bay có rơi mà đồng chí có chết thì trước khi chết cũng phải hủy cho được bản kế hoạch này”.

Nhưng ngày 03 và 04 tháng 12, máy bay Hoa Kỳ ném bom Hà Nội. Bộ Ngoại giao Ba Lan yêu cầu Đại sứ



Hoa Kỳ giải thích tại sao lại có những cuộc oanh kích Hà Nội trước khi có cuộc gặp gỡ giữa Đại sứ Việt Nam và Đại sứ Hoa Kỳ tại Vácsava. Grônốttxki thanh minh rằng việc ném bom Hà Nội là tác chiến bình thường, rằng hoạt động quân sự ở miền Nam và miền Bắc Việt Nam không liên quan đến cuộc nói chuyện.

Mặc dù vậy, cả ngày 06 tháng 12, Đại sứ Đỗ Phát Quang vẫn sẵn sàng tiếp Grônốttxki, nhưng ông ta không đến. Sau này Hoa Kỳ giải thích rằng, ông ta lại đợi Đại sứ Đỗ Phát Quang ở Đại sứ quán Hoa Kỳ. Còn Tổng thống Giônxon thì nói rằng người Ba Lan đã hứa là sẽ tổ chức cuộc gặp gỡ này, nghĩa là cuộc gặp không thành là trách nhiệm của phía Ba Lan.

Đại sứ Hoa Kỳ không chịu đến gặp Đại sứ Việt Nam ngày 06 tháng 12 như đã thỏa thuận. Hơn 50 máy bay “Thần Sấm” và “Con Ma” của Hoa Kỳ lần đầu tiên tấn công thủ đô Hà Nội trong hai ngày liên tiếp trước khi cuộc gặp gỡ bắt đầu. Ngày 13 và 14 tháng 12, Hoa Kỳ lại ném bom trung tâm Hà Nội. Việt Nam chỉ có thể hiểu rằng Oasinhton không muốn có cuộc nói chuyện đó.

Ngày 28-12-1966, Bộ trưởng Ngoại giao Nguyễn Duy Trinh mời Đại sứ J. Xiêlếchxki đến và nói như sau:

“Chúng tôi đã nghiên cứu một cách nghiêm chỉnh những gợi ý của các đồng chí. Hôm nay, tôi xin trình bày ý kiến của chúng tôi.

Ngày 20-11-1966, đồng chí Lêvandôxki đã thông báo cho chúng tôi ý kiến của Cabốt Lốt. Chúng tôi có suy nghĩ về ý kiến đó.

Ngày 25 tháng 11, đồng chí Phạm Văn Đồng đã gọi ý để đồng chí Lêvandôxki nói với Lốt: “Nếu phía Hoa Kỳ cần xác nhận lại với phía Việt Nam Dân chủ Cộng hòa những điều mà Lốt đã nói với Lêvandôxki thì Hoa Kỳ có thể trực tiếp nói với Đại sứ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tại Vácsava”. Câu nói đó coi như là ý kiến của bản thân đồng chí Lêvandôxki chứ không phải ý kiến của chúng tôi. Tất nhiên, nếu Hoa Kỳ có xin gặp và chúng tôi có tiếp thì đó cũng chỉ là một hoạt động ngoại giao bình thường, không phải là cuộc gặp gỡ bắt đầu cho việc thảo luận đàm phán. Các đại diện của chúng tôi ở nước ngoài vẫn tiếp những người, kể cả người Mỹ, đến Đại sứ quán chúng tôi trình bày quan điểm của họ, hoặc hỏi rõ lập trường của chúng tôi về vấn đề Việt Nam.

Nhưng Hoa Kỳ đã lật lọng, trước sau nói khác nhau. Chúng lại tăng cường ném bom miền Bắc. Nghiêm trọng hơn nữa, chúng đã ném bom cả Hà Nội, chỉ trong hai tuần lễ đã bốn lần đánh vào nội thành Hà Nội.

Trước tình hình đó, ngày 07 tháng 12, chúng tôi đã nói với đồng chí Xiêlếchxki rằng chúng tôi phải xem xét lại việc đại sứ chúng tôi tiếp đại sứ Hoa Kỳ tại Vácsava nếu họ yêu cầu. Chúng tôi cũng đã chỉ thị điều đó cho đại sứ của chúng tôi ở Ba Lan.

Nhưng từ đó, Hoa Kỳ vẫn làm như không hiểu và tiếp tục nhờ các đồng chí Ba Lan chuyển ý kiến của họ. Âm mưu của Hoa Kỳ vẫn là “thương lượng không điều kiện”. Họ đòi chúng tôi phải có hành động cụ thể đáp ứng trong giai đoạn B thì họ mới thực hiện giai đoạn A. Thủ đoạn của Hoa Kỳ là leo thang để thúc ép, mỗi lần

leo thêm một bậc thang là Hoa Kỳ lại đòi chúng tôi trả giá. Họ còn mặc cả việc ngừng ném bom Hà Nội.

Chúng tôi kiên quyết bác bỏ những đề nghị có tính chất kẻ cướp đó của Hoa Kỳ. Các đồng chí lãnh đạo Ba Lan đã tán thành thái độ đó của chúng tôi. Chúng tôi hoan nghênh các đồng chí đã phê phán Hoa Kỳ một cách mạnh mẽ. Trước tình hình hiện nay, chúng tôi thấy không thể để Hoa Kỳ thực hiện âm mưu “trao đổi trực tiếp hay gián tiếp” trong khi Hoa Kỳ vẫn tiếp tục ném bom miền Bắc. Vì vậy, chúng tôi sẽ không xét tới những lời của Grônốttxki nếu ông ta tiếp tục trình bày với các đồng chí.

Câu chuyện coi như đã chấm dứt”.

Trong câu chuyện *Bông Cúc vạn thọ*, đồng chí Lévandôxki đã cho ta thấy rõ vai trò của đại sứ Italia Doóclandi. Trong Hồi ký của mình, Tổng thống Giônxon không một lần nào nhắc đến tên ông Doóclandi trong kế hoạch *Bông Cúc vạn thọ*. Nhưng, trái với lời hứa và lòng mong muốn giữ bí mật của Cabốt Lốt, báo chí Mỹ đã tung ra *Bông Cúc vạn thọ* với nhiều chi tiết hấp dẫn.

Ngày 03-02-1967, phóng viên báo *Bưu điện Oasinhton* tại Liên hợp quốc đưa tin:

“Tháng 12 vừa qua, Bắc Việt Nam đã dứt khoát chấp nhận một gợi ý của Hoa Kỳ về nói chuyện trực tiếp để giải quyết cuộc chiến tranh”.

“Cuộc thu xếp đã đi quá xa đến mức chỉ định Vácsava làm địa điểm nói chuyện. Nhưng sau cuộc ném bom vào Hà Nội ngày 13 và 14 tháng 12 (mà Hà Nội

lên án là đã giết hại nhiều dân thường), miền Bắc Việt Nam đã rút sự chấp thuận đó, tố cáo Hoa Kỳ là không trung thực. Nguồn tin phương Tây nói trên đã tiết lộ tin này sau khi Tổng thống Giôn-xơn quả quyết rằng không hề có dấu hiệu nghiêm chỉnh nào về ý định nói chuyện hòa bình của cộng sản. Sự phủ nhận của Tổng thống Giôn-xơn gây ra sự nghi ngờ lớn ở đây (Liên hợp quốc - tác giả) về ý muốn của tổng thống trong số những người biết rõ chi tiết của cố gắng đã thất bại này”.

Một số báo khác cũng đưa tin rằng: “Bộ trưởng Ngoại giao Italia Phanphani nói với khách rằng việc ném bom đó là sai lầm. Phanphani đã cho khách biết rằng ông ta đã cảnh cáo Chính phủ Hoa Kỳ về tác hại của việc ném bom ngay sau hai lần ném bom ngày 03 và 04 tháng 12 và trước việc ném bom ngày 13 và 14”<sup>1</sup>.

Dư luận tỏ ra bất bình với Nhà Trắng.

Trong cuộc họp báo ngày 09 tháng 02, bị chất vấn về vấn đề này, Ngoại trưởng Hoa Kỳ Đin Raxơ không dám xác nhận hay phủ nhận.

Ngày 08-5-1967, hãng tin A.P phát một bài dài, kể tỉ mỉ về *Bông Cúc vạn thọ*. Trước ngày đó, Ngoại trưởng Mỹ hứa với các nhà báo là sẽ công bố việc này, nhưng sau khi có bài của hãng tin A.P, người phát ngôn Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ tuyên bố không bình luận. Khi công bố chính thức sự kiện về *Bông Cúc vạn thọ*, Bộ Ngoại giao

---

1. Đavít Craxlô và Xtiaua H.Luri: *Cuộc bí mật tìm kiếm hòa bình ở Việt Nam*, Sdd, tr. 77.

Hoa Kỳ làm như phía Việt Nam đã chủ động đề ra việc tiếp xúc và đàm phán bí mật với Hoa Kỳ khi Hoa Kỳ vẫn ném bom miền Bắc Việt Nam. Họ cũng làm như chính phía Ba Lan (sau khi Lêvandôxki đi Hà Nội về ngày 26-6-1966) sau khi được sự đồng ý của phía Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam đã đưa ra một kế hoạch 10 điểm làm cơ sở cho đàm phán và gặp đại sứ Italia nói là “có một đề nghị hòa bình rất cụ thể” dẫn tới thỏa hiệp chính trị, giải quyết vấn đề Việt Nam. Họ nói điều kiện đàm phán của Hà Nội là Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam tham gia thương lượng và một cuộc ngừng ném bom miền Bắc, và phía Hoa Kỳ đã thỏa thuận cuộc gặp gỡ ở Vácsava từ ngày 06-12-1966. Ý nghĩa của cách trình bày như thế là phía Việt Nam đã đồng ý đưa ra 10 điểm làm cơ sở để thảo luận (qua Lêvandôxki) và phía Hoa Kỳ đã có thiện chí chấp nhận.

Cũng trong dịp này, ngày 09 tháng 5, tờ *Unita*, cơ quan của Đảng Cộng sản Italia cho biết:

Chính đại sứ Doóclandi đã cho Lêvandôxki biết rằng ông ta muốn ghi trên giấy tờ một số điều có thể dẫn đến khả năng hai bên hữu quan đồng ý. Sau đó, chính Doóclandi đã gặp đại sứ Ba Lan trong Ủy ban quốc tế để xây dựng kế hoạch 10 điểm. Kế hoạch này được trao cho Cabốt Lốt, trong đó nêu rõ Hoa Kỳ không có ý đồ đối với Việt Nam nói chung và Hà Nội, không có ý đồ thôn tính miền Nam Việt Nam. Tờ *Unita* nhận xét trên thực tế là trở lại Hiệp nghị Giơnevơ năm 1954. Lốt đồng ý chuyển cho Giônxon.

Hãng Thông tấn *A.F.P.*, khi đưa tin này từ Rôma nhận xét rằng, *Unita* không nêu rõ nguồn tin nhưng các nhà quan sát ở Rôma nhắc lại rằng Ngoại trưởng Italia Phanphani đã hai lần nói trước Quốc hội là đại sứ Italia ở Sài Gòn đã thu xếp những cuộc tiếp xúc và việc đó đã đưa đến kết quả tốt nhất mà chưa từng có nước nào đạt được.

Ngày 10 tháng 5, Bộ Ngoại giao Italia xác nhận nguồn tin của *Unita*.

Theo Đavít Craxlô và Xtiua H. Luri, Đóoclandi biết rõ lập trường của Hoa Kỳ và Việt Nam Dân chủ Cộng hòa quá xa nhau, tuy vậy, ông vẫn suy nghĩ làm sao cho hai bên có thể ngồi lại trong hoàn cảnh đó để cố tìm ra một giải pháp. Ông nói suy nghĩ của mình với Đại sứ Lêvandôxki trong Ủy ban quốc tế. Hai người có ý nghĩ chung là làm sao đưa đại diện của hai bên đến một địa điểm nào đó gặp nhau để có thể trao đổi ý kiến về một loại giải pháp lâu dài cho miền Nam Việt Nam. Mùa Hè năm 1966, qua một số người Mỹ mới thăm Hà Nội về, Hoa Kỳ cho rằng Hà Nội bị đánh đau, giao thông bị tắc nghẽn và có dấu hiệu cho thấy Hà Nội muốn thương lượng. Lốt đề nghị Giônxon đẩy mạnh ném bom miền Bắc hơn nữa để ép Hà Nội ngồi vào bàn hội nghị theo điều kiện của Hoa Kỳ, Nhà Trắng và Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ thấy con đường do Đóoclandi mở ra đáng được khai thác.

Các cuộc ném bom miền Bắc Việt Nam ngày càng ác liệt, pháo đài bay B.52 rải thảm bom ở khu phi quân sự, quân Hoa Kỳ tiếp tục được ồ ạt đưa vào miền Nam.

Trong bối cảnh đó, gợi ý của Đơclanđi bị rơi vào lãng quên. Hội nghị Manila ngày 24 và 25-10-1966, với sự tham gia của bảy nước châu Á - Thái Bình Dương, nhằm động viên thêm tiềm lực để đẩy mạnh chiến tranh ở Việt Nam, nhưng thực chất là để che đậy mục đích chiến tranh của nó. Hội nghị đã đưa ra bản tuyên bố về bốn mục tiêu của tự do và đặc biệt là việc rút quân của các bên tham chiến ra khỏi miền Nam Việt Nam trong vòng sáu tháng khi miền Bắc Việt Nam rút quân về phía bắc.

Sau Hội nghị Manila, Avoren Hariman đến Rôma. Ngày 02 tháng 11, Ngoại trưởng Italia Phanphani tổ chức chiêu đãi. Trong cuộc chiêu đãi này có Đại sứ Đơclanđi được gọi từ Sài Gòn về. Nhân dịp này, Hariman đã bàn bạc lâu với Đơclanđi, sau đó Hariman điện về Oasinhton đề nghị thông báo cho Lốt biết lập trường thương lượng của Hoa Kỳ để Lốt trao đổi với Lêvandôxki. Đơclanđi cũng trở về Sài Gòn ngay. Khi đó, Lêvandôxki chuẩn bị ra Hà Nội theo chương trình đã định trước. Đơclanđi yêu cầu Lêvandôxki hoãn chuyến đi một tuần, sau đó tổ chức các cuộc gặp ngày 14 và 15 tháng 11 giữa Cabôt Lốt và Lêvandôxki, với sự có mặt của Đơclanđi như trên đã nói<sup>1</sup>.

Chúng ta cứ cho là khi câu chuyện được nêu ra, Đơclanđi đã có ý nghĩ là tìm cách cho hai bên gặp nhau, trao đổi ý kiến để tìm một giải pháp chính trị cho vấn đề Việt Nam. Nhưng sau khi ý kiến đó biến thành những

---

1. Đavít Craxlô và Xtiaua H. Luri: *Cuộc bí mật tìm kiếm hòa bình ở Việt Nam*, Sđd, tr. 14-21.

cuộc trao đổi, bàn bạc giữa ông ta và Đại sứ Lốt thì rõ ràng không còn là câu chuyện riêng của Doóclandi nữa, nhất là sau cuộc bàn bạc với Hariman tại Rôma. Kế hoạch giai đoạn A và giai đoạn B mà Cabốt Lốt nói với Lêvandôxki, với sự có mặt của Doóclandi ngày 14 và ngày 15 tháng 11 để chuyển cho Hà Nội là lập trường của Hoa Kỳ không hơn không kém. Nhưng tại sao Giônxon khi nói về *Bông Cúc vạn thọ* lại không nhắc đến tên Đại sứ Doóclandi? Nếu chỉ nhắc đến như trên thì có gì là hại cho Hoa Kỳ? Giônxon im lặng là để không chịu nhận những gì Cabốt Lốt đã nói với Lêvandôxki với sự đồng ý của Nhà Trắng và Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ, để cuối cùng nói rằng chính Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã đề ra việc gặp gỡ với Hoa Kỳ nhưng rồi sau lại không đến cuộc gặp đó. Việc Hoa Kỳ nói rằng, Lêvandôxki đã đưa ra 10 điểm làm cơ sở thảo luận ở Vácsava (Giônxon gọi là dự án Lêvandôxki) là hoàn toàn sai. Bằng chứng rõ ràng nhất là chính Lêvandôxki cũng không biết 10 điểm đó. Khi gặp Thủ tướng Phạm Văn Đồng ngày 06-5-1967, đúng năm tháng sau cuộc gặp bất thành ở Vácsava, đồng chí Lêvandôxki đã nói:

“Vấn đề này đã cũ nhưng gần đây báo *Bưu điện Oasinhton* lại đưa tin có 10 điểm do tôi đưa ra. Tôi đã hỏi Đại sứ Doóclandi, Đại sứ đã cho tôi biết 10 điểm của Hoa Kỳ mà Cabốt Lốt nói với ông ta là:

1. Hoa Kỳ thành thật muốn giải quyết cuộc xung đột ở Việt Nam bằng con đường thương lượng hòa bình.
2. Cuộc thương lượng hòa bình nhằm mục đích giải quyết toàn bộ vấn đề cuộc xung đột ở Việt Nam.



Ở miền Nam Việt Nam sẽ bảo đảm quyền lợi của bên đang đánh nhau với Hoa Kỳ<sup>1</sup>.

3. Hoa Kỳ sẽ không nhấn mạnh việc đòi duy trì lực lượng vũ trang và căn cứ quân sự của Hoa Kỳ ở miền Nam Việt Nam và sẽ thực hiện rút quân như đã nói trong thông cáo Manila.

4. Hoa Kỳ sẵn sàng đưa ra những đề nghị xây dựng và thảo luận với đại biểu các bên đang đánh nhau với Hoa Kỳ ở miền Nam Việt Nam để giải quyết toàn bộ vấn đề Việt Nam, bao gồm vấn đề ngừng bắn và vấn đề rút các lực lượng Hoa Kỳ ra khỏi miền Nam Việt Nam. Các cuộc nói chuyện sẽ tiến hành bí mật.

5. Trong khuôn khổ giải pháp chung, Hoa Kỳ không phản đối việc thành lập một chính phủ ở miền Nam Việt Nam đúng với ý chí của nhân dân, có sự tham gia của các bên đang đánh nhau với Hoa Kỳ ở miền Nam Việt Nam, thông qua tổng tuyển cử tự do và dân chủ. Hoa Kỳ sẵn sàng chấp nhận một sự kiểm soát quốc tế thích hợp đối với cuộc tuyển cử đó.

Hoa Kỳ cam kết hoàn toàn tôn trọng kết quả của cuộc bầu cử.

6. Hoa Kỳ cho rằng vấn đề thống nhất nước Việt Nam phải do người Việt Nam tự giải quyết sau khi hòa bình

---

1. Sách ngoại giao bí mật trong chiến tranh Việt Nam của G.C. Hiarinh, trang 279 cũng nói đây là 10 điểm do Lêvandôxki đưa ra. Điểm thứ hai này có thêm câu đầu “Các cuộc thương lượng này không được giải thích như là thương lượng về sự đầu hàng của những người chống lại Hoa Kỳ ở Việt Nam”.

được lập lại và có những cơ quan đại diện cho nhân dân miền Nam Việt Nam.

7. Hoa Kỳ sẵn sàng chấp nhận và hoàn toàn tôn trọng nền trung lập của miền Nam Việt Nam.

8. Hoa Kỳ sẵn sàng ngừng ném bom miền Bắc nếu việc đó có thể tạo thuận lợi cho việc tìm ra một giải pháp hòa bình. Để có việc ngừng ném bom này, không cần thiết nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa phải nhận hoặc xác nhận các lực lượng vũ trang của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã hoặc đang thâm nhập miền Nam Việt Nam.

Hoa Kỳ sẵn sàng tránh gây ấn tượng tại cuộc thương lượng đã bắt đầu dưới sự đe dọa của bom đạn hoặc để đổi lấy việc ngừng ném bom.

9. Hoa Kỳ không loại trừ khả năng thống nhất nước Việt Nam nhưng không đồng ý thống nhất dưới áp lực quân sự.

10. Tuy Hoa Kỳ sẵn sàng tìm kiếm một giải pháp hòa bình nhưng không nên trông chờ Hoa Kỳ tuyên bố bây giờ hay sau này là Hoa Kỳ chấp nhận 4 điểm hay 5 điểm”.

Chỉ có bình luận sau đây của C.L. Cupo, một phụ tá thân cận của Avoren Hariman có mặt trong bữa tiệc chiêu đãi của Phanphani tại Rôma tháng 11-1966, là chân thành và thẳng thắn:

“Hồi tưởng lại, nhiều quan chức ở Oasinhton hồi đó nghĩ rằng toàn bộ diễn biến sự việc ở Vácsava đối với người Ba Lan cũng như đối với Hà Nội cốt là cho Hà Nội một lúc xả hơi. Cuối năm 1966 và đầu năm 1967,

chính quyền Hoa Kỳ không quan tâm đến thương lượng. Các sáng kiến ngoại giao không được xen vào làm cản trở các hoạt động quân sự.

Quan điểm chỉ đạo lúc đó của Nhà Trắng là đánh và đánh mạnh hơn nữa!”<sup>1</sup>

Sự thật về Mêrigôn là thế đó!

Mêrigôn của Giônxon đã chẳng “thức giấc với những giọt lệ đầm đìa” như Mêrigôn của Uyliam Sếchxpia mà chết thảm hại. Ngày 23-12-1966, Giônxon ra lệnh tạm ngừng ném bom trong một vòng tròn bán kính 10 dặm quanh Hà Nội để Đại sứ Grônốtxki có cơ đến gặp Ngoại trưởng Rapátxki ngày 30 tháng 12 với hy vọng miền Bắc Việt Nam sẽ xem xét lại thái độ “cứng rắn” của họ. Nhưng những cố gắng đó của Nhà Trắng để làm “sống lại” Mêrigôn đều vô ích<sup>2</sup>.

---

1. C.L. Cupơ: *Cuộc thập tự chinh thất bại*, Sđd, tr. 341-342.

2. Xem thêm G.C. Hiarinh: *Ngoại giao bí mật trong chiến tranh Việt Nam*, Sđd, tr. 211-370.

## NHÀ BÁO MỸ ĐẦU TIÊN ĐẾN MIỀN BẮC VIỆT NAM

---

**Đ**ó là Harixơn Xônxbori, trợ lý Tổng Biên tập *Thời báo Niu Oóc*. Ông đến Hà Nội ngày 23-12-1966.

Trong những ngày lưu lại miền Bắc Việt Nam, ông đã tiếp xúc với nhiều quan chức Bộ Ngoại giao và nhiều nhân vật khác, trong đó có ông Nguyễn Văn Tiến, đại diện Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam. Ông cũng đi thăm một số nơi ở trung tâm Hà Nội bị ném bom, thăm thị xã Phủ Lý và thành phố Nam Định bị bom Mỹ tàn phá nặng nề.

Có thể nói, sau mỗi ngày làm việc ông đều có bài viết gửi về tòa soạn. Trong năm bài đầu ông đã khẳng định máy bay Hoa Kỳ không phải là đánh vào bê tông và sắt thép mà thật sự đã đánh vào trung tâm Hà Nội, đánh những mục tiêu dân sự, và những cuộc ném bom đó không mang lại những kết quả mà Lầu Năm góc mong đợi.

Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã tiếp ông Xônxbori ngày 02-01-1967. Phần chính cuộc nói chuyện như sau.

Thủ tướng Phạm Văn Đồng:

- Tôi muốn nói chuyện với ông một cách bình thường. Ông có gì cần nói thì cứ nói hết. Tôi cũng vậy. Bây giờ thì ai bắt đầu nào?

Xônxbori:

- Có lẽ là Ngài.

Thủ tướng Phạm Văn Đồng:

- Tôi có nghiên cứu những câu hỏi của ông, cả những câu hỏi ông hỏi tôi và hỏi Đại tướng Võ Nguyên Giáp.

Xônxbori:

- Nó cũng tương tự như nhau.

Thủ tướng Phạm Văn Đồng:

- Tôi nghĩ nên nói hai vấn đề chính: thứ nhất là về chiến tranh, thứ hai là giải pháp.

Phải nói về chiến tranh trước, từ đó mà thấy vấn đề giải pháp. Về chiến tranh thì có thể quan điểm của tôi và ông khác nhau. Nếu không hiểu đúng về cuộc chiến tranh thì cũng không thể hiểu đúng được những vấn đề liên quan đến chiến tranh.

Về cuộc chiến tranh, điều cơ bản nhất là nguồn gốc của chiến tranh, nguyên nhân chủ yếu của chiến tranh, cụ thể là ai gây ra chiến tranh. Về những vấn đề này, quan điểm của chúng tôi rất rõ rệt và dần dần có nhiều người trên thế giới đồng ý với chúng tôi. Ông có đọc lời phát biểu nhân dịp năm mới của Tổng thống Đờ Gôn không? (Xônxbori trả lời: Có). Đờ Gôn nói cuộc chiến tranh này do Hoa Kỳ gây ra và là một cuộc chiến tranh phi nghĩa, đáng ghét. Từ đó, ông ấy rút ra kết luận ấy: Hoa Kỳ phải rút khỏi miền Nam Việt Nam. Về điểm này ông có ý kiến gì không?

Xônxbơri:

- Theo quan điểm riêng của tôi thì cách nhìn như vậy là đúng. Rất tiếc đó không phải là ý kiến của Chính phủ tôi.

Thủ tướng Phạm Văn Đồng:

- Như vậy là tốt, tôi không mong gì hơn. Nếu ông đồng ý những điều đó thì những người cầm quyền Hoa Kỳ cũng sẽ phải đồng ý.

Xônxbơri:

- Tôi cũng hy vọng như vậy, nhưng không dám chắc. Còn phải chờ xem.

Thủ tướng Phạm Văn Đồng:

- Về phía tôi thì tôi chắc, vì trước sau cũng phải đi đến kết luận đó. Nếu bây giờ người ta chưa đồng ý thì sau này phải đồng ý. Nếu phái này không đồng ý thì phái khác phải đồng ý. Vì nếu những người cầm quyền Hoa Kỳ không đồng ý những điều này thì họ sẽ mắc sai lầm nữa. Đến một lúc nào đó, họ phải hiểu sự thật và rút ra kết luận này. Ông có đồng ý với tôi về điểm đó không?

Xônxbơri:

- Tôi còn nghi ngờ. Tôi không muốn nói “có” khi tôi không chắc. Muốn được như vậy, có thể còn phải mất thêm nhiều thời gian. Có thể là Ngài đúng mà tôi thì sai.

Thủ tướng Phạm Văn Đồng:

- Đó là vấn đề.

Xônxbơri:

- Ở đây có cả vấn đề chính trị và vấn đề cá nhân.

Thủ tướng Phạm Văn Đồng:

- Tất nhiên, nhưng chủ yếu là chính trị.

Xônxbori:

- Tôi cũng nghĩ vấn đề chính trị là chính.

Thủ tướng Phạm Văn Đồng:

- Vừa rồi ông tỏ ý hoài nghi cũng có chỗ đúng: Nhưng tôi nghĩ những người như ông phải có đóng góp và làm cho sự thật sáng tỏ. Vì đây là vấn đề rất lớn, liên quan đến chúng tôi và liên quan đến các ông.

Trước sau thì những người cầm quyền Hoa Kỳ phải nhìn nhận ra sự thật. Vì sự thật ngày càng sáng tỏ và buộc người ta phải thừa nhận.

Thủ tướng nhắc lại quá trình can thiệp của Hoa Kỳ vào miền Nam Việt Nam từ sau Hiệp nghị Giơnevơ năm 1954 và những thất bại liên tiếp của Hoa Kỳ ở miền Nam, nhất là thất bại của “chiến tranh đặc biệt”, tình hình nghiêm trọng của đội quân viễn chinh Hoa Kỳ sau hai mùa khô. Ở miền Bắc Việt Nam, chính sách leo thang đánh phá nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa cũng đang thất bại. Thủ tướng nói tiếp:

- Tình hình hiện nay đối với đội quân viễn chinh Hoa Kỳ khó khăn hơn bao giờ hết. Họ đang đứng trước tình cảnh tiến thoái lưỡng nan. Họ sẽ làm gì? đánh ở đâu? đánh thế nào? làm thế nào để có thể thắng được? là những câu hỏi mà quân nhân Hoa Kỳ không giải đáp được. Nếu ông hỏi tướng Oétmolen, cũng không chắc ông ta đã trả lời được. Trước đây một năm, ông ta có thể trả lời được, nhưng bây giờ thì không thể.

Có lẽ phải nhắc lại bốn điểm của tướng Oétmolen. Ông có cần tôi nhắc lại bốn điểm đó không?

1. Đánh bại lực lượng quân giải phóng.
2. Bình định.
3. củng cố ngụy quân, ngụy quyền.
4. Cắt miền Nam với miền Bắc.

Về điểm thứ nhất, rõ ràng đến bây giờ là không thể thực hiện được. Người Mỹ không dám thừa nhận điều đó. Họ nói là họ thực hiện được điểm thứ nhất, nghĩa là có thể đánh bại được quân giải phóng. Nhưng, tôi nói với ông là họ không làm được điểm thứ nhất. Trái lại, lực lượng vũ trang giải phóng càng tăng cường mạnh hơn người Mỹ tưởng.

Về điểm thứ hai, tôi nói thẳng là họ thất bại và họ cũng không thể không thừa nhận điều đó.

Về điểm thứ ba, họ không muốn nhận, nhưng cũng buộc phải thừa nhận là ngụy quân, ngụy quyền sụp đổ.

Về điểm thứ tư, rõ ràng là họ không làm được.

Tóm lại, toàn bộ kế hoạch đã bị thất bại. Hơn nữa, trong thời gian tới, họ không có khả năng làm hơn được cái gì, nghĩa là người Mỹ đang lâm vào tình trạng bế tắc ở miền Nam. Ở đây, tôi với ông, nếu cần, nên nói chuyện nhiều về điểm này, vì có rất nhiều người tưởng rằng sức mạnh vật chất, sức mạnh vũ khí của Hoa Kỳ sẽ thắng ở miền Nam. Tôi cho rằng họ nghĩ như vậy là không đúng, và nguy hiểm nữa, nhất là đối với những người Mỹ.

Mấy năm qua, nhà cầm quyền Hoa Kỳ leo thang vì họ nghĩ rằng sức mạnh vật chất sẽ thắng. Thua một nấc, họ nghĩ nếu tăng cường lực lượng họ sẽ thắng. Đến nấc thứ hai, họ thua, họ tưởng đến nấc thứ ba sẽ thắng.



Đến nấc thứ ba, thứ tư họ cũng nghĩ như vậy. Đến nấc này, họ còn nghĩ như vậy nữa không? Đó là vấn đề.

Chúng tôi quả quyết với ông là họ không thể thắng. Từ đó, tôi muốn nói với ông về bản chất của cuộc chiến tranh vì đó là vấn đề mấu chốt. Trong những câu hỏi của ông với Đại tướng Võ Nguyên Giáp, có một số câu hỏi tôi muốn nói ở đây.

Ông hỏi chúng tôi so sánh giữa tướng Mỹ với tướng Pháp như thế đó? Giữa lính Mỹ với lính Pháp như thế nào? Vấn đề không phải ở đó, vấn đề là ở chỗ cuộc chiến tranh này là cuộc chiến tranh gì đối với người Mỹ? Đối với người Mỹ, đó là một cuộc chiến tranh phi nghĩa, không có lẽ phải và ở một vùng mà người Mỹ không thể nào giành được những điều kiện thuận lợi. Đối với chúng tôi, đó là một cuộc chiến tranh thiêng liêng. Đó là độc lập, tự do, cuộc sống của chúng tôi. Đối với chúng tôi là tất cả, cho thế hệ hiện nay và cho cả thế hệ tương lai. Cho nên, chúng tôi quyết chiến và quyết thắng. Và thắng lợi bắt đầu từ trong ý chí của mỗi người Việt Nam. Thắng lợi từ quyết tâm và từ đó chúng tôi giải quyết được tất cả các vấn đề. Điều này các ông khó hiểu lắm. Không phải chỉ đối với các ông tôi mới nói như vậy, mà cả với những người bạn khác ở châu Âu, những người bạn rất gần của chúng tôi. Người ta không hiểu, người ta rất sợ lực lượng của Hoa Kỳ. Người ta nghĩ làm thế nào có thể chống lại đội quân viễn chinh 200.000 người với những vũ khí hiện đại, với hạm đội 7 ở bên cạnh. Người ta không tin là chúng tôi đánh thắng. Đến bây giờ chúng tôi đánh được. Chúng tôi đánh thắng. Chúng tôi

nói với những người bạn của chúng tôi là chúng tôi sẽ thắng lợi hoàn toàn. Người ta đã phải thừa nhận đó là sự thật, nhưng người ta vẫn chưa hiểu. Đối với ông, tôi không có hy vọng thuyết phục được ông, nhưng tôi phải nói điều này vì nó là một điều rất quan trọng.

Về khả năng của tướng Hoa Kỳ, tôi muốn nói thêm. Ở miền Nam có những sĩ quan và binh lính ngụy. Đó là người Việt Nam. Chúng là nửa triệu người. Chúng có vũ khí tốt. Nhưng chúng đã làm được gì trong lúc lực lượng vũ trang giải phóng ít hơn, vũ khí tất nhiên là xấu hơn, mà họ lại đánh rất giỏi. Tất cả đều là người Việt Nam, nhưng vì sao một bên thì rất là tồi, một bên thì tài trí tuyệt vời, chưa hề có. Từ trước đến nay, trong lịch sử, chưa có một cuộc chiến tranh nhân dân nào đánh tài như vậy. Người Mỹ cũng phải thừa nhận điều đó. Vì ở miền Nam, chúng tôi là chính nghĩa, do đó chúng tôi sẽ thắng Hoa Kỳ. Chúng tôi đã thắng người Mỹ vì lẽ đó. Bây giờ đang thắng. Nếu cần sang năm sẽ thắng. Nếu phải đánh thêm 30 năm nữa cũng sẽ thắng vì lẽ đó.

Tôi nói thêm một điều rất quan trọng mà người Mỹ chưa thấy. Hiện nay, nhiều quân nhân Mỹ lý luận thế này: họ có 40 vạn quân mà không giải quyết được vấn đề, họ tưởng tăng lên 50 vạn quân thì có thể giải quyết được, có người nói đến 60 vạn, có người nói nếu cần thì tăng thêm nữa. Nhưng như tôi đã nói, điểm mấu chốt của vấn đề không phải ở chỗ đó. Đây là một vấn đề quan trọng. Lính Mỹ càng vào miền Nam càng gây ra những hậu quả không lường được. Thứ nhất, họ mang lại chiến tranh. Đó là một điều rất nguy hại đối

với họ về mặt chính trị. Ngụy quân, ngụy quyền từ trước đến nay còn lừa dối được một số người, bây giờ không lừa dối được ai. Và người Việt Nam ở miền Nam rõ ràng thấy Chính phủ Hoa Kỳ đang tiến hành một cuộc chiến tranh thuộc địa dã man nhất trong thế kỷ. Ông có nhận thấy điều đó không?

Xônxbôri:

- Tôi khó mà trả lời được câu hỏi của Ngài. Nếu Ngài hỏi chiến tranh có dã man không thì tôi sẽ trả lời tất cả các cuộc chiến tranh đều dã man. Có thể nói, đây là một cuộc chiến tranh rất dã man.

Thủ tướng Phạm Văn Đồng đáp:

- Đó là một điều rất quan trọng.

Điều thứ hai là đội quân viễn chinh Hoa Kỳ vào đã làm đảo lộn toàn bộ nền kinh tế miền Nam. Nạn lạm phát rất ghê gớm. Người ta không thể nào sống được.

Thứ ba là binh lính Hoa Kỳ đã gây những hiện tượng rất xấu xa về văn hóa và xã hội. Ông cũng biết người ta gọi Sài Gòn là một nhà chứa khổng lồ không? Cả con gái những người ở tầng lớp trên cũng đi làm đĩ cho sĩ quan Hoa Kỳ.

Từ những điều đó thì thấy quân đội Hoa Kỳ vào càng đông chừng nào càng gây ra những cảm phẫn ghê gớm trong nhân dân miền Nam chừng đó. Do vậy, ở các đô thị miền Nam đang diễn ra một hiện tượng rất mới là phong trào đô thị sẽ phát triển rất mạnh mẽ, như những cuộc đấu tranh của công nhân bến tàu ở Sài Gòn. Rồi đây, phong trào sẽ càng rộng lớn, càng mạnh mẽ, lôi cuốn tất cả các tầng lớp trên, trí thức, tư sản, tôn giáo,

công chức trong bộ máy ngục quyền. Đó là những diễn biến chính trị mà các ông không lường hết được. Đó là một mặt trận cực kỳ quan trọng đi đôi với những thắng lợi trên mặt trận quân sự, trên cơ sở sự sụp đổ của ngục quân, ngục quyền. Đó là những điều người Mỹ phải nhìn thấy. Tôi nghĩ có thể có những người Mỹ sáng suốt ở Sài Gòn bắt đầu thấy. Như vậy thì đưa quân vào nhiều, các ông làm được gì? Dù các ông tăng quân nhưng trong lúc ngục quân, ngục quyền sụp đổ thì làm được gì? Đó là những điều cơ bản về tình hình chính trị ở miền Nam Việt Nam. Về điểm này, ông với tôi có thể thảo luận thêm.

Về miền Bắc, mấy hôm nay đi thăm ông đã thấy đại thể tình hình. Điều quan trọng nhất là cuộc chiến tranh bằng không quân đối với người Mỹ là một sự thất bại. Dư luận thế giới đã thấy là thất bại. Thất bại ở chỗ không bắt buộc được chúng tôi đầu hàng và hơn nữa không ảnh hưởng gì đến tình hình miền Nam. Trái lại, tình hình miền Nam lại càng thuận lợi hơn cho Mặt trận Dân tộc giải phóng và nguy khốn hơn cho người Mỹ.

Về phía chúng tôi, trong mấy năm chiến đấu với loại chiến tranh mới này, chúng tôi nhận thấy thêm mấy điểm:

*Một là, tiềm lực quân sự và quốc phòng của chúng tôi tăng lên rõ rệt và đây là một điều rất may mắn. Lực lượng phòng không nói riêng và lực lượng vũ trang nói chung đều tăng lên và sẽ tăng lên một cách vững chắc vì chúng tôi đã vượt qua được những giai đoạn*

khó khăn nhất, đã trải qua những bước ngập ngừng lúc đầu. Bây giờ là lúc phát triển rộng và nhanh. Ở đây lực lượng chủ yếu là thanh niên, rất quan trọng và rất dũng cảm. Chắc hẳn ông đã nghe nói đến sức mạnh, lòng dũng cảm, khả năng to lớn của tuổi trẻ. Rõ ràng trong cuộc chiến tranh, chúng tôi thấy sáng tỏ những khả năng của họ. Ba triệu thanh niên đã đăng ký sẵn sàng và họ đã chứng tỏ khả năng của họ trên các chiến trường. Trong tất cả các cuộc cách mạng đều là như vậy.

*Hai là, về mặt kinh tế.* Trong các câu hỏi của ông, ông có hỏi về vấn đề này. Ở đây phải thấy hai mặt: một mặt là sự tàn phá của cuộc chiến tranh bằng không quân, điều đó là tất nhiên. Nhưng mặt khác, chúng tôi tìm mọi cách để phát triển tiềm lực kinh tế cho thích hợp với điều kiện chiến tranh và có thể tránh được sự phá hoại của bom đạn Mỹ. Trong thời gian qua, chúng tôi đã rút được kết luận về vấn đề đó. Chúng tôi tiếp tục làm những việc chúng tôi có thể bảo vệ được, về nông nghiệp, công nghiệp, giao thông vận tải và tất cả các ngành khác. Đây là những kinh nghiệm cực kỳ quý báu. Trên cơ sở đó có khả năng phát triển tiềm lực kinh tế cho thích hợp với điều kiện chiến tranh, chuẩn bị chiến tranh lâu dài.

Bây giờ nói đến một điểm lớn trong những câu hỏi của ông là: triển vọng của cuộc chiến tranh. Ông hỏi là chiến tranh sẽ kéo dài bao lâu? Về phần chúng tôi, chúng tôi chuẩn bị chiến tranh lâu dài, vì chiến tranh nhân dân tất nhiên phải lâu dài. Không ai biết nó sẽ kéo dài bao lâu. Điều này khó nói. Lúc nào hết quân xâm lược

thì mới thôi. Thực sự là chúng tôi chuẩn bị như vậy. Trong ý nghĩ của chúng tôi là như vậy. Trong người dân Việt Nam nào cũng là như vậy. Ông không có nhiều thì giờ để nói chuyện với những người dân Việt Nam chúng tôi. Đây là điều mà những người nước ngoài hay hỏi chúng tôi. Người ta hỏi vì người ta không hiểu. Nhưng đối với chúng tôi, câu hỏi làm chúng tôi rất ngạc nhiên đối với bất cứ người dân Việt Nam bình thường nào cũng vậy. Chúng tôi làm sao quyết định được khi nào sẽ kết thúc chiến tranh, vì chúng tôi không thể đem quân sang đánh bẹp các ông trên đất Hoa Kỳ. Cho nên, chúng tôi chuẩn bị đánh lâu dài. Hoa Kỳ còn xâm lược, chúng tôi còn đánh. Bao nhiêu năm? 10 năm, 20 năm đã vừa chưa? Nếu chưa vừa, thì sẽ còn dài nữa. Tôi thường nói với các bạn nước ngoài: thế hệ trẻ của chúng tôi, nếu cần phải tiếp tục chiến đấu, sẽ chiến đấu giỏi hơn chúng tôi, thậm chí cả những trẻ em ít tuổi. Vì họ cũng đã được chuẩn bị tốt.

Tình hình là như vậy. Tôi nói đây không phải để uy hiếp ai, để gây ấn tượng với ai. Đó là hậu quả lôgích của tình hình. Dân tộc Việt Nam là một dân tộc rất đáng tự hào. Cả lịch sử của nó là lịch sử của một dân tộc rất đáng tự hào. Giặc Mông Cổ đến, chúng tôi đánh cho một lần thua, lần thứ hai đến, chúng tôi lại đánh cho thua. Lần thứ ba đến, chúng tôi lại đánh cho thua nữa. Bây giờ các ông muốn đánh mấy lần? Ông hỏi đánh bao nhiêu lâu, tôi trả lời như vậy đó. Điều này là tùy thuộc ở các ông chứ không phải chúng tôi.

Về vấn đề thứ nhất, tôi muốn nói với ông là như vậy.

Tôi nói đến vấn đề thứ hai là vấn đề giải pháp. Tôi thấy ông quan tâm và hỏi tôi nhiều câu về giải pháp. Tôi hiểu và rất muốn nói chuyện với ông về điều đó. Nhưng tôi nghĩ muốn nói chuyện được với nhau về giải pháp thì phải xuất phát từ tình hình tôi vừa nói với ông. Đối với chúng tôi, giải pháp rất giản đơn. Vì đây là một cuộc chiến tranh xâm lược, thuộc địa, phi nghĩa, thì giải pháp là làm sao chấm dứt xâm lược. Giản đơn lắm, rất lôgích, rất hoàn hảo và không thể bác bỏ được. Ông có đồng ý không?

Xônxbori:

- Trên thế giới có rất nhiều điều không lôgích mà chúng ta vẫn phải chịu.

Thủ tướng Phạm Văn Đồng:

- Đúng, tôi hiểu như vậy. Chúng ta đang phải sống trong một thế giới như vậy. Nhưng không phải vì vậy mà chúng ta không phấn đấu cho cái gì mình cho là đúng đắn, là thiêng liêng. Đối với chúng tôi, cuộc chiến đấu là độc lập, tự do. Tất cả các giải pháp đều phải xuất phát từ điều đó và phải đưa đến vấn đề đó. Đối với chúng tôi, đó là một điều không thể nào động đến được. Tất nhiên đó là một vấn đề rất khó.

Theo quan điểm của chúng tôi, tốt nhất là những người Mỹ xâm lược phải chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược của họ. Tất cả vấn đề là ở đó. Chừng nào họ chưa tính đến việc này thì chưa thể có giải pháp cho cuộc chiến tranh được. Họ còn đánh chúng tôi, chúng tôi còn phải đánh lại họ. Làm cách nào để họ hiểu điều đó,

tôi nghĩ đó là việc của các ông. Những người như ông có trách nhiệm làm việc đó.

Ở đây người ta thường nói đến một điều không đúng. Người ta nói đến danh dự của Hoa Kỳ. Danh dự của Hoa Kỳ ở chỗ nào? Tôi nghĩ danh dự chính đáng của Hoa Kỳ là không làm chiến tranh phi nghĩa, và nếu đã làm chiến tranh phi nghĩa, thì đừng nói đến danh dự của Hoa Kỳ nữa. Không có cách nào khác. Tôi nghĩ làm như vậy là đúng. Trong lịch sử đã có tiền lệ là nước Pháp đối với Angiêri. Tại sao người Mỹ không làm được như thế? Còn phía chúng tôi, chúng tôi phải làm một cuộc chiến tranh yêu nước. Tất nhiên, chúng tôi không nghĩ đến việc làm nhục Hoa Kỳ vì Hoa Kỳ là một nước lớn. Hoa Kỳ trọng danh dự của Hoa Kỳ. Chúng tôi cũng trọng danh dự của nước chúng tôi. Và lúc nào giới cầm quyền Mỹ chấm dứt cuộc chiến tranh thì chúng ta có thể tôn trọng lẫn nhau và giải quyết mọi vấn đề. Vì sao chúng ta không tính được như vậy? Chỗ này tôi muốn biết ý kiến của ông.

Vì quan điểm của chúng tôi là như vậy nên lập trường của chúng tôi là bốn điểm. Bốn điểm đó là cơ sở để giải quyết vấn đề chiến tranh, không nên coi đó là điều kiện. Đó là chân lý, là lẽ phải. Đó là điều đơn giản, dễ hiểu, chẳng qua chỉ là thừa nhận những điều khoản của Hiệp nghị Giơnevơ. Các giới cầm quyền Hoa Kỳ không chịu thừa nhận bốn điểm đó, như vậy là họ chưa muốn giải quyết vấn đề Việt Nam. Và nhất là không muốn thừa nhận điểm thứ ba là còn muốn bám lấy



miền Nam Việt Nam, tức là họ còn muốn chui vào đường hầm. Nếu vậy, chẳng ai có thể làm được, cho nên phải đi đến giải quyết vấn đề trên cơ sở bốn điểm. Anh muốn đi đường nào cũng được, nhưng cuối cùng cũng phải đi đến bốn điểm. Dư luận thế giới thừa nhận điều này. Bên cạnh bốn điểm, chúng tôi còn đề ra một điểm nữa, đòi Chính phủ Hoa Kỳ phải đình chỉ vĩnh viễn và vô điều kiện việc ném bom và mọi hành động chiến tranh đối với miền Bắc. Điều này có tính chất quan trọng. Dư luận thế giới ủng hộ điểm này, chúng tôi nó có ý nghĩa cực kỳ quan trọng. Đến nay, trên thế giới, người ta đòi Hoa Kỳ phải thừa nhận điểm này. Cho đến ông Uthman, tướng Đờ Gôn cũng đòi như vậy. Vì lẽ gì? Tôi không cần nói nhiều vì hình như ông cũng thừa nhận điểm này. Nhưng các giới cầm quyền Hoa Kỳ và Lầu Năm góc chưa bằng lòng. Tất nhiên, đối với họ còn khó lắm. Đối với chúng tôi thì rất rõ ràng và giản đơn, vì những lẽ phải vốn rất giản đơn.

Về giải pháp thì lập trường của chúng tôi rất rõ rệt và có bốn điểm. Đối với miền Nam có điểm thứ ba trong bốn điểm. Lát nữa tôi sẽ nói rõ, vì nó liên quan đến vấn đề thống nhất đất nước. Từ trước đến nay, phía Chính phủ Hoa Kỳ chưa có một thiện chí nào. Trong một cuộc chiến tranh phức tạp như thế này mà không có thiện chí thì không giải quyết được gì. Chúng tôi biết rất rõ và chưa lần nào bị lừa dối. Vì chúng tôi biết là giới cầm quyền Hoa Kỳ và Lầu Năm góc trong khi nói đến hòa bình vẫn tiếp tục tăng cường chiến tranh.

Còn các giới chính trị và dư luận thế giới lúc đầu có thể hiểu lầm, nhưng dần dần người ta cũng hiểu. Chúng tôi nghiệm ra rằng, mỗi lần bọn xâm lược Hoa Kỳ muốn leo thang thì họ lại chùng lên mình cái áo hòa bình, từ bài diễn văn ở Bantimo, cho đến lúc này. Tất nhiên, tôi hiểu điều này hơn ông vì có nhiều điều tôi không thể nói với ông được. Nhưng như vậy không có kết quả tốt cho Hoa Kỳ đâu. Dư luận đâu đâu cũng nói Tổng thống Giôn-xơn là kẻ nói dối... Tôi đọc rất nhiều bài báo đều nói như vậy. Thậm chí những người rất hiền lành như Lainốt Paolinh cũng phải nói như vậy. Ông ấy làm như vậy để làm gì? Đánh lừa được ai? Cho nên, muốn thực sự có giải pháp thì trước hết phải có thiện chí. Tất nhiên, về phía chúng tôi, chúng tôi đã sẵn sàng. Chúng tôi biết chúng tôi phải làm gì nếu Hoa Kỳ có thiện chí. Nếu họ chấm dứt cuộc chiến tranh, chúng tôi biết chúng tôi phải làm gì. Nếu họ chấm dứt động chạm đến miền Bắc, chúng tôi cũng biết chúng tôi phải làm những gì. Về giải pháp, chúng tôi chỉ nói bấy nhiêu, có gì ông nói thêm.

Bây giờ tôi nói về vấn đề miền Nam và vấn đề thống nhất. Chúng tôi nghĩ là về vấn đề miền Nam, về tất cả những vấn đề của miền Nam, Cương lĩnh của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam rất đầy đủ. Cương lĩnh đó thể hiện trong bốn từ: hòa bình, độc lập, dân chủ, trung lập. Đó là một cương lĩnh sáng suốt và thông minh, rất thích hợp với tình hình miền Nam hiện nay, được nhân dân miền Nam rất đồng tình và nay mai sẽ trở thành mục tiêu phấn đấu của toàn thể nhân dân miền Nam, không những ở nông thôn mà ở cả đô thị.

Đó là điều mà tình hình đòi hỏi. Vì lẽ Mặt trận là người lãnh đạo sáng suốt nên Mặt trận nhận được sự ủng hộ lớn của nhân dân miền Nam. Ở đây phải nói là giới cầm quyền Hoa Kỳ rất mù quáng, không chịu thừa nhận tình hình đó. Ở miền Nam, họ đánh với ai? Họ đánh với Mặt trận. Họ không thừa nhận Mặt trận, đó là điều không thể được. Họ muốn giải quyết những vấn đề của miền Nam thì phải nói chuyện với ai? Tất nhiên phải thừa nhận Mặt trận và nói chuyện với Mặt trận. Nhất định tình hình sẽ diễn ra như vậy. Có thể giới cầm quyền Hoa Kỳ sẽ đứng trước những sự đau đớn bất ngờ đối với họ nếu họ mù quáng, không chịu thừa nhận Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.

Ở đây có một vấn đề tôi muốn nói với ông, đó là vấn đề quan hệ giữa Mặt trận với chúng tôi. Việt Nam là một nước, một dân tộc. Nhưng có Hiệp nghị Gionevơ, có tình hình thực tế hiện nay, và ở miền Nam có Mặt trận, người lãnh đạo cuộc chiến tranh giải phóng ở miền Nam. Chúng tôi rất yêu thương đã đành rồi, chúng tôi còn kính trọng đồng bào chúng tôi ở miền Nam và càng kính trọng vì đồng bào chúng tôi trong đó đang làm một cuộc chiến tranh cực kỳ gian khổ và cực kỳ anh dũng. Chúng tôi kính trọng những chủ trương của Mặt trận. Tình hình miền Nam là do Mặt trận giải quyết. Vấn đề chiến tranh ở miền Nam là do Mặt trận giải quyết, cả trước mắt và trong tương lai. Đó là một chính sách rất lớn của chúng tôi.

Vấn đề thống nhất sẽ giải quyết như thế nào? Đây là một câu hỏi của ông. Chúng tôi đã nói rất nhiều lần

quan điểm của chúng tôi. Mặt trận cũng đã tuyên bố nhiều lần. Nhất định chúng tôi phải thống nhất. Chúng tôi đã từng nói: trên thế giới này không có lực lượng nào có thể chia cắt đất nước chúng tôi. Vì dân tộc Việt Nam rất thống nhất, nhưng thống nhất thế nào? Chúng tôi chủ trương thống nhất trên cơ sở độc lập, dân chủ, bằng phương pháp hòa bình. Điều đó có nghĩa là hai miền bàn với nhau trên tinh thần anh em để làm thế nào cho tốt nhất. Bằng phương pháp gì? Bằng những bước nào? Người ta thường hiểu nhầm điều này. Người ta nói chúng tôi sẽ lấn áp, thôn tính miền Nam. Chúng tôi không làm những điều ngu xuẩn và tội lỗi như vậy. Trái lại, chúng tôi rất tôn trọng ý kiến của đồng bào và của Mặt trận ở miền Nam. Vì vậy, chúng tôi ủng hộ lẫn nhau và cùng nhau chiến đấu chống kẻ thù chung. Chắc ông biết khi Hà Nội bị ném bom thì miền Nam đã phản ứng rất nhanh. Khẩu hiệu của miền Nam là bọn xâm lược Mỹ dụng đến Hà Nội thì nhân dân miền Nam sẽ đánh mạnh hơn hai, ba, năm, mười lần. Đây không phải là điều nói huênh hoang đâu. Miền Nam thường nói “Hà Nội là trái tim của cả nước”, điều đó là đúng sự thật. Cho nên thế nào chúng tôi cũng phải thống nhất, nhưng chúng tôi sẽ tính toán với nhau, xem xét tình hình làm thế nào thuận lợi nhất, vững chắc nhất, chúng tôi không vội. Vấn đề thống nhất không có gì mới, tôi chỉ nói vắn tắt như vậy.

Cuối cùng tôi muốn nói với ông một điều. Chúng tôi là một nước độc lập. Chúng tôi có chính sách độc lập,

tự chủ của chúng tôi. Chúng tôi làm chủ vận mệnh của chúng tôi, làm chủ chính sách của chúng tôi, từ những cái nhỏ đến cái lớn. Điều này rõ lắm. Làm một cuộc chiến tranh như thế này nếu không tự chủ thì không làm được. Không có chính sách vững vàng thì không thể làm được. Do đó phải nói là chúng tôi độc lập, tự chủ trong tất cả các vấn đề ngoại giao của chúng tôi. Từ trước đến nay là như vậy, từ nay về sau cũng như vậy. Tôi nói với ông điều này vì các giới chính trị Hoa Kỳ hay hiểu lầm điều này. Và hiểu lầm điều này là đi rất sai. Tôi không muốn họ đi sai, vì giới cầm quyền Hoa Kỳ mà sai thì tình hình sẽ có những cái không tốt. Trong phạm vi nào đó, nó có quan hệ đến chúng tôi.

Về các câu hỏi của ông, có một câu hỏi nhỏ tôi cần trả lời ông. Ông hỏi lúc nào chúng tôi nhận quân tình nguyện? Tôi trả lời với ông là tùy. Chúng tôi đã chuẩn bị và không thiếu người tình nguyện, những lực lượng vũ trang tình nguyện cũng có và những người dân thường tình nguyện cũng có. Chúng tôi cần thì có thể có rất nhiều. Đây là một chỗ dựa quan trọng của chúng tôi. Và điểm này cũng chứng tỏ chính sách độc lập của chúng tôi.

Tôi nghĩ là về cơ bản tôi đã giải thích những điều tôi muốn nói với ông. Bây giờ thì ông với tôi nói chuyện. Tôi nói như vậy ông có điều gì không đồng ý hay có điều gì gợi ý không? Vì lúc này tôi đã nói là tôi nói chuyện với một người Mỹ có thiện chí. Nếu hôm nay ta nói chuyện chưa xong thì mai ta lại nói.

Xônxbơri:

- Tôi xin nêu lên một số nhận xét và ý kiến của tôi. Tôi bắt đầu từ điểm này: tôi rất mong muốn giữa Việt Nam và Hoa Kỳ có hòa bình. Cũng như nhiều người Mỹ và nhiều người khác trên thế giới, tôi rất phiền muộn vì cuộc chiến tranh đang tàn phá đất nước các ngài.

Tôi nghĩ rằng tôi hiểu rất rõ tình thần độc lập và dũng cảm đang thúc đẩy nhân dân Việt Nam đấu tranh. Đối với một người Mỹ, việc hiểu điều đó không có gì khó khăn. Cách đây rất lâu, khi chúng tôi là một dân tộc thuộc địa, lúc đó rất nhỏ yếu phải đương đầu với một nước thực dân rất to lớn. Chúng tôi đã phải tiến hành một cuộc chiến tranh gian khổ để chống lại nước đó. Chúng tôi đã chiến đấu dũng cảm và cuối cùng chúng tôi đã giành được độc lập. Sau chiến tranh, chúng tôi đã trở thành những người bạn rất thân với nhau, tôn trọng lẫn nhau. Tôi và nhiều người Mỹ cũng mong rằng cuộc chiến tranh này sẽ kết thúc có hậu như vậy. Tôi mong rằng các ngài sẽ được độc lập, có chủ quyền, khi đó chúng ta cũng sẽ tôn trọng lẫn nhau và là những người bạn của nhau.

Cuộc xung đột này có hai khả năng phát triển. *Một là*, nó sẽ tiếp tục rất lâu dài. Các ngài cũng đã chiến đấu rất lâu: 20, 30 năm rồi. Tôi hiểu rằng khó có thể nói được là chiến tranh sẽ kéo dài bao lâu nữa. Có thể là 10 năm, 20 năm nữa, như vậy là một thời gian rất dài đối với cuộc đời của một con người.

Lúc này, Ngài có hỏi tôi rằng: đây có phải là một cuộc chiến tranh dã man nhất trong lịch sử không?

Thật khó có thể nói được, vì chiến tranh bao giờ cũng rất dã man. Tôi có thể nói đây là một cuộc chiến tranh rất khủng khiếp. Nó đã gây cho nhân dân Việt Nam bao nhiêu đau khổ, chết chóc, tàn phá. Tôi nghĩ là bất cứ ai đã nhìn thấy những sự việc đó đều thấy cần phải chấm dứt cuộc chiến tranh mà vẫn đạt được những mục tiêu đã theo đuổi. Cần phải có giải pháp như thế nào để cho người Mỹ nói chung và Chính phủ Hoa Kỳ nói riêng có thể thừa nhận được. Tôi cũng muốn tìm mọi cách để góp phần chấm dứt chết chóc.

Tôi nghĩ rằng có hai mặt để giải quyết vấn đề chiến tranh. Về phía các ngài, các ngài không tin người Mỹ. Các ngài cho rằng, Hoa Kỳ đang muốn lừa bịp các ngài để giành phần thắng. Nếu chúng ta muốn tìm cách nói chuyện bình tĩnh với nhau thì có thể người Mỹ sẽ cho đó là dấu hiệu yếu đuối. Ngài nói mỗi khi Hoa Kỳ nói đến hòa bình là một lần họ chuẩn bị bước leo thang mới. Tôi sang đây có mang theo một bài xã luận của tờ *Thời báo Niu Oóc*, trong đó chúng tôi cũng đã viết như vậy, dựa vào những điều họ đã làm. Cho nên chúng tôi không ngạc nhiên và nghĩ rằng các ngài không có cách suy nghĩ nào khác. Chiến tranh ảnh hưởng đến quyền sống của dân tộc các ngài. Cho nên các ngài không thể chịu mất được. Và đúng là các ngài đang phải chiến đấu chống lại một kẻ thù to lớn và mạnh mẽ. Nếu ở địa vị các ngài thì tôi cũng sẽ làm như vậy.

Mặt khác, tôi muốn nói đến lập trường của người Mỹ. Tôi rất khó nói, vì tôi có nhiều điều không đồng ý với lập trường đó. Nhưng điều quan trọng là phải hiểu

lập trường của Hoa Kỳ là thế nào. Trong Nhà Trắng và Lầu Năm góc cũng có những người muốn chấm dứt xung đột, nhưng họ cũng nói rằng không tin được người Việt Nam, vì người Việt Nam là một kẻ địch rất nguy hiểm. Họ nói, nếu họ tỏ ra muốn nói chuyện thì các ngài sẽ không ngừng đâu. Tôi hiểu được vì họ đang chiến đấu chống lại các ngài và họ biết các ngài là những chiến sĩ chiến đấu rất mạnh mẽ. Họ biết các ngài hơn ai hết.

Cho nên, khi có một người nào đó, như tôi chẳng hạn, muốn tìm cách tiếp xúc thì thật khó khăn, vì cả hai bên đều cho là bên kia không muốn tiếp xúc với mình. Riêng tôi không thể nói thay được cho ai vì tôi chỉ là một nhà báo. Một nhà ngoại giao Hoa Kỳ không đến đây được và một nhà ngoại giao của các ngài cũng không thể đến Hoa Kỳ được. Tôi lấy ví dụ: nguyên tắc giải quyết cuộc chiến tranh ở Việt Nam nên như thế nào. Tôi cho rằng lập trường của các ngài là hợp lý. Tôi cũng cho rằng nếu ở địa vị của các ngài thì mục tiêu của chúng tôi cũng vậy. Nhưng đối với người Mỹ thì rất khó thừa nhận điều đó. Hợp lý nhưng khó khăn. Những nhà lãnh đạo Hoa Kỳ đã đưa ra hết tuyên bố này đến tuyên bố khác, các ông tướng còn nói nhiều hơn. Vì các tướng còn có vấn đề bảo vệ danh dự của họ. Họ nói cho họ thêm ba tháng hoặc thêm 300.000 quân nữa thì họ sẽ giải quyết được vấn đề. Đó là cách nói của các ông tướng. Chiến tranh nào cũng vậy, vấn đề là phải làm thế nào để thoát khỏi tình trạng bế tắc đó, vì nó làm cho chiến tranh kéo dài, chết chóc, tàn phá. Tôi không nghi ngờ khả năng



chiến đấu của các ngài 10, 20 năm. Tôi không nghi ngờ việc các ngài có được sự ủng hộ của bạn bè, và những người tình nguyện trong bạn bè của các ngài. Tôi cũng không nghi ngờ khả năng của Nhà Trắng có thể động viên thêm quân, sản xuất thêm máy bay và bom đạn. Tôi không nghĩ rằng việc đó có thể làm cho Hoa Kỳ thắng được trong chiến tranh. Nhưng như vậy chiến tranh sẽ kéo dài thêm nhiều năm. Cuối cùng thì những người chiếm đóng cũng không thể thắng được. Nhưng phải làm thế nào để chấm dứt chiến tranh cho nhân dân đỡ đau khổ.

Hiện nay, trên thế giới có những lực lượng muốn chấm dứt chiến tranh, cả ở Hoa Kỳ cũng vậy. Việc tôi đến thăm miền Bắc đã khuyến khích một số người muốn chấm dứt chiến tranh, cho nên có khả năng động viên dư luận, tìm giải pháp chấm dứt chiến tranh một cách hợp lý. Bản thân tôi rất lạc quan và Ngài cũng vậy. Ngài phải là người lạc quan mới có thể chiến đấu cho nhân dân, cho đất nước của mình như vậy. Tôi tin Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng là một người lạc quan, vì có như thế mới có thể cống hiến được cả cuộc đời mình cho dân tộc.

Trong tình hình hiện nay, có một số yếu tố làm cho những người biết lẽ phải thấy có thể tìm giải pháp chấm dứt cuộc chiến tranh. Tôi nghĩ về phía các ngài cũng như về phía Hoa Kỳ nên thăm dò để khai thác tình hình. Tôi biết đây là một vấn đề tế nhị. Tôi đã nói chuyện với một số cán bộ Việt Nam, tôi nghĩ rằng sẽ rất tốt nếu có một cuộc nói chuyện lặng lẽ, kín đáo giữa hai bên, ở bất cứ

một nước nào trên thế giới. Làm như vậy có thể có cơ sở để tin cậy nhau hơn, và có thể tìm ra được biện pháp thực tế nhằm giải quyết cuộc chiến tranh.

Ngài nói phải chấm dứt ném bom trước khi nói chuyện. Đó là một điều hợp lý. Ngài nói nếu Hoa Kỳ đồng ý điều đó thì về phía Ngài, Ngài cũng biết sẽ phải làm gì. Tôi nghĩ không lầm nếu cho rằng một bên tỏ ra thiện chí thì bên kia cũng phải có thái độ như vậy. Cả hai bên đều cùng tỏ ra thiện chí. Sẽ không bên nào tỏ thiện chí, nếu còn nghi ngờ lẫn nhau. Điểm này về phía Hoa Kỳ khó hơn các ngài. Vì đối với các tướng, cam kết bỏ leo thang là một vấn đề rất lớn. Oétmolen, và các tướng khác nói họ đang thắng ở miền Nam nhưng bức tranh họ vẽ cho Giônxon khác hẳn tình hình như Ngài vừa nói với tôi. Tôi chưa tới Sài Gòn, nhưng tôi có nhiều bè bạn làm báo hoặc làm ngoại giao ở Sài Gòn.

Họ nói: gần đây các tướng ở đó rất tin tưởng và cho là tình hình có tiến bộ phần nào. Họ nghĩ rằng nếu có thêm 100.000, 200.000, 300.000 quân nữa thì họ sẽ thắng. Họ cho rằng việc ném bom miền Bắc đã gây khó khăn rất lớn cho các ngài. Trong đời tôi đã có nhiều kinh nghiệm về việc này. Tôi đã ở Anh trong Chiến tranh thế giới thứ hai, khi không quân Đức định ném bom đê bẹp nước Anh. Nhưng cái mà không quân Đức làm được là họ đã gây căm thù và động viên tinh thần của nhân dân Anh. Tôi cho rằng ở đây cũng vậy. Tôi biết những người lãnh đạo không quân Anh, Hoa Kỳ khi họ ném bom Đức. Việc đó làm cho họ mất nhiều người và nhiều máy bay, đã giết nhiều trẻ em và tàn phá từng

thành phố một. Nhưng sau chiến tranh, khi tổng kết lại kết quả việc ném bom chiến lược, người ta thấy rằng, trong suốt thời gian máy bay Anh, Hoa Kỳ ném bom Đức, nền công nghiệp của Đức lại mạnh hơn trước. Cho nên, việc ném bom có lẽ lại giúp cho Đức đứng vững. Vì vậy, tôi không bị mắc lừa với việc người ta công bố kết quả việc ném bom miền Bắc. Tôi biết có nhiều người bị chết, nhiều thành phố bị tàn phá và đã gây nhiều khó khăn cho các ngài. Tôi hiểu tình hình thực tế. Nhưng không may là những người chủ trương “ném bom thì sẽ thắng”, là những người có thể lực. Mọi người đều thấy Hoa Kỳ sẽ tiếp tục leo thang. Muốn chấm dứt chiến tranh và có giải pháp hòa bình thì phải có một cuộc đấu tranh rất mạnh ở Hoa Kỳ. Nhưng tôi tin là ở nước tôi ngày càng có nhiều người tán thành giải pháp hòa bình, chấm dứt chiến tranh. Và chắc chắn là những lực lượng này sẽ ngày càng mạnh.

Có một điều quan trọng, rất khó cho tôi cũng như cho bất cứ một người nào khác nếu muốn đưa ra một giải pháp hòa bình cho vấn đề Việt Nam. Nếu chúng tôi đưa ra vấn đề chấm dứt ném bom và ngừng đưa thêm quân Hoa Kỳ vào miền Nam, coi đó là những điều kiện tối thiểu để đi đến đàm phán, trong khi đó về phía các ngài chúng tôi không thấy dấu hiệu sẵn sàng hưởng ứng, đó là không công bằng, một bên muốn mà một bên không. Tôi không chờ đợi từ phía các ngài nói sẵn sàng làm những gì, nhưng tôi xin gợi ý là nếu Hoa Kỳ ngừng ném bom và ngừng đưa quân vào thì các ngài cũng đừng đưa thêm quân vào miền Nam để giữ tình trạng

tương quan như hiện nay. Hoặc là các ngài có thể làm việc gì khác tương tự như vậy. Có những việc có thể đưa đến thương lượng để chấm dứt chiến tranh mà các ngài vẫn thực hiện được mục tiêu của mình.

Có thể là tôi sai. Nhưng tôi là một người Mỹ rất quan tâm đến vấn đề này. Tôi biết vấn đề này rất khó khăn và nguy hiểm, nhưng dù sao cũng nên xem xét một cách nghiêm túc. Thời điểm hiện nay là đặc biệt tốt để làm việc này. Chắc ngài cũng biết rằng trong chiến tranh, đặc biệt là trong cuộc chiến tranh này, có những tiến triển theo từng thời kỳ, nghĩa là nó phát triển lên rồi lại dừng lại, lại phát triển lên rồi lại dừng lại. Đây không phải là một điều bí mật: Lầu Năm góc có những kế hoạch A, B để leo thang. Cho nên, tôi nghĩ trước khi chiến tranh chuyển tiếp sang một giai đoạn mới, ta nên tìm ra biện pháp để chấm dứt nó? Tôi không biết những nhận xét này của tôi có đúng không, nhưng tôi xin trình bày với lòng tin của cá nhân tôi, lòng tin tưởng và tôn trọng đối với nhân dân Việt Nam vì những hy sinh lớn lao và cao thượng.

Tôi buộc phải nói như một nhà ngoại giao mà thực tế tôi chỉ là một nhà báo, nếu có gì sai xin Ngài lượng thứ!

Thủ tướng Phạm Văn Đồng:

- Về những điểm ông vừa gợi ý, có một điểm cơ bản chúng tôi không tán thành. Về điểm này, chúng tôi đã chính thức nói rõ quan điểm của mình và hôm nay cũng muốn nói thêm với ông. Ông gợi ý, đối với một việc phía Hoa Kỳ sẽ làm đối với miền Bắc, chúng tôi phải có

một hành động gì đáp lại. Chúng tôi cho rằng đặt vấn đề như vậy không được. Chính phủ Hoa Kỳ tiến hành chiến tranh xâm lược bằng không quân đối với miền Bắc là trái với tất cả các luật pháp. Đây là một hành động chiến tranh cực kỳ nghiêm trọng. Tôi nghĩ rằng tất cả mọi người nên suy nghĩ về tính chất nghiêm trọng của hành động này. Ông có thể nào tưởng tượng được rằng nước ông có thể bị một nước khác dùng không quân đánh không? Và trong trường hợp đó thì thái độ của những người Mỹ thế nào? Thế rồi nước tiến công Hoa Kỳ của các ông đòi ngừng ném bom và đòi người ta phải có gì trả lại. Ông có thể trả lời tôi câu ấy được không?

Xônxbori:

- Tôi có thể trả lời được. Tôi không nghĩ rằng các ngài phải trả gì cả nếu chúng tôi chấm dứt tấn công. Tôi không nghĩ rằng gợi ý của tôi bao hàm ý các ngài phải làm gì cho Hoa Kỳ mà chỉ là để tạo điều kiện dễ dàng cho cả hai bên. Tôi nghĩ rằng, cách ném bom không thể bắt người ta đầu hàng được. Nếu nước chúng tôi bị ném bom thì nhân dân chúng tôi cũng sẽ làm như các ngài thôi. Nhưng nếu có cái gì Ngài xem có thể làm được thì đó là ý của Ngài. Đó là một hành động độ lượng về phía các ngài. Tôi biết các ngài không có lý do gì phải độ lượng cả. Tôi biết ý của các ngài đối với vấn đề này như thế nào. Tôi cho là phải có một biện pháp nào đó để tạo điều kiện thuận lợi, dù chỉ là một biện pháp nhỏ để có thể đi đến những biện pháp khác. Tôi biết các ngài có những lực lượng chính trị rất to lớn. Các ngài

có thứ vũ khí rất mạnh chưa dùng đến, hành động của ngài sẽ là một hành động rất mạnh. Cho nên trên tinh thần đó, tôi muốn đề nghị các ngài làm gì đó để tạo ra hòa bình.

Trả lời gợi ý về việc Việt Nam nên có một hành động độ lượng, Thủ tướng nói:

- Về ý kiến của ông nói rằng chúng tôi cần có một hành động độ lượng, nếu xuất phát từ ý tốt thì điều đó đòi hỏi chúng tôi phải suy nghĩ. Đó là một đòi hỏi lớn quá đối với chúng tôi. Thực ra, đó là một đòi hỏi mĩa mai. Đối với ông thì chúng ta có thể nói chuyện được. Nhưng đối với người khác thì tôi không dung thứ, tôi nói thật vậy. Dầu sao thì đây là những vấn đề đáng suy nghĩ.

Thủ tướng nhắc lại rằng, Hoa Kỳ phải chấm dứt vô điều kiện và vĩnh viễn mọi hành động tấn công miền Bắc, phía Việt Nam sẽ có hành động thích đáng.

Ông Xônxbơri cho rằng, người của hai bên ngồi lại với nhau để trao đổi vấn đề thì vẫn có ích. Đã đến lúc chín muồi và hy vọng thời kỳ hòa bình bắt đầu lóe lên trên đất nước Việt Nam.

Lúc chia tay Xônxbơri nói:

- Tôi rất cảm ơn Thủ tướng đã cho tôi có dịp được nói chuyện với Ngài. Trong cuộc nói chuyện này, tôi đã đi quá công việc của người làm báo. Đáng lẽ người làm báo phải nghe nhiều hơn nói, nhưng tôi đã nói nhiều.

Thủ tướng Phạm Văn Đồng:

- Tôi cũng không nghĩ tôi nói chuyện với một nhà báo. Nếu nói chuyện với một nhà báo thì tôi không nói

như vậy. Những điểm tôi vừa nói với ông, nếu là nhà báo thì chắc ông không đăng được. Đó là câu chuyện giữa hai người với nhau, không phải là với nhà báo. Như vậy thì tốt hơn. Nếu cần nói với nhà báo thì tôi sẽ nói khác. Và sẽ không có gì đáng nói cả.

Các bài viết và nhất là cuộc nói chuyện với Thủ tướng Phạm Văn Đồng, các bức ảnh về sự tàn phá của bom đạn Hoa Kỳ ở Hà Nội mà ông Xônxbori gửi về nước đã gây tiếng vang lớn ở Hoa Kỳ và trên thế giới.

Từ ngày 28 tháng 12, Bộ biên tập *Thời báo Niu Oóc* đã điện nhắc Xônxbori cần thận trọng trong việc đưa tin và bài. Phải chăng đó là do sức ép của Bộ Ngoại giao và Lầu Năm góc?

## TÔI MỜI TỔNG THỐNG GIÔN XƠN ĐẾN ĐÂY UỐNG TRÀ

---

**N**gày 07-01-1967, hai người Mỹ, ông H.S. Axmôr và W.C. Bách, đến Hà Nội. Giáo sư H.S. Axmôr, Chủ bút tờ *Acansát nhật báo*, Phó Chủ tịch Trung tâm nghiên cứu các thể chế dân chủ (CSD); nhà báo W.C. Bách là Chủ bút tờ *Tin Maiami* - một thành viên của CSD. Cùng đi với hai ông còn có một người không phải của CSD, ông Đôn Luít Quyntanila, người Mêhicô, giáo sư, nhà văn, nhà báo và đã từng là đại sứ Mêhicô tại Mátxcơva và Oasinhtơn.

Từ khi Giôn Xơn bắt đầu đưa quân chiến đấu vào miền Nam Việt Nam và ném bom nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, các nhà lãnh đạo của CSD đã lo ngại rằng việc tăng cường chiến tranh như thế sẽ phá vỡ quan hệ hòa hoãn Đông - Tây mong manh mới được thiết lập. Vì lẽ đó, với sự khuyến khích của nhiều nhà hoạt động chính trị ở một số nước và ở Liên hợp quốc, họ mong muốn tổ chức một hội nghị mang tên “Hòa bình trên trái đất”, mời các bên tham chiến đến dự để gặp nhau, tìm cách lập lại hòa bình. Qua một số bạn người Pháp,



họ gửi tới Chủ tịch Hồ Chí Minh đề nghị có tiếp xúc giữa Hà Nội và Trung tâm. Tháng 8 năm đó, họ nhận được trả lời của Chủ tịch Hồ Chí Minh nói rằng, việc tiếp xúc vào lúc này chưa thuận lợi. Tuy vậy, con đường liên lạc với Hà Nội của Trung tâm đã mở.

Tháng 10-1966, ông Đôn Luít Quyntanila, khi đó đang dạy tại Đại học Mêhicô, sang thăm Hà Nội. Ông đã dừng chân tại Bắc Kinh khi đó đang sôi sục trong cuộc Đại cách mạng văn hóa, có lẽ để có một cái nhìn chung về cuộc cách mạng đó, đồng thời để sau này xem tác động của nó đối với Hà Nội và cũng để xem Hà Nội phụ thuộc Bắc Kinh đến đâu. Ông được đi thăm một số nơi, gặp một số nhân vật và được cả Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp. Ông thông báo là Hội nghị “Hòa bình trên trái đất” sẽ được tổ chức vào tháng 5-1967 và chuyển lời của Trung tâm CSD mời Việt Nam cử đại biểu tới dự. Hà Nội trả lời đồng ý và sẵn sàng tiếp các đại diện của Trung tâm CSD để trao đổi thêm. Do đó, ông Quyntanila đã giới thiệu hai ông Axmôrơ và Bách.

Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ đồng ý để hai ông này sang Hà Nội, nhưng yêu cầu hai ông tìm hiểu thái độ của Hà Nội về một số vấn đề mà họ quan tâm, kể cả vấn đề những phi công Mỹ bị bắt ở miền Bắc Việt Nam. Được biết trước khi Axmôrơ và Bách lên đường, họ đã có ít nhất hai cuộc thảo luận trong tháng 11 và 12 với Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ về lập trường của nước mình. Các quan chức Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ còn yêu cầu họ giữ bí mật, và cũng để giữ bí mật, họ chỉ được nhận thị thực đi Hà Nội khi đến Hồng Công. Nhưng do một sự

ngẫu nhiên, bí mật của chuyến đi ngay từ đầu đã không giữ được: Trợ lý Tổng Biên tập *Thời báo Niu Oóc* trên đường từ Hà Nội trở về đã nhìn thấy tên hai người trong vận đơn của chiếc máy bay của Ủy ban quốc tế phụ trách liên lạc giữa Sài Gòn - Hà Nội.

Trong thời gian ở Hà Nội, Axmôr và Bách, Quynstanila đã có những cuộc gặp gỡ với Hội Nhà báo Việt Nam, Ủy ban liên lạc văn hóa với nước ngoài, Ủy ban điều tra tội ác của đế quốc Mỹ. Họ đã đi thăm một số nơi bị máy bay Hoa Kỳ ném bom trong tháng 12, đặc biệt là Trường trung học Việt Nam - Ba Lan hoàn toàn bị san bằng, nhìn thấy tận mắt những hố to do bom 1.000 bảng Anh đào quanh trường, mặc dù trường này ở cách xa các cơ sở công nghiệp hay quân sự. Thành phố Nam Định bị tàn phá nặng nề, dân thường đi sơ tán cả nhưng nhà máy dệt vẫn hoạt động. Trên đường đi, họ qua thị xã Phủ Lý đã bị san phẳng hoàn toàn.

Họ cũng gặp em Thái Bình Dân, 13 tuổi, bị trúng bom napan ở một làng thuộc tỉnh Long An, miền Nam Việt Nam, khắp người chằng chịt những vết sẹo, và được nghe em kể lại cuộc ném bom đốt cháy rụi nhà em và các nhà trong xóm. Họ lặng đi. Em Dân đề nghị họ về Hoa Kỳ tố cáo tội ác do máy bay Hoa Kỳ gây ra. Họ gật đầu và khi chia tay còn chúc em khỏe mạnh, may mắn.

Họ đã nghe Đại tá Hà Văn Lâu nói về tình hình chiến sự ở cả hai miền, đã có nhiều giờ trao đổi với đồng chí Hoàng Tùng, Tổng Biên tập báo *Nhân dân*, Chủ tịch Hội Nhà báo Việt Nam, về nguồn gốc và triển vọng phát triển của cuộc chiến tranh Việt Nam,

về lập trường của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam và của Hoa Kỳ.

Nhưng điều gây ấn tượng sâu sắc nhất đối với họ là cuộc gặp gỡ Chủ tịch Hồ Chí Minh, đến mức trong cuốn *Công cán tại Hà Nội* kể lại chuyến đi này, họ đã dành cả một chương viết về Người với những lời trân trọng nhất.

Cuộc gặp gỡ diễn ra vào hồi 17h ngày 12-01-1967, tại Phủ Chủ tịch. Về phía Việt Nam, có đồng chí Hoàng Tùng, đồng chí Nguyễn Đình Phương, giúp việc phiên dịch cho Chủ tịch, ngoài ra còn có đồng chí Tố Hữu đến làm việc với Chủ tịch và được lưu lại cùng nghe.

Mở đầu câu chuyện, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói với ông Quyntanila bằng tiếng Pháp bày tỏ sự vui mừng vì gặp lại ông. Quay sang hai ông khách Mỹ, Người dùng tiếng Anh, tỏ ý tiếc là vì có nhiều người không biết tiếng Anh nên phải nhờ phiên dịch.

Ông Axmôrơ hỏi thăm sức khỏe Chủ tịch Hồ Chí Minh. Năm đó Người đã 77 tuổi. Như hai ông Axmôrơ và Bách đã viết sau này, Người “nhìn khách một cách hóm hỉnh như chỉ ra rằng Người biết câu hỏi đó là điều mà Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ cũng như nhiều trung tâm quyền lực trên thế giới rất quan tâm”.

Người đáp:

- Tôi vẫn khỏe mạnh. Tôi chỉ có một thói xấu là hút thuốc lá, hút liên tục.

Người đưa điếu thuốc lá lên và nói tiếp:

- Bây giờ tôi đã quá già để tiếp tục hút, vì nó làm hại sức khỏe của tôi.

Và với giọng tâm sự, tự nhiên, Người nói:

- Tôi chưa có thời gian nào để lấy vợ và lập gia đình. Tôi nói với nhân dân Việt Nam rằng, họ là con cháu tôi, vì vậy tôi sống rất bình yên và giản dị. Tôi ngủ rất ngon, ngay cả khi có việc ném bom của các ông.

Bất thành linh, Người chuyển sang nói bằng tiếng Anh:

- Thôi hãy bỏ thủ tục đi. Các bạn hãy xem như ở nhà mình. Chúng ta có thể nói chuyện với nhau một cách chân tình và bí mật được chứ?

Bách nói trịnh trọng:

- Thưa Chủ tịch, chúng tôi rất sung sướng được đến thăm đất nước Ngài và rất vinh dự được Ngài đón tiếp. Chúng tôi xin bảo đảm với Ngài rằng chúng tôi sẽ hết sức giữ bí mật. Chúng tôi sẽ báo cáo một cách đầy đủ cho các quan chức cấp cao Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ, là những người mà chúng tôi đã nói chuyện trước khi đến đây.

Axmôơ nói thêm:

- Chúng tôi không có quy chế chính thức, không có thẩm quyền thương lượng hoặc hành động như nhân viên của Chính phủ chúng tôi. Nhưng chúng tôi nghĩ là mình có thể báo cáo một cách đầy đủ quan điểm đang chiếm ưu thế ở Oasinhton và chuyển đến họ một cách chính xác ý kiến của Ngài khi chúng tôi về nước.

Bách:

- Thưa Chủ tịch, trong số các nhân vật cấp cao của chính giới Hoa Kỳ có nhiều người đã thấy cuộc chiến tranh này là xấu xa, tàn bạo. Chiến tranh còn tiếp diễn thì còn nhiều thanh niên, sinh viên bị giết cho nên cần chấm dứt ném bom, chấm dứt chiến tranh.

Không thể chấm dứt bất kỳ cuộc chiến tranh nào nếu đại diện hai bên tham chiến không ngồi lại nói chuyện với nhau về cách làm cho chiến tranh chấm dứt.

Axmôơ:

- Thưa Chủ tịch, chúng tôi nghĩ rằng nếu đại diện Hoa Kỳ và đại diện Việt Nam Dân chủ Cộng hòa gặp nhau không chính thức để thăm dò khả năng tiến tới một cuộc họp chính thức thì điều đó có thể có ích. Mục đích cuộc gặp gỡ là bàn vấn đề rút quân và ngừng bắn.

Chủ tịch Hồ Chí Minh:

- Muốn chấm dứt chiến tranh phải đặt ra một câu hỏi: Ai gây ra chiến tranh? Ai là nạn nhân? Người nào gây ra chiến tranh, gây ra thảm họa, người đó phải chấm dứt trước.

Máy bay Hoa Kỳ đang giết hại nhân dân miền Bắc; quân đội Hoa Kỳ đang tàn sát đồng bào chúng tôi ở miền Nam, trong điều kiện như vậy, làm sao để có cuộc nói chuyện được?

Axmôơ:

- Chúng tôi hoàn toàn thông cảm rằng do những hành động của Hoa Kỳ mà Việt Nam nghi ngờ Hoa Kỳ không thành thực. Muốn có buổi nói chuyện, chúng tôi nghĩ, trước hết Hoa Kỳ phải ngừng ném bom miền Bắc, sau đó hai bên sẽ thỏa thuận về ngừng bắn ở miền Nam.

Chúng tôi hy vọng rằng việc Hoa Kỳ ngừng ném bom sẽ là bước mở đầu nhằm tiến tới việc Hoa Kỳ rút quân.

Chủ tịch Hồ Chí Minh:

- Chúng tôi đang sống yên lành, Hoa Kỳ đến ném bom rồi lại nói: nếu muốn Hoa Kỳ ngừng ném bom thì Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa phải trả giá nào đó. Như thế có khác gì một tên cướp ở Chicagô xông vào nhà đánh và dọa giết chủ nhà rồi lại bảo nếu muốn để nó ra thì chủ nhà phải trả giá.

Hiện nay, Oasinhtơn nói hòa bình nhưng đồng thời lại đưa thêm quân vào miền Nam và tăng cường ném bom miền Bắc. Từ trước đến nay, mỗi bước leo thang chiến tranh của ông Giônxsơn bao giờ cũng kèm theo điều kiện hòa bình giả.

Đến đây Chủ tịch Hồ Chí Minh nhắc lại lời tổng thống F. Rudoven nhiều lần tuyên bố rằng ông không có ý định để các nước Đông Dương trở lại ách thực dân, nhưng sau đó lại ủng hộ quyết định của các đồng minh để quân Tưởng Giới Thạch và quân Anh vào chiếm đóng Việt Nam, mở đường cho Pháp trở lại. Người cũng nhắc lại lời tuyên bố của đại diện chính quyền Aixenhao cam kết long trọng không dùng vũ lực hay đe dọa dùng vũ lực trong việc thi hành Hiệp nghị Giơnevơ, nhưng sau đó là một loạt hành động của Hoa Kỳ ủng hộ Ngô Đình Diệm, cản trở thống nhất nước Việt Nam và nay là đưa quân xâm lược Việt Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh nói tiếp:

- Chúng tôi đã học được bài học. Lịch sử hàng nghìn năm của dân tộc Việt Nam đã dạy chúng tôi phải là người yêu nước. Nhân dân chúng tôi là người có lý trí,

biết suy nghĩ, yêu hòa bình. Chúng tôi muốn kết thúc cuộc chiến tranh này nhưng nền độc lập, tự do của Việt Nam không thể lại bị đưa ra thương lượng một lần nữa.

Tình hình hiện nay là:

1. Hoa Kỳ vẫn ném bom miền Bắc.
2. Quân đội Hoa Kỳ đang càn quét ở miền Nam.

Chúng ta đều biết Hoa Kỳ đã đưa vào miền Nam gần 400.000 quân. Chính phủ Hoa Kỳ phải chấm dứt chiến tranh và đưa họ ra, sau đó mới xét được. Việc Chính phủ Hoa Kỳ phải làm là chấm dứt không điều kiện việc ném bom miền Bắc, sau đó mới có thể nói chuyện tiếp. Nếu điều kiện đó được đáp ứng thì sẽ không còn trở ngại nào cho cuộc thương lượng có thể đi tới hòa bình.

Chính phủ các ông phải hiểu điều đó. Chúng tôi không đánh Hoa Kỳ. Chúng tôi không phạm một hành động đối địch nào vào lãnh thổ của các ông. Chúng tôi đang ủng hộ cuộc chiến tranh giải phóng của đồng bào chúng tôi ở miền Nam, đó là vấn đề của người Việt Nam với nhau, không phải là tấn công vào Hoa Kỳ. Còn máy bay chiến đấu của các ông đang hằng ngày đánh phá đất nước chúng tôi, tàu chiến của các ông xâm phạm vùng biển của chúng tôi, pháo binh của các ông đang pháo kích chúng tôi qua khu phi quân sự. Không một quốc gia nào quý trọng độc lập của mình lại tha thứ cho những hành động đó.

Trong khi những hành động chiến tranh đó còn tiếp diễn thì các ông đừng mong đợi chúng tôi đến bàn

thương lượng. Làm như vậy không phải là thương lượng một giải pháp mà là đi xin hòa bình, là đầu hàng. Đó là điều chúng tôi không bao giờ làm.

Khi nào chấm dứt ném bom, cuộc nói chuyện sẽ bắt đầu. Nếu Hoa Kỳ muốn nói chuyện với Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Chính phủ các ông sẽ biết phải làm gì: chấm dứt ném bom.

Hoa Kỳ làm rùm beng việc Bắc Việt Nam tiếp tục đưa người và hàng tiếp tế vào miền Nam cho Mặt trận Dân tộc giải phóng, cho rằng điều đó sẽ làm cho thế và lực của quân thù được tăng cường và đe dọa các lực lượng Hoa Kỳ. Chính người Hoa Kỳ cũng làm như vậy. Họ vẫn đưa người và vũ khí vào miền Nam trong lúc ngừng ném bom. Nếu Hoa Kỳ muốn nói chuyện về việc giảm dần lực lượng ở miền Nam thì Hoa Kỳ phải chấm dứt việc đưa quân vào miền Nam trước và nếu điều đó được thực hiện thì có nhiều việc để nói chuyện với nhau.

Trả lời câu hỏi về việc rút quân Hoa Kỳ, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói:

- Tôi ghi nhận rằng, Tổng thống Giôn-xơn đã cam kết Hoa Kỳ không có tham vọng để lại lực lượng quân sự ở miền Nam Việt Nam. Thực tình mà nói, tôi thấy điều đó khó tin khi người ta thấy việc xây dựng các căn cứ của Hoa Kỳ rất quy mô ở miền Nam; và qua kinh nghiệm của chúng tôi, điều kiện về tuyển cử tự do là một cách thường dùng trước đây để kéo dài sự can thiệp.

Tuy vậy, về phía chúng tôi, chúng tôi cũng thấy không thể chấm dứt cuộc chiến, và đưa một lực lượng



quân sự đồ sộ như vậy ra khỏi miền Nam một sớm một chiều.

Chúng tôi cho rằng phải có thời gian cho Hoa Kỳ rút sau khi có ngừng bắn.

Bách hỏi:

- Như vậy, Chủ tịch sẵn sàng xem xét việc rút quân từng giai đoạn như Tổng thống Giôn-xơn đã gợi ý?

Chủ tịch Hồ Chí Minh:

- Các ông có thể gọi nó là như vậy, từ ngữ không quan trọng. Quan trọng là việc làm thật sự. Nhân dân Việt Nam phải được bảo đảm quyền giải quyết các việc nội bộ của mình, không có sự can thiệp của nước ngoài.

Axmô-rơ:

- Thưa Chủ tịch, xin Chủ tịch tin rằng chúng tôi rất kín đáo trong việc liên hệ với Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ. Chủ tịch có cho phép chúng tôi sau khi trở về sẽ thông báo không chính thức cho các bạn của chúng tôi ở Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ biết rằng: nếu Hoa Kỳ ngừng ném bom miền Bắc và ngừng đưa thêm quân vào miền Nam thì có thể yêu cầu Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tham dự một cuộc họp không chính thức với phía Hoa Kỳ không?

Có một thứ bệnh địa phương gần như hoang tưởng, nghi ngờ thái độ của Việt Nam. Chúng tôi muốn có một tuyên bố dứt khoát và rõ ràng của Chủ tịch.

Chủ tịch Hồ Chí Minh:

- Tôi không muốn bảo đảm điều gì trong điều kiện hiện nay. Tôi là một người đa nghi và tôi có lý do để ngờ vực. Người Mỹ các ông ít nhiều đều là nhà kinh doanh. Tôi cũng là nhà kinh doanh. Đối với người kinh doanh

chưa thấy mặt hàng thì chưa thể định giá được. Khi việc ném bom chấm dứt, cuộc nói chuyện bắt đầu. Ta sẽ xem mặt hàng.

Trong cuộc nói chuyện, Chủ tịch Hồ Chí Minh không nói nhiều đến lập trường bốn điểm. Nhưng các vị khách cũng tự hiểu rằng bốn điểm không phải là điều kiện cho việc bắt đầu nói chuyện, đó là những vấn đề sẽ thảo luận tại bàn hội thảo.

Về câu hỏi có phải phía Việt Nam tiếp tục nhấn mạnh đòi hỏi có đại diện của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam tham gia vào cuộc nói chuyện giữa Hoa Kỳ và Việt Nam Dân chủ Cộng hòa không, Chủ tịch Hồ Chí Minh trả lời:

- Không có điều kiện nào khác cho cuộc nói chuyện giữa Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Hoa Kỳ khi Hoa Kỳ chấm dứt ném bom. Tôi hiểu Hoa Kỳ có vấn đề thể diện, do những cam kết với chính quyền Sài Gòn và các đồng minh khác, nhưng phía chúng tôi cũng có những vấn đề tương tự.

Nước Việt Nam là một. Việt Nam sau này phải được thống nhất lại dưới sự lãnh đạo của một Chính phủ duy nhất, một Chính phủ tập hợp những người đại diện của hai miền. Nhưng trong một thời gian, miền Nam không có lý do gì lại không thể có một chính phủ riêng, một chính phủ mang tính đại diện rộng rãi không phải như chế độ Sài Gòn hiện nay. Chính phủ đó sẽ không có khó khăn gì trong việc hợp tác với Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Và tôi tin rằng, vào một thời gian

thích hợp nào đó, hai chế độ ở hai miền sẽ xây dựng nên một khối thống nhất đoàn kết thật sự bền vững.

- Vậy Chủ tịch quan niệm “thời gian thích hợp” là thế nào?

- Có thể là 10 năm hay lâu hơn nữa. Điều đó không quan trọng. Nhân dân Việt Nam chừng nào được tự do quyết định số phận của mình thì họ sẽ xem xét việc đó. Tôi không thể sống tới ngày đó, nhưng tôi không nghi ngờ gì việc thống nhất đó sẽ đến. Lịch sử dân tộc chúng tôi đòi hỏi như vậy.

Phân trao đổi chính trị đã đến lúc kết thúc.

Axmôơ:

- Chúng tôi rất cảm động về sự tiếp đón thân mật của Chủ tịch và tất cả đồng bào của Chủ tịch đã dành cho những người Mỹ chúng tôi, kể cả những người hiện là nạn nhân của việc Hoa Kỳ ném bom.

Khách tỏ vẻ muốn đứng dậy. Chủ tịch Hồ Chí Minh giờ hai tay giữ lại và nói:

- Tôi kính trọng nhân dân Hoa Kỳ. Họ là những người thông minh, là những người yêu hòa bình và dân chủ. Lính Mỹ hiện nay đang bị đẩy sang đây để đi giết người và để bị giết. Nhưng nếu họ đến đây giúp đỡ chúng tôi như những nhà kỹ thuật thì chúng tôi hoan nghênh họ như những người anh em. Còn bây giờ họ đến đây để giết người và để bị bắn chết, đó là sự sỉ nhục. Đối với các ông, các ông khó mà tin được rằng tôi lấy làm đau lòng không những khi nhân dân Việt Nam bị giết hại mà tôi cũng rất buồn phiền khi lính Mỹ bị giết.

Tôi thông cảm nỗi đau buồn của cha mẹ họ. Vì vậy, chúng tôi nói với nhân dân chúng tôi rằng họ phải sẵn sàng hoan nghênh nhân dân Mỹ, không phải khi họ đến như hiện nay với những người lính mang vũ khí, mà là khi họ đến một lần nữa trong tương lai để giúp đỡ xây dựng lại đất nước chúng ta.

Nếu điều đó tỏ ra xa lạ với các ông thì các ông hãy nhìn lại mối quan hệ giữa chúng tôi với người Pháp. Khi chiến tranh chấm dứt ở Điện Biên Phủ, mối quan hệ chặt chẽ và thân thiện giữa Pari và Hà Nội đã phát triển. Người Pháp hiện nay là người bạn nhiệt tình của chúng tôi và chúng tôi cũng tự hào có hương vị Pháp trong nền văn hóa hiện tại của chúng tôi.

Các ông hãy tin tôi khi tôi nói rằng, tôi sẽ rất sung sướng được đón tiếp Tổng thống Hoa Kỳ đến đây một cách hòa bình. Chúng tôi chìa bàn tay hữu nghị ra với bất kỳ quốc gia nào thừa nhận Việt Nam là một nước tự do và độc lập.

Axmôrô:

- Thưa Chủ tịch, chúng tôi rất vui mừng chuyển tình cảm đó đến các quan chức chính thức của Oasinhton và sẽ thông báo lại phản ứng của họ cho Chủ tịch biết. Chúng tôi xin hỏi có thể chuyển qua ông Hoàng Tùng được không?

Chủ tịch Hồ Chí Minh:

- Ông Hoàng Tùng sẽ rất sung sướng được nghe bất cứ điều gì mà các ông nói, nhưng nếu các ông có một thông điệp cho tôi sao không gửi thẳng cho tôi?

Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa có đại diện ở Pháp, ở Angiêri, ở các nước xã hội chủ nghĩa và nhiều nơi khác trên thế giới. Nếu Chính phủ Hoa Kỳ muốn có bất cứ cuộc tiếp xúc chính thức nào thì cơ quan ngoại giao của chúng tôi ở nước ngoài đều có thể thu xếp được.

Tôi xin thêm một điều. Chúng tôi rất muốn hòa bình nhưng nếu Chính phủ Hoa Kỳ không muốn hòa bình và tiếp tục chiến tranh thì chúng tôi kiên quyết chiến đấu đến cùng để giành độc lập, tự do, quyết không chịu ách nô lệ của đế quốc Mỹ. Một nước đi gây chiến tranh xâm lược một nước khác là xấu. Hoa Kỳ là một nước lớn. Hoa Kỳ đi xâm lược một nước nhỏ như Việt Nam việc đó càng xấu.

Cuối cùng xin nhờ các ông chuyển đến nhân dân Mỹ lời chào của những người bạn Việt Nam<sup>1</sup>.

Theo cuốn *Công cán tại Hà Nội*, sau khi trở về Hoa Kỳ, Axmôr và Bách đã dành hai ngày để báo cáo chuyến công cán ở Hà Nội cho Nicôla Cátđembách, Thứ trưởng Bộ Ngoại giao, Uyliam Bânđi, trợ lý bộ trưởng về các vấn đề Viễn Đông và Thái Bình Dương, Avôren Hariman và một số quan chức khác. Họ còn gặp Bộ trưởng Quốc phòng Mắc Namara để trình bày nhận xét của mình về các cuộc ném bom của Hoa Kỳ ở miền Bắc Việt Nam. Họ cho là không có kết quả (cả hai ông trong Chiến tranh thế giới thứ hai đều là phi công, riêng H.S. Axmôr đã là trung tá trong không quân

---

1. Xem thêm H.S. Axmôr và W.C. Bách: *Công cán tại Hà Nội*, Nxb. Pútmanxơn, Niu Oóc, 1968, tr. 45-52.

Hoa Kỳ). Họ cho rằng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đáp ứng tất cả các điều kiện mà Hoa Kỳ từng tuyên bố công khai và như vậy con đường đã mở rộng để thăm dò thêm qua hai ông hay qua con đường ngoại giao. “Những nhận xét của Chủ tịch Hồ Chí Minh gây ấn tượng mạnh mẽ cho chúng tôi. Đó là một đề nghị đến bàn thương lượng và các yếu tố trong đề nghị rất đơn giản: chúng ta ngừng ném bom và Chủ tịch Hồ Chí Minh sẽ đi vào nói chuyện”. Hai ông không nhận lời ra điều trần trước Ủy ban Đối ngoại Thượng nghị viện Hoa Kỳ, nhưng đã thông báo chuyến đi và kết quả cho Chủ tịch Ủy ban này là Phunbrai và qua Phunbrai, Tổng thống Giôn-xơn cũng đã biết chuyến đi Hà Nội của họ.

Hơn hai tuần tuần sau khi báo cáo với Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ, Axmôr và Bách lại được mời tới Bộ Ngoại giao. Hôm đó có Thượng nghị sĩ Phunbrai dự. Các quan chức ngoại giao bàn về một bức thư của hai ông gửi Chủ tịch Hồ Chí Minh. Thứ trưởng Cátdenbách duyệt lần cuối cùng lá thư đó và trao cho Axmôr ký tên và gửi đi. Ngày 07-02-1967, Đại sứ quán Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ở Phnôm Pênh nhận được bức thư đó. Trong thư có đoạn viết:

“Họ (Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ - TG) đặc biệt chú ý đến gợi ý của Ngài với chúng tôi là có thể bắt đầu nói chuyện riêng miễn là Hoa Kỳ ngừng ném bom nước Ngài và chấm dứt việc đưa thêm quân vào miền Nam. Họ bày tỏ ý kiến cần một sự qua lại hạn chế nào đó để chúng tôi không bên nào có ý định lợi dụng cơ hội để giành lợi thế về quân sự”.

Bức thư cũng nói đến việc lấy Hiệp nghị Giơnevơ năm 1954 làm khung cho một giải pháp và cuộc thảo luận sẽ đề cập tất cả các vấn đề cho giải pháp đó.

Bức thư vẫn dựa trên yêu cầu “có đi có lại” của Nhà Trắng, nhưng ít nhất cũng là một bức thư ký tên ông Axmôr và được Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ duyệt từng câu, từng chữ, còn lấy Hiệp nghị Giơnevơ năm 1954 làm khung cho giải pháp chính trị về Việt Nam. Ông Axmôr thật sự tin rằng, Chính phủ Hoa Kỳ muốn hòa bình và tỏ ý muốn trở lại Hà Nội một lần nữa. Nhưng ngày 08-02-1967, Tổng thống Giônxon gửi bức thư đầu tiên cho Chủ tịch Hồ Chí Minh với lập trường cứng rắn hơn tất cả các lời tuyên bố trước như: Hoa Kỳ chỉ ngừng ném bom miền Bắc Việt Nam khi Hà Nội bảo đảm trước sẽ chấm dứt đưa quân vào miền Nam Việt Nam hoặc không hề nói đến việc lấy Hiệp nghị Giơnevơ năm 1954 làm cơ sở thương lượng. Rất kiên nhẫn, ông Bách đợi đến ngày 18 tháng 9 năm đó mới viết bài đăng trên tờ *Tin Maiami* giới thiệu một cách chi tiết cuộc gặp gỡ với Chủ tịch Hồ Chí Minh. Ông nhấn mạnh “thái độ hòa giải” của Chủ tịch Hồ Chí Minh và phê phán thái độ cứng rắn, không muốn thương lượng của Giônxon. Ông đặc biệt công phần về thái độ của nhà cầm quyền Hoa Kỳ, ông viết:

“Tại sao Giônxon lại chọn thời điểm đó (lúc hai ông vừa gửi thư cho Chủ tịch Hồ Chí Minh) để gửi cho Hà Nội bức thư nói trên. Nếu coi thư của Axmôr là không quan trọng, tại sao Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ lại cho gửi đi?... Không thể hiểu lôgích giữa một lá thư của

Bộ Ngoại giao và một lá thư của Nhà Trắng khi mà nội dung hai thư lại mâu thuẫn nhau...”.

Rồi ông kết luận, nhẹ nhàng hơn so với những câu chất vấn: Giônxon vừa xoa dịu phái bồ câu, vừa nhân nhượng phái điều hâu...

Nhưng Axmôrơ thì thẳng thừng hơn trong bài *Quan hệ công khai về hòa bình* được đăng trên tạp chí của Trung tâm Nghiên cứu các thể chế dân chủ ở Hoa Kỳ. Ông tố cáo Giônxon dùng thủ đoạn hai mặt thô lỗ và “chơi trò trí trá”.

Cùng ngày 18-9-1967, Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ phải ra tuyên bố xác nhận có bức thư ngày 05-02-1967 của Axmôrơ gửi Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhưng lại cố thanh minh rằng từ tháng 01, Hoa Kỳ đã thiết lập được quan hệ trực tiếp với Hà Nội qua Mátxcova và Axmôrơ và Bách không biết. Bản tuyên bố đó đã lờ đi hoặc không giải đáp được câu trả lời: tại sao Bộ Ngoại giao đầu tháng 2 đã thông qua thư của Axmôrơ gửi Chủ tịch Hồ Chí Minh với lời lẽ mềm mỏng trong khi thư Tổng thống Giônxon gửi Chủ tịch cùng thời điểm đó lại cứng rắn và bác bỏ thiện chí của Chủ tịch Hồ Chí Minh?

Và thiện chí đó, ngay Thượng nghị sĩ Phunbrai cũng đã thấy. Ông cảm thấy Hoa Kỳ có thể nói chuyện hòa bình với miền Bắc Việt Nam nếu Hoa Kỳ xét tới bất cứ cái gì, trừ việc đầu hàng của miền Bắc Việt Nam. Thái độ của Bắc Việt Nam có thể dẫn tới đàm phán<sup>1</sup>.

---

1. Theo hãng tin AP, UPI, Oasinhton, ngày 18-9-1967.



Sự thật là Giôn-xơn tỏ vẻ muốn thương lượng hòa bình nhằm che đậy ý định tìm một thắng lợi trên chiến trường để chuẩn bị năm bầu cử tổng thống.

\*

\*       \*

Năm ngày sau khi tiếp hai ông Axmô-rơ và Bách, Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp đoàn “Những người tình nguyện vì hòa bình”. Đoàn gồm ba thành viên:

- Cụ A.J. Maxti, 82 tuổi, mục sư đạo Tin lành, người Mỹ.

- Ông Abrahan Phêinbóc, 67 tuổi, mục sư đạo Do thái, người Mỹ, sống ở Canada.

- Ông Enbrôđơ Rivo, 67 tuổi, linh mục nhà thờ Anh giáo, người Anh.

Trong thời gian ở Hà Nội, ba vị khách này đã đi thăm khu đông dân cư Phúc Xá và một số phố khác của Hà Nội bị ném bom nặng nề trong những ngày tháng 12-1967, thăm bệnh viện Xanh Pôn và gặp một số phi công Mỹ bị bắt.

Ba vị đã được gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh, có cả Thủ tướng Phạm Văn Đồng cùng dự. Cuộc nói chuyện diễn ra thân mật, thoải mái. Chủ tịch Hồ Chí Minh cảm ơn ba vị vượt ngàn dặm xa xôi bỏ công đến thăm đất nước Việt Nam đang bị xâm lược và chịu những hy sinh to lớn. Người nói: đối với nhân dân Việt Nam, không có gì quý hơn độc lập, tự do. Thật vất vả cho những người ở tuổi các cụ khi tiến hành một chuyến đi như vậy. Người cũng nói, Người đã 77 tuổi rồi. Người nhắc lại rằng Người đã ở Anh, từng làm đầu bếp trong một khách sạn,

đã đến khu da đen Halem ở Niu Oóc, nhưng chưa được đến Canada. Người mời các cụ uống trà và cả rượu vang nho.

Biết các vị khách kể đã đi thăm nhiều nơi của Hà Nội bị máy bay Mỹ đánh phá, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói:

“Tổng thống Giônxon đã nói rằng ông ta sẽ gặp bất cứ ai, bất cứ ở đâu và bất cứ lúc nào để nói chuyện hòa bình. Tôi xin mời ông Giônxon đến Hà Nội như là khách của chúng tôi. Ông hãy đi cùng với vợ và con gái, người thư ký, người bác sĩ và người đầu bếp của mình. Nhưng đừng mang theo tướng lĩnh và đô đốc! Tôi xin bảo đảm rằng tổng thống sẽ an toàn tuyệt đối”<sup>1</sup>.

Chủ tịch Hồ Chí Minh và Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã chụp ảnh chung với ba vị khách. Người đã tặng mỗi vị khách một cái batoong. Riêng đối với mục sư Phêinbóc mắt kém, Người đã tặng chiếc batoong sơn từng đoạn đen trắng, một vật kỷ niệm của Người sau chuyến đi thăm nước Cộng hòa Indônêxia.

Thời bấy giờ, các công dân Hoa Kỳ không được sang thăm nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, trừ những trường hợp ngoại lệ. Căn cứ vào luật đó, người phát ngôn Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ tuyên bố: Ông Phêinbóc sang miền Bắc Việt Nam mà không được phép của Chính phủ Hoa Kỳ thì có thể bị truy tố.

Khi ông Phêinbóc về đến Anh, Đại sứ quán Hoa Kỳ đã cho người đón ông về trụ sở và yêu cầu ông kể lại

---

1. Xem thêm: *Nhật ký đi Hà Nội của mục sư Phêinbóc*, Alongnombúc, Canada, 1968, tr. 205.

những điều đã thu lượm được khi sang Hà Nội. Về đến Niu Oóc, ông cũng đã có nhiều cuộc gặp gỡ khác như: với Bộ Quốc phòng Hoa Kỳ để nói về các tù binh Hoa Kỳ mà ông với Bộ Ngoại giao đã gặp ở Hà Nội. Ông còn nói chuyện trực tiếp với Đại sứ Hoa Kỳ tại Liên hợp quốc Áctơ Gônbóc và yêu cầu đại sứ chuyển lời mời của Chủ tịch Hồ Chí Minh tới Tổng thống Giônxon, Gônbóc lưỡng lự rồi giao cho thư ký ghi lại yêu cầu đó. Những tin ông đưa về Hà Nội và được các báo đăng rộng rãi, làm xôn xao dư luận.

Nhưng một tháng sau khi Phêinbóc trở về nơi cư trú ở Canada thì Lãnh sự Hoa Kỳ ở Canada đã thu hồi hộ chiếu của ông.

Việc “Những người tình nguyện vì hòa bình” chuyển lời Chủ tịch Hồ Chí Minh mời Tổng thống Giônxon sang thăm Hà Nội mà không được đáp ứng cũng không có gì đáng ngạc nhiên. Trước đó không lâu, Giônxon đã nói với Thượng nghị sĩ Phunbrai, khi Thượng nghị sĩ đề nghị tổng thống tiếp hai ông Axmôơ và Bách rằng:

“Tôi rất muốn gặp họ, nhưng ngài biết đấy, tôi không thể nói chuyện với người đã ở đấy về và đã nói chuyện với Cụ Hồ Chí Minh”<sup>1</sup>.

---

1. H.S. Axmôơ và W.C. Bách: *Công cán tại Hà Nội*, Sđd, tr. 65.

## UYNXƠN: NHÀ TRẮNG ĐÃ ĐÁNH LỬA TÔI

---

**N**gày 06-01-1967, ba giờ chiều, Hoàng Mạnh Tú, Bí thư thứ nhất Đại sứ quán Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ở Liên Xô nhận được một bức thư do một nhân viên Đại sứ quán Hoa Kỳ đưa tới. Thư viết:

*“Thưa ông Đại sứ,*

Tôi được chỉ thị chuyển tới cá nhân ông một công hàm của Chính phủ tôi. Vì mục đích đó, tôi sẵn sàng đến thăm ông vào một buổi gần nhất thuận lợi đối với ông. Mong ông cho biết khi nào ông có thể vui lòng tiếp tôi. Xin gửi ông lời chào trân trọng”.

Giôn C. Góttorai, Đại biện lâm thời Đại sứ quán Hoa Kỳ.

Khi đó, Đại sứ Nguyễn Văn Kinh đã lên đường về nước sau khi kết thúc nhiệm kỳ. Đồng chí Lê Trang, tham tán công sứ Đại biện lâm thời Đại sứ quán ta được chỉ thị của Hà Nội tiếp Góttorai vào ngày 10 tháng 01.

Năm đó, Góttorai khoảng ngoài 50 tuổi và làm việc tại Đại sứ quán Hoa Kỳ ở Mátxcơva. Trước đó, ông đã

từng công tác tại Băng Cốc, Thái Lan và Hồng Kông, Trung Quốc.

Qua cổng Đại sứ quán Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trên đường Pirôgôttxcaia, ông đến cửa phía sau phòng khách. Đồng chí Lê Trang đón ông. Cuộc gặp gỡ được bắt đầu bằng câu chuyện khá ly kỳ của ông để đi từ Đại sứ quán Hoa Kỳ đến Đại sứ quán Việt Nam. Không dùng chiếc xe mọi ngày, ông tự lái một chiếc xe khách, đi lòng vòng ra mãi ngoại ô rồi gần một giờ sau mới trở về trung tâm Mátxcova và đi đến Đại sứ quán Việt Nam.

- Các ông thông cảm cho. Tôi phải giữ bí mật, tránh các con mắt tò mò hay soi mói của các nhà báo của chúng tôi. Nhiều khi họ làm hỏng việc.

- Tôi nghĩ, nếu chúng ta thành thật thì việc gì phải giấu giếm, đồng chí Lê Trang cười nói.

Góttorai đọc thông điệp:

“Chính phủ Hoa Kỳ đặt ưu tiên cao nhất cho việc tìm ra những thu xếp hoàn toàn có bảo đảm mà hai bên có thể thỏa thuận với Việt Nam Dân chủ Cộng hòa về khả năng hoàn tất một giải pháp cho cuộc xung đột ở Việt Nam. Nếu phía Việt Nam Dân chủ Cộng hòa cũng mong muốn tìm kiếm những khả năng như vậy với Hoa Kỳ, chúng tôi sẽ tìm cách đáp ứng mọi gợi ý mà phía Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sẽ đưa ra liên quan đến thời gian và địa điểm của cuộc thảo luận đó và chúng tôi sẵn sàng nhận các tin tức như vậy trực tiếp từ phía Việt Nam Dân chủ Cộng hòa qua con đường

ngoại giao ở bất cứ thủ đô nào mà cả hai bên đều có cơ quan thường trực”.

Một tuần sau, Góttorai được mời đến Đại sứ quán Việt Nam. Đồng chí Lê Trang đề nghị phía Hoa Kỳ giải thích thêm một số điểm: thế nào là thu xếp hoàn toàn có bảo đảm, lập trường cụ thể của Hoa Kỳ là gì? Một cuộc gặp mặt ngắn ngủi.

Trong cuộc gặp đồng chí Lê Trang sau đó vào ngày 20 tháng 01, ông Góttorai đáp ứng các yêu cầu của phía Việt Nam:

- Hoa Kỳ muốn giữ bí mật các cuộc thảo luận giữa Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Hoa Kỳ. Hoa Kỳ sẵn sàng gặp đại diện Việt Nam Dân chủ Cộng hòa bất cứ ở đâu, kể cả ở Mátxcơva. Hai nước đã rõ lập trường của nhau, cần tìm ra một cơ sở chung đi đến một giải pháp có thể chấp nhận được. Hoa Kỳ sẵn sàng xem xét bất cứ vấn đề nào mà phía Việt Nam đề ra.

Tối đây Góttorai đưa ra một danh mục các vấn đề làm ví dụ: ngừng bắn hoặc giảm chiến sự, rút lực lượng bên ngoài ra khỏi miền Nam Việt Nam, quyền tự do quyết định của miền Bắc và miền Nam Việt Nam về vấn đề thống nhất Việt Nam, vấn đề độc lập và toàn vẹn lãnh thổ của hai miền hoặc cả nước Việt Nam nếu như nhân dân Việt Nam đồng ý thống nhất vị trí quốc tế, cơ cấu chính trị của miền Nam Việt Nam và cuối cùng là biện pháp bảo đảm những điều khoản đã thỏa thuận.

Các vấn đề Hoa Kỳ nêu ra chỉ là danh mục làm ví dụ, chưa phải là lập trường của Hoa Kỳ để giải quyết

vấn đề Việt Nam. Thực chất đây vẫn là “lập trường thương lượng không điều kiện” đã đưa ra hai năm trước, vẫn là ngừng ném bom có điều kiện. Rõ ràng, Hoa Kỳ muốn đưa Việt Nam vào con đường tiếp xúc bí mật trong khi Hoa Kỳ tiếp tục ném bom miền Bắc, vừa tỏ thiện chí hòa bình, vừa đẩy mạnh chiến tranh ở cả hai miền, vừa thăm dò khả năng có một giải pháp có lợi cho Hoa Kỳ.

Trong lúc Hoa Kỳ làm ra vẻ bí mật đi tìm cách tiếp xúc với Hà Nội để thăm dò một khả năng dẫn tới cuộc nói chuyện với Hà Nội thì toàn thế giới đều biết lập trường của Hà Nội về khả năng đó. Ngày 02 tháng 01, tức là bốn ngày trước khi Góttorai yêu cầu gặp đồng chí Lê Trang, Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã tuyên bố rõ ràng lập trường bốn điểm làm cơ sở cho một giải pháp chứ không phải là điều kiện tiên quyết. Đó cũng là điều mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói với hai ông Axmôrơ và Bách.

Ngày 27 tháng 01, đồng chí Lê Trang trao cho ông Góttorai một bản bị vong lục của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nêu rõ lập trường bốn điểm của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, là cơ sở cho một giải pháp đúng đắn về vấn đề Việt Nam và nhấn mạnh:

“Chỉ sau khi Hoa Kỳ ngừng không điều kiện việc đánh phá nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thì mới có thể trao đổi với Hoa Kỳ về địa điểm và thời gian hai bên tiếp xúc như Hoa Kỳ đề nghị trong công hàm ngày 10-01-1967.

Góttorai hỏi lại xem có phải bản bị vong lục này là trả lời công hàm ngày 10-01-1967 không? Lê Trang cho ông biết cách hiểu như vậy là đúng và nói:

- Lời bình luận về các vấn đề ông nêu lên hôm 20 tháng 01 sẽ được đưa ra vào thời gian thích hợp.

Góttorai biểu lộ niềm vui mừng một cách kín đáo.

Ngày 28 tháng 01, trả lời phỏng vấn của nhà báo Ôxtrâylia Ubócsét, Bộ trưởng Ngoại giao Nguyễn Duy Trinh tuyên bố càng rõ ràng hơn:

“Hoa Kỳ đã có lần tuyên bố cần có những cuộc nói chuyện trực tiếp hay tiếp xúc giữa Hoa Kỳ và Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Nếu quả thật Hoa Kỳ muốn nói chuyện thì trước hết Hoa Kỳ phải chấm dứt không điều kiện việc ném bom và mọi hành động chiến tranh khác chống nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thì Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Hoa Kỳ mới có thể nói chuyện được với nhau”.

Như vậy, quan điểm của Hà Nội về vấn đề nói chuyện với Hoa Kỳ, từ chỗ mới nói riêng với hai ông Axmôr và Bách, với ông Xônxbôri, đã được các nhà lãnh đạo có trách nhiệm Việt Nam đưa ra chính thức và công khai. Khi đó nhiều đại diện Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ở nước ngoài như ở Phnôm Pênh, Cairô, v.v., đã họp báo tuyên bố rõ ràng “sẽ” nói chuyện chứ không phải “có thể” nói chuyện với Hoa Kỳ. Các đại diện ngoại giao của các nước tại Hà Nội cũng đã được thông báo về tuyên bố đó.

Đưa tin về việc này, tờ *Thời báo (Mỹ)* ngày 10 tháng 02 viết: Tuy lời lẽ rất có điều kiện và ít hòa



giải nhưng nhiều chính phủ có lãnh sự quán ở Hà Nội đã được những người cộng sản báo cho biết “tuyên bố đó là đầy tin hiệu”. Vì vậy, các chính phủ đó chuyển lại đến Oasinhton lời ngụ ý rằng một cuộc ngừng ném bom của Hoa Kỳ có thể đưa đến cuộc nói chuyện hòa bình.

Ngày 02 tháng 02, Giônxon tuyên bố với các nhà báo: “Ông không hề biết bất cứ một cố gắng nghiêm chỉnh nào của phía bên kia để chấm dứt chiến tranh” và vẫn đợi Việt Nam Dân chủ Cộng hòa “có thêm bất kỳ bước nào” bảo đảm cho việc ngừng ném bom miền Bắc.

Cùng ngày, Góttorai trao cho Lê Trang một công hàm của Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ lời lẽ tỏ ra mềm mỏng trong đó có đoạn đáng chú ý như sau: Hoa Kỳ mong muốn duy trì cuộc nói chuyện trực tiếp với Việt Nam Dân chủ Cộng hòa... Mong Việt Nam Dân chủ Cộng hòa chỉ đưa ra các tuyên bố hoàn toàn bí mật qua con đường này... Hoa Kỳ đã thi hành một bước xuống thang từ hơn một tháng nay: không ném bom trong phạm vi 10 dặm kể từ trung tâm Hà Nội. Ông gợi ý rằng: “Việc chấm dứt ném bom sẽ được tiến hành như một hành động đơn phương có trước. Trước khi làm việc đó Hoa Kỳ mong muốn có sự hiểu biết riêng với Việt Nam Dân chủ Cộng hòa về những bước tiếp theo sẽ được thực hiện để giảm bớt các hành động đối địch một cách công bằng và có đi có lại”.

Cuối cùng, Hoa Kỳ đề nghị sử dụng việc ngừng bắn trong dịp Tết sắp tới là thời cơ đặc biệt thuận lợi

cho việc thảo luận và mong được trả lời sớm, vì Tết đã cận kề. Hôm đó là ngày 23 tháng Chạp ta<sup>1</sup>.

Đây vẫn chỉ là kế hoạch hai giai đoạn trong kế hoạch Bông Cúc vạn thọ.

Hai giờ sáng ngày 08-02-1967, Góttorai vội đến Đại sứ quán ta trao cho Lê Trang thư của Tổng thống Giônxon gửi Chủ tịch Hồ Chí Minh. Thư có đoạn viết:

“Tôi sẵn sàng ra lệnh ngừng ném bom nước Ngải và chấm dứt việc tăng quân Hoa Kỳ vào Nam Việt Nam ngay khi nào tôi nhận được bảo đảm rằng các việc thâm nhập bằng đường bộ và đường thủy vào miền Nam Việt Nam đã chấm dứt”.

Nhiều vấn đề quan trọng không được nói đến như: vấn đề rút quân Hoa Kỳ, vấn đề thi hành Hiệp nghị Giơnevơ, v.v..

Tâuxen Húp, nguyên Chỉ huy không lực Hoa Kỳ, đã bình luận trong cuốn *Những giới hạn của sự can thiệp*:

“Đó là một bức thư cốt bảo đảm tạo ra một câu trả lời tiêu cực”<sup>2</sup>.

Lúc này, chính quyền Giônxon đang tích cực thực hiện “chiến lược chiến thắng” để chuẩn bị bước vào năm bầu cử với phương châm “tìm và diệt” của tướng Oétmolen và tin công khai cho biết chiến dịch Áttônborơ, bắt đầu ngày 14-9-1966 vừa kết thúc với những kết quả to lớn đánh vào cơ quan lãnh đạo của Mặt trận

---

1. Xem thêm G.C. Hiarinh: *Ngoại giao bí mật trong chiến tranh Việt Nam*, Sđd, tr. 417-426.

2. Tâuxen Húp: *Giới hạn của sự can thiệp*, Sđd, tr. 122.

Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam tại tỉnh Tây Ninh và cuộc tấn công Xêda Phôn đánh vào khu “tam giác sắt” ở cửa ngõ Sài Gòn ngày 08-01-1967 gây nhiều tổn thất cho Việt Cộng. Tiếp đó là chiến dịch Gianxơ Xiti lớn nhất trong cuộc chiến tranh của Hoa Kỳ ở Đông Nam Á, một lần nữa lại đánh tỉnh Tây Ninh. Họ tỏ ra quyết tâm lao vào chiến lược đó nên mọi hoạt động ngoại giao, mọi cố gắng thăm dò chỉ nhằm phục vụ thắng lợi hoặc buộc phía bên kia thương lượng theo điều kiện của họ.

Giôn-xơn đã không đợi câu trả lời của Chủ tịch Hồ Chí Minh và ngày 14 tháng 02, sau bảy ngày ngừng ném bom trong dịp Tết Đinh Mùi - ông ta đã ra lệnh ném bom trở lại miền Bắc. Thật ra nếu có chờ thư của Chủ tịch thêm thời gian cũng không lâu lắm vì ngày 15 tháng 02 thư trả lời đã được chuyển cho Giôn-xơn qua Đại sứ quán Hoa Kỳ ở Mátxcơva.

Ngày 21 tháng 3, Hà Nội công bố cả bức thư ngày 08 tháng 02 của Tổng thống Giôn-xơn và bức thư trả lời ngày 15 tháng 02 của Chủ tịch Hồ Chí Minh để dư luận thấy rõ ai có thiện chí, ai không có thiện chí.

Ngày 06 tháng 4, Đại sứ quán Hoa Kỳ tại Mátxcơva cho người mang tới Đại sứ quán Việt Nam Dân chủ Cộng hòa bức thư thứ hai của Tổng thống Giôn-xơn gửi Chủ tịch Hồ Chí Minh, một bức thư bỏ ngỏ. Nội dung có nói đến Hiệp nghị Giơnevơ năm 1954, quyền tự quyết của nhân dân miền Nam, vấn đề thống nhất nước Việt Nam, nhưng lại không nói gì đến việc rút đội quân viễn chinh Hoa Kỳ ra khỏi miền Nam. Vấn đề nói chuyện giữa hai bên vẫn trên cơ sở nguyên tắc có đi có lại.

Trả lời của phía Việt Nam là: Đại sứ quán Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã trả lại bức thư đó cho Đại sứ quán Hoa Kỳ.

Đợt thăm dò của Hoa Kỳ ở Mátxcova đến đây đã chấm dứt.

Trong thời gian có các cuộc tiếp xúc đầu tiên giữa hai đại diện Lê Trang và Góttơrai tại Mátxcova, Thủ tướng Anh Uynxơn cũng tiến hành thăm dò theo yêu cầu của Nhà Trắng trong những điều kiện không ngờ là bi kịch.

Ai cũng biết ngay từ đầu rằng, cuộc chiến tranh của Giônxon ở Việt Nam đã nhận được sự ủng hộ không che giấu của Chính phủ Công đảng Anh. Nếu nói rằng có sự phối hợp nhịp nhàng giữa Oasinhtơn và Luân Đôn cũng không có gì quá đáng.

Khi Hoa Kỳ vi phạm các nguyên tắc lớn và các điều khoản quân sự của Hiệp nghị Giơnevơ năm 1954, tuy là một Chủ tịch của Hội nghị Giơnevơ về Đông Dương, Anh đã làm ngơ. Khi Hoa Kỳ bắt đầu ném bom miền Bắc Việt Nam và đưa quân chiến đấu Hoa Kỳ vào miền Nam Việt Nam, Anh công khai bênh vực lập trường của Hoa Kỳ. Khi Hoa Kỳ bắt đầu đưa thủ đoạn “thương lượng không điều kiện”, Anh đã nhiều lần và dưới nhiều hình thức hưởng ứng các cố gắng của Hoa Kỳ trong lĩnh vực này.

Ngày 23-02-1966, khi thăm Liên Xô, Thủ tướng Anh Uynxơn đã cử một thành viên trong đoàn của ông, Huân tước Sanphơn, thứ trưởng Bộ Ngoại giao đến Đại sứ quán Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tại Mátxcova nhằm thuyết phục Việt Nam đồng ý nói chuyện với Hoa Kỳ.

Đồng chí Lê Trang đã tiếp Sanphơn. Sau khi nghe Sanphơn trình bày thiện chí của Anh trong việc thi hành Hiệp nghị Giơnevơ về Việt Nam, đồng chí đã nêu vai trò tích cực của Chính phủ Anh trong Hội nghị Giơnevơ năm 1954 nhưng cũng chỉ rõ rằng, Chính phủ Anh đã không làm đúng nhiệm vụ của một đồng Chủ tịch Hội nghị đó.

Sanphơn cố thanh minh và sau đó đã chuyển cho phía Việt Nam ý kiến của Thủ tướng Uynxơn, đại ý như sau:

Anh đã sẵn sàng nhận thông điệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi Nữ hoàng Anh với thái độ nghiêm chỉnh và Thủ tướng Uynxơn đề nghị tiếp xúc cá nhân với đại diện cá nhân của Chủ tịch Hồ Chí Minh ở Mátxcơva. Chính phủ Anh mong muốn và tin rằng Chính phủ Hoa Kỳ cũng như Chính phủ Anh muốn giải quyết cuộc xung đột ở Việt Nam bằng con đường thương lượng.

Lập trường của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và lập trường của Hoa Kỳ là những lập trường khó có thể phù hợp với nhau được. Chúng tôi hy vọng rằng, bằng phương pháp gặp gỡ cá nhân và bí mật, chúng ta có thể tìm ra cơ sở cho phép bắt đầu cuộc thương lượng.

Thủ tướng ủy nhiệm cho tôi nói rõ một số điểm trong thông điệp mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi cho Nữ hoàng Anh ngày 24-01-1966.

Điểm thứ nhất có liên quan đến việc Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam tham gia vào cuộc thương lượng. Nếu như Chính phủ Việt Nam Dân chủ

Cộng hòa sẵn sàng bước vào thương lượng với điều kiện là Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam sẽ có đại diện tham gia thương lượng tham gia thương lượng ngang với các chính phủ miền Bắc và miền Nam Việt Nam thì Thủ tướng chúng tôi sẽ sẵn sàng chuyển đề nghị đó cho Chính phủ Hoa Kỳ. Còn nếu như gạt Chính phủ miền Nam Việt Nam ra khỏi phòng hội nghị thì Thủ tướng chúng tôi thấy rằng, Chính phủ Hoa Kỳ sẽ không bao giờ tán thành điều đó và bản thân Thủ tướng sẽ không sẵn sàng đề nghị như vậy.

Điều thứ hai có liên quan đến điểm thứ nhất trong bốn điểm của ông Phạm Văn Đồng: Nếu như điều đó có nghĩa là tất cả các lực lượng vũ trang của Hoa Kỳ phải rút khỏi miền Nam Việt Nam trước khi bắt đầu thương lượng hoặc điều đó có nghĩa là khi bắt đầu thương lượng Hoa Kỳ phải cam kết hoàn toàn rút quân đội ra khỏi miền Nam Việt Nam trước một thời hạn nhất định nào đó mặc dù chưa biết là trong quá trình thương lượng có đạt được thỏa thuận hay không, thì theo ý kiến của Thủ tướng chúng tôi, không nên chờ đợi là Chính phủ Hoa Kỳ sẽ tiếp nhận những ý kiến như vậy và bản thân Thủ tướng sẽ không thể khuyên nên tiếp nhận những điều kiện như thế!

Còn nếu như điều đó có nghĩa là Hoa Kỳ cần phải rút quân đội trong một thời hạn nhất định sau khi đã đạt được một hiệp nghị qua con đường thương lượng và với điều kiện là tôn trọng mọi bảo đảm trong hiệp nghị thì Thủ tướng chúng tôi sẽ rất cảm ơn đối với sự giải thích thêm về vấn đề này.

“Điều thứ ba liên quan đến điểm thứ ba của ông Phạm Văn Đồng. Nếu như điều đó có nghĩa là Chính phủ Hoa Kỳ trước khi tiến hành thương lượng phải chấp nhận để Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam trở thành chính quyền tối cao ở miền Nam Việt Nam mặc dù chưa biết kết quả của thương lượng ra sao, thì Thủ tướng chúng tôi không thấy một khả năng nào để tán thành điều đó được.

Còn nếu như điều đó có nghĩa là vai trò tương lai của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam là một trong những điểm được quyết định trong một hiệp nghị đạt được do kết quả thương lượng thì Thủ tướng chúng tôi rất cảm ơn đối với lời giải thích thêm về vấn đề này.

Điểm thứ tư có liên quan đến lời Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi đình chỉ những cuộc oanh tạc và tất cả những hành động quân sự khác chống lại Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Nếu như việc đó chỉ là nhượng bộ một chiều của phía Hoa Kỳ thì Thủ tướng chúng tôi cho rằng điều đó sẽ là một trở ngại nghiêm trọng cho việc tiến hành thương lượng sau này.

Còn nếu như Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa về phía mình cũng sẵn sàng có một nhượng bộ thích ứng nào đó có tính chất quân sự thì Thủ tướng chúng tôi rất cảm ơn đối với sự giải thích thêm về vấn đề này.

... Thủ tướng chúng tôi bày tỏ sự sẵn sàng chuyển báo bất kỳ những tin tức hoặc những đề nghị nào cho

Chính phủ Hoa Kỳ. Thủ tướng chúng tôi chỉ định làm việc đó với danh nghĩa là người trung gian...”.

Đồng chí Lê Trang hứa sẽ chuyển những ý kiến của Thủ tướng Anh về Hà Nội.

Sau khi trở về Luân Đôn, Thủ tướng Anh tuyên bố rằng Hà Nội nắm chắc chìa khóa hòa bình, có nghĩa là Việt Nam chịu trách nhiệm về hòa bình hay tiếp tục chiến tranh ở Việt Nam.

Khi Hoa Kỳ leo thang đánh phá thủ đô Hà Nội và cảng Hải Phòng, ngày 01-7-1967, Thủ tướng Uynxon tỏ ý lấy làm tiếc về việc ném bom đó nhưng lại nêu lại cách nhìn trên: Cơ hội chấm dứt chiến tranh đã mở ra cho Hà Nội. Trách nhiệm tiếp tục chiến tranh cũng tùy thuộc vào Hà Nội.

Ngày 22 tháng 9, Đại sứ Hoa Kỳ tại Liên hợp quốc Áctơ Gônboóc đưa ra đề nghị ba điểm để giải quyết vấn đề Việt Nam. Nội dung tóm tắt là Hoa Kỳ sẵn sàng rút quân khỏi miền Nam làm nhiều đợt nếu miền Bắc Việt Nam chấp nhận rút quân đồng thời. Ngày 06 tháng 10, tại hội nghị hằng năm của Công đảng Anh, Ngoại trưởng Anh Gioócgiơ Brao đưa ra kế hoạch hòa bình sáu điểm, thực tế là nêu lại đề nghị của Gônboóc với một điểm mới là đề nghị tăng cường Ủy ban quốc tế bằng một lực lượng gìn giữ hòa bình như ở Síp để bảo đảm việc thi hành giải pháp đó.

Ngày 25 tháng 10, Hội nghị Manila tuyên bố các nước phía Hoa Kỳ tham chiến ở miền Nam Việt Nam sẽ rút quân trong vòng sáu tháng nếu miền Bắc Việt Nam cũng rút quân. Tiếp sau đó ngày 30 tháng 12, Chính phủ Anh



kêu gọi Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn họp lại để dàn xếp việc đình chỉ chiến sự, Hoa Kỳ và miền Bắc Việt Nam rút quân khỏi miền Nam Việt Nam.

Đầu tháng 02-1967, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô A.N. Cômăxghin sang thăm Vương quốc Anh. Liên Xô và Anh là hai đồng chủ tịch của Hội nghị Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương thì đương nhiên với tư cách đó Chủ tịch Cômăxghin và Thủ tướng Uynxơn sẽ bàn về tình hình Việt Nam.

Nhà Trắng đã cử C.L. Cupơ, cộng sự thân cận của Avơren Hariman sang Luân Đôn giới thiệu kế hoạch giai đoạn A và giai đoạn B để chuẩn bị cho Uynxơn hội đàm với Cômăxghin. Xin nhắc lại rằng, theo sự giải thích của Giônxơn trong hồi ký, giai đoạn A liên quan đến vấn đề Hoa Kỳ chấm dứt ném bom miền Bắc Việt Nam, giai đoạn B liên quan đến việc giảm bớt mức độ chiến sự ở miền Nam Việt Nam và các vấn đề khác; Hoa Kỳ sẽ đồng ý ngừng ném bom miền Bắc (giai đoạn A) chỉ sau khi hoàn toàn thỏa thuận được với Việt Nam Dân chủ Cộng hòa những biện pháp lớn sẽ áp dụng nhằm giảm bớt chiến sự (giai đoạn B). Đây là điểm khác nhau cơ bản về lập trường giữa Việt Nam và Hoa Kỳ: Việt Nam yêu cầu Hoa Kỳ chấm dứt ném bom trước rồi hai bên mới nói chuyện, Hoa Kỳ đòi Việt Nam thỏa thuận cùng giảm mức chiến sự trước thì mới ngừng ném bom và đi vào nói chuyện. Yêu cầu của Việt Nam để đi vào nói chuyện là Hoa Kỳ phải chấm dứt ném bom, còn yêu cầu của Hoa Kỳ là việc chấm dứt ném bom phải trên nguyên tắc có đi có lại.

Giả thiết kế hoạch hai giai đoạn A và B được chấp nhận thì có một vấn đề thực tế cần đề cập và giải quyết thỏa đáng: khoảng cách giữa hai giai đoạn đó là bao lâu? Nếu vấn đề đó được giải quyết thì vấn đề thời cơ không có khó khăn, vì hai bên đã chấp nhận trên thực tế ngừng bắn trong dịp Tết cổ truyền của dân tộc Việt Nam, với thời cơ đó không bên nào sợ mất mặt cả. Năm đó, Tết cổ truyền vào ngày 08-02-1967.

Cupơ kể: khi ông rời Oasinhton đi Luân Đôn, ông được biết là các nhà vạch kế hoạch Hoa Kỳ nói chung đã thỏa thuận với nhau là khoảng cách giữa hai giai đoạn là ba tuần hay hơn một chút. Ông ta còn được xem bức thư đề ngày 02-02-1967 mà tổng thống dự định gửi Chủ tịch Hồ Chí Minh. Bức thư đó sau này được sửa lại hoàn toàn để trở thành bức thư cứng rắn ngày 08-02-1967 mà mọi người đã biết.

Cupơ đã làm việc tỉ mỉ với Uynxon và Ngoại trưởng G. Brao. Ông ta nói đã được ủy nhiệm nhân danh Giônxon để khẳng định đây là kịch bản đã được vạch ra.

Uynxon tỏ ra rất lạc quan.

Trong cuộc hội đàm với Côxughin, Uynxon nêu vấn đề Việt Nam đầu tiên. Chủ tịch Côxughin nêu bước thứ nhất là Hoa Kỳ phải chấm dứt ném bom miền Bắc Việt Nam. Bước đó là cần thiết, như Bộ trưởng Ngoại giao Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã nói, để tạo ra khả năng nói chuyện giữa Mỹ và Việt Nam. Điều đó cũng phù hợp với thực tế. Sau khi có tuyên bố của đồng chí Nguyễn Duy Trinh, ngày 30 tháng 01, Đại sứ Liên Xô tại Việt Nam I. Sécbacốp chuyển ý kiến của lãnh đạo Liên Xô

tối Thủ tướng Phạm Văn Đồng: trong tình hình hiện nay Việt Nam nên tăng cường đấu tranh ngoại giao về vấn đề Việt Nam, mũi nhọn tập trung vào việc đòi Hoa Kỳ đình chỉ ném bom miền Bắc và tiếp xúc với Hoa Kỳ; sau khi tiếp xúc sẽ chuyển sang giai đoạn mới để giải quyết các vấn đề chính trị cơ bản, ý kiến đó phù hợp với chủ trương của Việt Nam khi chuẩn bị đột tiến công ngoại giao. Khi đó, chúng ta dự kiến tình hình có thể xảy ra theo ba khả năng:

1. Hoa Kỳ bác bỏ thẳng thừng và tiếp tục leo thang.
2. Hoa Kỳ đưa ra điều kiện để mặc cả, sau đó có thể hoặc là xuyên tạc lập trường của ta, đổ lỗi cho ta để tiếp tục leo thang, hoặc là có thể ngừng ném bom trên thực tế để đi vào nói chuyện.
3. Hoa Kỳ nhận điều kiện của ta và ngừng ném bom để đi vào nói chuyện.

Chúng ta cho rằng khả năng thứ hai là có triển vọng nhất. Cho nên, ngày 04 tháng 02, ta trao cho phía Liên Xô một bị vong lục nói lên nhận định và chủ trương của chúng ta tiếp tục đấu tranh về mọi mặt và đề nghị Liên Xô ủng hộ lập trường của Việt Nam, hưởng ứng tuyên bố ngày 28-01-1967 của đồng chí Nguyễn Duy Trinh. Đồng chí Côxughin trong thời gian ở thăm Anh luôn luôn nhắc đến tuyên bố của đồng chí Nguyễn Duy Trinh, coi đó là lối thoát cho tình trạng bế tắc không nói chuyện được hiện tại.

Thủ tướng Uynxơn căn cứ vào các lời tuyên bố công khai của Tổng thống Giônxon thì thấy rằng tuyên bố ngày 28-01-1967 của Bộ trưởng Ngoại giao Nguyễn Duy Trinh

là một dấu hiệu mà Giônxon nói là mong đợi từ lâu từ phía Hà Nội.

Uynxon hài lòng thấy các cuộc hội đàm giữa ông với Côxughin diễn ra thuận lợi. Tuyên bố của Giônxon ra lệnh ngừng bắn 48 giờ trong dịp Tết Việt Nam càng củng cố sự lạc quan của ông.

Uynxon và Cupơ cùng thảo ra một văn bản về các điều đã thỏa thuận với Liên Xô theo yêu cầu của Liên Xô và cũng là phù hợp với các tuyên bố công khai của Hoa Kỳ. Một bản được trao cho Chủ tịch Côxughin; một bản gửi về Oasinhton. Đại sứ Hoa Kỳ tại Luân Đôn D. Bruxơ, người đã tham gia thảo văn kiện, hết sức hoan nghênh và đánh giá hành động của Thủ tướng Uynxon là “một đòn ngoại giao lớn nhất trong thế kỷ này”<sup>1</sup>.

Hai ngày trôi qua yên ổn, cả Uynxon và Cupơ đều tin rằng mọi việc đã ổn thỏa. Thật ra, đây mới là khởi đầu của những rắc rối.

Đêm ngày thứ hai, Cupơ xin gặp ngay Thủ tướng Uynxon và Ngoại trưởng Brao vì có việc khẩn. Lý do là lúc đó Cupơ đang ngủ thì bị đánh thức dậy để nói chuyện điện thoại với Rôxtốp, cố vấn an ninh của Tổng thống Mỹ. Rôxtốp cho biết “đang soạn một văn bản mới hoàn toàn khác với bản của Uynxon đã đưa cho Côxughin và sẽ thay thế cho bản đó”. Sau này Cupơ viết: “Tim tôi như rụng xuống. Chúng tôi đang bước vào một cuộc chơi hoàn toàn mới”<sup>2</sup>.

---

1. U. Bôcsét: *Hồi ký*, Nxb. Thông tin lý luận, Hà Nội, 1985, tr. 340.

2. Xem C.L. Cupơ: *Cuộc thập tự chinh thất bại*, *Sđd*, tr. 361, 363.

Theo cách diễn đạt mới, Oasinhton sẽ chấm dứt ném bom và ngừng đưa quân vào miền Nam *sau khi* được bảo đảm rằng Hà Nội đã chấm dứt *thật sự* việc thâm nhập miền Nam Việt Nam. Và như thế, kịch bản trong giai đoạn A và giai đoạn B bị đảo ngược, toàn bộ công thức bị biến dạng. Đó là một đề nghị hoàn toàn trái với sự giải thích của Đin Raxơ về lập trường 14 điểm vừa mới công bố hôm trước. Cupơ hết sức bức bối. Uynxon giận dữ. Ông ta giải thích với Cupơ rằng công hàm mới của Oasinhton làm cho ông ta lúng túng và có hại cho ông ta<sup>1</sup>.

Lý do Giônxon đưa ra việc thay đổi đột ngột này là trong lúc ngừng bắn dịp Tết, sự vận chuyển người và phương tiện rất lớn hướng về phía Nam đã diễn ra trước khu phi quân sự.

Yêu cầu của Oasinhton là sửa lại ngay lập tức bản thỏa thuận với Liên Xô trước khi nó tới Mátxcova hay ít nhất cũng trước khi lời hứa của Uynxon tới Hà Nội.

Năm giờ sáng 10 tháng 02, một phụ tá của Uynxon phóng ô tô ra ga xe lửa, chạy thực mạng qua cửa ga, gạt hết người này đến người khác. Chủ tịch Côxughin sắp lên xe lửa để đi thăm xứ Êcốt. Với vẻ mặt lúng túng, khổ sở, ông ta đề nghị với Chủ tịch Côxughin cho xin lại bản thỏa thuận mà thủ tướng Anh đã đưa cho Chủ tịch, trước sự ngạc nhiên và khó chịu của Chủ tịch và những người cùng đi.

---

1. Xem C.L. Cupơ: *Cuộc thập tự chinh thất bại*, *Sđd*, tr. 363.

Tối 12, ngày cuối cùng của chuyến đi thăm Anh của đoàn đại biểu Chính phủ Liên Xô, sau tiệc chiêu đãi, hai vị thủ tướng chia tay nhau lúc gần nửa đêm để sáng hôm sau Chủ tịch Côxughin rời Luân Đôn về nước.

Mọi việc tưởng như đã ổn đối với Uynxơn. Không ngờ, 1 giờ sáng 13, tức là hai giờ sau khi chia tay tại tiệc chiêu đãi, ông lại phải cùng Ngoại trưởng Brao vội vã đến biệt thự Côxughin ở, thông báo với Côxughin là vừa mới nói chuyện xong với Giônxơn và Giônxơn yêu cầu Côxughin chuyển ngay cho Hà Nội một thông điệp mới:

“Hoa Kỳ sẽ thôi không ném bom lại nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nghĩa là đồng ý kéo dài ngừng bắn trong dịp Tết, với điều kiện là Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sẽ tuyên bố bí mật trực tiếp với Hoa Kỳ, hoặc qua Uynxơn, hoặc qua Chủ tịch Côxughin, rằng Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sẽ không chuyển người và hàng tiếp tế vào miền Nam Việt Nam. Như vậy, việc ngừng ném bom sẽ kéo dài vô thời hạn, sau đó mấy ngày Hoa Kỳ sẽ đình chỉ việc tăng quân vào miền Nam và trong trường hợp đó, Hoa Kỳ hy vọng có thể bắt đầu cuộc thương lượng”.

Hoa Kỳ đặt điều kiện là Hà Nội phải trả lời trước 10 giờ sáng 13 tháng 02 (giờ Luân Đôn). Nếu tới lúc đó mà chưa có câu trả lời thì Uynxơn sẽ nói với Giônxơn để kéo dài thêm vài giờ.

Theo như Cupơ kể lại, trước khi đến gặp Côxughin lúc nửa đêm, cả Uynxơn, Brao và Cupơ đều thấy rằng thời hạn buộc Hà Nội trả lời trước 10 giờ sáng hôm sau là không thích hợp. Muốn chấm dứt thâm nhập từ

miền Bắc vào miền Nam ít nhất phải mất nhiều ngày, có khi cả tuần lễ mới có thể làm được. Cupơ gọi điện thoại cho Rôxtốp. Uynxơn dùng đường dây nóng nói chuyện với Oasinhton. Cupơ không rõ Uynxơn đã gặp ai nhưng hai giờ trôi qua mà không có tin tức gì. Cuối cùng, Uynxơn phải làm cái mà người ta gọi là “sứ mệnh nửa đêm”, đến gặp Chủ tịch Côxưghin. Đại sứ Bruxơ cũng gọi điện thoại cho Bộ trưởng Raxơ và nói thẳng thời hạn cuối cùng đó là lối bịch, cần phải mất nhiều ngày cho Hà Nội trả lời, do đó ông đề nghị Raxơ gặp tổng thống và xin thêm thời hạn. Cupơ không biết câu trả lời của Raxơ thế nào nhưng ông “đọc thấy nó trên nét mặt của đại sứ”. Bất thành linh Raxơ chúc Bruxơ ngủ ngon và yêu cầu Bruxơ đừng gọi lại cho ông ta về việc này nữa<sup>1</sup>.

Chiều 13 tháng 02, Uynxơn họp báo tuyên bố:

“Tôi tin rằng con đường đi tới giải pháp đã mở, dù chúng ta thất vọng trong dịp này thì cũng không có lý do gì một lúc khác con đường đó lại không mở lại”.

Nửa giờ sau khi Uynxơn họp báo, Giônxơn ra lệnh tiếp tục chiến sự trên toàn lãnh thổ Việt Nam, chấm dứt đợt ngừng bắn bảy ngày trong dịp Tết cổ truyền của Việt Nam 1967.

Nhà Trắng đưa ra một thông báo:

“Bất chấp các cố gắng của chúng ta và của những bên thứ ba, không có sự đáp ứng nào của Hà Nội...

---

1. C.L. Cupơ: *Cuộc thập tự chinh thất bại*, Sđd, tr. 339-362, 366-367.

Nhưng cửa vẫn mở và chúng ta sẵn sàng đi quá nửa đường bất cứ lúc nào để đáp ứng một đề nghị công bằng của phía bên kia”.

Trong hồi ký, Giônxon thanh minh rằng, ông đã nói cho Uynxon biết trước đề nghị mới của ông “thay cho kế hoạch hai giai đoạn A và B đã đề nghị trước đây với người Anh và đã đề nghị với Hà Nội”. Giônxon viết: người Anh giao cho ông ta (Côxughin) một tài liệu không được sự đồng ý cụ thể của Oasinhton. Đó là một sai lầm, mặc dù tôi tin họ làm việc đó với thiện chí. Kết quả là một mớ bòng bong về ngoại giao mà chúng ta phải chịu một phần trách nhiệm”<sup>1</sup>.

Lời tự chỉ trích quá nhẹ nhàng đó của Giônxon làm sao giải thích được việc phái Cupơ sang trình bày lập trường của Hoa Kỳ cho Uynxon, chuẩn bị cho ông đi vào hội đàm với Côxughin, việc Cupơ đã cùng Uynxon và Brao thảo ra bản thỏa thuận đã được đưa cho Côxughin? Chính Uynxon sau này đã viết trong một cuốn sách của ông rằng: “Trả lời thư của tôi là một văn bản mới của Oasinhton do Rôxtốp thảo, đưa ra nhiều điều kiện mới, một sự đảo ngược hoàn toàn chính sách của Hoa Kỳ đã đưa ra. Một lý do tôi không muốn tin là Nhà Trắng đã đánh lừa tôi và do đó đánh lừa cả ông Côxughin. Lý do thứ hai chắc chắn nhất là bọn điều hâu đã tiến hành một sự tiếp quản thành công”<sup>2</sup>.

---

1. L.B. Giônxon: *Cuộc đời Tổng thống của tôi*, *Sđd*, tr. 309-310.

2. H. Uynxon: *Chính phủ công đảng 1964-1970*, tr. 444-446;  
U. Bóc sét: *Hồi ký*, *Sđd*, tr. 341.



Các tác giả cuốn *Cuộc bí mật tìm kiếm hòa bình ở Việt Nam* đánh giá khách quan hơn:

“Cuộc nói chuyện giữa Uynxơn và Côxughin là một việc làm vô ích và bối rối. Nó là một tấm bi hài kịch”<sup>1</sup>.

Gioócgio C. Hiarinh, giáo sư chủ nhiệm tạp chí *Lịch sử ngoại giao*, chuyên gia về quan hệ quốc tế, nhận xét về vụ Hoa Hướng dương (mật danh mà Hoa Kỳ dành cho cuộc tiếp xúc giữa Góttơrai và Lê Trang ở Mátxcova và cuộc hội đàm giữa Côxughin và Uynxơn ở Luân Đôn đầu năm 1967) viết: Đây là câu chuyện về một âm mưu phức tạp, lộn xộn và mập mờ<sup>2</sup>.

---

1. Đavít Craxlô và Xtiaua H. Luri: *Cuộc bí mật tìm kiếm hòa bình ở Việt Nam*, *Sđd*, tr. 212.

2. G.C. Hiarinh: *Ngoại giao bí mật trong chiến tranh Việt Nam*, *Sđd*, tr. 376.

## SỰ TRUNG GIAN CỦA ÔBRẮC VÀ MÁCCÔVÍCH

---

Sự tàn lụi của kế hoạch Mêrigôn có nghĩa là việc bỏ lỡ cơ hội tiếp xúc chính thức đầu tiên giữa hai bên. Nhưng sự tàn lụi của kế hoạch Hoa Hướng dương lại có nghĩa là mọi đường liên lạc của Oasinhton với Hà Nội đã bị cắt đứt. Trong cả hai trường hợp, nguyên nhân là Oasinhton đề nghị nói chuyện với Việt Nam Dân chủ Cộng hòa nhưng không chờ câu trả lời đã ném bom ác liệt vào trung tâm Hà Nội.

Từ đó, Oasinhton lại trông chờ một cơ hội nối lại liên lạc trực tiếp hay gián tiếp với Hà Nội. Từ tháng 7, chính quyền Giônxon yêu cầu tiến sĩ Henri Kítxinhgiơ làm công việc của người trung gian để khởi động một quá trình thương lượng.

Ngày 05-6-1967, cuộc chiến tranh giữa Ixraen và Ai Cập nổ ra. Quân Ai Cập tiến vào sa mạc Xinai, đóng cửa vịnh Acaba. Quân Ixraen tiến vào Xinai, Gioócđani, chiếm thành phố Giêrusalem cổ, tấn công vịnh Acaba. Nhiều nước Ảrập như Ai Cập, Angiêri, Xyri, Irắc, Xuđăng, Yêmen cắt đứt quan hệ ngoại giao với Hoa Kỳ. Tình hình Trung Đông trở nên rất nghiêm trọng.

Dư luận thế giới và nhiều tổ chức quốc tế bày tỏ sự lo lắng, trong số đó có Pugoát. Pugoát là một tổ chức chống chiến tranh hạt nhân, gồm nhiều nhà khoa học đến từ nhiều nước như Hoa Kỳ, Liên Xô, Anh, Pháp, v.v,.. Khi xảy ra cuộc chiến tranh giữa Ai Cập và Ixraen, Tổng Thư ký Pugoát, giáo sư Rốtblát, triệu tập một cuộc họp khẩn cấp của tổ chức tại Pari từ ngày 15 đến ngày 17 tháng 6 để bàn việc tỏ thái độ với cuộc chiến tranh đó. Tham gia kỳ họp này có Henri Kítxinhgiơ, nhưng khi cuộc họp bắt đầu thì cuộc chiến tranh đã kết thúc. Hội nghị quay ra bàn vấn đề Trung Đông và vấn đề Việt Nam. Người ta nhất trí thử nghiệm lấy hai nhà khoa học Pháp làm “sứ giả” giữa Oasinhtơn và Hà Nội, với mục tiêu tiến tới sự gặp gỡ giữa người đại diện có thẩm quyền của hai Chính phủ Hoa Kỳ và Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trước hoặc sau việc ngừng ném bom miền Bắc Việt Nam: Hoa Kỳ chấm dứt ném bom, Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đồng ý tiến hành thương lượng.

Giáo sư người Pháp Hécbe Máccôvích, nhà sinh học phân tử làm việc tại Viện Paxtơ Pari và giáo sư người Pháp Đaxtiê đờ Lavigiơri, một nhân vật thuộc cánh tả phái Đờ Gôn, được nhất trí cử đi. Nhưng Đaxtiê phải từ chối vì lý do sức khỏe. Sau đó, người ta mời giáo sư Raymông Ôbrắc, cũng là người Pháp. Ông Ôbrắc đã quen Chủ tịch Hồ Chí Minh từ năm 1946 trong Hội nghị Phôngtenblô. Ông đã từng được tướng Đờ Gôn giao nhiệm vụ tổ chức “đội quân ngầm” ở miền Nam nước Pháp trong vùng bị phát xít Đức kiểm soát. Sau khi nước Pháp được giải phóng năm 1944, ông được cử làm

Ủy viên Cộng hòa ở Mácxây. Ông đã chăm lo đời sống cho những người Việt Nam làm trong các công binh xưởng và bị tập trung ở Mácxây từ năm 1940.

Khi sang Pháp năm 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cảm ơn ông, sau đó có thời gian đến ở nhà ông ở ngoại thành Pari. Quan hệ của ông Ôbrắc với Chủ tịch Hồ Chí Minh trở nên thân thiết và Chủ tịch đã nhận đỡ đầu cháu Elidabét, con thứ ba của ông bà Ôbrắc.

Để giữ bí mật, Máccôvích và Ôbrắc xin sang Việt Nam với tư cách công khai là phái viên của Viện Paxtơ Pari sang làm việc với Viện Vệ sinh dịch tễ Hà Nội, đồng thời nghiên cứu khả năng tổ chức ở Phnôm Pênh một hội nghị khu vực bàn những vấn đề hợp tác quốc tế, đặc biệt là trong lĩnh vực y tế và phòng bệnh.

Rời Pari ngày 18-7-1967, dừng chân tại Phnôm Pênh, hai ông tới Hà Nội ngày 21. Sau khi làm việc với Bộ trưởng Y tế Phạm Ngọc Thạch và đi thăm một số bệnh viện, ngày 24, Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp người bạn cũ tại nhà sàn. Lúc đó, Chủ tịch đang nói chuyện với Thủ tướng Phạm Văn Đồng.

Chủ tịch Hồ Chí Minh hỏi thăm bà Luyxi Ôbrắc và các cháu, nhất là cháu Elidabét. Người vui mừng nhận quả trứng bằng đá quý mà Elidabét gửi tặng. Sau câu chuyện hàn huyên, ông Ôbrắc nói về cuộc họp của Pugoát ở Pari, giới thiệu Pugoát là gì và nói ông có nhiệm vụ chuyển tới Chủ tịch một thông điệp của Tổ chức này nhằm tìm một giải pháp cho vấn đề Việt Nam. Chủ tịch nói về lịch sử Việt Nam, cuộc chiến đấu chính nghĩa của nhân dân ta và yêu cầu Hoa Kỳ phải chấm dứt

không điều kiện việc ném bom bắn phá nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thì sẽ tiến hành nói chuyện.

Ông Ôbrắc cảm thấy có dấu hiệu mới mẻ cần thông báo cho Giônxon. Chủ tịch Hồ Chí Minh nói rằng nếu Ôbrắc có thể làm được thì Người không phản đối.

Nói tới đây, Chủ tịch quay sang phía đồng chí Phạm Văn Đồng và nói:

- Ngày mai chú tiếp ông Ôbrắc và bạn của ông ấy, chú giải thích tình hình và giải đáp các câu hỏi của họ.

Chủ tịch Hồ Chí Minh trao cho ông Ôbrắc món quà gửi Elidabét và ôm hôn ông thăm thiết để chia tay.

Cùng ngày 24 và ngày hôm sau 25 tháng 7, hai ông Ôbrắc và Máccôvích đến làm việc với Thủ tướng Phạm Văn Đồng. Cùng dự với Thủ tướng có Bộ trưởng Y tế Phạm Ngọc Thạch. Nội dung cuộc nói chuyện chủ yếu là về tình hình Việt Nam và cách đi tới một giải pháp.

Cần nói thêm rằng, ông Ôbrắc đã hai lần từ chối làm trung gian: trong cuộc chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất và trong cuộc chiến tranh lần này ông cũng đã từ chối đi với La Pira sang Việt Nam.

Ôbrắc nói về lý do tại sao hai ông tới Hà Nội và Máccôvích nói thêm rằng, công việc này rất bí mật, ở Mỹ chỉ có vài người biết như Giônxon, Mắc Namara, Đin Raxơ, Hariman... Và ở Pháp, Đờ Gôn dặn không cho Bộ Ngoại giao biết. Sau đó, cuộc nói chuyện đi vào vấn đề chính:

Ôbrắc nói:

- Đây là một kịch bản vạch ra những nét lớn của một cách giải quyết mà một số người, với tư cách cá nhân,

cho là có thể chấp nhận được. Kítxinhgiơ đã nói với tôi: “Tôi bảo đảm 90% là có sự đồng tình của Oasinhton”. Trước khi lên đường tôi đã gọi điện thoại cho ông ấy ở Hoa Kỳ, ông ấy lại nói: bảo đảm 98%. Kịch bản này dự kiến:

- Đình chỉ các cuộc ném bom miền Bắc Việt Nam.
- Giữ mức chi viện quân sự cho toàn miền Nam Việt Nam như trong thời kỳ còn ném bom.
- Thương lượng sau một thời gian nào đó.

Máccôvích:

- Việc Hoa Kỳ ném bom đã hạn chế chi viện của miền Bắc đối với Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ở một mức nào đó, không phải dễ dàng nâng lên... Mức đó, độ 10%, các ông cứ duy trì sau khi không có ném bom nữa. Sau một thời gian, không lâu lắm, có thể đi vào thương lượng. Do đó đề nghị:

- Giữ mức chi viện của miền Bắc cho miền Nam.
- Không tăng cường lực lượng Hoa Kỳ ở miền Nam.

Bây giờ tôi xin nêu thêm một vài chi tiết. Ở Marienbát cách đây một tháng rưỡi, Ủy ban thường trực của Pugoát đã quyết định họp một hội nghị để thảo luận về Hiệp ước không phổ biến vũ khí nguyên tử. Chúng tôi họp vào lúc vịnh Acaba bị đóng cửa. Chúng tôi quyết định gửi thư tới Tổng thống Nátxe. Thứ hai, ngày 05 tháng 6 chiến tranh nổ ra giữa Ixraen và Ai Cập. Chúng tôi nhận thấy các quyết định của chúng tôi đã lỗi thời và chúng tôi quyết định họp một cuộc hội nghị khác để thảo luận các vấn đề Trung Đông và Việt Nam.

Đại diện Xôviết đồng ý. Ngày 16 tháng 6 là phiên họp đầu tiên với sự hiện diện của các ông Ôbrắc, Kítxinhgiơ, Phrăngxít Periê... Tổ chức Pugoát gồm những người có thiện chí và tin cậy lẫn nhau.

Ôbrắc:

- Trước khi lên đường, tôi đã nói với Kítxinhgiơ rằng tai hại sẽ lớn nếu trong khi chúng tôi đang vận động lại có một đợt leo thang mạnh của Hoa Kỳ. Kítxinhgiơ đã bảo đảm với tôi rằng, ông ấy sẽ cố gắng hết sức để không có leo thang, nhưng nếu chẳng may điều đó xảy ra thì đó là điều đã được quyết định trước đó rất lâu.

Thủ tướng Phạm Văn Đồng:

- Tôi xin cảm ơn các bạn đã đến đây và cũng xin cảm ơn thông tin của các bạn. Đây là vấn đề cực kỳ mật. Tôi sẽ trình bày lập trường của chúng tôi, sau đó các bạn làm gì thì tùy.

Máccôvích:

- Chúng tôi chỉ làm điều mà Việt Nam vui lòng.

Ôbrắc:

- Có một điểm chúng tôi đã quên không nêu: đó là vấn đề kiểm soát.

Thủ tướng Phạm Văn Đồng:

- Tôi có nghĩ đến.

Máccôvích:

- Thủ tướng biết rất rõ các vũ khí mà Hoa Kỳ có ở Việt Nam. Người Mỹ có những máy bay có thể chụp ảnh các đường giao thông để xem số lượng xe tải có tăng lên không. Do đó, chúng tôi đã đề nghị sẽ không có kiểm soát

trong bước 1. Mỗi bên sử dụng những phương tiện riêng của mình, sẽ không có kiểm soát tại chỗ.

Thủ tướng Phạm Văn Đồng:

- Điều cơ bản là xem vấn đề thương lượng giữa Việt Nam và Hoa Kỳ được đặt ra thế nào. Hoa Kỳ phải chấm dứt không điều kiện việc ném bom miền Bắc Việt Nam, đó là một vấn đề cơ bản. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: “chúng tôi sẽ không thương lượng dưới bom đạn”. Nêu thế vì hai lý do: Thứ nhất, Hoa Kỳ là kẻ xâm lược, làm cho lương tri của mọi người công phẫn. Thứ hai, đây là vấn đề phẩm cách, trung thực và hiệu quả. Chúng tôi đề cập vấn đề một cách giản dị và trung thực. Chúng tôi tán thành thương lượng, nhưng cũng phải có một số điều kiện. Những điều kiện đó do hoàn cảnh, do bản thân vấn đề đặt ra, không phải do chúng tôi tìm cách áp đặt điều kiện của chúng tôi. Không thể có thương lượng dưới áp lực của bom đạn. Cần phải chấm dứt không điều kiện việc ném bom.

Ôbrắc:

- Chúng tôi đã gợi ý là Hoa Kỳ ngừng ném bom không điều kiện, còn sự chi viện của miền Bắc cho miền Nam được giữ ở mức hiện nay. Đó là một việc ngừng ném bom không điều kiện có châm chước.

Thủ tướng Phạm Văn Đồng:

- Chúng tôi cho rằng, chúng tôi phải trình bày lập trường của chúng tôi một cách kiên quyết nhất. Chúng tôi không chấp nhận bất cứ sự có đi có lại nào. Cần phải chấm dứt không điều kiện. Chúng tôi biết các bạn. Chúng tôi tôn trọng cuộc vận động của các bạn.



Giữa chúng ta không có sự hiểu lầm nào, nhưng khi Hoa Kỳ phạm tội xâm lược nước chúng tôi, chúng tôi nói: Không! Cần phải chấm dứt không điều kiện. Sau đó sẽ tính.

Máccôvích:

- Điều chúng tôi mong muốn là giúp đỡ phái bỏ câu. Thủ tướng biết đấy: 5.000 giáo sư đại học đã ký một kiến nghị. Họ xấu hổ hơn thế nữa. Họ có món nợ đối với nước Việt Nam. Cần phải giúp những người Mỹ muốn chấm dứt chiến tranh bằng mọi giá. Chúng tôi tự đặt câu hỏi: làm thế nào giúp những phần tử có thể lui tới Nhà Trắng đánh bại được những Rôxtốp, Mắc Namara, Đin Raxcơ?

Thủ tướng Phạm Văn Đồng:

- Chúng tôi quyết tâm tiếp tục chiến tranh và chiến thắng. Chúng tôi quyết tâm chiến đấu đến cùng và biết làm thế nào để chiến thắng. Có một số điều không thể thỏa hiệp. Họ hãy chấm dứt không điều kiện việc ném bom! Không thể nói cả hai bên phải chấm dứt chiến tranh, mỗi bên 50%.

Chúng tôi vẫn ở nước chúng tôi, việc leo thang là quyết định của họ, không phải chúng tôi. Họ hãy xuống thang, chúng tôi sẵn sàng chìa cái sào cho họ. Cái sào đó là thương lượng. Nhưng họ phải chấm dứt ném bom. Không thể có điều kiện chúng tôi chấm dứt 50% chiến tranh. Nếu như chúng tôi đã đem chiến tranh đến nước họ thì sẽ chấm dứt chiến tranh 50% ở giữa Thái Bình Dương. Họ là người đã đến đây. Họ hãy rút đi! Đó là lôgic sơ đẳng nhất. Cần phải xuất phát từ những

nguyên tắc. Tôi nói với sự xúc động, vì chúng tôi phải làm việc với những con người như Giônxon, Mắc Namara, Oétmolen... Với bầy sói, phải cư xử như sói! Nhưng chúng tôi không phải là sói. Chúng tôi và họ sẽ nhìn lại nhau như những người bạn.

Có hai vấn đề: thương lượng và giải pháp. Muốn có thương lượng, chúng tôi đứng trên lập trường nguyên tắc của chúng tôi: phải chấm dứt không điều kiện việc ném bom miền Bắc mới có thể có thương lượng. Trong quá trình thương lượng, chúng tôi biết phải nói gì. Hoa Kỳ hãy chuẩn bị về phía họ!

Ôbrắc:

- Thế nào là việc ngừng ném bom không điều kiện?

Thủ tướng Phạm Văn Đồng:

- Tôi muốn là họ ra một tuyên bố. Nhưng chúng tôi không quá khó tính.

Máccôvích:

- Có lẽ là việc ngừng ném bom trên thực tế, không tuyên bố.

Thủ tướng Phạm Văn Đồng:

- Chúng tôi không khó tính về điểm này. Điều chủ yếu là ngừng không điều kiện. Chúng tôi sẽ không nói chuyện dưới sự đe dọa của bom đạn.

Ôbrắc:

- Cái gì bảo đảm là các cuộc ném bom ngừng lại? Có cần thời gian để bảo đảm việc ngừng ném bom đã ngừng thực sự mà không phải vì lý do thời tiết? Liệu thời gian sáu tháng có đủ không?

Máccôvích:

- Làm thế nào các ông biết được việc ném bom đã chấm dứt? Bao lâu sau khi ngừng ném bom thì các cuộc nói chuyện có thể bắt đầu?

Thủ tướng Phạm Văn Đồng:

- Lập trường của chúng tôi rất đơn giản. Phải ngừng ném bom thật sự. Không cần phải có một bài diễn văn của Giôn-xơn. Có rất nhiều con đường để Hoa Kỳ thông báo cho chúng tôi quyết định của họ. Nhưng họ chưa tới chỗ đó.

Họ nói những điều mà chúng tôi không thể chấp nhận được. Họ là kẻ xâm lược. Họ hãy chấm dứt đi! Họ đã đưa ra những cái làm cho vấn đề trở nên rối rắm quá chừng. Lúc này tôi có nghĩ đến vấn đề kiểm soát. Dù việc đó được thực hiện ngay vẫn có thể dẫn tới những điều phức tạp. Chúng tôi đã có kinh nghiệm.

Cần phải chấm dứt không điều kiện việc ném bom miền Bắc nếu họ muốn nói chuyện về vấn đề Việt Nam. Nói cho cùng mục tiêu của họ là miền Nam. Nếu họ muốn thương lượng, đó là do tình hình ở miền Nam, cần sự có mặt của đại diện Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.

Máccôvích:

- Kít-xinh-giơ đã nói với tôi rằng việc Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam có đại diện là bình thường.

Thủ tướng Phạm Văn Đồng:

- Tìm một giải pháp khác với việc ngồi lại để nói chuyện, bởi không phải bao giờ cũng chắc chắn là nói

chuyện sẽ dẫn đến một cái gì. Cần phải xét các yếu tố của giải pháp đó. Chúng tôi đã đưa ra bốn điểm. Tóm lại đó là việc Hoa Kỳ thừa nhận các quyền dân tộc của chúng tôi. Họ hãy chấm dứt chiến tranh ở miền Bắc, miền Nam và rút quân của họ về. Vấn đề thật rất đơn giản. Họ đã bắt đầu hiểu rằng, họ đã lao vào một cuộc chiến tranh không lối thoát. Họ đã phạm những tính toán sai lầm ghê gớm. Họ hãy rút ra những kết luận! Họ hãy chấp nhận để chúng tôi yên ổn. Họ đừng bám lấy miền Nam! Họ muốn thương lượng với những bù trừ. Họ muốn chia cắt nước chúng tôi. Muốn có một giải pháp phải chăng, hiệu quả và ổn định, họ phải chấm dứt chiến tranh, rút đi và để miền Nam Việt Nam tự quyết định vận mệnh của mình. Trong những điều kiện như vậy, mọi việc sẽ ổn thỏa. Nếu Nhà Trắng và Lầu Năm góc quyết định thi hành một chính sách như thế, mọi việc tự nó sẽ được giải quyết.

Chúng tôi quyết tâm tiếp tục chiến đấu và chiến thắng. Đây là vấn đề các quyền dân tộc của chúng tôi. Chúng tôi có phương tiện để giành thắng lợi. Chúng tôi có đường lối chính trị khôn ngoan. Chúng tôi không hề muốn làm cho vấn đề rắc rối. Chúng tôi không làm những việc vô ích. Nếu Hoa Kỳ chấp nhận rút đi một cách trung thực thì chúng tôi có thể nói chuyện để việc rút lui đó được thực hiện trong những điều kiện tốt nhất. Vấn đề thể diện có thể được giải quyết. Chúng tôi biết Hoa Kỳ là một cường quốc. Chúng tôi biết tỏ thái độ đúng mực nhất có thể được đối với họ. Họ phải chấm dứt chiến tranh và rút quân của họ. Đó là vấn đề cơ bản, không có nó thì

tất cả chỉ là thủ đoạn. Họ có một bộ máy ghê gớm hòng lừa gạt chúng tôi. Nhưng chúng tôi đã quen chiến đấu. Chúng tôi sẽ không sa vào những thủ đoạn giả tạo của họ.

Máccôvích:

- Hoa Kỳ không muốn mất thể diện. Kítxinhgiơ đã nói với chúng tôi: làm thế nào giúp họ rút đi. Người ta có nói đến thảm đở nhưng thảm đở nào?

Nếu đi đến đình chỉ chiến sự trong một năm tới thì bọn điều hâu sẽ không làm được gì. Cần phải tìm cách giúp những người Mỹ không cầm quyền tác động đến những người Mỹ đang cầm quyền. Sắp tới sẽ có bầu cử ở Hoa Kỳ và ở một nước sắp có bầu cử, người ta có thể có những quyết định quá đáng.

Thủ tướng Phạm Văn Đồng:

- Vấn đề như các bạn đặt ra là có ích đối với các bạn và nhất là cánh tả. Đối với chúng tôi, thật sự rất khó nêu một vài gợi ý cho các bạn ngoài lập trường của chúng tôi và một số tình cảm đối với nhân dân Mỹ. Chúng tôi không làm điều gì mà có thể hiểu là sự xúc phạm đối với Hoa Kỳ. Về điểm này, chúng tôi có lập trường và nguyên tắc của chúng tôi.

Chiến tranh không thể kết thúc trước khi địch dùng hết các phương tiện của nó. Chúng tôi đã ra sức hạn chế chiến tranh trong biên giới nước chúng tôi. Nhưng chúng ta đứng trước những con người như Rôxtốp, Cốctit Lomây... thì cần phải sáng suốt. Chúng tôi giữ một lập trường trước sau như một. Nếu Hoa Kỳ hạn chế chiến tranh thì họ có hai khả năng: tăng cường tiềm lực ở miền Nam và tăng cường ném bom miền Bắc. Từ bây

giờ đến sang năm có lẽ đội quân viễn chinh của họ sẽ lên tới 600.000 người. Họ còn yêu cầu các nước chư hầu gửi thêm quân. Tất cả những cái đó sẽ không giải quyết được vấn đề. Từ hai tháng nay, báo chí Mỹ bắt đầu nhìn thấy cái gốc của vấn đề.

Một điều mà mọi người, nhất là các bạn Mỹ của chúng ta cần hiểu, bọn điều hâu nói rằng: chúng tôi muốn đánh thắng cuộc chiến tranh không phải ở đây, ở Việt Nam mà ở Oasinhton. Đối với một số nhà báo nêu câu hỏi đó, tôi đã trả lời: Cần phải đấu tranh chống lại luận điệu tuyên truyền đó. Luận điệu đó cực kỳ có hại. Các bạn cần phải làm điều cần làm. Muốn huy động dư luận, cần xác định một số điểm nguyên tắc làm lập trường, bằng không thì không thể dẫn dắt dư luận đến chỗ giác ngộ được. Chính phủ Hoa Kỳ là người phải chịu trách nhiệm. Nếu các bạn che lấp sự thật đó thì các bạn sẽ không thể làm được gì, hòa bình hay chiến tranh là tùy thuộc điều đó.

Tướng Đồ Gôn đã nói: tình hình chưa chín muồi để thương lượng. Khách quan mà nói, điều đó đúng. Lầu Năm Góc muốn kéo dài chiến tranh, tăng thêm tiềm lực của đội quân viễn chinh ở miền Nam. Họ sẽ leo thêm vài nấc thang. Ngày nào người Mỹ yêu cầu chấm dứt chiến tranh và rút đi thì chúng tôi biết sẽ phải làm gì để không ai có điều gì phải tiếc.

Ôbrắc:

- Vấn đề thật phức tạp. Liệu Thủ tướng có nghĩ rằng cuộc vận động của chúng tôi là việc làm của Chính phủ

Hoa Kỳ và xét về khách quan, chúng tôi là một công cụ của Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ?

Thủ tướng Phạm Văn Đồng:

- Không! Nếu vậy các bạn đã chẳng có mặt ở đây. Chúng tôi không có thói quen nói những điều mà chúng tôi không nghĩ. Vấn đề này rất phức tạp. Hoa Kỳ là một người mạnh nhất. Họ có một tiềm lực ghê gớm. Họ phạm những sai lầm ghê gớm trong tính toán.

Ôbrắc:

- Tiếp theo việc chấm dứt ném bom không điều kiện là thương lượng. Mục đích của cuộc thương lượng sẽ là gì? Có phải bàn đến cùng tất cả các vấn đề hay chỉ bàn vấn đề ngừng bắn thôi?

Thủ tướng Phạm Văn Đồng:

- Chúng tôi không muốn nói cụ thể khi không có đại diện Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.

Ôbrắc:

- Sự có mặt của Chính phủ Sài Gòn là có thể hay không có thể?

Thủ tướng Phạm Văn Đồng:

- Chúng tôi sẽ thảo luận vấn đề này với Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.

Ôbrắc:

- Tất nhiên. Mục đích của bước 1 là xác định phạm vi và ý nghĩa các cuộc thảo luận.

Thủ tướng Phạm Văn Đồng:

- Rất khó để thấy trước sự việc sẽ diễn biến thế nào. Ngồi lại với nhau chung quanh một cái bàn là một chuyện. Giải pháp là chuyện khác.

Ôbrác:

- Việc lập chương trình nghị sự sẽ là một vấn đề phức tạp.

Thủ tướng Phạm Văn Đồng:

- Đó là một vấn đề mà hai bên sẽ giải quyết. Chúng tôi sẵn sàng thảo luận tất cả.

Máccôvích:

- Theo những cái tôi đã thấy ở đây, tôi tin rằng nếu họ muốn thắng cuộc chiến tranh này thì họ phải ném bom hủy diệt mọi sự sống.

Thủ tướng Phạm Văn Đồng:

- Chúng có thể tăng cường ném bom và đẩy mạnh chiến tranh ở miền Nam Việt Nam. Điều đó sẽ gây thiệt hại, nhiều thiệt hại cho chúng tôi. Hoa Kỳ là một cường quốc... Nhưng phương tiện của họ không phải là vô tận. Họ chuẩn bị chưa tốt. Binh lính của họ chết rất nhiều. Đó là một tội ác khác của Giônxon.

Chúng tôi đồng ý thương lượng để hạn chế và chấm dứt chiến tranh trên cơ sở công nhận các quyền dân tộc của chúng tôi. Chúng tôi đã đưa ra bốn điểm ngày 08 tháng 4, một ngày sau diễn văn Bantimo. Các cuộc thương lượng chỉ có thể được tiến hành trên một số nguyên tắc, một số điều kiện tiên quyết, nếu không sẽ chẳng có kết quả gì. Chúng tôi không muốn dân tộc chúng tôi lơ là chiến tranh. Chúng tôi không muốn các cuộc thương lượng là một bước hụt. Chúng tôi phải hết sức cảnh giác. Chúng tôi không được bước hụt. Tóm lại, để có thể đi tới thương lượng, cần chấm dứt không điều kiện việc ném bom miền Bắc và chấp nhận sự có mặt của



Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam. Chấm dứt chiến tranh và rút quân Mỹ là những yếu tố của một giải pháp. Hội nghị của Tổ chức Pugoát chúng tôi biết rất ít. Chúng tôi cần được bảo đảm về sự trung thực của một số điều.

Máccôvích:

- Tổ chức Pugoát đã có hành động khi Hiệp định Mátxcova về cấm thử vũ khí nguyên tử được ký kết. Chúng tôi đã đề nghị một hội nghị bí mật lúc xảy ra vụ Cuba trước khi có các cuộc trao đổi ý kiến giữa Hoa Kỳ và Liên Xô. Người Nga khi đó sẵn sàng đi Luân Đôn để thảo luận vào thời điểm cao độ của vụ này. Chúng tôi là những người rất trung thực.

Tất cả việc này được giữ tuyệt đối bí mật. Chúng tôi sẵn sàng chuyển mọi thông điệp mà các ông muốn gửi cho Hoa Kỳ. Ở Pari cách đây ít lâu, tôi có thể liên hệ với cơ quan đại diện của các ông nhưng chúng tôi không dám làm. Thưa Thủ tướng, liệu Thủ tướng có thể giới thiệu cho chúng tôi một người nào đó ở Pari để tôi có thể tự do liên lạc như với Thủ tướng.

Thủ tướng Phạm Văn Đồng:

- Chúng tôi có Tổng đại diện của chúng tôi ở Pari, đồng chí Mai Văn Bộ. Tôi sẽ trực tiếp nói chuyện này với đồng chí ấy.

Thủ tướng nói qua về quan hệ Việt Nam với Pháp rồi tiếp lời:

- Tình hình đang chín muồi do hai yếu tố: cuộc chiến đấu của chúng tôi; cuộc chiến đấu của các bạn và cuộc chiến đấu của nhân dân thế giới ủng hộ chúng tôi.

Các bạn chiến đấu bằng phương tiện và kiểu cách riêng của các bạn. Lựa chọn phương tiện nào là tùy các bạn. Điều cốt yếu là không bước hụt. Người Mỹ biết tất cả các yếu tố của vấn đề nhưng họ không muốn giải quyết. Họ chưa có ý định tìm kiếm một giải pháp.

Tôi xin nhắc lại mối quan hệ của chúng tôi với nước Pháp. Năm 1946, chúng tôi sẵn sàng thương lượng với nước Pháp về độc lập của chúng tôi trong Liên hiệp Pháp. Nước Pháp không muốn thế là chiến tranh nổ ra. Đó là một sự tính toán tồi. Lẽ ra có thể tránh được chiến tranh.

Đối với Hoa Kỳ, vấn đề cũng thế. Nếu họ không lao vào con đường chiến tranh và nếu Hiệp nghị Giơnevơ được thực hiện năm 1956, tình hình có thể đã khác. Nếu họ muốn chấm dứt chiến tranh năm 1960, đó là thời cơ tốt nhất. Đến năm 1964, tình hình đã xấu. Bây giờ thì tồi tệ. Trong hai năm nữa sẽ càng tồi tệ hơn đối với họ. Họ đã bắt đầu hiểu điều đó.

Ông Máccôvích tỏ ý sẵn sàng đi Oasinhtơn để chuyển bất kỳ ý kiến nào của Việt Nam. Thủ tướng Phạm Văn Đồng trả lời: không có gì để nói cả. Ông ta lại nói: có thể đi Hoa Kỳ để chuyển tải cảm tưởng của mình sau khi trực tiếp đi thăm Việt Nam. Thủ tướng Phạm Văn Đồng trả lời: Tùy ông.

Hôm sau, ngày 25, các cuộc nói chuyện lại tiếp tục. Đồng chí Phạm Văn Đồng nêu vấn đề quá trình vấn đề Việt Nam từ năm 1954 cho đến nay, giới thiệu lập trường của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam và khẳng định lập trường của Việt Nam Dân chủ

Cộng hòa về vấn đề thương lượng như đã nói hôm trước. Đồng chí cũng tỏ lòng mong muốn hai ông khách cùng nhân dân thế giới tích cực ủng hộ Tòa án Béc-tơ-răng Rút-xen đang chuẩn bị việc xét xử tội ác xâm lược của chính quyền Hoa Kỳ. Đồng chí nói: chính Hoa Kỳ bắt đầu thấy các cuộc ném bom miền Bắc không ngăn cản nổi sự chi viện của miền Bắc đối với miền Nam, còn ở miền Nam, về mặt chiến đấu, quân Mỹ không thể sánh với quân của Hốt Tất Liệt và Thành Cát Tư Hãn, nhưng Hoa Kỳ vẫn muốn bám lấy miền Nam Việt Nam.

Hai ông Ô-brắc và Má-cô-vích tìm hiểu thêm ý định của phía Việt Nam. Cách lập luận của hai ông là ở Hoa Kỳ có phái bồ câu và phái điều hâu.

Má-cô-vích:

- Vấn đề đặt ra cho phái bồ câu là: Hành động thế nào để làm cho Lầu Năm góc chấp nhận ý kiến xuống thang để đi tới rút hết lực lượng Hoa Kỳ ở Việt Nam. Họ đồng ý để việc ngừng ném bom không điều kiện không là cái cớ cho các “điều hâu” của Lầu Năm góc nói rằng tiềm lực của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam sẽ tăng lên đến mức quân Hoa Kỳ buộc phải rút lui dưới bom đạn. Tiếp đó ông nêu một số câu hỏi:

- Nếu người Mỹ ngừng ném bom không điều kiện, thì thời gian phù hợp để ngồi nói chuyện với một đối phương có tư cách là khi nào? Phải chăng là sau ngày thứ nhất, ngày thứ hai hay ngày thứ ba?

Thủ tướng Phạm Văn Đồng nói:

- Hai bên phải thỏa thuận về vấn đề này. Bây giờ ấn định cái gì cũng không có tác dụng. Nếu hai bên bàn

với nhau thì rất dễ thỏa thuận. Điều khó khăn đối với họ là ngừng không điều kiện việc ném bom:

Máccôvích:

- Tôi không nghĩ là khó khăn, nếu họ có thể nói với Lầu Năm góc: Các ông sẽ không gặp khó khăn về quân sự vì ngừng ném bom. Nhưng tôi nghĩ rằng, việc ngừng ném bom không thể kéo dài nếu các cuộc thương lượng bắt đầu quá muộn. Tôi có ý kiến thế này: Nếu người ta bắt đầu cái gì không điều kiện thì cái đó phải nhanh chóng đi ngay vào bước hai. Một vài người Mỹ mà tôi quen biết, từ một năm nay đã tìm cách chấm dứt chiến tranh khi nghĩ rằng tình hình đã chín muồi.

Thủ tướng Phạm Văn Đồng:

- Họ có thể có lý. Cần đợi thêm một thời gian ngắn nữa để khẳng định là họ có thật sự có lý không.

Về điểm thứ nhất ông vừa nêu, chúng tôi không thể làm được gì. Về điểm thứ hai, vấn đề tự nó sẽ giải quyết. Nhưng đối với họ việc chấm dứt không điều kiện việc ném bom còn khó khăn lắm.

Ôbrác:

- Câu trả lời duy nhất người ta có thể nói với bọn điều hâu là: chúng tôi sẽ thương lượng khá nhanh chóng.

Máccôvích:

- Tất nhiên sau khi ngừng ném bom là có tiếp xúc chính thức. Nhưng ai là người đề ra việc tiếp xúc đó: một quan chức Việt Nam hay một quan chức Hoa Kỳ. Ai là người đại diện? Có cần một người thứ ba không?

Thủ tướng Phạm Văn Đồng đáp:

- Điều đó có thể giải quyết một cách dễ dàng. Kinh nghiệm đã chỉ rõ rằng mỗi khi Hoa Kỳ muốn tiếp xúc với chúng tôi, bao giờ họ cũng làm được... Họ biết nên gõ cửa nào. Nếu họ muốn mời chúng tôi họ sẽ mời, không có khó khăn gì cả.

Máccôvích:

- Như vậy, nếu tôi đã hiểu vấn đề thì có nghĩa là sau khi ngừng không điều kiện việc ném bom, người Mỹ có thể báo cho các ông là họ muốn nói chuyện. Có cần một tuyên bố công khai không?

Thủ tướng Phạm Văn Đồng trả lời:

- Lập trường của chúng tôi là cần có một tuyên bố chính thức. Sau đó, mọi việc sẽ tiến hành công khai.

Máccôvích:

- Như vậy không có tuyên bố công khai?

Thủ tướng Phạm Văn Đồng:

- Theo tôi chính thức và công khai là một.

Máccôvích:

- Sự tiếp xúc diễn ra sau một tuyên bố công khai?

Thủ tướng Phạm Văn Đồng:

- Cần phải có một tuyên bố công khai chính thức. Chúng tôi không thích lối ngoại giao bí mật. Tuy vậy, chúng tôi không phải là tuyệt đối trong vấn đề này. Nếu Hoa Kỳ chỉ có thể chấp nhận chấm dứt ném bom trên thực tế thì đó là điều sẽ xét.

Máccôvích:

- Có phải đó là một điều kiện không thể thiếu để đi tới thương lượng không?

Thủ tướng Phạm Văn Đồng:

- Không! Miễn là điều đó dẫn tới một cái gì.

Máccôvích:

- Bọn điều hâu có một lá chắn: quân viễn chinh sẽ gặp khó khăn do việc ngừng ném bom trong thời gian thương lượng. Như vậy, lá chắn đó có thể cất bỏ được không? Các cuộc ném bom có thể chấm dứt mà không gây thiệt hại (cho quân Hoa Kỳ) mà tiềm lực quân sự miền Nam không tăng quá mức hiện nay?

Thủ tướng Phạm Văn Đồng:

- Tôi không có ý định làm phiền các bạn, nhưng chúng tôi không chấp nhận sự có đi có lại. Kịch bản hay sơ đồ mà các bạn mới trình bày, nếu xét kỹ, không đáp ứng điều gì. Nó chỉ là cách nhìn của người tìm cách làm rối vấn đề. Làm sao có thể đặt ra một sự trùng hợp nào đó giữa việc Hoa Kỳ ngừng ném bom miền Bắc và những gì xảy ra ở miền Nam?

Máccôvích:

- Vấn đề là làm sao cho bọn điều hâu không phản đối xuống thang. Đối với họ ngừng ném bom là bất lợi nghiêm trọng cho đội quân viễn chinh Hoa Kỳ ở miền Nam Việt Nam. Đó là điều hiển nhiên.

Thủ tướng Phạm Văn Đồng:

- Các bạn hiểu rõ lập trường của chúng tôi. Tôi nghĩ rằng, tôi đã trả lời. Người Mỹ có nhiều phương tiện nhưng những phương tiện đó không có hiệu quả. Các vị ở Lầu Năm góc, các con điều hâu vẫn nghĩ rằng có mối liên hệ nhân quả nào đó khi nói đến những phương tiện đó. Nếu tôi có một lời khuyên đối với họ thì tôi sẽ nói: “Các ngài cứ thủng thẳng và khi các ngài chấm dứt thì

hãy chấm dứt không điều kiện. Các ngài hãy đợi đến lúc mà tình hình diễn biến đến mức buộc các ngài cần phải lựa chọn”. Giữa chúng ta, tôi xin nói là cái kịch bản ghê gớm đó chẳng đi tới đâu, nó vô hiệu. Đó là con ngựa chiến của họ, đó là một trong những cơn ác mộng của họ. Đó là những người mang trong đầu những ý nghĩ kỳ cục. Họ không hiểu nổi cái gì đang diễn ra ở miền Nam.

Vấn đề đã đặt không đúng. Không! Sẽ chẳng đi đến đâu cả, nếu họ không tìm một cách nhìn khác.

Máccôvích:

- Bây giờ tôi có một nghi vấn. Chúng tôi xuất phát từ nguyên tắc là các cuộc ném bom cản trở ghê gớm việc chi viện. Tôi nghi ngờ nguyên tắc đó không có giá trị. Nghi vấn đó có lý không? Nếu chúng tôi đi đến thuyết phục người Mỹ rằng các cuộc ném bom chỉ giảm được 10% số chi viện thì điều khoản đó của kịch bản trở thành vô ích.

Thủ tướng Phạm Văn Đồng:

- Không ai có thể thuyết phục được người Mỹ.

Cuối buổi nói chuyện, hai vị khách khen ngợi công tác y tế của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trong điều kiện chiến tranh ác liệt và cho rằng các lĩnh vực khác cũng tốt cả.

\*

\*      \*

Rời Hà Nội ngày 26 tháng 7, Ôbrác và Máccôvích hài lòng về kết quả chuyến đi Hà Nội: được biết lập trường chính thức của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa về vấn đề thương lượng, đồng thời mở được

con đường liên lạc trực tiếp giữa Hoa Kỳ và Hà Nội qua Tổng đại diện Việt Nam ở Pari, con đường mà Nhà Trắng gọi là đường hầm Penxinvania.

Sau khi gặp đồng chí Mai Văn Bộ lần đầu tiên từ khi đi Hà Nội về, hai ông quả thật không bỏ phí con đường liên lạc đó và thật sự đã là một “đường dây nóng” giữa Hà Nội và Oasinhtơn, như hai ông đã nói với Thủ tướng Phạm Văn Đồng. Henri Kítxinhgiơ được Giônxon giao cho việc trao đổi này cũng tỏ ra rất tích cực, khi thì đến Pari, khi thì trong lúc dừng chân ở Pari, khi gặp hai ông trực tiếp, khi qua điện thoại. Trong vòng hai tháng từ ngày 17 tháng 8 đến 17 tháng 10, các cuộc tiếp xúc bí mật giữa Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Hoa Kỳ đã thực sự được hình thành và duy trì.

Trong thời gian đó, có ba thời điểm đáng được chú ý.

Ngày 25 tháng 8, Ôbrắc và Máccôvích đến cơ quan Tổng đại diện Việt Nam trao thông điệp ngày 25-8-1967 của Chính phủ Hoa Kỳ gửi Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Thông điệp như sau:

“Hoa Kỳ sẵn sàng chấm dứt ném bom, bắn phá bằng không quân và hải quân ở miền Bắc Việt Nam với niềm tin rằng việc đó sẽ nhanh chóng đưa tới những cuộc thảo luận có hiệu quả giữa đại diện Hoa Kỳ và Việt Nam Dân chủ Cộng hòa để tiến tới giải quyết những vấn đề đang làm hai nước chống đối nhau. Trong khi các cuộc thảo luận được tiến hành, công khai hoặc bí mật, Hoa Kỳ cho rằng Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sẽ không lợi dụng việc ngừng ném bom bắn phá này. Bất cứ



hành động lợi dụng nào của phía Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tất nhiên sẽ không phù hợp với mọi hoạt động nhằm giải quyết những vấn đề giữa Hoa Kỳ và Việt Nam Dân chủ Cộng hòa mà đó cũng là mục đích của cuộc thảo luận.

Hoa Kỳ sẵn sàng tiến hành thảo luận hoặc công khai, hoặc bí mật. Tuy nhiên, khó có thể giữ được bí mật về những cuộc thảo luận đó một khi có việc chấm dứt ném bom bắn phá hoàn toàn. Vì lẽ đó, Việt Nam Dân chủ Cộng hòa có thể lựa chọn một cách giải quyết khác là giảm quy mô và phạm vi của các cuộc ném bom và bắn phá trong khi các cuộc thảo luận bí mật được tiến hành.

Hoa Kỳ sẵn sàng tiếp xúc riêng ngay với Việt Nam Dân chủ Cộng hòa để xem xét về cách làm trên đây hoặc về bất cứ gợi ý nào theo hướng đó mà Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đưa ra”.

Máccôvích cho biết: theo Kítxinhgiơ thì Tổng thống Giônxon đã đích thân “duyet từng chữ” của thông điệp này.

Ngày 11 tháng 9, đồng chí Mai Văn Bộ trao cho Ôbrắc và Máccôvích thông điệp trả lời của Hà Nội:

“Những đề nghị của Hoa Kỳ thực chất là ngừng ném bom có điều kiện. Việc Hoa Kỳ ném bom nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là một hành động bất hợp pháp. Hoa Kỳ phải chấm dứt việc ném bom mà không được đòi hỏi bất cứ một điều kiện nào.

Thông điệp của Hoa Kỳ đã được trao sau một cuộc leo thang đánh phá Hà Nội và với sự đe dọa liên tục

đánh phá Hà Nội. Rõ ràng, đó là một tội hậu thư đối với nhân dân Việt Nam.

Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa kiên quyết bác bỏ những đề nghị đó của Hoa Kỳ.

Lập trường của Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là Hoa Kỳ phải chấm dứt vĩnh viễn và không điều kiện việc ném bom và bất cứ hành động chiến tranh nào khác chống nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Hoa Kỳ phải rút quân Mỹ và quân chư hầu khỏi miền Nam Việt Nam, thừa nhận Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam và để cho nhân dân Việt Nam tự giải quyết công việc nội bộ của mình. Chỉ sau khi Hoa Kỳ chấm dứt không điều kiện việc ném bom và bất cứ hành động chiến tranh nào khác chống nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, thì nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Hoa Kỳ mới có thể có những cuộc nói chuyện”.

Kítxinhgiơ yêu cầu được gặp đồng chí Mai Văn Bộ để được là “người Mỹ đầu tiên đã tiếp xúc được với Hà Nội”, nhưng không được. Ngày 16 tháng 9, ông ta nhờ Ôbrác và Máccôvích chuyển cho Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thông điệp ngày 13-9-1967 của Chính phủ Hoa Kỳ. Toàn văn thông điệp như sau:

Chính phủ Hoa Kỳ nghĩ rằng thông điệp của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ngày 11 tháng 9 có thể dựa trên một sự hiểu sai về đề nghị của Hoa Kỳ ngày 25 tháng 8. Đề nghị của Hoa Kỳ không chứa đựng điều kiện hay đe dọa nào và không thể bị bác bỏ vì những lý do đó.

Lúc đấy, Chính phủ Hoa Kỳ hiểu rằng Việt Nam Dân chủ Cộng hòa có lẽ muốn tiến hành nhanh chóng thương lượng có hiệu quả và đưa đến hòa bình khi những cuộc đánh phá bằng không quân và hải quân chấm dứt. Chính phủ Hoa Kỳ tìm cách xác nhận sự kiện đó trong đề nghị ngày 25 tháng 8 của mình mà Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đang có trong tay.

Để chứng minh thiện chí và để tạo không khí tốt nhất cho việc xét đề nghị của mình, Hoa Kỳ đã tự ý ngừng ném bom Hà Nội kể từ ngày 25 tháng 8, ngày mà đề nghị được chuyển cho Hà Nội. Sự hạn chế này đã được duy trì không thời hạn, mặc dù những hoạt động của lực lượng đối phương ở miền Nam thực tế đã tăng lên từ ngày 25 tháng 8.

Đề nghị của Chính phủ Hoa Kỳ ngày 25 tháng 8 vẫn giữ nguyên giá trị.

Sau khi Kítxinhgiơ và đồng chí Mai Văn Bộ tới chỗ Ôbrác và Máccôvích để trao đổi thông điệp miệng xung quanh vấn đề thương lượng, tối 04 tháng 10, Kítxinhgiơ nhờ Máccôvích chuyển cho phía Việt Nam một “kịch bản mới” đại để như sau:

1. Chính phủ Hoa Kỳ gửi một thông điệp cho Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thông báo rõ ràng, một cách không nhầm lẫn được, việc Hoa Kỳ chấm dứt ném bom không điều kiện.

2. Sau khi thực hiện chấm dứt ném bom, Chính phủ Hoa Kỳ sẽ gửi thông điệp thứ hai đề nghị ngày, giờ và địa điểm nói chuyện.

Đêm 06 tháng 10, Uônơ, công sứ toàn quyền của Đại sứ quán Hoa Kỳ ở Pari, trao cho Máccôvích một dự thảo thông điệp của Chính phủ Hoa Kỳ gửi Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa mà Kítxinhgiơ sẵn sàng trao cho phía Việt Nam chính thức hoặc không chính thức. Nếu Tổng đại diện nước ta đồng ý, Kítxinhgiơ sẽ sang Pari trao tận tay thông điệp đó. Dự thảo thông điệp đó như sau:

“Chính phủ Hoa Kỳ hiểu lập trường của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là: ngay khi Hoa Kỳ chấm dứt mọi hình thức đánh phá nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa mà không nói đến điều kiện, Việt Nam Dân chủ Cộng hòa có thể nhanh chóng tiến hành thảo luận có kết quả với Hoa Kỳ. Những thảo luận này có thể nhằm mục đích giải quyết những vấn đề giữa Hoa Kỳ và Việt Nam Dân chủ Cộng hòa”.

“Giả thiết cách hiểu trên đây là đúng với lập trường của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Chính phủ Hoa Kỳ sẵn sàng thể theo thông điệp ngày 25 tháng 8, chuyển đến trước cho Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ngày tháng chính xác việc ném bom nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa có thể sẽ chấm dứt và gợi ý ngày tháng và địa điểm cho việc bắt đầu thảo luận”<sup>1</sup>.

Ông Ôbrác nói đã rất ngần ngại khi chuyển dự thảo thông điệp này. Khi đưa dự thảo cho đồng chí Mai Văn Bộ, ông nói không biết từ nay chúng tôi còn có nên tiếp tục

---

1. Mai Văn Bộ: *Tấn công ngoại giao và tiếp xúc bí mật*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1985, tr. 149-150.

chuyển thông điệp của Hoa Kỳ không khi mà chính bản thân chúng tôi cũng thấy được là “vẫn có điều kiện”. Có lẽ, chúng tôi phải cắt đứt với Hoa Kỳ, nếu không Hà Nội sẽ nghĩ gì về chúng tôi.

“Không, Hà Nội vẫn coi các ông là những người bạn có thiện chí, nhưng cho rằng các cuộc tiếp xúc bí mật với Hoa Kỳ đến đây là quá đủ”.

Trong bức thư của Máccôvích và Ôbrác gửi Kítxinhgiô đầu tháng 11-1967, có đoạn:

“Chúng tôi nghĩ - và chúng tôi cần nói rõ ràng - rằng nhà cầm quyền của ông phạm sai lầm lớn nhất, có lẽ sai lầm đó làm cho hoạt động của chúng tôi không đạt một kết quả nào, bằng việc liên tiếp ném bom cây cầu và thành phố Hà Nội ngày 15 tháng 8 và những ngày 21, 22, 23 tháng 8 trong khi, qua con đường của ông, ngày 17 tháng 8, Chính phủ Hoa Kỳ yêu cầu chúng tôi chuyển thông điệp đã được thảo ra sau khi chúng tôi từ Hà Nội trở về. Chúng tôi không có cách nào làm cho người Việt Nam hiểu rằng sự trùng hợp của hai sự tiến triển, sự leo thang mới và nghiêm trọng bằng việc ném bom đánh phá lần này thủ đô của họ và việc gửi một thông điệp tìm con đường thương lượng, là ngẫu nhiên. Và, thành thật mà nói, ông Henri thân mến, thật khó mà tin như vậy, khi báo chí về phần họ, cũng như chúng ta về phần chúng ta, đều chỉ rõ rằng hai chuyến giao hàng đều do một người gửi - nếu ông cho phép tôi gọi người đứng đầu nước ông như thế!”.

“Sau những sự can thiệp của ông, một khi Hà Nội được loại ra khỏi danh sách các mục tiêu ném bom -

chúng tôi mong Hà Nội sẽ vĩnh viễn không bị ném bom nữa - thì những cuộc ném bom lại tăng cường đánh phá Hải Phòng, trong lúc chúng tôi và ông đang tìm cách xác định rõ thêm những con đường đưa tới thương lượng”.

Trong bức thư gửi Kítxinhgiơ ngày 15-12-1967, Máccôvích viết:

“Nếu tôi được biết có vụ Mêrigôn (Bông Cúc vạn thọ) chắc là tôi đã từ chối tiếp xúc từ cuối tháng 8”<sup>1</sup>.

Hai ông Ôbrắc và Máccôvích đã tự mình rút kết luận về thái độ của các nhà cầm quyền Hoa Kỳ trong vấn đề “thương lượng không điều kiện” và sự “sẵn sàng tiếp xúc”.

---

1. Mai Văn Bộ: *Tấn công ngoại giao và tiếp xúc bí mật, Sdd*, tr. 200-201.

## **TỪ CÔNG THỨC XAN ANTÔNIO ĐẾN TUYÊN BỐ NGÀY 31-3-1968**

---

**Đ**ể tỏ thiện chí, trong lúc các cuộc hành quân “tìm và diệt” được đẩy mạnh ở miền Nam Việt Nam và không quân leo thang đánh vùng mỏ Cẩm Phả, một mục tiêu bị hạn chế trước đây, ngày 02-9-1967, Đại sứ Hoa Kỳ Ácơ Gônboéc đề nghị Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc thông qua một nghị quyết nêu năm nguyên tắc chủ yếu về vấn đề Việt Nam:

- Ngừng bắn phá hoàn toàn đi đôi với sự giảm cam kết quân sự:

Rút tất cả các lực lượng và từ bỏ tất cả các căn cứ không nằm dưới quyền kiểm soát của miền Bắc Việt Nam hay miền Nam Việt Nam.

- Tôn trọng một giới tuyến và một khu phi quân sự giữa hai miền.

- Một giải pháp hòa bình để giải quyết vấn đề thống nhất do nhân dân miền Bắc và miền Nam Việt Nam quyết định, không có sự can thiệp của nước ngoài.

- Có sự kiểm soát quốc tế đối với vấn đề đó.

Dự thảo nghị quyết đã bị bác bỏ.

Ngày 21 tháng 9, Đại sứ Gônboct tuyên bố trong bài phát biểu tại phiên khai mạc khóa 23 Đại hội đồng Liên hợp quốc:

“Hoa Kỳ sẽ vui lòng xem xét và thảo luận mọi đề nghị có thể nhanh chóng dẫn tới các cuộc thảo luận có hiệu quả có thể mang lại hòa bình trong khu vực”<sup>1</sup>.

Người ta cho biết, bài phát biểu này đã được phái đoàn Hoa Kỳ tại Liên hợp quốc, Bộ Ngoại giao và Nhà Trắng cùng soạn thảo. Đây là dấu hiệu của một quyết định mà Giônxon sắp đưa ra.

Ngày 29-9-1967, trước Hội nghị lập pháp toàn quốc ở Xan Antônô (Téchdát) Giônxon đọc một bài diễn văn quan trọng, trong đó có đoạn:

“Nhiều người hỏi tôi: tại sao không thương lượng bây giờ? Câu trả lời là chúng ta và các đồng minh của chúng ta ở miền Nam Việt Nam đã chuẩn bị sẵn sàng để thảo luận ngay tối nay.

Tôi sẵn sàng nói chuyện với Cụ Hồ Chí Minh và quốc trưởng các nước khác có liên quan.

Tôi sẵn sàng cử Bộ trưởng Ngoại giao Raxơ đi gặp Bộ trưởng Ngoại giao của các vị ấy ngày mai.

Tôi sẵn sàng cử một đại diện có thẩm quyền của Hoa Kỳ đi bất cứ nơi nào trên trái đất để nói chuyện công khai hay bí mật với người phát ngôn của Hà Nội”.

Tiếp đó, Giônxon đã nêu những điều kiện cho việc ngừng ném bom:

---

1. Bộ Quốc phòng Mỹ: *Quan hệ Mỹ - Việt Nam 1945-1967*, Sdd, p.VI-B, tr. 751.



“Hoa Kỳ sẵn sàng ngừng mọi hành động bắn phá bằng không quân và hải quân chống Việt Nam Dân chủ Cộng hòa khi việc ngừng bắn này nhanh chóng dẫn tới những cuộc thảo luận có hiệu quả. Chúng ta, đương nhiên, giả định rằng trong khi các cuộc thảo luận được tiến hành, Việt Nam Dân chủ Cộng hòa không được lợi dụng việc chấm dứt hạn chế ném bom”<sup>1</sup>.

Các nhà quan sát thấy bản tuyên bố này - mà từ đó người ta gọi là công thức Xan Antôniô - không có gì mới, kể cả thứ văn chương hùng hồn của Giônxon. Như Giônxon đã nói, ông chỉ tiết lộ nội dung thông điệp ngày 25-8-1967 đã chuyển cho Hà Nội qua tay các ông Ôbrắc và Mácôvích.

Giải thích công thức Xan Antôniô, Giônxon viết:

“Công thức đó phần nào mềm dẻo hơn đề nghị của chúng ta với Cụ Hồ Chí Minh hồi tháng 2. Chúng ta không đòi hỏi họ hạn chế hoạt động quân sự trước khi ngừng ném bom; và khi việc ném bom đã chấm dứt, chúng ta không nhấn mạnh họ chấm dứt ngay cố gắng chiến tranh của họ mà chỉ đòi hỏi không tăng cường cố gắng đó. Do các nhà lãnh đạo Hà Nội cảm thấy khó chấp nhận những cam kết về mặt quân sự, chúng ta nói rõ rằng chúng ta sẵn sàng hiểu họ sẽ không lợi dụng việc ngừng ném bom. Tất cả điều chúng ta đòi là việc ngừng ném bom nhanh chóng dẫn tới các cuộc nói chuyện về hòa bình và các cuộc nói chuyện đó phải “có hiệu quả”<sup>2</sup>.

---

1. *Tài liệu Lầu Năm Góc, Sđd*, t.4, tr. 206.

2. L.B. Giônxon: *Cuộc đời Tổng thống của tôi, Sđd*, tr. 325.

Đúng là lời lẽ có phần mềm dẻo hơn thư gửi Chủ tịch Hồ Chí Minh hồi tháng 02-1967, nhưng điều mà dư luận, trước hết là ở Hoa Kỳ trong tiết trời mùa Thu nóng bỏng năm 1967, không thể chấp nhận được vì trước sau đây vẫn là những cuộc thương lượng có điều kiện, tức là đòi hỏi có đi có lại: ngừng ném bom đổi lấy nói chuyện, không được lợi dụng ngừng ném bom. Đây là những “cuộc nói chuyện không điều kiện” phát đi từ giảng đường Đại học Giôn Hốpkin từ ngày 07-4-1965?

Giônxon đã thành công trong việc trình bày mềm dẻo hơn một lập trường cứng rắn. Sở dĩ như vậy vì các báo cáo của các quan chức quân sự cũng như dân sự của Hoa Kỳ ở Sài Gòn đều tô vẽ tình hình miền Nam lúc bấy giờ là lạc quan. Về chính trị, mâu thuẫn giữa Nguyễn Văn Thiệu và Nguyễn Cao Kỳ được coi đã là dàn xếp ổn thỏa. Về quân sự, các chiến dịch “tìm và diệt” của Oétmolen đã giáng những đòn nặng nề vào các căn cứ của Việt Cộng. Quân đội Sài Gòn có khả năng bảo đảm an ninh của Sài Gòn và vùng xung quanh. Khi Giônxon hỏi Mắc Namara rằng có phải tình hình quân sự ở miền Nam Việt Nam là không có lối ra như một số nhà quan sát nói không? Mắc Namara đã trả lời dứt khoát: “Không có bế tắc về mặt quân sự”. Đó cũng là báo cáo chung của Mắc Namara, Thứ trưởng Ngoại giao Cátdenbách và tướng Uylo sau khi đi nắm tình hình miền Nam tháng 7-1967. Như vậy, trong năm bản lề trước cuộc bầu cử tổng thống, việc thực hiện chiến lược chiến thắng được coi như rất thuận lợi.

Giônxon sau này thừa nhận là lúc đó ông không biết rằng Việt Cộng đang chuẩn bị chiến dịch quân sự rộng lớn nhất và nhiều tham vọng nhất trên toàn miền Nam Việt Nam.

Bộ máy ngoại giao Hoa Kỳ được huy động để giải thích và tuyên truyền cho công thức Xan Antônô, nhất là khi phong trào chống chiến tranh Việt Nam ở Hoa Kỳ mang tính chất quần chúng rộng rãi và đạt đến đỉnh điểm kể từ khi nổ ra chiến tranh thì sự thức tỉnh của lương tri loài người biểu thị một sức mạnh mới tại khóa họp thứ hai của Tòa án Bécơrăng Rútxen khai mạc tại Copenhaghen ngày 20-11-1967.

\*

\*      \*

Trong phụ lục VII cuốn hồi ký của Giônxon có ghi “do sáng kiến của Rumani: tiếp xúc ở Hà Nội - tháng 10-1966 và tháng 02-1968.

Tháng 01-1967, khi các cuộc tiếp xúc giữa Lê Trang và Góttorai bắt đầu ở Mátxcova, Đại sứ Hoa Kỳ ở Bucarét đã gặp và yêu cầu Tổng Thư ký Bộ Ngoại giao Rumani chuyển cho Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thông điệp sau đây: Hoa Kỳ muốn gặp đại diện Việt Nam Dân chủ Cộng hòa một cách bí mật. Hoa Kỳ cũng sẵn sàng thảo luận với Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam. Hoa Kỳ sẵn sàng lấy Hiệp nghị Giơnevơ năm 1954, lập trường bốn điểm của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và lập trường năm điểm của Mặt trận Dân tộc giải phóng làm cơ sở thảo luận. Hoa Kỳ sẽ chấm dứt ném bom miền Bắc Việt Nam nếu có dấu hiệu... Hà Nội đã

không đáp ứng yêu cầu này vì khi đó Góttorai đã gặp Lê Trang ở Mátxcôva.

Rumani cho rằng, Hoa Kỳ muốn rút khỏi miền Nam Việt Nam, còn phía Việt Nam cũng muốn chấm dứt chiến tranh.

Bộ Ngoại giao Rumani đã mời Đavít, Đại sứ Hoa Kỳ tại Bucarét đến và nói ý kiến của Rumani là trong tình hình hiện nay Hoa Kỳ nên đi bước trước: ngừng ném bom không điều kiện và vĩnh viễn nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và nhấn mạnh rằng đây là hoạt động ngoại giao bình thường của Rumani, không phải là lời nhấn của Hà Nội.

Nhận được báo cáo của Đavít, Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ cử ngay Avören Hariman đi Bucarét vào ngày 27 tháng 11. Trong các cuộc tiếp xúc với các quan chức Rumani, Hariman giải thích lập trường của Hoa Kỳ theo công thức Xan Antônô và quả quyết rằng ông ta đã được Tổng thống Giônxon cho phép tuyên bố là Hoa Kỳ sẵn sàng chấp nhận các gợi ý của Việt Nam và trao đổi với phía Việt Nam những tuyên bố công khai hay bí mật, sẵn sàng tiếp nhận những gợi ý bổ sung làm cho công thức Xan Antônô tốt hơn. Cuối cùng, Hariman yêu cầu phía Rumani thông báo lập trường này cho Hà Nội và cho phía Hoa Kỳ biết mọi điều kiện của phía Việt Nam.

Bucarét cử G. Macôvexcu, Thứ trưởng Bộ Ngoại giao sang Hà Nội. Ngày 17 tháng 12, Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã tiếp Macôvexcu.

Sau khi trình bày thông báo của Hariman, Macôvexcu nói nhận xét của mình, đại ý là:

- Hoa Kỳ bị sức ép của dư luận nên phải tìm một giải pháp thoát khỏi chiến tranh và những điều kiện đã được tạo ra để tiến tới thương lượng. Phía Việt Nam cần tìm một cử chỉ chính trị nào đó, tất nhiên với điều kiện là việc ném bom miền Bắc phải được chấm dứt và cuộc chiến đấu vẫn tiếp diễn ở miền Nam. Mặc dù các tuyên bố đó của Hoa Kỳ chỉ là một âm mưu thì cũng cần tạo ra các điều kiện cần thiết để vạch mặt Hoa Kỳ, tố cáo trước dư luận thế giới sự gian dối của họ, đập tan các luận điệu của Hoa Kỳ nói rằng chỉ Hoa Kỳ muốn thương lượng còn Việt Nam thì không. Nếu ta không có cử chỉ nào theo hướng thương lượng thì dư luận thế giới hiện nay đang thuận lợi cho Việt Nam sẽ có thể thay đổi theo hướng có lợi cho Hoa Kỳ. Họ sẽ nói rằng họ muốn thương lượng nhưng không nhận được tín hiệu của phía bên kia.

Ở Liên hợp quốc, đại biểu của tất cả các nước ngày càng quan tâm sâu sắc đến việc chiến tranh kéo dài ở Việt Nam, việc chưa tìm thấy một giải pháp hòa bình cho cuộc xung đột. Hoa Kỳ rất có thể sẽ tăng cường chiến tranh ở Việt Nam. Theo Hariman, Giôn-xơn bị sức ép phải tăng cường chiến tranh. Hãy cho Giôn-xơn, cho phái bồ câu và những người có đầu óc thực tế một cơ hội tìm giải pháp cho chiến tranh và thương lượng với người Việt Nam.

Thủ tướng Phạm Văn Đồng nói:

- Hoa Kỳ vẫn tiếp tục chính sách hai mặt: một mặt, tiếp tục và tăng cường chiến tranh; mặt khác, dưới sự thúc ép của dư luận thế giới và phong trào chống

chiến tranh ở Hoa Kỳ, buộc phải có hành động lừa bịp và xoa dịu dư luận. Vì vậy, bên cạnh hành động chiến tranh của Hoa Kỳ có hành động lừa bịp về thương lượng hòa bình. Nhưng chính sách của Hoa Kỳ bây giờ là tiếp tục và tăng cường chiến tranh.

Trong đề nghị của Hariman, điều đáng chú ý là ông ta đã nói Hoa Kỳ sẽ ngừng ném bom vĩnh viễn. Ngày 28 tháng 01 năm nay, chúng tôi đã yêu cầu Hoa Kỳ ngừng ném bom không điều kiện. Chữ vĩnh viễn có ý nghĩa lắm, nhưng Hoa Kỳ lại đề ra điều kiện cho việc ngừng ném bom là phải nói chuyện nghiêm chỉnh và có hiệu quả, và không tăng thêm viện trợ cho miền Nam nên lời nói của ông Hariman mất ý nghĩa, không có gì mới so với trước.

Việt Nam đã nói rõ lập trường của mình nhiều lần: cơ sở để giải quyết vấn đề là bốn điểm đề ra từ ngày 08-4-1965; để nói chuyện thì có tuyên bố ngày 28-01-1967 của đồng chí Nguyễn Duy Trinh. Đó là lập trường nguyên tắc không có nhân nhượng. Việt Nam không phản đối nói chuyện, nhưng phải có nguyên tắc. Hoa Kỳ phải chấm dứt đánh phá miền Bắc không điều kiện. Sau khi ngừng ném bom một thời gian để thử thách lòng thành thật của Hoa Kỳ, sẽ nói chuyện. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: Việt Nam không bao giờ nói chuyện với Hoa Kỳ dưới bom đạn hay dưới sự đe dọa của bom đạn. Dư luận thế giới ngày càng đồng tình với lập trường đó. Nói chuyện hay không là tùy thuộc Hoa Kỳ, Việt Nam đã sẵn sàng.

Chúng tôi đồng ý là cần vận động dư luận ủng hộ Việt Nam, hơn nữa, cần giúp cho phái bồ câu tiến lên nữa.

Đó là chính sách đúng đắn, khôn ngoan cần phải làm. Vì vậy, đến một lúc nào đó, Việt Nam có thể tiếp xúc với Hoa Kỳ. Và khi đã nói chuyện là phía Việt Nam nghiêm chỉnh, còn nói chuyện có kết quả hay không là do phía Hoa Kỳ. Không ai có thể nói trước là nói chuyện sẽ có kết quả hay không có kết quả.

Hoa Kỳ rất lúng túng, chỉ muốn phía Việt Nam để cho Hoa Kỳ vượt qua được năm khó khăn trước tuyến cử, còn lập trường của Hoa Kỳ vẫn là lập trường chiến tranh. Tuy nhiên, trong hoàn cảnh này, nếu Hoa Kỳ chịu ngừng ném bom không điều kiện thì Việt Nam cũng nhận nói chuyện dù biết rằng Hoa Kỳ chưa thành thật. Còn Hoa Kỳ muốn tiến hành chiến tranh thì Việt Nam sẽ tiếp tục chiến đấu.

Những ý kiến trên đây của Hà Nội chắc chắn đã được chuyển tới Nhà Trắng và Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ. Vấn đề như phía Việt Nam nêu ra là rõ ràng, đủ cho phép tin rằng nếu Hoa Kỳ thật sự muốn đi vào nói chuyện thì không còn trở ngại gì. Nhưng trong thông điệp ngày 17-01-1968 về tình hình liên bang, Tổng thống Giôn-xơn có đoạn nói dè dặt về tình hình Việt Nam (khi đó Giôn-xơn đã được Cục Tình báo và Bộ Tư lệnh yêu cầu Hoa Kỳ ở Sài Gòn báo là có dấu hiệu Việt Cộng sẽ mở cuộc tiến công lớn vào khoảng Tết), nhưng ông ta vẫn nói rằng các cuộc thương lượng phải trên cơ sở công thức Xan Antônô.

\*

\*       \*

Đêm 31-01-1968, Nhà Trắng bàng hoàng nhận được tin Việt Cộng mở cuộc tấn công lớn vào Sài Gòn,

đặc biệt nghiêm trọng là đã vào được Đại sứ quán Hoa Kỳ. Đây chỉ là một điểm, thật ra là một trọng điểm trong kế hoạch của Quân giải phóng miền Nam trong dịp Tết Mậu Thân. Đây là một chiến dịch lớn, mở rộng các cuộc tiến công toàn miền Nam tới 36 trong số 44 tỉnh lỵ, 5 trong số 6 thành phố lớn, trong đó có Sài Gòn - Chợ Lớn, 25% quận lỵ.

Tổng thống Giônxon rất bối rối, lại thêm tình hình Nam Triều Tiên cũng trở nên nghiêm trọng: Tổng thống Pắc Chung Hy bị mưu sát, tàu gián điệp Puêblô bị Bắc Triều Tiên bắt trong vùng biển của Triều Tiên. Nếu chuyến đi thăm miền Bắc Việt Nam của nhà báo Xônbơri năm 1967 lần đầu tiên đã đưa những hình ảnh về tội ác ném bom của Hoa Kỳ vào trong nhà các công dân Mỹ, thì lần này, vì chiến sự xảy ra ngay tại Sài Gòn nên các hãng vô tuyến truyền hình Mỹ đã chuyển về Hoa Kỳ tính ác liệt của cuộc chiến tranh ở miền Nam Việt Nam và hình ảnh Hoa Kỳ hùng cường bị tổn thương. Giônxon bị đặt trước hàng loạt vấn đề quân sự, chính trị, tài chính trong nước và ngoài nước. Về quân sự, có biện pháp trước mắt đối phó với cuộc tổng tấn công của Mặt trận Dân tộc giải phóng, biện pháp lâu dài để giành thắng lợi, kể cả việc xem xét lại chiến lược: rút khỏi miền Nam hay nên ở lại. Để có câu trả lời cho các vấn đề đó, ông ta thành lập nhóm chuyên viên giao cho Clác Clípphốt, người thực tế đã thay thế Bộ trưởng Quốc phòng Mắc Namara (cho tới ngày 01-3-1968 mới chính thức là Bộ trưởng Quốc phòng) phụ trách. Ông ta yêu cầu



ngiên cứu mọi khía cạnh của các vấn đề được đặt ra: đưa thêm bao nhiêu quân bổ sung, nếu đưa thêm quân thì ngân sách cần thêm bao nhiêu và cách giải quyết ra sao, nếu tăng thêm quân sang Việt Nam thì chủ trương thế nào về thương lượng, công thức Xan Antônô cần phải sửa lại thế nào, làm gì để củng cố tinh thần chính quyền Sài Gòn, cần yêu cầu Quốc hội thông qua những biện pháp gì và khi ra trước Quốc hội thì sẽ có những vấn đề gì, dư luận sẽ đặt ra những vấn đề gì...? Nhóm Clípphốt gồm những cộng sự tin cậy và tài ba của Tổng thống: Bộ trưởng Ngoại giao Raxơ, Bộ trưởng Tài chính Phaolơ, Thứ trưởng Ngoại giao Nicôlat Cátđembách, Thứ trưởng Quốc phòng Pôn Nítđơ, Giám đốc CIA Đích Hem, cố vấn an ninh W. Rôxtốp, tướng Mácxoen Taylo và một số nhân vật khác. Vấn đề tăng quân theo yêu cầu của tướng Oétmolen cuối cùng được giải quyết là: trước mắt gửi 20.000 quân sang miền Nam Việt Nam.

Để có những ý kiến rộng rãi và khách quan, Giônxon còn triệu tập các cố vấn phi chính phủ (thường gọi là các nhà quân sự): cựu Bộ trưởng Ngoại giao Đin Akixơn, cựu Thứ trưởng Ngoại giao Gioócgơ Bôn, tướng Oma Bratlây, Mắc Gioócgơ Bânđi, Áctơ Đin (người đã tham gia cuộc thương lượng để giải quyết cuộc chiến tranh Triều Tiên), cựu Bộ trưởng Tài chính Đơglát Đilon, Đại sứ Henri Cabốt Lốt, nhà ngoại giao Rôbéc Mócphi, tướng Mathiu Rítuây, cựu Thứ trưởng Quốc phòng Xairót Vanxơ. Ông cũng tham khảo ý kiến cả những nhân vật có thể lực của Quốc hội Hoa Kỳ.

Vấn đề thương lượng hòa bình có những phức tạp khác như nội dung, thời gian nói chuyện,..., vì nó gắn với vấn đề ngừng ném bom miền Bắc.

Có nhiều công thức hòa bình được trình lên tổng thống, Đin Raxơ đề nghị ngừng ném bom thực tế mà không nêu bất cứ điều kiện hay giả định gì. Công thức của một nhà ngoại giao trung lập là: một chính phủ trung lập hay một cường quốc nào khác mời Bắc Việt Nam, Nam Việt Nam, Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam và Hoa Kỳ họp vào một ngày nào đó; một ngày trước khi họp, các bên tham chiến sẽ giảm hoạt động quân sự, bao gồm cả việc ngừng mọi cuộc hành quân tiến công quy mô; các thành viên trong Ủy ban quốc tế cũng sẽ được mời dự họp; không cần thỏa thuận trước, đến ngày đã định cuộc họp cứ tiến hành dù các bên được mời có đến hay không. Đại sứ Hoa Kỳ Áctơ Gônboóc đề nghị ngừng ném bom hoàn toàn miền Bắc trong thời gian cần thiết để xem Hà Nội có thật lòng mong muốn thương lượng không, không cần nói điều kiện hay thời hạn. Công thức của Đại sứ Hoa Kỳ Sextơ Baulơ tại Ấn Độ cũng là chấm dứt hoàn toàn việc ném bom miền Bắc, nhưng trước khi chấm dứt thông báo cho Ấn Độ, Anh, Liên Xô, Nhật Bản, Tổng Thư ký Liên hợp quốc biết và nói rằng Hoa Kỳ chỉ chấm dứt nếu các nước khác cam kết thúc đẩy các cuộc thương lượng có ý nghĩa là hứa hợp tác với Hoa Kỳ và các nước khác để vạch một kế hoạch phát triển kinh tế ở Đông Nam Á. Trong số những ý kiến không tán thành chấm dứt hoàn toàn việc ném bom thì có những kiến nghị như sau: chấm dứt ở

vĩ tuyến 20, chấm dứt từ vĩ tuyến 20 trở lên, chấm dứt ở vĩ tuyến 17 hay phía bắc của khu phi quân sự, v.v..

Theo Giônxon, nhóm cố vấn phi chính phủ không nhất trí, trong đó, sáu vị tán thành một kiểu xuống thang nào đó, một vị không tán thành mà cũng không phản đối, bốn vị phản đối.

Một vấn đề khác nữa làm cho Giônxon suy nghĩ rất nhiều là ông có nên rút khỏi danh sách ứng cử viên tổng thống của Đảng Dân chủ không? Ngay khi trúng cử tổng thống năm 1964, ông đã có ý định và sau đó đã nhiều lần nêu vấn đề này hỏi ý kiến các cộng sự thân cận nhất. Với sự phát triển bất ngờ của tình hình Việt Nam, từ sau Tết Mậu Thân, ông càng cân nhắc vấn đề rút lui việc ứng cử tổng thống năm 1968.

Đến những ngày cuối tháng 3-1968, Giônxon đi đến bốn quyết định:

- Viện trợ cho chính quyền Sài Gòn về quân số Mỹ, trang thiết bị, tiền của không cần phải quá nhiều.

- Đề nghị hòa bình của Địn Raxơ là đề nghị tốt nhất.

- Chính quyền Sài Gòn cần đảm nhiệm phần nhiều hơn trong chiến đấu để tự bảo vệ.

- Không ra ứng cử tổng thống một khóa nữa. Quyết định này gắn với tất cả các quyết định khác, nhất là quyết định ngừng ném bom.

Sau khi tham khảo ý kiến khá nhiều người, suy nghĩ và lựa chọn, Giônxon đã có những quyết định đó vào lúc nào?

Ông đã trả lời: chính xác vào 21 giờ 01 phút ngày 31-3-1968, khi ông đọc bài diễn văn trong phòng Bầu dục

của Nhà Trắng. Trong 45 phút, ông đã tả lại cuộc tấn công Tết Mậu Thân với âm mưu của Việt Cộng, và nói nó đã thất bại ở những điểm nào, thông báo dự định của chính quyền tăng cường quân đội Sài Gòn. Tiếp đó, ông nói đã đến lúc nói lại về hòa bình và ông sẵn sàng đi bước trước trên con đường xuống thang.

“Tối nay tôi đã lệnh cho các máy bay và tàu chiến của chúng ta không tiến hành cuộc tiến công nào chống miền Bắc Việt Nam, trừ khu vực nằm ở phía bắc khu phi quân sự là nơi địch đang có những hành động chuẩn bị, trực tiếp đe dọa các vị trí tiền tiêu của đồng minh và là nơi cuộc vận chuyển các đoàn người và đoàn tiếp tế chỉ làm tăng thêm sự đe dọa đó”.

Sau cùng ông nói:

“Khi tôi nhìn con em nước Mỹ đi chiến trường xa, khi tôi thấy tương lai nước ta bị đe dọa ngay bên trong biên giới của nước ta và khi tôi nghĩ đến những hy vọng hòa bình của chúng ta và của toàn thế giới, tôi không nghĩ mình có quyền dành một ngày, thậm chí một giờ, trong thì giờ của tôi để ủng hộ những quyền lợi đảng phái hay bất cứ nhiệm vụ nào khác ngoài những nhiệm vụ nặng nề đặt trên vai vị tổng thống nước các bạn.

Vì vậy, tôi không mưu cầu và cũng không chấp nhận việc đảng tôi cử tôi ra ứng cử cuộc bầu cử tổng thống sắp tới”<sup>1</sup>.

Trong suốt hai tháng, tất cả các cố vấn của tổng thống, kể cả những tác giả của công thức ngừng ném

---

1. L.B. Giônxon: *Cuộc đời Tổng thống của tôi*, Sđd, tr. 443-525.

bom hoàn toàn hay hạn chế, đều không tin là lần này Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sẽ đáp ứng tích cực một đề nghị hòa bình mới của Giônxon.

Trong chính giới, một số nghị sĩ có tên tuổi nghi ngờ tác dụng lời tuyên bố ngày 31 tháng 3 của Giônxon. Thượng nghị sĩ Uyliam Phunbrai nói: tuyên bố đó chỉ là một sự thay đổi hạn chế chính sách hiện hành của Hoa Kỳ, rằng chấm dứt ném bom như thế sẽ không thúc đẩy Hà Nội đi vào hướng thương lượng hòa bình. Thượng nghị sĩ Phrăng Lâuxơ cho rằng: làm sao Cụ Hồ Chí Minh có thể có một câu trả lời khẳng định trong khi Phunbrai và nhiều người khác đả kích Chính phủ trước khi kẻ địch trả lời.

Bản thân Giônxon cũng băn khoăn về điều đó. Do vậy, tối 31 tháng 3 ngay trước khi ngủ, ông đã cầu nguyện để Hà Nội nghe thấy lời kêu gọi của ông và sẽ đáp lại.

Chúa đã nghe thấy lời thỉnh cầu của Tổng thống Giônxon chăng?

Từ cuối năm 1966, Bộ Chính trị Trung ương Đảng Lao động Việt Nam đã quyết định chủ trương tạo điều kiện thực hiện chiến lược vừa đánh vừa đàm và đã có nhiều biện pháp để thực hiện chủ trương đó.

Ngày 03-4-1968, trong một tuyên bố chính thức, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã chỉ rõ: “Rõ ràng, Chính phủ Hoa Kỳ chưa đáp ứng nghiêm chỉnh và đầy đủ đòi hỏi chính đáng của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, của dư luận tiến bộ Hoa Kỳ và dư luận thế giới. Tuy nhiên, về phía mình, Chính phủ

nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tuyên bố sẵn sàng cử đại diện của mình tiếp xúc với đại diện Hoa Kỳ nhằm xác định với phía Hoa Kỳ việc nước này chấm dứt không điều kiện việc ném bom và mọi hành động chiến tranh khác chống nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa để có thể bắt đầu cuộc nói chuyện.

Hà Nội chính thức chấp nhận nói chuyện với Hoa Kỳ, nhưng bước đầu đại diện hai bên tiếp xúc với nhau để bàn việc tổ chức nói chuyện về thực chất, sau đó là hội nghị chính thức.

Tối 04 tháng 4, Đại sứ quán Hoa Kỳ ở Viên Chăn chính thức báo cho Đại sứ quán Việt Nam là Hoa Kỳ đề nghị cuộc tiếp xúc sẽ diễn ra ở Giơnevơ. Hà Nội đề nghị lấy Phnôm Pênh với dụng ý là có một địa điểm gần chiến trường miền Nam Việt Nam và có thể có tác dụng cổ vũ và củng cố tinh đoàn kết của nhân dân ba nước Đông Dương. Oasinhton không chấp nhận và đề nghị bốn địa điểm khác: Niu Đêli, Giacácta, Viên Chăn, Rănggun. Hà Nội đề nghị Vácsava. Lúc đầu, Oasinhton chấp nhận Vácsava, nhưng sau họ khó chịu về việc tin đó bị tiết lộ ra ngoài. Họ lại đưa ra một danh sách 10 địa điểm: Côlômbô, Cátmandu, Cuala Lămpua, Raoapidi, Cabun, Tôkiô, Brúcxen, Henxinki, Viên, Rôma. Cuộc trao đổi ý kiến qua đại dương về địa điểm tiếp xúc diễn ra trong gần một tháng đã có sức cuốn hút dư luận.

Cuối cùng, ngày 02 tháng 5, bỏ ra bước tiếp xúc trừu bị, Hà Nội đề nghị lấy Pari làm địa điểm họp chính thức, cử Bộ trưởng Xuân Thủy làm Trưởng đoàn đại biểu

Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và đề nghị phiên họp đầu tiên vào ngày 10-5-1968 hay một vài ngày sau. Oasinhton đã chấp nhận.

Giônxon cử Avoren Hariman và C. Vanxơ, hai nhà ngoại giao có tài, làm Trưởng và Phó Trưởng đoàn đại biểu Chính phủ Hoa Kỳ. Sau khi thỏa thuận các vấn đề thủ tục trong ngày 10 và 11 tháng 5, cuộc nói chuyện chính thức bắt đầu ngày 13 tháng 5.

Lập trường của Hoa Kỳ trong thời kỳ đầu của cuộc nói chuyện tập trung vào ba vấn đề chủ yếu: các cuộc nói chuyện sau khi Hoa Kỳ chấm dứt hoàn toàn các cuộc ném bom cần có sự tham gia của Chính phủ Sài Gòn; Việt Nam Dân chủ Cộng hòa không vi phạm khu phi quân sự, không đưa quân đi qua hay đóng tại khu đó, không bắn pháo vào phía nam từ khu đó; Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Việt Cộng không bắn pháo hay tên lửa vào các thành phố lớn ở miền Nam như Sài Gòn, Huế, Đà Nẵng. Đoàn đại biểu Việt Nam Dân chủ Cộng hòa phản đối những đòi hỏi đó, và coi đó là những điều kiện cho việc chấm dứt ném bom, yêu cầu phải chấm dứt không điều kiện việc ném bom và phải để Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam tham gia cuộc nói chuyện.

Đến tháng 10, đoàn đại biểu Việt Nam Dân chủ Cộng hòa chủ động gỡ tình hình bế tắc. Trong một cuộc gặp riêng, đồng chí Xuân Thủy hỏi nếu Việt Nam chấp nhận cho chính quyền Sài Gòn tham gia giai đoạn tiếp theo của cuộc nói chuyện thì phía Hoa Kỳ có

chấm dứt hoàn toàn các cuộc ném bom miền Bắc Việt Nam hay không? Hariman nói: cần phải hỏi Oasinhton. Sau khi Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã thỏa thuận mọi vấn đề liên quan tới việc ngừng ném bom và giai đoạn của cuộc nói chuyện, chính quyền Nguyễn Văn Thiệu đã nêu thêm nhiều vấn đề, nhiều lý lẽ để phản đối việc chấm dứt ném bom miền Bắc vào ngày 01-11-1968. Buộc phải từ bỏ ý định làm một bản tuyên bố chung Hoa Kỳ - Sài Gòn, Tổng thống Giônxon đã đọc bản tuyên bố với nhân dân Mỹ lúc 20 giờ ngày 31-10-1968. Sau khi phân tích sự diễn biến rất quan trọng của tình hình tìm kiếm hòa bình từ tuyên bố ngày 31 tháng 3 đến các cuộc nói chuyện ở Pari, ông nói:

“Bây giờ, do tình hình như vậy, tôi ra lệnh chấm dứt kể từ 8 giờ (giờ Oasinhton) sáng thứ Sáu tất cả các cuộc oanh kích bằng không quân, hải quân và đại bác đối với miền Bắc Việt Nam”<sup>1</sup>:

Đồng thời, Giônxon thông báo là sẽ bắt đầu các cuộc nói chuyện ở Pari vào tuần sau. Chính phủ Sài Gòn tự do quyết định tham gia hay không, còn đại diện của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam sẽ tham gia nhưng điều đó không có ý nghĩa công nhận Mặt trận Dân tộc giải phóng dưới bất cứ hình thức nào.

Giônxon nói thêm là các cuộc nói chuyện không thể tiếp tục nếu phía bên kia lợi dụng việc chấm dứt

---

1. *Tài liệu Lầu Năm Góc, Sdd, t.4, tr. 272.*



ném bom, nếu các thành phố lớn ở miền Nam Việt Nam bị pháo kích và khu phi quân sự bị xâm phạm.

Bốn tuần lễ sau, Chính phủ Sài Gòn mới quyết định cử một đoàn đại biểu đi Pari, và trưởng đoàn này mãi ngày 08 tháng 12 mới tới. Ngày 18-01-1969, mọi vấn đề thủ tục đã được giải quyết. Ngày 25 tháng 01, tức là năm ngày sau khi Tổng thống Giônxon rời Nhà Trắng, phiên họp thứ nhất của Hội nghị bốn bên ở Pari bắt đầu.

## THAY LỜI KẾT

Từ ngày 01-11-1968, máy bay và tàu chiến Hoa Kỳ nói chung không oanh kích nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa nữa nhưng thỉnh thoảng vẫn đánh phá phần phía nam; máy bay trinh sát, đặc biệt loại U.2, tiếp tục ngày đêm trinh sát nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Chiến tranh vẫn tiếp diễn ở miền Nam Việt Nam trong lúc tại Pari, người Mỹ và người Việt Nam đối thoại cả công khai và bí mật, để đi tới chấm dứt chiến tranh Việt Nam.

Mặc dù sau này chính quyền Níchxơn cho máy bay ném bom lại miền Bắc, kể cả bằng B.52, việc chấm dứt ném bom hạn chế năm 1968 có ý nghĩa rõ ràng là cuộc chiến tranh leo thang bằng không quân và hải quân của Tổng thống Giônxon đã thất bại.

Sau khi trúng cử tổng thống thứ 36 của Hoa Kỳ, từ đầu năm 1965, Giônxon đã có hai quyết định cực kỳ quan trọng đối với nước Mỹ: đưa quân chiến đấu Hoa Kỳ vào miền Nam và dùng không quân ném bom Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Phải chấp nhận sự thách thức đó, nhân dân Việt Nam đồng thời phải chống cuộc chiến tranh cục bộ giải phóng miền Nam và cuộc chiến tranh

leo thang ở miền Bắc, buộc Hoa Kỳ phải xuống thang từng bước, tiến tới thống nhất Tổ quốc.

Với lời tuyên bố nổi tiếng “Hoa Kỳ sẵn sàng thương lượng không điều kiện” ở Bantimo ngày 07-4-1965, Giônxon dù thành thật hay không cũng đã chỉ ra con đường hiện thực giải quyết vấn đề Việt Nam, do đó thật sự lúc đầu đã gieo hy vọng trong lòng nhiều người, nhất là những người yêu chuộng hòa bình. Nhưng cho đến khi đưa ra công thức Xan Antônô, trong 30 tháng, con đường mà ông đi lại theo một chiều ngược lại. Trên các diễn đàn quốc gia hay quốc tế, xưa nay biết bao nhà chính trị đã nói một đằng làm một nẻo, cho nên việc Giônxon đặt điều kiện rồi mới chịu đi vào thương lượng không có gì đáng ngạc nhiên. Cũng không có gì đáng ngạc nhiên khi ông ta muốn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thương lượng theo điều kiện của Hoa Kỳ. Nhưng điều khiến người ta ngạc nhiên là trong một vấn đề đã làm đau đầu những tổng thống tiền nhiệm và tiếp tục là vấn đề nan giải của bản thân ông, ông vẫn muốn vừa thắng cuộc chiến tranh Việt Nam, vừa thắng cuộc bầu cử tổng thống năm 1968. Do quá tin sức mạnh của Hoa Kỳ hay do đánh giá quá thấp kẻ địch? Hy vọng sẽ lại giành sự thắng lợi lịch sử năm 1964 hay do đánh giá sai tác động của chiến tranh Việt Nam tới cử tri? Có thể nói, trong suốt 30 tháng đó, mỗi khi Giônxon nói sẵn sàng thương lượng với Hà Nội là nói đến điều kiện, thậm chí còn kèm theo tối hậu thư.

Trong vụ Mêrigôn, lần đầu tiên do vai trò trung gian của Ba Lan, chiếc cầu quan hệ giữa Hoa Kỳ và Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã được hình thành, nhưng Oasinhton đã phủ nhận những điều mà đại diện của họ đã nói với đại diện Ba Lan và Italia tại Sài Gòn, đã ném bom trung tâm Hà Nội hai ngày trước khi có cuộc gặp tại Vácsava giữa đại diện của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và đại diện Hoa Kỳ như thỏa thuận. Họ phá cuộc gặp gỡ và phá luôn cả chiếc cầu.

Cây cầu nối Lê Trang với Góttorai mới bắc được ở Mátxcova thì ở Luân Đôn, cũng trong thời gian đó, Nhà Trắng phủ nhận những điều mà Thủ tướng Anh Uynxon, với sự đồng ý của đặc phái viên Tổng thống Hoa Kỳ C. Cupơ, đã thỏa thuận với Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Côxughin khi đó đang ở thăm vương quốc Anh. Họ đã đòi Hà Nội phải chấp nhận những điều khác với những thỏa thuận đó trước một thời hạn mà ngay Cupơ và đại sứ Hoa Kỳ tại Luân Đôn cũng thấy là quá đáng để có cơ ném bom thủ đô Hà Nội. Sự tiếp xúc giữa Oasinhton và Hà Nội lại bị cắt đứt.

Với sự trung gian của hai ông Ôbrắc và Máccôvích, cuộc tiếp xúc giữa Hà Nội và Oasinhton kéo dài hai tháng và đi tới việc trao đổi thông điệp giữa hai bên. Nhưng về sau, Oasinhton vừa đưa công hàm vừa ném bom Hà Nội, khiến cả hai người trung gian cũng không hiểu Nhà Trắng muốn gì. Đây là cái mà ông Máccôvích gọi là hai món hàng khác nhau của cùng một người giao hàng gửi cho một người nhận.

Qua kinh nghiệm thực tế, Hà Nội cho cái gọi là “sáng kiến hòa bình”, “thương lượng không điều kiện” của Giônxon là lừa bịp. Dư luận, kể cả ở Hoa Kỳ đều cho rằng đó là chính sách hai mặt của ông ta, ông ta không thật lòng muốn thương lượng. Ít nhất có một điều có thể khẳng định được là Giônxon muốn tiếp tục đẩy mạnh chiến tranh ở miền Nam, giành thắng lợi quyết định để bước vào năm bầu cử tổng thống; trong khi đó vẫn có thể tiếp xúc với Hà Nội - chưa phải là thương lượng - để thăm dò ý đồ giải quyết toàn bộ vấn đề của phía Việt Nam; và có thể ngừng ném bom miền Bắc Việt Nam với điều kiện Hà Nội tuyên bố không lợi dụng ngừng ném bom để tăng cường chi viện cho Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam. Vì thế, lúc nào Giônxon cũng nêu điều kiện dưới hình thức này hay hình thức kia.

Phải đợi đến sau cuộc tấn công Tết Mậu Thân làm rung chuyển miền Nam Việt Nam và cả Hoa Kỳ thì Giônxon mới buộc phải có một lựa chọn phù hợp với tình hình. Đã đến lúc phải đưa Hoa Kỳ vào thương lượng trực tiếp với Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, phải chấm dứt ném bom nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Trước kia, Oasinhtơn đòi Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trước hết phải bảo đảm không lợi dụng ngừng ném bom, nay không đòi nữa; trước kia không chấp nhận Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam tham gia thương lượng, nay chấp nhận dù không coi việc đó là công nhận Mặt trận. Và hơn thế, vì những lợi ích

cao hơn lợi ích đảng phái, ông ta tuyên bố không ra ứng cử tổng thống một khóa nữa, chấm dứt sự nghiệp chính trị của bản thân.

Nếu ta nhớ lại rằng Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã nói rất rõ ràng với Đại sứ C. Ronninh từ tháng 3-1966 rằng chỉ cần Hoa Kỳ chấm dứt không điều kiện việc ném bom miền Bắc là hai bên có thể nói chuyện ngay; nếu ta nhớ lại Bộ trưởng Nguyễn Duy Trinh từ ngày 28-01-1967 đã chính thức nói rằng, sau khi Hoa Kỳ ngừng ném bom không điều kiện miền Bắc, Việt Nam sẽ nói chuyện với Hoa Kỳ và thấy rằng cuộc gặp gỡ giữa Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Hoa Kỳ còn có khả năng diễn ra sớm hơn. Một số người còn đi xa hơn và tự hỏi: biết đâu đã tránh được trận tổng tiến công Tết Mậu Thân, và Giônxon có thể không phải rút lui khỏi vũ đài chính trị.

Mặc dù Giônxon đã coi vấn đề chấm dứt ném bom miền Bắc Việt Nam là biện pháp bức thiết phải có, nhưng như tướng A. Bram, Tư lệnh quân viễn chinh Mỹ ở miền Nam Việt Nam nói: Ông đã trả một giá rất đắt cho Hoa Kỳ, cho bản thân ông vì một chính sách mù quáng, phiêu lưu, vì cuộc chiến tranh của Giônxon.

Hội nghị bốn bên ở Pari còn phải kéo dài hơn bốn năm nữa mới đi đến một giải pháp cho vấn đề chiến tranh Việt Nam. Với chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, ngày 30-4-1975 chiến tranh mới thật sự kết thúc ở Việt Nam và miền Nam Việt Nam mới được giải phóng,

nước Việt Nam mới được thống nhất. Đây là một quá trình với hàng loạt vấn đề mà các nhà sử học, ngoại giao, quân sự, các nhà luật học chắc chắn sẽ còn phải đi sâu nghiên cứu và phân tích để đánh giá cuộc chiến tranh Việt Nam đúng với tầm vóc của nó.

## **NHỮNG SỰ KIỆN CHÍNH**

### **(1945-1968)**

---

#### **1945**

Ngày 02 tháng 9: Thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

#### **1946**

Ngày 06 tháng 3: Hiệp định sơ bộ được ký giữa Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Cộng hòa Pháp. Pháp thừa nhận Việt Nam là một nước tự do trong Liên hiệp Pháp.

Ngày 31 tháng 5: Chủ tịch Hồ Chí Minh lên đường thăm chính thức nước Cộng hòa Pháp.

Ngày 19 tháng 12: Pháp tiến hành cuộc chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất.

#### **1948**

Ngày 05 tháng 6: Tại vịnh Hạ Long, tướng Nguyễn Văn Xuân thay mặt Bảo Đại và Cao ủy Pháp E. Bôlae ký tuyên bố (bí mật), theo đó Pháp thừa nhận độc lập của Việt Nam.



## **1949**

Ngày 08 tháng 3: Tổng thống Pháp Vanhxăng Oriôn và Bảo Đại ký Thỏa ước Êlidiê, trao trả độc lập cho Việt Nam.

Ngày 01 tháng 7: Bảo Đại thành lập Quốc gia Việt Nam.

## **1950**

Ngày 18 tháng 01: Trung Quốc rời sau đó Liên Xô (30 tháng 01) công nhận và lập quan hệ ngoại giao với nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Ngày 02 tháng 02: Hoa Kỳ chính thức công nhận Quốc gia Việt Nam.

Ngày 08 tháng 5: Hoa Kỳ viện trợ quân sự và kinh tế cho Đông Dương (qua Pháp).

Ngày 02 tháng 8: Thành lập Phái đoàn cố vấn viện trợ quân sự Hoa Kỳ (MAAG) ở Sài Gòn.

Ngày 23 tháng 12: Hoa Kỳ ký Hiệp nghị viện trợ phòng thủ chung với Pháp và “ba nước liên kết” ở Đông Dương.

## **1954**

Ngày 18 tháng 02: Hội nghị Béclin (Hoa Kỳ, Anh, Pháp, Liên Xô) quyết định triệu tập Hội nghị Giơnevơ về Triều Tiên và Đông Dương.

Ngày 07 tháng 5: Pháp thất trận ở Điện Biên Phủ.

Ngày 08 tháng 5: Hội nghị Giơnevơ về Đông Dương khai mạc.

Ngày 08 tháng 9: Ký Hiệp ước Manila thành lập Tổ chức Hiệp ước Đông Nam Á (SEATO) và đặt miền Nam Việt Nam, Lào và Campuchia vào khu vực bảo hộ của tổ chức này.

Ngày 23 tháng 10: Tổng thống Đ.D. Aïxenhao gửi thư cho Thủ tướng Ngô Đình Diệm hứa viện trợ trực tiếp cho chính quyền Sài Gòn.

Ngày 31 tháng 12: Thủ tướng Lào Cạtay D. Xaxôrit cho quân đội tấn công lấn chiếm hai tỉnh Phôngxalỳ và Sầm Nưa do Pathét Lào kiểm soát.

## **1955**

Tháng 01: Hoa Kỳ viện trợ trực tiếp cho miền Nam Việt Nam.

Ngày 12 tháng 01: Hoa Kỳ nắm quyền huấn luyện quân đội Sài Gòn.

Ngày 16 tháng 5: Ký hiệp nghị viện trợ quân sự của Hoa Kỳ cho Campuchia.

Ngày 06 tháng 6: Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đề nghị với chính quyền Sài Gòn hiệp thương hai miền vào ngày 20 tháng 7 để bàn về tổng tuyển cử thống nhất đất nước. Chính quyền Ngô Đình Diệm bác bỏ.

Ngày 26 tháng 10: Thành lập Việt Nam Cộng hòa (miền Nam Việt Nam), Ngô Đình Diệm trở thành tổng thống.

## **1956**

Ngày 11 tháng 01: Chính quyền Ngô Đình Diệm công bố lệnh: an trí hoặc cưỡng bức cư trú hoặc biệt trú những người coi bị cho là nguy hiểm cho quốc phòng và an ninh công cộng.

Ngày 21 tháng 4: Campuchia bác bỏ sự bảo hộ của khối SEATO.

Ngày 21 tháng 6: Ký Hiệp ước về việc Trung Quốc viện trợ kinh tế cho Campuchia.

Ngày 20 tháng 7: Chính quyền Sài Gòn từ chối tổng tuyển cử để thống nhất Việt Nam.

Ngày 10 tháng 8: Thủ tướng Xuvana Phuma và Hoàng thân Xuphanuvông đại diện cho Pathét Lào ký thông cáo chung về nguyên tắc thành lập Chính phủ hòa hợp dân tộc ở Lào.

### **1957**

Ngày 16 tháng 10: Chính phủ Vương quốc Lào và Pathét Lào ký thông cáo chung về việc thành lập Chính phủ đoàn kết dân tộc ở Lào.

Ngày 04 tháng 11: Quốc hội Campuchia thông qua đạo luật về nền trung lập của Campuchia.

### **1958**

Ngày 08 tháng 3: Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đề nghị gặp chính quyền Sài Gòn để bàn việc giảm quân số và trao đổi buôn bán giữa hai miền. Chính quyền Sài Gòn từ chối.

Ngày 22 tháng 7: Chính phủ Xuvana Phuma ở Lào bị lật đổ, Phủ Xananicon lên làm thủ tướng, gạt bỏ các đại biểu Pathét Lào ra khỏi Chính phủ liên hiệp.

### **1959**

Tháng 01: Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng ta: khởi nghĩa giành chính quyền; đấu tranh quân sự kết hợp với đấu tranh chính trị ở miền Nam Việt Nam.

Ngày 06 tháng 5: Chính quyền Ngô Đình Diệm công bố luật 10/59, lập tòa án đặc biệt xử những người chống đối.

Ngày 11 tháng 5: Phủ Xananicon gây lại nội chiến ở Lào và vu cáo Việt Nam Dân chủ Cộng hòa xâm lược Lào.

Ngày 31 tháng 12: Phuni Nôxavăn làm đảo chính, lật đổ Chính phủ Phủ Xananicon ở Lào, đưa Cu Áphay lên làm thủ tướng.

## **1960**

Ngày 09 tháng 8: Đại úy Coongle làm đảo chính ở Lào.

Ngày 17 tháng 8: Hoàng thân Xuvana Phuma lập chính phủ mới ở Lào, tuyên bố theo đường lối trung lập.

Ngày 13 tháng 12: Phuni Nôxavăn chiếm lại Viêng Chăn đưa Hoàng thân Bun Ủm lên làm thủ tướng. Chính phủ Xuvana Phuma lui về Xiêng Khoảng.

Ngày 20 tháng 12: Thành lập Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam. Cuối năm 1960, số nhân viên quân sự Hoa Kỳ ở miền Nam Việt Nam lên tới 900 người.

## **1961**

Ngày 20 tháng 01: Tổng thống J.F. Kennơđi nhậm chức.

Ngày 16 tháng 5: Hội nghị Giơnevơ (gồm 14 nước) bàn về vấn đề Lào khai mạc.

Ngày 04 tháng 6: J.F. Kennơđi gặp N. Khơrúp-xốp - Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô ở Viên (Áo) để thỏa thuận trung lập hóa Lào.

Ngày 16 tháng 11: Hoa Kỳ đưa thêm lực lượng đặc biệt vào miền Nam Việt Nam.

Tháng 12: Số nhân viên quân sự Hoa Kỳ ở miền Nam Việt Nam lên tới 3.200 người.

## **1962**

Ngày 04 tháng 01: Hoa Kỳ và chính quyền Diệm công bố kế hoạch quân sự kinh tế Xtalây - Taylo nhằm bình định miền Nam Việt Nam trong 18 tháng.

Ngày 08 tháng 02: Hoa Kỳ lập Bộ Chỉ huy viện trợ quân sự (MACV) ở Sài Gòn.

Ngày 15 tháng 5: Pathét Lào giải phóng Nậm Thà. Hoa Kỳ đưa 5.000 quân thuộc lực lượng đặc biệt vào Thái Lan, đe dọa can thiệp vào Lào.

Ngày 23 tháng 6: Ba hoàng thân ở Lào thỏa thuận lập Chính phủ ba phái do Xuvana Phuma làm Thủ tướng.

Ngày 23 tháng 7: Hội nghị Giơnevơ về Lào bế mạc và ký văn kiện về nền trung lập của Lào.

Tháng 12: Số quân Hoa Kỳ ở miền Nam Việt Nam lên tới 11.300 người.

## **1963**

Ngày 08 tháng 5: Ngô Đình Diệm đàn áp sinh viên và Phật tử nhân ngày Phật Đản ở Huế. Cuộc đấu tranh của đồng bào theo đạo Phật phát triển ở khắp miền Nam.

Ngày 02 tháng 10: Bộ trưởng Quốc phòng Hoa Kỳ Mắc Namara thăm miền Nam Việt Nam. Ông ta nói: Hoa Kỳ có thể thắng vào cuối năm 1965.

Ngày 01 tháng 11: Đảo chính ở Sài Gòn. Anh em Ngô Đình Diệm - Ngô Đình Nhu bị sát hại. Tướng Dương Văn Minh lên cầm quyền.

Tháng 12: Số quân Hoa Kỳ ở miền Nam Việt Nam lên tới 16.000 người.

## **1964**

Ngày 30 tháng 01: Nguyễn Khánh làm đảo chính lật đổ Dương Văn Minh.

Ngày 01 tháng 02: Bộ Quốc phòng Hoa Kỳ thông qua Chương trình 34-A tấn công bí mật miền Bắc Việt Nam ở trên bộ, trên không và dưới biển do Bộ Chỉ huy Hoa Kỳ ở Sài Gòn điều khiển.

Ngày 17 tháng 3: Tướng Nguyễn Khánh, tướng Phumi Nôxavăn (Lào) cùng bọn phản động ở Campuchia họp ở Đà Lạt nhằm phối hợp hành động mở rộng chiến tranh ở ba nước Đông Dương.

Ngày 19 tháng 4: Đảo chính ở Viêng Chăn do Cupraxit và Si Hổ tổ chức nhằm lật đổ Chính phủ ba phái ở Lào. Xuvana Phuma vẫn được mời giữ chức thủ tướng.

Ngày 21 tháng 5: Xuvana Phuma đồng ý để máy bay Hoa Kỳ do thám và bắn phá vùng Pathét Lào (chiến dịch Ian Ki Tim).

Ngày 02 tháng 6: Hội nghị Hônôlulu: Hoa Kỳ quyết định “Đánh bại quyết tâm và tiềm năng của Bắc Việt Nam, buộc Bắc Việt Nam chấm dứt ủng hộ Việt Cộng.

Ngày 08 tháng 7: Tổng Thư ký Liên hợp quốc Uthan kêu gọi triệu tập lại Hội nghị Giơnevơ về Đông Dương để giải quyết vấn đề Việt Nam.

Ngày 27 tháng 7: Liên Xô đề nghị triệu tập lại Hội nghị Giơnevơ về Lào.

Ngày 02 và 04 tháng 8: Hoa Kỳ dựng nên “Sự kiện vịnh Bắc Bộ” để đổ trách nhiệm cho Việt Nam.

Ngày 05 tháng 8: Máy bay Hoa Kỳ đánh phá các căn cứ của Hải quân Việt Nam Dân chủ Cộng hòa: Cẩm Phả, Hải Phòng, Lạch Trường, Vinh và Đồng Hới.

Ngày 07 tháng 8: Quốc hội Hoa Kỳ trao quyền đặc biệt cho Tổng thống L.B. Giôn-xơn, kể cả việc sử dụng lực lượng vũ trang ở Đông Nam Á.

Ngày 16 tháng 8: Hội đồng tướng lĩnh Sài Gòn bầu Nguyễn Khánh làm Chủ tịch.

Ngày 27 tháng 8: Nguyễn Khánh, Dương Văn Minh và Trần Thiện Khiêm lập chế độ cầm quyền ba người. Cho đến cuối năm 1964 đã diễn ra ít nhất bốn lần thay đổi chính phủ ở Sài Gòn. Ba hoàng thân Lào gặp nhau ở Pari, nhưng cuộc gặp gỡ thất bại.

Ngày 14 tháng 12: Chiến dịch ném bom của Hoa Kỳ ở Lào mang tên Baren Rôn.

Ngày 16 tháng 12: Hoa Kỳ đưa nhiều phi đội máy bay chiến đấu “thần sấm” vào miền Nam Việt Nam.

Tháng 12: Số lượng quân Hoa Kỳ ở miền Nam Việt Nam lên tới 23.300 người.

## **1965**

Tháng 01: Chủ tịch Mao Trạch Đông tuyên bố với nhà báo người Mỹ E. Xnâu: Trung Quốc sẽ không đưa quân sang đánh nhau với Hoa Kỳ ở Việt Nam.

Ngày 27 tháng 01: Hội đồng Quân sự Sài Gòn lật đổ Chính phủ dân sự. Tướng Nguyễn Khánh lại nắm toàn quyền.

Ngày 06 đến 12 tháng 02: Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô A.N. Cồxughin thăm Việt Nam, quyết định tăng viện trợ quân sự và kinh tế cho Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Ngày 07 đến 08 tháng 02: Hoa Kỳ cho máy bay đánh phá vùng Vĩnh Linh và Quảng Bình, mở đầu cuộc chiến tranh phá hoại chống nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa bằng không quân và hải quân.

Ngày 18 tháng 02: Tướng Nguyễn Khánh bị gạt khỏi chức Chủ tịch hội đồng tướng lĩnh ở Sài Gòn.

Ngày 24 tháng 02: Tại cuộc hội đàm Trung Quốc - Hoa Kỳ ở Vác-sa-va, Hoa Kỳ thông báo cho Trung Quốc chính sách hạn chế của Hoa Kỳ ở Việt Nam.

Ngày 07 tháng 3: Những đơn vị chiến đấu Hoa Kỳ đầu tiên đổ bộ vào Đà Nẵng.

Ngày 07 tháng 4: Tuyên bố Bantimo của Tổng thống L.B. Giôn-xơn về việc Hoa Kỳ sẵn sàng “thương lượng không điều kiện”.

Ngày 08 tháng 4: Thủ tướng Phạm Văn Đồng đưa ra lập trường bốn điểm để giải quyết vấn đề Việt Nam.

Ngày 15 tháng 4: Biểu tình ở nhiều thành phố lớn ở Hoa Kỳ đòi chấm dứt ném bom miền Bắc, rút quân đội Hoa Kỳ khỏi miền Nam Việt Nam.

Ngày 24 tháng 4: Ấn Độ đề nghị đưa quân Á - Phi vào giữ khu phi quân sự.



Ngày 12 tháng 5: Hoa Kỳ ngừng ném bom sáu ngày ở miền Bắc để vận động hòa bình.

Ngày 18 tháng 6: Nguyễn Cao Kỳ lên làm thủ tướng, Nguyễn Văn Thiệu làm tổng thống miền Nam Việt Nam.

Ngày 28 tháng 7: Tổng thống L.B. Giônxon quyết định tăng thêm một cách đáng kể quân Mỹ vào miền Nam. Trước mắt, ông ta đưa ngay 50.000 quân vào miền Nam Việt Nam.

Ngày 09 tháng 8: Tướng Oétmolen - Tư lệnh Quân đội Hoa Kỳ ở miền Nam tung lực lượng Hoa Kỳ ra mở cuộc hành quân đầu tiên mang tên *Ánh Sao ở Vạn Tường* (Quảng Ngãi) trong chiến lược “tìm và diệt” của ông ta.

Ngày 15 đến 17 tháng 10: Ủy ban phối hợp hành động chống chiến tranh Việt Nam ở Hoa Kỳ tổ chức tuần lễ phản kháng ở 60 thành phố Hoa Kỳ.

Ngày 15 tháng 12: Hoa Kỳ ném bom nhà máy điện Uông Bí (Quảng Ninh) mở đầu việc đánh phá các cơ sở công nghiệp miền Bắc Việt Nam.

Ngày 24 tháng 12: Hoa Kỳ ngừng ném bom miền Bắc trong dịp lễ Nôen.

Ngày 29 tháng 12: Hoa Kỳ công bố lập trường 14 điểm, cử các quan chức cao cấp đi khắp nơi trên thế giới để vận động hòa bình. Đại sứ Hoa Kỳ ở Miến Điện (Mianma) gặp Tổng Lãnh sự nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa để trao thông điệp.

Đến cuối năm, lực lượng Hoa Kỳ ở miền Nam Việt Nam: 185.000 người.

## **1966**

Ngày 24 tháng 01: Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư cho 60 nguyên thủ quốc gia và thủ tướng các nước trên thế giới.

Ngày 31 tháng 01: Chấm dứt 37 ngày ngừng ném bom miền Bắc Việt Nam. Mỹ đưa vấn đề Việt Nam ra Hội đồng bảo an Liên hợp quốc.

Tháng 4: Tổng thống Ấn Độ đề nghị đưa quân các nước Á - Phi vào miền Nam thay thế quân Mỹ.

Ngày 29 tháng 6: Mỹ ném bom kho dầu Đức Giang ở Hà Nội và kho dầu Hải Phòng, mở đầu bước leo thang đánh vào thủ đô Hà Nội và cảng Hải Phòng.

Ngày 05 tháng 7: Thủ tướng Phạm Văn Đồng tiếp ông Giăng Xanh-toni, đặc phái viên của Tổng thống Pháp Đờ Gôn.

Ngày 07 tháng 7: Thủ tướng Ấn Độ đưa ra kế hoạch 7 điểm để giải quyết vấn đề Việt Nam, trong đó có yêu cầu Hoa Kỳ chấm dứt ném bom miền Bắc Việt Nam.

Ngày 17 tháng 7: Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi chống Mỹ, cứu nước “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”.

Ngày 15 tháng 8: Tại Phnôm Pênh Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam và Campuchia đàm phán về vấn đề biên giới giữa hai bên.

Ngày 31 tháng 8: Tại Phnôm Pênh Tổng thống Pháp Đờ Gôn yêu cầu Hoa Kỳ vạch ra một thời hạn cho việc rút quân Mỹ khỏi miền Nam Việt Nam.

Ngày 19 tháng 9: Thư luân lưu của Giáo hoàng Pôn VI kêu gọi tập trung hoạt động cho hòa bình ở Việt Nam để “tránh tai họa khủng khiếp”.

Ngày 24 và 25 tháng 10: Hội nghị Manila giữa Tổng thống Mỹ và những người đứng đầu các nước có quân tham chiến ở miền Nam Việt Nam.

Ngày 14 và 15 tháng 11: Đại sứ Cabot Lott ở Sài Gòn gặp Đại sứ Ba Lan Lêvandôxki tại nhà Đại sứ Italia Giôvanni Đơclanđi để đưa ra kế hoạch hai giai đoạn A và B giải quyết vấn đề Việt Nam (Vụ Mêrigôn).

Ngày 15 tháng 11: Phiên họp đầu tiên của Tòa án quốc tế Bécơrăng Rútxen họp ở Luân Đôn xét xử tội ác chiến tranh của Hoa Kỳ ở Việt Nam.

Ngày 03 và 04 tháng 12: Hoa Kỳ ném bom ác liệt khu dân cư Hà Nội.

Ngày 13 và 14 tháng 12: Hoa Kỳ ném bom ác liệt nội thành Hà Nội.

Ngày 30 tháng 12: Bộ trưởng Ngoại giao Anh Giócgiơ Brao đề nghị Hoa Kỳ, Bắc Việt Nam và chính quyền Sài Gòn gặp nhau trên lãnh thổ Anh để bàn chấm dứt chiến tranh.

Cuối năm: Quân Mỹ ở miền Nam Việt Nam lên đến 389.000 người.

## 1967

Ngày 02 tháng 01: Thủ tướng Phạm Văn Đồng tuyên bố với nhà báo Mỹ Harixon Xônxbơri của tờ *Thời báo Niu Oóc* tại Hà Nội “bốn điểm là cơ sở cho một giải pháp, không phải điều kiện cho việc nói chuyện”.

Ngày 10 tháng 01: Đại biện lâm thời Việt Nam Dân chủ Cộng hòa Lê Trang ở Mátxcơva gặp đại diện Hoa Kỳ I. Góttơrai theo yêu cầu của phía Hoa Kỳ.

Ngày 12 tháng 01: Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp hai ông H.S. Axmôrơ và W.C. Bách thuộc Trung tâm nghiên cứu các thể chế dân chủ ở Hoa Kỳ.

Ngày 28 tháng 01: Bộ trưởng Ngoại giao Nguyễn Duy Trinh tuyên bố: sau khi Hoa Kỳ chấm dứt không điều kiện việc ném bom... nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thì có thể có cuộc nói chuyện giữa Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Hoa Kỳ.

Ngày 06 tháng 02: Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô A.N. Cômăghin thăm Anh. Hai bên bàn vấn đề Việt Nam.

Ngày 08 tháng 02: Tổng thống Giônxon gửi thư cho Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Ngày 14 tháng 02: Hoa Kỳ ném bom trở lại miền Bắc sau bảy ngày ngừng ném bom trong dịp Tết.

Ngày 15 tháng 02: Chủ tịch Hồ Chí Minh trả lời thư của Tổng thống Giônxon.

Ngày 20 và 21 tháng 3: Giônxon và Nguyễn Văn Thiệu gặp nhau ở Guam, nhấn mạnh đến các cố gắng về kinh tế và xã hội bên cạnh nỗ lực về quân sự.

Ngày 19 tháng 4: Hoa Kỳ đề nghị mở rộng khu phi quân sự và tuyên bố sẵn sàng nói chuyện. Hôm sau, Hoa Kỳ ném bom nhà máy điện Hải Phòng.

Ngày 10 tháng 5: Uthan, Tổng Thư ký Liên hợp quốc, kêu gọi Hoa Kỳ chấm dứt ném bom miền Bắc, ông tin rằng sẽ có cuộc nói chuyện trong vòng từ 3 đến 4 tuần lễ sau khi chấm dứt ném bom.

Ngày 19 tháng 5: Hoa Kỳ ném bom nhà máy điện Hà Nội.

Ngày 02 tháng 6: Hoa Kỳ ném bom cảng Cẩm Phả, một tàu Liên Xô trúng bom.

Ngày 20 tháng 6: Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ gửi công hàm cho Liên Xô tỏ ý tiếc nuối về việc tàu Liên Xô bị trúng bom.

Ngày 24 và 25 tháng 7: Hai nhà khoa học người Pháp Hécbe Máccôvích và Raymông Ôbrắc đến Hà Nội.

Ngày 03 tháng 8: Giônxon ấn định: mức tối đa quân số Mỹ ở miền Nam Việt Nam là 525.000 người.

Ngày 29 tháng 9: Giônxon đưa ra công thức Xan Antôniô: về điều kiện nói chuyện với Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Ngày 20 tháng 11: Tòa án quốc tế Béc tơrăng Rút xen họp phiên thứ hai ở thủ đô Đan Mạch, lên án Hoa Kỳ phạm tội xâm lược, chống hòa bình và chống loài người.

Ngày 30 tháng 12: Bộ trưởng Ngoại giao nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tuyên bố: Cuộc nói chuyện giữa Hoa Kỳ và Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sẽ bắt đầu sau khi Hoa Kỳ chấm dứt ném bom miền Bắc.

## 1968

Ngày 25 tháng 01: Clác Clíphốt, Bộ trưởng mới Bộ Quốc phòng Hoa Kỳ tuyên bố: nếu Hoa Kỳ chấm dứt ném bom miền Bắc, Việt Nam được tiếp tế bình thường cho lực lượng của họ ở miền Nam.

Ngày 28 tháng 01: Hà Nội tuyên bố thả và giao ba phi công Mỹ bị bắt cho phong trào hòa bình Hoa Kỳ. Ngày 16 tháng 02, ba người này đã tới Viêng Chăn.

Ngày 30 và 31 tháng 01: Lực lượng giải phóng miền Nam bắt đầu tiến hành Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân ở toàn miền Nam.

Ngày 10 tháng 3: Oétmolen xin thêm 206.000 quân.

Ngày 28 tháng 3: H.S. Axmôr và W.C. Bách lại được Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ cử sang Hà Nội.

Ngày 31 tháng 3: Tổng thống Giônxon đọc diễn văn về việc ném bom hạn chế miền Bắc Việt Nam và đề nghị nói chuyện với Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Ngày 03 tháng 4: Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tuyên bố: Sẽ cử đại diện tiếp xúc với đại diện của Hoa Kỳ.

Ngày 02 tháng 5: Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Hoa Kỳ thỏa thuận lấy Pari làm địa điểm tiếp xúc.

Ngày 13 tháng 5: Hội nghị Pari giữa Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Hoa Kỳ chính thức làm việc.

Ngày 08 tháng 8: R. Níchxon được Đảng Cộng hòa chỉ định làm ứng cử viên tranh cử tổng thống.

Ngày 31 tháng 10: Tổng thống L.B. Giônxon tuyên bố: chấm dứt tất cả mọi việc ném bom bằng không quân,

hải quân và bắn phá bằng pháo binh chống miền Bắc Việt Nam bắt đầu từ ngày 01-11-1968.

Ngày 06 tháng 11: R. Níchxơn trúng cử Tổng thống Hoa Kỳ.

Ngày 27 tháng 11: Nguyễn Văn Thiệu chấp nhận tham dự Hội nghị Pari cùng với Hoa Kỳ, Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

### SÁCH TIẾNG VIỆT

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.14, t.15.
2. *Một số văn kiện của Đảng về chống Mỹ, cứu nước*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1985, 1986, t.I.
3. Lê Duẩn: *Thư vào Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1985.
4. *Thắng lợi có tính thời đại và cuộc đấu tranh trên mặt trận đối ngoại của nhân dân ta*, Viện Quan hệ quốc tế, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1980.
5. *Sự thật về quan hệ Việt Nam - Trung Quốc 30 năm qua*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1980.
6. Bộ Ngoại giao Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Bộ Ngoại giao Liên Xô: *Việt Nam - Liên Xô - 30 năm quan hệ 1950-1980*, Nxb. Tiến bộ, Mátxcova, 1983.
7. U. Bóc sét: *Hồi ký*, Nxb. Thông tin lý luận, Hà Nội, 1985.
8. Giôđép A. Amtơ: *Lời phán quyết về Việt Nam*, Nxb. Quân đội nhân dân Việt Nam, Hà Nội, 1985.



9. Pitơ A. Pulo: *Nước Mỹ và Đông Dương từ Rudoven đến R. Níchxon*, Nxb. Thông tin lý luận, Hà Nội, 1985.
10. *Những sự kiện lịch sử Đảng*, Nxb. Thông tin lý luận, Hà Nội, 1980, t.I.
11. Mai Văn Bộ: *Tấn công ngoại giao và tiếp xúc bí mật*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1985.
12. Báo *Nhân dân* từ năm 1965 đến 1967.

## SÁCH NƯỚC NGOÀI

1. The Secret Diplomacy of the Vietnam War: *The Negotiating Volumes of the Pentagon Papers*, Edited by Georges C. Herring, University of Texas Press, Austin, 1983.
2. *The Pentagon Papers*, By the New York Times, Bantom Books, INC, 1971.
3. *The Pentagon Papers*, The Senator Gravel edition, vol I. II. III. IV, Beacon Press, Boston, 1971.
4. “United States - Vietnam Relations 1945-1967”, Study prepared by the Department of Defense, U.S. Government, Book 12, Washington, 1971.
5. L.B. Johnson: “Ma vie de Président” - texte traduit du: “The Vantage Point”, Edition Buchet Chastel, Paris, 1972.
6. Michael Mclear: “Vietnam: The Ten Thousand Day War”, Thames Methuen, London, 1982.
7. Chester L. Cooper: “The Lost Crusade: America in Vietnam”, Dood - Maad Co, N.Y. 1970.

8. David Kraslow & Stuart H. Loory: "The Secret Search for Peace in Vietnam", Random House, New York, 1968.
9. Towsent Hoopes: "The Limits of Intervention", David Mc Kay Co INC, New York, 1969.
10. Harry S. Ashmore and W.C. Baggs: "Mission to Hanoi", G.P. Putnam's Sons, New York, 1968.
11. W. Manchester: "La Splendeur et le Revê", Histoire de l'Amérique Contemporaine, Tome II, Ed. Robert Laffont, Paris, 1976.
12. Daniel. S. Papp: "Vietnam: The View from Moscow - Peking - Washington", Mc Farland Co. INC, North Carolina, 1981.
13. Jean Sainteny : "Face à Ho Chi Minh", Edition Seghers, Paris, 1970.
14. Claude Dulong: "La Dernière Pagode", Bernard Grasset, Pari, 1989.
15. W.C. Gibbon: "The U.S. Government and the Vietnam War", Congressional Research Service, Washington, 1984, Part I.
16. Robin Clarke : "La Course à la Mort" ou "la Technocratie de la Guerre", Seuil, Pari, 1971.

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Lời Nhà xuất bản</i>	5
<i>Lời nói đầu</i>	7
- Di sản của bốn đời tổng thống	11
- Hai chuyến công cán của Đại sứ J.B. Xibonơ tại Hà Nội	27
- Kế hoạch chiến tranh của một ứng cử viên hòa bình	49
- Từ nước Mỹ, từ khắp nơi	69
- Nỗi lo của Ấn Độ	84
- Đại sứ Côlô và Đại sứ Kinh: Cuộc gặp gỡ không thành	95
- Phái đoàn hòa bình của khối Liên hiệp Anh và sứ giả của Tổng thống Gana N. Cruma	110
- Khi quyết định lao đến cùng vào chiến tranh	139
- Gioócgior La Pira: Hy vọng và thất vọng của chuyến đi Hà Nội	153
- Ngừng ném bom 37 ngày: Nhiều ồn ào nhưng không tác dụng	173
- Mikhalốtxki ở Hà Nội	191
- Thời cơ của Canada	213
- Những phái viên của Pari	227
- Mêrigôn (Bông Cúc vạn thọ)	245
- Nhà báo Mỹ đầu tiên đến miền Bắc Việt Nam	266
	409

- Tôi mời Tổng thống Giônxon đến đây uống trà	294
- Uynxon: Nhà Trắng đã đánh lừa tôi	314
- Sự trung gian của Ôbrắc và Máccôvích	336
- Từ công thức Xan Antôniô đến tuyên bố ngày 31-3-1968	365
<i>Thay lời kết</i>	384
<i>Những sự kiện chính (1945-1968)</i>	390
<i>Tài liệu tham khảo</i>	406



**NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT**, số 6/66 phố Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội  
ĐT: 080.49221 Fax: 080.49222 Email: suthat@xbcteg.vn Website: www.xbcteg.vn

**TÌM ĐỌC SÁCH CỦA  
NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT**

**Trần Mai Hạnh**  
**BIÊN BẢN CHIẾN TRANH 1-2-3-4.75**

**Edward Miller**  
**LIÊN MINH SAI LẦM:**  
**NGÔ ĐÌNH DIỆM, MỸ VÀ SỐ PHẬN NAM VIỆT NAM**

**GS, NGND. Vũ Dương Ninh**  
**CÁCH MẠNG VIỆT NAM TRÊN BÀN CỜ QUỐC TẾ -**  
**LỊCH SỬ VÀ VẤN ĐỀ**



**Giá: 102.000đ**